

Luật gia LÊ ĐỨC TIẾT

VỀ
HƯƠNG ƯỚC
LÊ LÀNG



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Luật gia LÊ ĐỨC TIẾT

**VỀ
HƯƠNG ƯỚC
LÊ LÀNG**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 1998**

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong kho tàng văn hoá đa dạng, đặc sắc của các dân tộc Việt Nam, còn ẩn dấu một dạng di sản văn hoá pháp lý đặc biệt quý giá đó là các hương ước, lệ làng cổ của người Việt Nam.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VII (tháng 6 năm 1993) và Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII đã đề ra nhiệm vụ nghiên cứu hương ước, lệ làng cổ để làm cơ sở cho việc biên soạn và ban hành các hương ước, quy ước mới ở các cơ sở phù hợp với luật pháp của Nhà nước.

Trên cơ sở những tư liệu lịch sử, bằng phương pháp luận duy vật biện chứng, tác giả đã nghiên cứu tính tất yếu về nguồn gốc phát sinh, quá trình diễn biến và tác dụng đa năng của hương ước, lệ làng cổ đối với cuộc sống trong nhiều thế kỷ qua của các cộng đồng cư dân làng xã Việt Nam.

Việc đi sâu nghiên cứu các hương ước, lệ làng cổ đã được tiến hành trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, an ninh - quốc phòng, văn hoá - xã hội và khoa học pháp lý, đúc kết được nhiều kinh nghiệm thực tiễn. Các sử liệu phong phú, đa dạng giúp chúng ta phân tích, làm rõ những điều tích cực để kế thừa và phát huy tác dụng, đồng thời loại bỏ những điểm tiêu cực mang tính áp đặt của hương ước, lệ làng cổ.

Để giúp bạn đọc có tư liệu nghiên cứu, tìm hiểu di sản văn hoá pháp lý của các dân tộc Việt Nam, làm cơ sở cho việc biên

soạn và ban hành các hương ước, quy ước mới phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng địa phương theo cơ chế làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách *Về hương ước, lệ làng* của Luật gia Lê Đức Tiết - Ủy viên thường vụ Ban Chấp hành Hội luật gia Hà Nội.

Trong cuốn sách tác giả đã sưu tầm khá đầy đủ các sử liệu từ những bản hương ước, hương liên, hương lệ, cựu khoán, khoán lệ của các vùng cư dân khác nhau thời cổ. Đồng thời, tác giả còn phân tích, làm nổi bật tính pháp lý cao, có giá trị đối với cuộc sống đương thời, nhằm điều chỉnh các mối quan hệ làng xã trong lịch sử dựng nước và giữ nước của các dân tộc Việt Nam.

Hy vọng cuốn sách sẽ là một tài liệu tham khảo bổ ích, đáp ứng nhu cầu của bạn đọc.

Tháng 5 năm 1998

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI NÓI ĐẦU

Hương ước, lệ làng là một trong những di sản văn hoá pháp lý đặc sắc của nhân dân Việt Nam.

Các công trình nghiên cứu gần đây đã làm sáng tỏ nhiều giá trị truyền thống không thể phủ nhận của hương ước, lệ làng. Nhiều truyền thống tốt đẹp thể hiện đậm nét bản sắc dân tộc Việt Nam, giúp cho con người Việt Nam vượt qua được nhiều thử thách khắc nghiệt của thiên nhiên, của đấu tranh xã hội để giành thắng lợi cuối cùng, đều có cội nguồn từ những nếp sống, nét sống tốt đẹp do hương ước, lệ làng góp phần rèn luyện, tạo dựng nên.

Hương ước, lệ làng Việt Nam có quá trình hình thành, tồn tại và phát triển trong nhiều thế kỷ. Đến nay, có những tài liệu chứng minh được rằng hương ước, lệ làng Việt Nam xuất hiện từ trước thế kỷ XV. Gắn liền với mọi biến cố thăng trầm về kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội của đất nước, hương ước, lệ làng là sản phẩm pháp lý do dân làng tự sáng tạo ra. Các cộng đồng cư dân làng xã đã sử dụng nó làm thước đo chuẩn mực để phân biệt đúng sai, phải trái trong quan hệ giao tiếp, ứng xử. Điều có ý nghĩa tích cực và bổ ích là toàn dân làng biết sử dụng nó vào mục đích bảo vệ sản xuất, bảo vệ thuần phong mỹ tục, bảo đảm an ninh của cộng đồng, chống lại mọi hiểm hoạ từ bên ngoài ập đến. Từ già đến trẻ, người có học cũng như người thất học, quan viên hay dân thường, đàn ông cũng như đàn bà trong

làng, hầu hết, đều nhớ và hiểu hương ước, lệ làng nơi chôn rau cắt rốn của mình. Có những người nhớ đến mức thuộc lòng. Mọi người trong cộng đồng dân cư đều tự nguyện, nghiêm chỉnh tuân thủ nó, bảo vệ sự tồn tại và phát triển của hương ước, lệ làng cho đến những năm đầu thế kỷ XX.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, do có nhiều nguyên nhân, chủ yếu là do ngộ nhận, định kiến sai lệch, do thiếu điều kiện điều tra, nghiên cứu, nên hương ước, lệ làng bị lãng quên.

Từ sau khi Đảng và Nhà nước có chủ trương khuyến khích nghiên cứu để kế thừa, phát huy những truyền thống tốt đẹp, thể hiện đậm nét bản sắc dân tộc, nhiều địa phương trong cả nước đã quan tâm đến việc soạn thảo, ban hành các hương ước, quy ước mới để phục vụ sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

Song vì thiếu điều tra, nghiên cứu đến cội nguồn những mặt mạnh cũng như mặt tiêu cực, những điều có thể tiếp thu để phát triển, những lỗi thời, lạc hậu của hương ước, lệ làng cổ cần tránh, và trước hết là thiếu sự lãnh đạo, hướng dẫn thống nhất, nên nhiều hương ước, quy ước mới được ban hành còn mang nặng tính áp đặt, gán ghép.

Với mục đích góp phần làm sáng tỏ những giá trị đích thực của hương ước, lệ làng trước đây để kế thừa những kinh nghiệm quý báu phục vụ cho sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới, tác giả quyển sách này xin mạnh dạn trình bày những kết quả nghiên cứu và đề xuất những ý kiến của bản thân về chủ đề đã nêu với bạn đọc.

Gạn đục khơi trong, xưa nay vốn là công trình lao động đầy khó khăn, phức tạp như đãi cát tìm vàng, xẻ đá tìm ngọc.

Mong muốn của tác giả thì nhiều, nhưng trí tuệ, tài năng và điều kiện, thời gian nghiên cứu, thể nghiệm rất hạn chế nên không sao tránh khỏi những sai sót.

Tác giả quyển sách này sẽ vô cùng mãn nguyện nếu như những điều trình bày trong quyển sách đem lại cho bạn đọc đôi điều bổ ích trong việc thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước đã được nêu trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam về “Thực hiện tốt các cơ chế làm chủ của nhân dân : làm chủ thông qua đại diện là các cơ quan dân cử và các đoàn thể; làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản, bằng các quy ước, hương ước tại cơ sở phù hợp với luật pháp của Nhà nước Việt Nam”¹.

Tác giả rất biết ơn những chỉ dẫn của bạn đọc về những thiếu sót trong quyển sách, qua đó tác giả có điều kiện được học hỏi, nâng cao thêm trình độ hiểu biết cho bản thân đang có thêm những cống hiến bổ ích cho sự nghiệp phát triển khoa học pháp lý Việt Nam.

TÁC GIẢ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII . NXB Chính trị quốc gia , Hà Nội, 1996 , tr.127

PHẦN MỘT

HƯƠNG ƯỚC, LỆ LÀNG - BỘ TỔNG LUẬT CỦA CỘNG ĐỒNG LÀNG XÃ NGƯỜI VIỆT

I. SƠ LƯỢC LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, TỒN TẠI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HƯƠNG ƯỚC, LỆ LÀNG

Bản sắc của một dân tộc hay phong cách, nếp sống, nét sống của từng người cụ thể không phải bỗng nhiên mà có. Tất cả đều được hình thành, đào thải, tồn tại, phát triển bởi nhiều yếu tố khách quan, chủ quan và qua nhiều năm tháng mới có được. Việc đi sâu tìm hiểu các yếu tố ấy sẽ giúp chúng ta nắm được quy luật của diễn biến, hiểu được nguồn gốc, rút ra được những kinh nghiệm, bài học bổ ích để vận dụng vào cuộc sống hàng ngày .

Việc nghiên cứu, tìm hiểu hương ước, lệ làng Việt Nam cũng phải tuân theo những quy tắc tối thiểu đó .

1. hương ước, lệ làng Việt Nam - một sản phẩm văn hoá pháp lý mang đậm những đặc điểm của lịch sử đấu tranh xã hội và đấu tranh thiên nhiên trong hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam.

Hầu hết người nước ngoài, ngay từ giây phút đầu tiên, khi được đặt chân tới Việt Nam đều sững sờ trước những vẻ đẹp thiên nhiên của đất nước này. Tương phản với cái nóng gay gắt của vùng nhiệt đới là một màu xanh thanh bình bao phủ lên mọi cảnh vật. Bầu trời trong xanh, hồ nước trong xanh, núi ngàn xanh xanh, những cánh đồng, làng mạc, thành thị đắm mình giữa thảm thực vật xanh tươi, một màu xanh mát dịu trải dài đến tận chân trời.

Ít nơi đâu như ở Việt Nam, Xuân, Hạ, Thu, Đông, suốt cả bốn mùa, cây cối đều trở hoa, đơm quả. Mùa nào thức ấy. Quanh năm đều có các loại đặc sản trái cây, thức ăn được chế biến từ các loại quả, củ, rễ, hoặc thịt, cá, tôm, cua. Các loại cây lương thực như lúa, ngô, khoai, đỗ, lạc, được gieo trồng và cho thu hoạch sản phẩm hai, ba vụ trong một năm. Rừng Việt Nam là nơi có nhiều loại dược thảo, gỗ quý, và thú hiếm. Biển, sông, hồ Việt Nam là nơi quần tụ nhiều loại thủy sản ngon, bổ. Lòng đất Việt Nam ẩn giấu nhiều loại khoáng sản với trữ lượng lớn cho khai thác công nghiệp.

Vào những năm trước công nguyên, Việt Nam đã được nhiều người đương thời ở nước ngoài đánh giá là xứ sở phì nhiêu, là nơi có nhiều điều kiện thuận lợi để tạo ra cuộc sống ấm no, sung túc.

Sách An-Nam chí nguyên Trung Quốc do Cao Hùng Trưng viết có đoạn nêu “ ... ruộng đất ở đó¹ màu mỡ, cây

1. Ý của tác giả là nói đến vùng đất Việt Nam ngày nay.

lúa, trồng dâu và chăn nuôi đều thích nghi cả ... Muối trắng, sạch như tuyết. Cánh chim thì đỏ tím đẹp mắt. Vàng thì sẵn ở các châu Phú Lương và Quảng Uyên. Hạt trai sáng thì sẵn ở các xứ Tĩnh An và Vân Đồn. Còn san hô và đồi mồi thì sẵn ở trong biển ..." "... một năm có hai vụ lúa và tám lứa tằm ; dâu và gai có đầy đồng nội, nguồn lợi về cá, muối rất nhiều. Cơm áo được sung túc".

Cho đến những năm vào giữa thế kỷ XX, khi có sự bùng nổ các cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật, giá trị về mặt địa lý kinh tế của Việt Nam càng được nâng lên gấp nhiều lần. Nhiều loại giեն động, thực vật ngày nay đã trở thành quý, hiếm ở một số nước, nhưng tại Việt Nam, chúng chưa bị lạm dụng khai thác. Nhiều nơi còn nguyên vẹn. Lòng đất Việt Nam chưa được thăm dò kỹ lưỡng. Nhiều nhà khoa học dự đoán và tin chắc rằng trong đó còn ẩn chứa nhiều loại khoáng sản rất cần cho nền công nghiệp hiện đại. Với nền kỹ thuật tiên tiến, môi trường Việt Nam được đánh giá là nơi dễ khai thác, ít tốn kém hơn nhiều so với nhiều nước trên thế giới.

Không những vậy, Việt Nam lại ở một vào vị trí của một đầu mối giao lưu thuận tiện cho sự đi về của bốn phương, tám hướng.

Các nhà chiến lược quân sự của thời kỳ mà quân đội được trang bị bằng những vũ khí thô sơ, khi mà sức cơ động của các đoàn quân viễn chinh chỉ dựa vào sức người, sức thú và sức gió, cũng đã nhận ra rằng Việt Nam là một yếu địa. Muốn xuống tận phía Nam, muốn sang được phía Tây, không có con đường nào khác là

phải đi qua lãnh thổ trên bộ và ven biển Việt Nam.

Với phương tiện giao thông, thông tin nhanh nhạy của thế giới đương đại, giá trị địa lý, quốc phòng, quân sự của Việt Nam càng có ý nghĩa chiến lược nổi bật. Việc đi qua vùng đất, vùng trời, vùng biển Việt Nam là con đường ít tốn thời gian và ít chi phí nhất cho mọi cuộc hành trình từ các nước vùng Nam Á lên Bắc Á và ngược lại hoặc qua phía Đông đến tận các nước châu Mỹ, châu Âu .v.v...

Do những giá trị hiển nhiên về mặt địa lý, kinh tế, giao lưu, quốc phòng, quân sự của Việt Nam mà các thế lực bành trướng nước ngoài đều nảy sinh lòng tham muốn chiếm đoạt.

Khi biên soạn sách Lịch triều Hiến chương loại chí, nhà sử học Việt Nam Phan Huy Chú đã viết ra những dòng nhận xét được rút ra từ sự nghiên cứu lịch sử đất nước để lưu lại cho hậu thế những điều cần dặn như sau “ ... là một nơi đô hội lớn ở phương Nam, ruộng cấy lúa tốt, đất trồng dâu tốt, núi sản vàng bạc, biển sản châu ngọc, người ở đâu đến buôn bán cũng làm giàu được cả. Cái tiếng phong phú ấy đồn đi xa, nên Trung Quốc lúc nào cũng nghĩ cách chiếm đất nước của mình, đặt ra quận, huyện để cai trị từ lâu rồi. Lúc chưa lấy được thì nghĩ cách để lấy ; lúc đã lấy được rồi thì không chịu bỏ ra nữa ” .

Từ những năm trước công nguyên, cho đến những năm cuối của thế kỷ XX này vẫn còn những nhà hoạch định chiến lược của nước ngoài còn giữ mãi quan điểm

cho rằng vì Việt Nam là mảnh đất giàu tiềm năng, là đất địa nên cần phải giành lấy hoặc ít ra là buộc được Việt Nam ở vào thế lệ thuộc của nước họ.

Chỉ mới cách đây mấy thập niên thôi, Roito Rút một hạ nghị sĩ Hoa Kỳ được Tổng thống Mỹ Aixenhao giao cầm đầu một phái đoàn sang khảo sát miền Viễn Đông, khi trở về đã báo cáo rằng : “Khu vực Đông Dương vô cùng giàu có về gạo, cao su, than đá và quặng sắt. Vị trí của nó trở thành một chiếc chìa khoá chiến lược cho phần còn lại của Đông Nam Á. Nếu Đông Dương bị mất thì Thái Lan, Mianma sẽ bị lâm nguy cực độ. Malaixia, Xingapo và ngay cả Indônêxia cũng sẽ trở thành sơ hở hơn...”¹

Ngày 29-3-1954, tại Câu lạc bộ báo chí nước ngoài của Mỹ, Phôto Đalét (Foste Dulles) ngoại trưởng Mỹ đã tuyên bố rằng : “ Ngày nay Đông Nam Á là một bộ phận quan trọng của thế giới. Đó là cái mà người ta gọi là **bát cơm**. Đó là khu vực giàu nguyên liệu các loại ”².

Nghiệt ngã biết bao cho dân tộc Việt Nam, khi các quan điểm, lòng tham của các thế lực bành trướng nước ngoài đã trở thành hành động gây chiến. Vào thế kỷ thứ V trước Công nguyên, vua phương Bắc là Câu Tiễn đã sai sứ xuống phương Nam ép vua Hùng thần phục; Vua, dân Lạc Việt không chịu đầu hàng, giặc Ân tràn sang .

Thế là từ buổi đầu dựng nước, khi dân số Lạc Việt

1,2. “ Tài liệu lâu năm gốc ” - lưu trữ tại thư viện Khoa học quốc phòng Việt Nam, tr.183, tr.209.

chưa quá con số nửa triệu người, thì tổ tiên người Việt Nam đã phải cùng nhau đứng lên chống giặc ngoại xâm hung ác, đông và mạnh hơn mình hàng chục lần.

Các triều đại phong kiến phương Bắc trước Công nguyên và sau Công nguyên, từ nhà Ân, nhà Tuỳ, nhà Lương, nhà Đường, nhà Tần, nhà Hán, nhà Tống, nhà Nguyên, nhà Minh, cho đến nhà Thanh là triều đại phong kiến cuối cùng của Trung Quốc, trải qua mấy nghìn năm, triều đại nào cũng xua quân xuống phương Nam chinh phục với mục đích chiếm lấy quê hương, xứ sở của các dân tộc Việt Nam.

Đến thời kỳ của chủ nghĩa tư bản phát triển, thực dân xâm lược của các nước phương Tây lại đến Việt Nam cũng với mục đích cướp đoạt, biến Việt Nam làm thuộc địa và thị trường của họ.

Ít có đất nước nào trên thế giới bị hoạ xâm lăng của ngoại bang một cách dai dẳng trong mấy thiên niên kỷ một cách khốc liệt và đẫm máu như nhân dân Việt Nam đã phải hứng chịu. Suốt cả chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, các dân tộc Việt Nam đã bị phong kiến phương Bắc đô hộ suốt 1000 năm và bị thực dân Pháp đặt ách cai trị gần 100 năm. Để giữ được nước, các dân tộc Việt Nam đã phải tiến hành 18 cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, hàng trăm cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng. Từ thời dựng nước, cho đến nay, nhân dân Việt Nam chưa từng được tận hưởng hoà bình trọn vẹn trong khoảng thời gian kéo dài hơn 100 năm. Có thể kể như ở thế kỷ thứ XIII, chỉ trong vòng 30 năm, nhân dân

Việt Nam đã phải 3 lần tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc để chống lại quân Nguyên Mông, một đội quân xâm lược, khét tiếng hung ác, đã từng chinh phục nhiều nước của hai châu lục Á, Âu.

Ngay trong thời hiện đại, các thế hệ Việt Nam đã phải rùng rã tiến hành các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Nhật, chống Mỹ từ giữa thế kỷ XIX¹ cho đến tận mùa xuân năm 1975 mới làm cho Tổ quốc hoàn toàn giải phóng, mới đuổi được hết kẻ thù xâm lược ra khỏi đất nước. Kể từ ngày 1-9-1858 - ngày thực dân Pháp khởi hấn xâm chiếm Việt Nam đến ngày 30-4-1975, ngày Việt Nam giành lại được độc lập hoàn toàn là 117 năm. Chiến tranh giải phóng vừa được kết thúc đầu năm 1975 thì đến cuối năm 1975 rồi tiếp đến các năm 1976, 1977, 1978, 1979, 1980, 1981 cho đến năm 1985 nhân dân Việt Nam vẫn phải cầm súng để bảo vệ các vùng biên giới quốc gia ở hai phía: Tây nam, phía Bắc và lãnh thổ các đảo ở biển đông thuộc chủ quyền Việt Nam.

Hiện nay, trên thế giới có những nước mà tại đây, nền hoà bình đã từng ngự trị trên mấy trăm năm; hàng mấy chục thế hệ nối tiếp nhau chưa hề biết đến chiến

1. 1847 Hải quân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng rồi bỏ đi. Tình thế cách mạng Pháp không cho phép tư bản Pháp mở chiến tranh lớn ở Viễn Đông. Mười một năm sau (1858) Pháp trở lại chiếm Đà Nẵng. 1859 chiếm Gia định; 1861 chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam bộ. 1872 Pháp đánh chiếm Hải phòng, Hải hung, Nam định. 1874 Vua nhà Nguyễn ký hiệp ước đầu hàng Pháp.

tranh là gì. Thế nhưng ở Việt Nam thì hoàn toàn ngược lại, chiến tranh ngoại xâm là thử thách khắc nghiệt nhất, dai dẳng nhất và là mối đe dọa liên tiếp đối với sự sống còn của dân tộc. Khắp trên đất nước Việt Nam, từ chốn tụ cư đông đúc nơi đô thị cho đến tận các hang cùng ngõ hẻm, từ miền đồng bằng đến vùng sơn cước, không nơi đâu mà không có các vết tích của binh đao từ buổi xa xưa cho đến những dấu vết bom đạn, chứng tích của thời chiến tranh hiện đại còn để lại.

Mối họa ngoại xâm của thời quá khứ, của thời mới qua và có thể ập đến trong tương lai đối với các dân tộc Việt Nam đã có những tác động, ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống, đến tư duy và hành động của con người Việt Nam, kể cả trong lĩnh vực văn hoá pháp lý.

Bên cạnh mối họa ngoại xâm, dân tộc Việt Nam còn phải bền bỉ tiến hành cuộc đấu tranh chống lại thảm họa của thiên tai và những bất lợi của thiên nhiên.

Việt Nam là một đất nước nhỏ hẹp, cho đến thế kỷ XVII, châu thổ sông Hồng là vùng đồng bằng lớn nhất của vương quốc Đại Việt. Toàn bộ lãnh thổ Việt Nam, phần lớn là vùng rừng núi cao nguyên và trung du. Phần bình nguyên là những dải đất hẹp chạy dài ven biển phía đông và dọc hai triền sông ở miền hạ lưu. Hầu hết sông suối của Việt Nam đều bắt nguồn từ các dãy núi phía Bắc, Tây bắc, phía Tây. Trừ các con sông Hồng, sông Cửu long có độ dài hàng ngàn cây số, còn các sông khác đều ngắn hơn. Dòng nước luôn chảy xiết vì chúng

bắt nguồn từ độ dốc cao, qua nhiều thác ghềnh hiểm trở. Trước khi đổ ra biển Đông, giòng nước vẫn giữ gần nguyên tốc độ nơi xuất phát của nó. Về mùa mưa bão hay có lũ lụt, ngập úng. Có nơi như ở các miền thượng du lại hay bị lũ quét. Nước lũ đột ngột dâng lên và quét đi tất cả những gì mà nó gặp phải. Nhưng vào mùa khô thì các dòng sông, suối trở nên khô cạn trong nhiều tháng dài. Việc canh tác gặp phải nạn thiếu nước nghiêm trọng. Chống lũ, chống hạn là công việc quanh năm ngày tháng của người nông dân Việt Nam.

Kết cấu địa hình núi non, sông suối ở Việt Nam còn tạo nên những đặc điểm của các điểm tụ cư của người nông dân ở Việt Nam. Núi, non, rừng rú, sông, suối Việt Nam đã chia ngang, xẻ dọc lãnh thổ Việt Nam thành những mảnh đất nhỏ hẹp. Vì vậy, làng xã Việt Nam trước đây đều là những điểm tụ cư thưa thớt. Theo số liệu thống kê thời thuộc Pháp, các làng xã lớn nhất ở vùng châu thổ có số dân vượt quá con số 5000 người cũng rất ít. Các xã, làng trung bình chỉ có khoảng 2000 người. Làng nhỏ chỉ độ 40-50 người.

Mật độ dân số ở vùng châu thổ sông Hồng trong những năm 30¹:

1. Xem Pierre Goudon : *Les paysans du delta Tonkinois*, Paris 1936, tr. 233. (Tài liệu do Bùi Xuân Đính sưu tầm)

số dân	số làng
Dưới 500 người	2700 làng
Từ 500 - 1000 người	2100 làng
1000 - 2000 người	1600 làng
2000 - 3000 người	405 làng
3000 - 4000 người	137 làng
4000 - 5000 người	39 làng
Trên 5000 người	58 làng

Làng xã Việt Nam đã bao đời nay là đơn vị thấp nhất của hệ thống bộ máy hành chính. Có xã gồm một hai làng, nhưng nhiều xã chỉ có một làng. Vì vậy, làng xã thường được sử dụng như một danh từ ghép. Trong các làng xã, tùy theo địa thế của các điểm tụ cư mà còn được chia nhỏ thành phe, giáp, thôn, ấp, xóm. Người trong một làng thường có quan hệ bà con, họ hàng gần gũi với nhau. Nhiều nơi trong một làng có nhiều họ cùng chung sống. Có làng chỉ có một hoặc hai họ.

Cấu trúc hành chính của làng xã đã hình thành từ buổi xa xưa và tồn tại cho đến ngày nay không mấy thay đổi. Sự thay đổi rõ rệt nhất có lẽ là dân số

ngày càng đông hơn. Làng xã ngày nay có điện, đường, trường, trạm, nhưng vẫn là làng xã. Những nét đặc trưng của làng xã như tổ chức sản xuất của làng xã, thôn ấp; tình làng nghĩa xóm; phong cảnh, cấu trúc của làng như lũy tre làng, mái đình, cây đa, giếng nước; lễ hội làng xã, phong tục làng xã v.v. gọi chung là văn hoá làng xã, trong đó bao gồm cả văn hoá pháp lý làng xã vẫn được bảo tồn cho đến ngày nay.

Ngày nay ở nhiều nước phương Tây, làng xã hầu như đã biến mất và trở thành hiện tượng của quá khứ. Nhưng ở Việt Nam, làng xã vẫn là đơn vị hành chính cơ sở của hệ thống bộ máy hành chính Nhà nước đương đại. Văn hoá làng xã là một bộ phận của nền văn hoá dân tộc, là một trong những minh chứng cụ thể, rõ ràng về tính bền vững của bản sắc dân tộc Việt Nam.

Tính bền vững của văn hoá làng xã Việt Nam, bao gồm cả văn hoá pháp lý; cụ thể là của hương ước, lệ làng hoàn toàn không phải là những yếu tố mang tính ngẫu nhiên. Chúng được hình thành, đào thải, tồn tại, phát triển gắn liền với những đặc điểm của lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước trong hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam.

Nhiều nhà nghiên cứu lịch sử Việt Nam, trong đó bao gồm không những các nhà sử học mà còn có cả các chính khách, các tướng lĩnh quân sự nước ngoài thường tự hỏi về những nguyên nhân thắng lợi trong chiến đấu chống ngoại xâm, về những phẩm chất tuyệt vời của

người dân Việt Nam, của các chiến binh Việt Nam .

Vào năm 1788, trong một chiến dịch lịch sử kéo dài trong năm ngày đêm chiến đấu, Nguyễn Huệ đã đánh tan trên 20 vạn quân Thanh sang xâm lược Việt Nam. Sau trận đại bại đó, Hoà Khôn - một sứ giả triều Thanh được cử ra để đảm nhận công việc ngoại giao với Việt Nam đã phải than thở rằng : “ Từ xưa tới nay chưa có đời nào làm nên công trạng ở cõi Nam. Nhà Tống rồi đến nhà Nguyên, nhà Minh, rốt cuộc đều bị thua trận. Gương cũ hãy còn rành rành ”. (Hoàng Lê nhất thống chí của Ngô Gia Văn Phái) .

Hơn hai trăm năm sau, cũng với tâm trạng giống như Hoà Khôn - sứ thần nhà Thanh, Hăngrê Kitxingơ Bộ trưởng Ngoại giao, nhà hoạch định chiến lược của nước Mỹ trong những năm 1968 - 1973 đã viết : “ Việt Nam đất nước xa xôi, với những ngọn núi và những cánh đồng xanh rì bên một biển xanh biếc, một đất nước hàng ngàn năm nay đã thu hút người nước ngoài như một cục nam châm. Những người nước ngoài này đến đây để tìm kiếm vinh quang nhưng đều vỡ mộng . Họ nghĩ rằng họ sẽ đặt ra những nguyên tắc trong những rừng nhiệt đới và những đồng ruộng đó để rồi trở ra với những thất vọng đắng cay .

Không ít tướng lĩnh quân sự và các nhà chính khách Pháp, Mỹ công khai thừa nhận rằng nguyên nhân chính làm cho họ bị thua ở Việt Nam là do không nghiên cứu tường tận lịch sử Việt Nam , đã đánh giá thấp nền văn hoá Việt Nam. Cho đến nay nhiều người nước ngoài

không lý giải được điều phân vân của chính khách nổi tiếng người Mỹ là Kítxingơ đã từng bộc bạch ra trên giấy trắng mực đen rằng: “Cái gì đã nhen lên trong dân tộc đó những ngọn lửa anh hùng ...”

Đối với người Việt Nam, thì chúng ta đã thấu rõ ngọn nguồn .

Trước hoạ xâm lăng, trước những thảm hoạ của thiên tai, trước những bất lợi của thiên nhiên, người Việt Nam đã biết hợp sức nhau lại để đấu tranh .

“Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh” hoặc “Lũ, lụt thì lút cả làng, cả thiếp lẫn chàng cùng lo” là những câu nói đã biến thành lời ca, tiếng hát. Nó thể hiện sâu sắc tính thực tiễn, sự đòi hỏi nghiêm khắc của cuộc sống người dân Việt trên các mảnh đất của Tổ quốc Việt Nam. Mỗi khi có những biến cố như giặc giã, trộm cướp, thú dữ, thiên tai ập đến thì toàn dân làng phải hợp sức nhau lại mới đối phó được kịp thời . Nhân dân trong các làng xã không thể thụ động trông mong sự chi viện của bên ngoài. Nếu có, thì sự cứu viện đó nhiều lúc đã trở nên quá muộn. Cuộc sống đấu tranh của nhân dân trong các điểm tụ cư manh mún, nhỏ hẹp, bị ngăn cách bởi sự khó khăn về giao thông đi lại đòi hỏi họ phải luôn có sự cảnh giác, phải biết đề phòng từ trước, từ xa. Thời bình, lúc thường, nếp sống, nết sống phải có tổ chức chặt chẽ, phải triệt để tuân theo hương ước, lệ làng thì khi có giặc, có biến, mới đối phó nổi. Làng có cổng làng, xóm có cổng xóm. Làng có điểm canh cổng, canh đê. Việc ra vào làng đều phải tuân theo những nguyên tắc nhất định,

vào những giờ giấc nhất định .

Đây là lý do chính, khiến cho các làng xã Việt Nam và chỉ ở Việt Nam thôi, từ bao đời nay không đơn thuần là những điểm tụ cư về mặt sinh sống, canh tác mà còn là những ổ đề kháng, những pháo đài chiến đấu để phòng thủ, tự vệ, những tổ chức lao động có sự ràng buộc chặt chẽ để tự cứu lấy mình trước khi trời cứu.

Nhiều công trình nghiên cứu về Việt Nam của người nước ngoài đều thống nhất đánh giá rằng các dân tộc Việt Nam rất dũng cảm, anh hùng, bất khuất ; sẵn sàng hy sinh vì quyền lợi dân tộc, kiên trì chiến đấu để đạt được mục đích, không nhân nhượng với kẻ thù của mình nhưng không hiếu sát. Họ sống có tổ chức, yêu chuộng hoà bình và rất mến khách... Không phải chỉ có bạn bè và những người vốn có thiện cảm mà cả những người mà trước đây là những người chống lại Việt Nam cũng đều có những đánh giá tương tự.

Họ cho đó là truyền thống, đặc tính dân tộc của con người Việt Nam . Những truyền thống, đặc tính đó xét cho đến cùng đều do những yếu tố khách quan, cùng với những yếu tố chủ quan tạo nên .

Giả thiết rằng người Việt Nam không có tinh thần bất khuất, không biết tổ chức nhau lại thì dân tộc Việt Nam đã biến khỏi trái đất từ lâu rồi .

Hãy lấy cây tre làm minh chứng .

Tre là loại thảo mộc phổ biến ở nhiều nước Châu Á. Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Mianma, Thái Lan,

Malaisia,... đều có tre mọc. Nhưng không nơi đâu, kể cả ở Lào và Campuchia là hai nước gần gũi Việt Nam, cây tre lại có nhiều tác dụng và gắn bó chặt chẽ với cuộc sống của con người như ở Việt Nam .

Ở Việt Nam tre là loại vật liệu đa năng. Tre được dùng làm nhà che nắng, che mưa. Tre được dùng làm ghế, làm giường, làm chõng cho người nằm, ngồi, để làm thành võng, làm nôi cho mẹ ru con, cho bà ru cháu. Tre được đan làm sọt, làm bồ đựng thóc, ngô, khoai, sắn. Tre được chế tác thành các dụng cụ săn, bắn, hái, lượm . Tre được dùng làm đồ mỹ nghệ. Tre được các bàn tay vàng biến thành nhạc cụ. Sáo diều vi vút giữa trưa hè làm cho tâm hồn con trẻ bay bổng đến tận chín tầng mây. Sáo trúc, sáo tre, đàn không pút, đàn tơ rưng đã làm say đắm biết bao chàng trai, cô gái trẻ. Điệu múa sạp của nhân dân vùng Tây bắc đã vượt ra khỏi xứ sở của nó để đến với nhân dân nhiều nước trên thế giới. Nhiều người nước ngoài đã biết đó là điệu múa của xứ sở, nơi đã xảy ra trận Điện biên lịch sử . Măng tre là thức ăn ngon của người Việt Nam. Măng tre được chế biến thành một số loại thuốc dân tộc để chữa bệnh . Khó mà thống kê, kể hết tác dụng của cây tre đối với đời sống lao động của con người Việt Nam. Nhưng điều nổi bật hơn cả là cây tre còn được biến thành vũ khí đánh giặc. Chõng tre, mũi tên bằng tre, gậy tầm vông, bẫy tre là những loại vũ khí thô sơ nhưng đã làm cho kẻ thù xâm lược kinh hồn, khiếp vía. Tre được làm thành thuyền nan để chở bộ đội hành quân cơ động qua sông, qua rạch để bất ngờ

giáng đòn sấm sét vào đầu giặc rồi nhanh chóng rút đi mà không để lại chút dấu vết. Đội quân xâm lược có máy bay, có xe cơ giới mà không sao đuổi kịp, không biết nơi đâu để truy tìm. Điều làm cho các đội quân xâm lược nước ngoài hết sức ngạc nhiên và từ chỗ ngạc nhiên ban đầu biến thành nỗi kinh hoàng khi chúng mở những cuộc tấn công vào các làng xã Việt Nam. Hầu hết các làng xã Việt Nam đều được bao bọc bằng lũy tre làng xanh rì. Đứng từ xa nhìn vào thì có cảm giác tre là loại cây mềm yếu, ngọn tre luôn đung đưa theo chiều gió rất dễ mềm mại và đáng yêu.

Nhưng khi đụng đến dân làng thì lũy tre làng biến thành bức tường ngăn giặc rất kiên cố, không có gì có thể chọc thủng, không có một thứ bom đạn nào có thể san phẳng. Trong chiến tranh chống Pháp, nhiều làng xã Việt Nam đã trở thành những làng chiến đấu, những pháo đài bất khả xâm phạm đối với các đội quân viễn chinh được trang bị bằng máy bay, xe tăng và pháo hạng nặng. Trong nhiều cuộc tấn công vào các làng xã Việt Nam, xác giặc đã chồng chất bên các lũy tre làng mà chúng vẫn không đột nhập được vào làng.

Tác dụng đa năng của tre ở Việt Nam không phải bỗng nhiên mà có. Mọi người Việt Nam, từ già đến trẻ, từ thế hệ này sang thế hệ khác đều rất quý mến cây tre. Suốt cả cuộc đời, từ lúc lọt lòng cho đến lúc chết, người nông dân Việt Nam gắn bó chặt chẽ với cây tre. Nhân dân trong các làng xã còn đặt ra những quy ước mang tính bắt buộc tuân thủ đối với mọi người trong việc

trồng tre, bảo vệ tre, khai thác tre, đặc biệt đối với tre làng. Khai thác măng tre vào mùa xuân, chặt trộm tre làng, trổ lối ra vào qua luỹ tre làng đều là những hành vi bị nghiêm cấm tuyệt đối. Mượn gió bẻ măng bị coi là hành vi của kẻ bất lương. Các quy ước về cây tre trở thành một bộ phận của tổng thể các quy ước của làng xã mà được gọi là hương ước, lệ làng ra đời là do vậy.

Một minh chứng khác :

Khác với nhiều nơi trên thế giới, trong các làng xã Việt Nam, tồn tại một hệ thống thông tin liên lạc tuy thô sơ nhưng đa dạng và tinh tế của cộng đồng. Dụng cụ dùng để thông tin liên lạc bao gồm trống, mõ, thanh la, ốc biển, chiêng công, tù và, cờ hiệu .v.v... Mỗi loại dụng cụ thông tin lại có những quy định khác nhau như : tiếng trống hội làng, tiếng trống ngày lễ, tiếng trống hát chèo, tiếng trống cuộc đua, tiếng trống điểm canh, tiếng trống báo động, tiếng trống gọi người. Đối với các loại dụng cụ thông tin khác cũng vậy. Dân trong làng dễ nghe tiếng trống, tiếng mõ, tiếng tù và, tiếng ốc thổi lên, lập tức phân biệt được việc vui hay việc buồn, việc thu thả hay việc dồn gấp để có những ứng xử cho hợp với hoàn cảnh.

Nghe tiếng trống chèo rộn rã, già, trẻ, trai, gái trong làng mặt mày hơn hởi kéo nhau ra sân đình xem hát. Khi tiếng tù và, tiếng trống điểm canh cất lên, không gian chìm dần trong tĩnh lặng. Cuộc sống của dân làng đi vào chiều sâu. Tiếng mõ, thanh la gọi dân làng đi làm việc công ích vang lên thì già cũng như trẻ, người đã hết

tuổi lao động cũng như trẻ em chưa đến tuổi lao động đều hăm hở ghé vai cùng với những người trong độ tuổi lao động đắp lại đường làng thêm sạch đẹp, nạo vét mương máng, khơi nguồn cho dòng nước thêm lưu thông hoặc đắp đất cho bờ đê thêm cao, thêm vững chắc. Nghe tiếng trống, tiếng thanh la, tiếng tù và báo hiệu có đê vỡ, có cháy, có trộm cướp, giặc giã đột nhập vào làng thì mọi người trong làng đều cầm lấy vũ khí và chạy đến địa điểm tập kết đã được định sẵn để chủ động ứng phó với tình hình.

Đã bao đời nay, cuộc sống của người nông dân sau lũy tre làng là cuộc sống cộng đồng, cuộc sống có tổ chức được gắn bó với nhau bởi nhiều quan hệ xã hội rất chặt chẽ. Đó là các loại quan hệ bà con, họ hàng, người cùng làng cùng xóm khi tối lửa tắt đèn có nhau, lúc bình yên, lúc hoạn nạn bên nhau, lúc vui, lúc buồn chia sẻ cùng nhau... Hoàn toàn có cơ sở để nhận xét như một số sử gia người phương Tây đến Việt Nam từ những thế kỷ trước đã viết rằng : " ... dân tộc này đã sống trong một xã hội thuần thực có tổ chức trong khi những người phương Tây còn ở tình trạng bán khai..."¹

Người Việt Nam trong các cộng đồng dân cư nông thôn từ xa xưa đã thấy được mối liên quan tùy thuộc giữa ý thức với hành động và quy tắc xử sự. Người nông dân Việt Nam đã ý thức được rõ ràng là họ đã sinh ra

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, tr.426.

rồi lớn lên và phải đấu tranh để tồn tại, phát triển trên những mảnh đất như thế nào, trong những hoàn cảnh, điều kiện như thế nào.

Sự đồng lòng, đồng sức - tức những hành động cụ thể của họ bắt nguồn từ những ý thức rõ ràng và sâu sắc về hoàn cảnh của đất nước mình. Nhưng để cho sự đồng lòng, đồng sức ấy được duy trì một cách bền vững thì nhất thiết phải có quy tắc ứng xử rõ ràng. Phải chăng đây chính là bí quyết làm cho số ít người, khi hành động, thì thu được kết quả nhiều hơn, tốt hơn khi có đông người mà kém tổ chức, khi chiến đấu thì số ít người lại thắng bên có nhiều người nhưng kỷ luật lỏng lẻo. Các tướng lĩnh quân sự tài ba thường ghi lòng, tạc dạ bài học này. Do vậy, họ luôn luôn giành được chiến thắng trên chiến trường.

Ý thức đúng đắn phải được biến thành hành động cụ thể. Đến lượt nó, hành động cụ thể phải được ràng buộc bằng những quy tắc xử sự rõ ràng. Đó là những dấu hiệu đặc biệt của một xã hội có tổ chức. Trình độ tổ chức ở đây đã phát triển đến trình độ nghệ thuật. Hương ước, lệ làng ra đời là minh chứng của xã hội có tổ chức cao.

2. Những bước thăng trầm của hương ước, lệ làng :

Hương ước, lệ làng của Việt Nam - những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc phải tuân thủ của cộng đồng cư dân nông thôn Việt Nam ra đời từ những năm xa xưa, tồn tại và phát triển cho đến tận ngày nay tuyệt nhiên không phải là sáng kiến của một bậc vĩ nhân nào hoặc

của một địa phương riêng lẻ nào. Đó là sự sáng tạo tập thể của quần chúng nhân dân, của các dân tộc trong những hoàn cảnh, điều kiện đặc biệt của lịch sử như của Việt Nam đã có trong thực tiễn. Khắp các tỉnh vùng châu thổ sông Hồng- địa bàn của cư dân Lạc việt thời vua Hùng, cho đến các tỉnh thuộc vương quốc Đại việt vào các thế kỷ XVII, XVIII đều có các hương ước, lệ làng. Công việc sưu tầm các hương ước cổ tuy chưa làm được đầy đủ, nhưng đến nay ở tỉnh Hải Hưng đã tìm được : 1500 bản , tỉnh Thái Bình : 400 bản, Hà Nội : 200 bản . Các tỉnh khác đều có nhưng chưa tập hợp, thống kê được hết . Có nhiều bản được lưu lại dưới dạng chữ Hán Nôm chưa được dịch ra chữ quốc ngữ .

Hương ước, lệ làng Việt Nam có từ bao giờ, cho đến nay vì thiếu sử liệu, nên chưa xác định một cách chính xác thời gian ra đời của sự kiện này. ở một đất nước luôn luôn bị nạn ngoại xâm, nhân dân bị coi là đối tượng của chính sách cai trị hà khắc, luôn đứng trước nguy cơ bị đồng hoá, diệt chủng, có thời kỳ các bia đá, các sách vở của người Việt bị đập phá, tiêu huỷ không còn sót nửa chữ, thì việc tìm kiếm chứng tích trong thư tịch cổ quả là một việc mò kim đáy bể. Nhưng may mắn thay, tiếng nói, phong tục, nếp sống, quy tắc xử sự của người Việt cổ thì vẫn còn truyền lại cho đến ngày nay. Vì vậy, việc nghiên cứu truyền thuyết, lịch sử truyền khẩu sẽ giúp chúng ta lần ra manh mối.

Các danh từ : hương ước, tục lệ, hương tục, khoán ước, hương liên, hương lệ, cựa khoán, khoán lệ, điều lệ...

là những tên gọi các quy ước về cuộc sống của người nông dân trong hương thôn đã có trong ngôn ngữ của người Việt cổ xa xưa.

Mặt khác cũng có một vài sử liệu hiếm hoi làm cơ sở cho chúng ta đặt giả thiết về sự có mặt của hương ước, lệ làng của những thời kỳ nhất định.

Các nhà nghiên cứu sử học nước ngoài và Việt Nam đều có biết đến một tình tiết là trong sử liệu của Trung Quốc, còn lưu lại đến ngày nay, có đoạn ghi rằng sau khi đánh bại Hai Bà Trưng (năm 43 thế kỷ thứ I sau công nguyên), Mã Viện có làm sớ tấu lên vua Hán rằng trong các dân tộc Giao chỉ có 10 điểm khác nhau giữa Việt luật và Hán luật.

Xoay quanh sử liệu này có nhiều câu hỏi được đặt ra mà chưa có cứ liệu để giải đáp. Đó là luật thành văn hay chỉ là luật tục ? Ngoài 10 điểm khác nhau, còn có bao nhiêu điểm giống nhau ? Hoặc nói một cách khác Việt luật lúc đó tồn tại dưới dạng nào ? Dẫu chưa có cơ sở để giải đáp một cách rõ ràng các câu hỏi đó, nhưng chúng ta có thể khẳng định rằng xã hội người Việt lúc đó đã có pháp luật rồi. Cuộc sống của người dân Việt Nam thời bấy giờ là cuộc sống có kỷ cương. Trong cuộc sống người Việt đã biết tuân theo những quy tắc xử sự nhất định. Xã hội Việt Nam là xã hội có tổ chức. Chúng ta biết chắc rằng, trước lúc Hai Bà Trưng khởi nghĩa, thì các dân tộc Việt Nam đang rèn, xiết dưới ách cai trị tàn bạo của Thái thú Tô Định là quan cai trị của nhà Hán. Pháp luật lúc đó chỉ có thể là pháp luật của Chính

quyền đô hộ mà thôi. Vậy pháp luật của người Việt mà Mã Viện đề cập đến là pháp luật do ai ban hành ?

Cách đặt câu hỏi như vậy, đưa chúng ta đến kết luận rằng : pháp luật của người Việt lúc đó chỉ có thể là luật tục, tức là các hương ước, lệ làng, hương khoán của các cộng đồng dân cư trong các làng xã mà thôi. Đây chỉ là một giả thiết nhưng là giả thiết có luận cứ rõ ràng .

Lần theo dấu vết lịch sử dân tộc vào những năm sau thế kỷ thứ X, nghĩa là sau khi Việt Nam thoát khỏi đêm dài 1000 năm làm nô lệ cho các triều đại phong kiến phương Bắc để bước vào kỷ nguyên độc lập, tự chủ thì chúng ta lại bắt gặp các minh chứng về sự tồn tại của hương ước, lệ làng đã tồn tại cách đây ít nhất trên 600 năm .

Vào năm 1370, dưới triều Trần Nghệ Tông, Lê Quát- một nho học đã làm bài văn bia ở chùa Chiêu Phúc - nay thuộc tỉnh Hà Bắc trong đó có đoạn ghi: .. nhà Phật lấy họa phúc để cảm động lòng người, sao mà được lòng người tin theo đến thế . Trên từ Vương công, dưới đến dân thường, hể bố thí vào việc nhà Phật dù đến hết tiền của cũng không sển tiếc. Vì ngày nay gửi gắm vào tháp chùa thì trong lòng sung sướng như nắm được khoán ước để lấy sự báo ứng ngày sau .

Đoạn văn trên đây trực tiếp mô tả tâm trạng phấn khởi và lòng tin sâu sắc của người dân khi đem tiền của hiến dâng cho việc cúng phật. Đoạn văn tuy đề cập đến khoán ước với lời lẽ gián tiếp nhưng đã đưa ra một sự so sánh cụ thể về tâm trạng của người dân đối với Khoán

ước . Qua đây, chúng ta thấy người dân tin tưởng vào khoán ước không kém gì lòng tin vào đấng linh thiêng.

Trong các bản hương ước cổ nhất, được soạn thảo và áp dụng từ trước khi thực dân Pháp xâm chiếm nước ta, đã tìm được bản hương ước làng Mộ Trạch thuộc xứ Hải Dương với tên gọi: “Mộ Trạch xã cộ khoán ”. Bản cộ khoán này ra đời từ năm 1665 gồm có 30 điều khoản, còn được bổ sung 16 lần vào các năm : 1679 , 1685 , 1688 , 1690 , 1697 , 1709 , 1717 , 1722 , 1728 , 1731 , 1746 , 1771 , 1772 (hai lần) và 1797 (hai lần). Sau lần sửa đổi cuối cùng, bản cộ khoán này gồm có 82 điều ¹ .

Một vài sử liệu của bản cộ khoán xã Mộ Trạch đã hé mở cho chúng ta về lịch sử hình thành, tồn tại và phát triển của các hương ước cổ của Việt Nam. Bản cộ khoán xã Mộ Trạch ra đời từ năm 1665 và lần sửa đổi cuối cùng là vào năm 1797. Như vậy bản hương ước này có lịch sử tồn tại ít nhất cũng là 132 năm. Sau sửa đổi lần hai vào năm 1797, xã Mộ Trạch vẫn còn tồn tại và lẽ dĩ nhiên bản hương ước vẫn còn và lưu lại đến ngày nay. Do vậy tuổi của nó không chỉ giới hạn ở thời hạn 132 năm mà thôi. Trong 132 năm ấy, hương ước xã Mộ Trạch như đã ghi nhận ở trên đã qua 16 lần (!) sửa đổi, bổ sung. Việc tiến hành sửa đổi, bổ sung không theo một kỳ hạn nhất định, có năm hai lần sửa đổi. Các lần khác thì trên dưới 10

1. Tài liệu sưu tầm của Giáo sư Nguyễn Từ Chi được đăng trong sách : Lệ làng phép nước của Bùi Xuân Đính, NXB Pháp lý, Hà Nội, 1985, tr.189 - 195

năm sửa đổi một lần. Lần lâu nhất là sau 25 năm mới được sửa đổi (1746 - 1771). Sau các lần sửa đổi, bổ sung, số điều khoản của cộu khoán có tăng thêm, nhưng không nhiều. Năm 1665 chỉ có 30 điều khoản, lần sửa đổi cuối cùng có 82 điều khoản .

Khoán hội Tư văn của làng Quỳnh Đôi có 48 điều được bắt đầu biên soạn từ đời Lê, năm thứ ba hiệu Vĩnh thọ (1660) đã qua 28 lần sửa đổi, bổ sung : 1683, 1700, 1733, 1735, 1736, 1741, 1744, 1750, 1756, 1761, 1767, 1772, 1773, 1774, 1783, 1790, 1798, 1800, 1803, 1811, 1829, 1839, 1842, 1844, 1845, 1847 và 1851 .

Các hương ước, lệ làng của cộng đồng dân cư nông thôn Việt Nam, qua minh chứng của bản cộu khoán xã Mộ trạch, Khoán hội Tư văn làng Quỳnh Đôi còn lưu lại ngày nay chứng tỏ nó có lịch sử hình thành, tồn tại và phát triển trải qua nhiều năm tháng. Không phải là hàng chục năm mà hàng trăm năm, được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Trong các làng xã ngày nay vẫn còn lưu giữ các “ tục lệ ” tốt do hương ước, lệ làng thời xa xưa góp phần tạo nên. Sức sống kỳ diệu và ảnh hưởng tốt, lâu dài của hương ước được duy trì chính là do các hương ước, lệ làng thường xuyên được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với các đòi hỏi thay đổi mới nảy sinh trong cuộc sống .

Đến khi nước ta bị thực dân Pháp xâm chiếm, chính quyền cai trị của nước ngoài được thiết lập thì hương ước, lệ làng - một sản phẩm của văn hoá pháp lý làng xã Việt Nam vẫn tiếp tục tác động vào đời sống của dân

làng nhưng lẽ dĩ nhiên gặp phải nhiều chống đối cản trở của chính quyền thực dân. Trong quá trình tiến hành chiến tranh cướp bóc và thực thi chính sách cai trị của chúng, thực dân Pháp hiểu rõ tác dụng của hương ước, lệ làng Việt Nam. Người Pháp nổ súng khởi hấn để xâm chiếm Việt Nam từ ngày 1 tháng 9-1858¹ Đến 6-6-1884 (ngày triều đình nhà Nguyễn ký hiệp ước nhượng đất Nam kỳ cho Pháp làm thuộc địa, nhận sự bảo hộ của Pháp ở hai xứ Bắc kỳ và Trung kỳ, mở đầu thời kỳ mất nước vào tay người Pháp) phải mất 26 năm trời, người Pháp mới chiếm được toàn bộ đất đai Việt Nam. Mặc dầu vậy, cuộc chiến vẫn chưa kết thúc, suốt trong những năm dài từ 1884 cho đến năm 1945, người Việt Nam luôn luôn nổi dậy chống lại người Pháp. Bộ máy chính quyền trung ương của triều đại phong kiến nhà Nguyễn đầu hàng. Nhưng nhân dân trong các làng xã vẫn tiếp tục chống Pháp dưới nhiều hình thức. Người Pháp hiểu rõ rằng tinh thần quật cường, bất khuất, kiên trì, dũng cảm của người Việt Nam, tính cộng đồng của người Việt Nam đều là những đặc tính, phẩm chất bắt nguồn từ ảnh hưởng của hương ước, lệ làng. Đã bao lần chính quyền Pháp ngăn cấm việc duy trì các hương ước, lệ làng nhưng đều không thành công.

1. Hải quân Pháp đã nổ súng vào Đà Nẵng từ 1847 rồi bỏ đi. Tình thế cách mạng Pháp lúc bấy giờ không cho phép tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam. Mười một năm sau (1-9-1858) quân Pháp mới quay lại để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Hương ước, lệ làng đã thấm sâu vào máu thịt của người nông dân Việt Nam.

Không thể xoá bỏ, chính quyền Pháp xoay qua cách cải lương hương ước, bắt đầu từ những năm 20 cho đến đầu những năm 30 của thế kỷ này người Pháp đã ban hành các hương ước mẫu để buộc các làng xã Việt Nam sửa đổi theo các hương ước đó. Trong nội dung cải lương hương ước, người Pháp cố tình bỏ đi những gì mà chúng cho là nguy hiểm đối với chính quyền đô hộ. Chúng đưa vào các điều khoản mới với mục đích làm tha hoá và chia rẽ cộng đồng người Việt ở nông thôn. Đó là những điều khoản phân biệt đẳng cấp, ngôi thứ ở chốn đình trung, khuyến khích việc dùng tiền mua quan, bán tước, đặt ra nhiều lệ khao vọng tốn kém sức người, sức của...

Khách quan mà đánh giá thì chính quyền cai trị người Pháp đã thành công trong việc tha hoá một bộ phận người nông dân Việt Nam bằng cách đẩy họ vào những tranh chấp hiểm khích vụn vặt quanh năm, ngày tháng ở đồng quê vốn rất yên lành và bình dị trước đây, mà quên đi kẻ thù chính của dân tộc là thực dân Pháp. Văn học trong những năm này đã mô tả rất đúng các tệ nạn, thói tục hủ lậu ở hương thôn trong những năm dưới chính quyền thực dân Pháp.

Đến thời kỳ cách mạng tháng 8-1945, hương ước, lệ làng gần như bị lãng quên, tình trạng này xảy ra là do có những nguyên nhân nhất định. Trước hết là do nhân dân rất căm ghét chính quyền thực dân Pháp và chính quyền tay sai. Bọn tham quan ô lại Trung

ương cũng như ở địa phương đã dựa vào các hương ước, lệ làng cải lương để o ép nhân dân, chúng gây ra không biết bao nhiêu tệ nạn ở chốn nông thôn. Hương ước, lệ làng giờ đây trong con mắt của mọi người dân chỉ là những công cụ của bọn cường hào, ác bá ở nông thôn sử dụng để trói buộc, ức hiếp dân lành.

Cách mạng tháng Tám đã đập tan bộ máy chính quyền thực dân và tay sai. Nhân dân xoá bỏ luôn tất cả những gì có liên quan đến bọn cường hào ở nông thôn, hương ước, lệ làng không được nhắc đến là do vậy.

Khi tinh thần cách mạng của quần chúng được phát động và đạt đến cao trào thì tránh sao khỏi bệnh ấu trĩ, tả khuynh, đó là hiện tượng thường xảy ra trong quá trình vận động cách mạng ở nhiều nước. Đối với những người cách mạng mắc bệnh ấu trĩ, tả khuynh thì mọi cái của quá khứ đều cho là lỗi thời và lạc hậu. Do vậy mà hương ước, lệ làng ở thời kỳ này bị đặt ra bên lề của cuộc sống.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, mặc dầu hương ước, lệ làng không được nhắc đến, nhưng ảnh hưởng và tác dụng tích cực của hương ước, lệ làng đã được hình thành trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm trước đây của tổ tiên người Việt Nam vẫn được phát huy. Tác dụng và ảnh hưởng của hương ước, lệ làng đối với sự nghiệp kháng chiến của dân tộc là to lớn, sâu sắc nhiều mặt.

Tinh thần bất khuất trong chiến đấu, tính bền bỉ trong chịu đựng gian khổ, sự hy sinh vô bờ bến của

nhân dân cho sự nghiệp đấu tranh vì sự trường tồn của dân tộc là những đức tính vốn có của người dân Việt Nam mà Đảng và Bác Hồ đã dày công khơi dậy. Cùng với tinh thần phải kể đến khả năng tổ chức và trình độ thiện chiến của người du kích ở nông thôn và người lính ở chiến trường. Những làng chiến đấu nổi tiếng khắp nước trong thời chống Pháp như làng Vật Lại tỉnh Hà Tây ; xã Liên Minh tỉnh Nam Hà ; xã Nam Hồng huyện Đông Anh nay thuộc ngoại thành Hà Nội ; làng Đình Bảng tỉnh Bắc Ninh ; xã Nguyên Xá tỉnh Thái Bình ; làng Nguyễn xã Đông Triều ; xã Hùng Thắng huyện Tiên Lãng thành phố Hải Phòng , làng Cự Nẫm, làng Cảnh Dương ở Quảng Bình, thôn Đạo Đầu, thôn An Trú ở Quảng Trị v.v. thoát đầu là những sáng kiến của nhân dân ở thôn, xã, sau đó được tổng kết và phổ biến ra toàn quốc. Cội nguồn của những sáng kiến vĩ đại này chính là sự tiếp thu truyền thống giữ làng, giữ nước của Tổ tiên người Việt Nam trước đây trong các cộng đồng cư dân làng xã .

Việc phát động, tiến hành và đưa cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện của nhân dân ta trong các cuộc kháng chiến từ cách mạng tháng Tám năm 1945 đi đến thắng lợi là nhờ có sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thiếu sự lãnh đạo của Đảng thì cách mạng không thể thành công. Mặt khác sự lãnh đạo của Đảng được toàn dân hưởng ứng là vì sự lãnh đạo đó đã biết dựa vào cơ sở và phát huy tốt truyền thống vốn có của dân tộc đã được hun đúc nên qua hàng ngàn năm lịch sử, trong đó

có tác dụng của hương ước, lệ làng. Có thể nói rằng đôi khi chúng ta thừa hưởng được thành quả, truyền thống của các thế hệ tiền bối nhưng quên đi nguồn gốc xuất xứ của nó.

Năm 1959 trong một lần về thăm tỉnh Thái Bình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có lần nhắc nhở : “ hương ước là quy ước của làng... đó là những phong tục tốt đẹp của nông thôn nước ta trước đây. Từ sau ngày cách mạng, các chú xoá bỏ hết cả, thế là không đúng. Cách mạng chỉ xoá đi cái xấu, cái dở, còn cái hay cần phải giữ gìn và phát huy”¹.

Lời nhắc nhở, giáo huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh được đưa ra kịp thời. Nhưng chẳng bao lâu, nhân dân ta lại phải tiến hành những cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam và chiến tranh bảo vệ tổ quốc ở miền Bắc trong những điều kiện ác liệt, dài ngày, trên phạm vi và quy mô rộng lớn gấp nhiều lần so với cuộc kháng chiến chống Pháp. Lời huấn thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh về hương ước, lệ làng bị các công việc cấp bách và bế bộn của đất nước cuốn hút đi. Hơn nữa việc khôi phục lại hương ước, lệ làng đòi hỏi phải có sự nghiên cứu công phu, có sự lãnh đạo chặt chẽ mới làm được.

Mặc dầu vậy, hương ước, lệ làng vẫn tồn tại và tiếp

1. Xem bài “ Yêu cầu quản lý Nhà nước đối với việc ban hành và thực hiện hương ước ” của PTS Lê Hồng Sơn đăng trong sách *Chuyên đề về hương ước* do Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý Bộ Tư pháp xuất bản năm 1996.

tục tác động tích cực vào sự nghiệp dựng nước, giữ nước của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước với mức độ cao hơn . Cuộc chiến đấu càng ác liệt thì khí phách anh hùng của nhân dân ở cả hai miền của Tổ quốc càng thể hiện rõ nét hơn . Sự hy sinh về người, về của cho công cuộc kháng chiến của các tầng lớp nhân dân, ở tất cả các độ tuổi có thể nói rằng không có thể lấy gì để đo lường được. Toàn dân đều tuân theo lời kêu gọi kháng chiến của Hồ Chủ Tịch rằng : “ Không có gì quý hơn độc lập - tự do ” .

Có thể có sự phân vân khi gắn những hiện tượng này với tác động của hương ước, lệ làng chăng ? Chúng ta có cơ sở thực tiễn để đánh tan mối nghi ngờ này. Trong suốt những năm dài chiến tranh, có những địa phương có hàng ngàn con em lên đường đi chiến đấu, có nhiều người hy sinh, có nhiều người bị thương, nhưng ở đây tuyệt nhiên không có người đào ngũ. Việc nghiên cứu, tìm hiểu hiện tượng cho thấy tại những địa phương ấy, từ xa xưa trong hương ước, lệ làng đã có những điều quy định rất chặt chẽ về trách nhiệm của gia đình, của làng xóm đối với việc lựa chọn và tiễn đưa người đi làm nghĩa vụ binh dịch, về nghĩa vụ và quyền lợi của người trai tráng đã hoàn thành nghĩa vụ binh dịch khi trở về làng. Ở tại đây, từ xa xưa cho đến nay không hề có người đào ngũ. Việc đào ngũ được xem là một vết nhơ đối với gia đình, dòng họ, xóm làng .

Kế thừa và phát huy truyền thống đó, các địa phương toàn miền Bắc đã đẩy lên các phong trào làng

xóm, quê hương tiễn con em ra trận. Nhân dân cử phái đoàn từ hậu phương lên thăm bộ đội, chiến sỹ tận nơi biên thủy, tại trận địa, tại ngoài đảo xa và đón tiếp, bố trí công ăn việc làm cho những chiến sỹ khi họ hoàn thành nghĩa vụ trở về ... Những việc làm này đã nâng cao tinh thần chiến đấu của bộ đội lên rất nhiều. Nhờ vậy mà Tổ quốc đã huy động được một khối lượng nhân lực, vật lực, tài lực để tiến hành một cuộc chiến tranh tổng lực giải phóng hoàn toàn đất nước.

Mặt khác việc đặt hương ước, lệ làng ra bên lề cuộc sống đã gây ra một số hiện tượng tiêu cực trong nếp sống và nét sống của con người trong xã hội.

Do thiếu kỷ cương, thiếu sự giám sát, đôn đốc của bản thân cộng đồng nên đã nảy sinh tâm lý coi thường dư luận xã hội. Đặc biệt trong thời kỳ có sự chuyển đổi nền kinh tế nước ta sang nền kinh tế thị trường. Vì những lợi ích của cá nhân, của bộ phận mà có người vi phạm đến lợi ích của cộng đồng như những hành vi lấn chiếm đất công, lấn đường, lấn hè, chống đối lại người thi hành công vụ, ngang nhiên làm việc mà pháp luật cấm. Vào thời kỳ này, câu nói “đèn nhà ai rạng nhà ấy” được một số người nhắc đến để tránh sự liên lụy. Người lương thiện sợ kẻ làm càn cũng đã xảy ra.

Các hiện tượng tiêu cực, tội phạm trong xã hội xảy ra ngày càng nhiều chính là do vấn đề tự quản trong nhân dân chưa được nhận thức đầy đủ và chưa có phương hướng, biện pháp giải quyết thích hợp.

Do nhận thức được vấn đề nên việc xây dựng hương

ước và quy ước mới để thực hiện cơ chế “làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản bằng các quy ước, hương ước tại cơ sở phù hợp với luật pháp của Nhà nước”¹ đã được đề ra trong những năm thực hiện chủ trương đổi mới.

Từ khi Đảng và Nhà nước có chủ trương khuyến khích việc nghiên cứu và kế thừa những kinh nghiệm của Tổ tiên về xây dựng nếp sống, nếp sống có kỷ cương ở các cụm dân cư thì nhiều địa phương đã quan tâm đến việc soạn thảo, ban hành các hương ước, quy ước mới.

Việc xây dựng và ban hành các hương ước, quy ước mới trong các địa bàn dân cư được nhìn nhận là một trong những biện pháp hữu hiệu nhằm phát huy rộng rãi phong trào tự quản của nhân dân, động viên nhân dân tham gia tích cực vào công việc quản lý Nhà nước, quản lý xã hội.

Thông qua việc xây dựng và ban hành hương ước, quy ước mới, ở các tỉnh trong cả nước đều có những làng, xã, cụm dân cư đã khẳng định được vai trò chủ động của nhân dân trong việc phát triển sản xuất, bảo vệ an ninh xã hội ở nông thôn, ngành nghề phát triển, số hộ nghèo đói giảm. Ở vùng rừng núi, tệ nạn phá rừng được ngăn chặn có hiệu quả. Ở đô thị trật tự giao thông đường phố được duy trì tốt hơn, nhiều tệ nạn khác cũng giảm bớt.

Lời giáo huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, tr.127.

trong dịp người về thăm nhân dân tỉnh Thái Bình trong năm 1959 giờ đây đang được toàn Đảng, toàn dân thực hiện .

Cũng như mọi hiện tượng xã hội khác, hương ước, lệ làng đã trải qua những bước thăng trầm. Trên con đường phát triển hương ước, lệ làng có thời gian bị ngộ nhận, thành kiến và bị đặt ra bên lề của cuộc sống. Nhưng tất cả đó chỉ là những thử thách, càng được thử thách thì vai trò tác dụng của hương ước càng nổi bật .

Hương ước, lệ làng là một sản phẩm văn hoá pháp lý độc đáo của các dân tộc Việt Nam có quá trình hình thành, tồn tại và phát triển hàng ngàn năm nay. Hương ước, lệ làng tồn tại trong sự giám sát, trân trọng, nâng niu, bảo vệ của cộng đồng, cùng hoàn thiện dần với sự tiến triển của đất nước .

II. HƯƠNG ƯỚC, LỆ LÀNG VỚI PHÁP LUẬT QUỐC GIA

Một quốc gia thống nhất chỉ có một nền pháp luật, pháp luật do Nhà nước là cơ quan duy nhất được quyền ban hành. Đó là thông lệ trong lịch sử các quốc gia trên thế giới .

Riêng ở Việt Nam ta, qua nhiều thế kỷ, có hai loại pháp luật song song cùng tồn tại trong lịch sử dựng nước và giữ nước.

Loại pháp luật thứ nhất, giống như nhiều quốc gia

trên thế giới là do Nhà nước ban hành, loại pháp luật này có hiệu lực bắt buộc phải thi hành trong phạm vi cả nước đối với mọi công dân .

Loại pháp luật thứ hai do cộng đồng cư dân trong các làng xã, thôn xóm tự ban hành và có hiệu lực thi hành trong phạm vi lãnh thổ của những tập thể cư dân đang sinh sống.

Loại pháp luật của những cộng đồng cư dân trong các làng xã của nhiều địa phương khác nhau, qua các thời kỳ lại có tên gọi khác nhau như : hương ước (hương ước làng Thái Bạt, tổng Khê Thượng, huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây); tục lệ (Tục lệ xã Yên Mô Thượng, tổng Yên Mô, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình); hương tục (hương tục làng Ngọc Hà nay thuộc quận Ba Đình, Hà Nội); khoán ước (khoán ước làng Nhật Tân, huyện Thanh Trì, Hà Nội); hương liên (Quyển Đồi sự tích Cổ kim hương liên); hương lệ (Hoa cầu thôn hương lệ); cộu khoán (Mộ Trạch xã Cộu Khoán); hương đoan (hương Đoan, xã Phù Xá Đoài, tổng Phù Xá, huyện Kim Anh, tỉnh Phúc Yên) .

Trong số các tên gọi : hương ước, tục lệ, hương tục, hương đoan, khoán ước, hương liên, hương lệ, cộu khoán, khoán lệ ... thì hương ước là tên gọi được dùng nhiều hơn cả. Hương ước có nghĩa là những điều quy ước trong hương thôn, nhân dân thường gọi một cách nôm na là lệ làng .

Không đợi các nhà nghiên cứu ngày nay có công nhận hương ước, lệ làng là một loại pháp luật hay

không, nhưng từ lâu cư dân ở nông thôn đã thừa nhận đó là pháp luật .

Khoán lệ làng Nghi Tàm nay thuộc Quận Tây Hồ được mở đầu bằng câu : “Khoán lệ của một làng cũng như luật lệ của một nước” . Hương ước làng An Hoà, tổng An Hạ, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông khẳng định : “ Trong làng có khoán ước cũng như Nhà nước có Luật lệ ”. Trong lời tựa của hương tục điều lệ làng Tương Mai, tổng Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông được mở đầu bằng câu : “ Một làng lớn thì ví như một nước, nhỏ thì ví như một hội. Nếu muốn cho sự cai trị một nước, một làng, một hội cho có trật tự, công bằng thì một nước phải có luật lệ một nước, một hội phải có điều lệ một hội, thế thì một làng không có khoán ước của làng hay sao ? ” .

Rõ ràng là hương ước, hương liên, hương khoán, cụ khoán ... đã được những người soạn thảo ra nó, những người sử dụng nó để làm mẫu mực, thước đo phẩm giá, nhân cách, để điều chỉnh các mối quan hệ giữa họ với nhau trong cuộc sống, lao động, để xác định trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền và quyền lợi của cư dân trong làng, trong các cuộc đấu tranh chống thiên tai, trong chiến đấu để bảo vệ an ninh, an toàn của xóm làng để chống lại trộm cướp, giặc giã ... đã đưa ra những luận cứ vững chắc để khẳng định một cách dứt khoát và rõ ràng đó là “pháp luật” của họ .

Nếu thừa nhận rằng hương ước, hương khoán, cụ khoán cũng là một loại “pháp luật” thì loại “pháp luật”

này có mâu thuẫn, chống đối lại pháp luật của Nhà nước không ?

Theo thông lệ, một quốc gia thống nhất chỉ có một loại pháp luật. Loại pháp luật đó chỉ có Nhà nước mới được quyền ban hành. Nhưng ở Việt Nam lại có hai loại pháp luật, theo quan điểm của phái nhỏ gia dưới chế độ phong kiến một nước không thể có hai vua, cũng như mặt đất không thể có hai mặt trời .

Nếu đem so sánh, xét về mọi mặt thì hương ước, hương khoán, cộ khoán rõ ràng là kém thế, kém lực hơn pháp luật nhà vua. Nhưng lạ thay, ở Việt Nam hương ước, hương lệ, hương khoán suốt bao đời nay không hề bị pháp luật nhà vua loại bỏ, hoặc lấn át được nó. Hà Nội là thủ đô của đất nước, ở đây pháp luật, quyền lực nhà vua tác động đến nhân dân một cách nhanh chóng, mạnh mẽ hơn sơ với các vùng xa kinh kỳ. Nhưng công tác sưu tầm các hương ước cổ ở địa bàn này cho thấy hầu hết các xã, làng thuộc nội, ngoại thành Hà Nội ngày nay, trước đây đều có hương ước. Có thể nói rằng ở nơi mà pháp luật nhà vua có nhiều tác động mạnh mẽ nhất, nhanh chóng nhất thì đồng thời tại đó nhân dân càng có ý thức xây dựng và sử dụng hương ước một cách phổ biến, tự giác hơn, gắn bó hơn .

Từ nhiều thế kỷ nay, hương ước, lệ làng ở Việt Nam song song tồn tại cùng với pháp luật của nhà vua. Hai loại "pháp luật" này không phủ định, xung đột, loại bỏ nhau mà tác động hỗ trợ qua lại lẫn nhau khá chặt chẽ .

Sở dĩ có được tình trạng này, là vì :

1. Có sự thống nhất về mục đích.

2. Hương ước, hương khoán là sự bổ sung những gì mà pháp luật Nhà nước chưa quy định hoặc quy định chưa cụ thể.

1. Sự thống nhất về mục đích giữa pháp luật Nhà nước với hương ước, lệ làng

Hương ước, hương khoán tuy có nguồn gốc khác với pháp luật Nhà nước, nhưng không phải là pháp luật của những địa phương cát cứ, có xu hướng ly khai với chính quyền Trung ương. Tuy là hai loại "pháp luật" nhưng đều là pháp luật của một quốc gia thống nhất về nguồn gốc dân tộc, về văn hoá, về quyền lợi các mặt và cùng sống trên một lãnh thổ. Đó là hai loại pháp luật của một nền pháp luật trong một quốc gia thống nhất.

Hương ước làng Cổ Nhuế, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông khẳng định : “ Làng có kỷ luật mới chính dân phong, người có luân lý mới thành nhân cách ”

Trong lời tựa hương ước làng Thổ Khối, tổng Cụ Linh, huyện Gia Lâm có đoạn viết : “ ... làng có luân lý, ăn ở cho phải đạo, có khoán ước ràng buộc cho hợp lệ cũng như Nhà nước có quy thức, luật lệ để khuyên răn, ngăn cấm lòng dân, chính là nghĩa trời đất sinh người đặt nước làm vậy ” .

Lời tựa hương ước làng Tây Mỗ có đoạn viết : “ Đối với làng tức là đối với nước, vì góp làng lại thành nước, làng là gốc nước, làng có hay thì nước mới thịnh vậy ” .

Nghiên cứu kỹ những lời mở đầu mang tính tuyên

ngôn trong các hương ước cổ, như của ba hương ước được nêu ra làm ví dụ, chúng ta không thấy có bất kỳ một sự thách thức nào đối với chính quyền Trung ương hay một sự khuyến khích ly khai nào ra khỏi cộng đồng quốc gia cả. Trái lại, lời tuyên ngôn ở đây mang nội dung rất rõ ràng là vai trò, tác dụng của hương ước đối với cộng đồng cư dân trong nông thôn cũng như vai trò, tác dụng của pháp luật Nhà nước đối với toàn đất nước vậy. Hương ước, lệ làng được đặt ra không ngoài mục đích là để làm cho cuộc sống đi vào nề nếp, kỷ cương chặt chẽ để chỉnh đốn, xây dựng phong tục tốt đẹp, phong cách sống có đạo đức của người dân trong từng làng, xã ở nông thôn cũng như pháp luật Nhà nước đối với toàn dân của quốc gia .

Việc làm này là phù hợp với lòng dân, phù hợp với pháp luật nhà vua, phù hợp với quy luật khách quan của xã hội và tự nhiên - nói theo cách nói của con người hiện đại ngày nay .

Sự thống nhất về mục đích trong ban hành và áp dụng là nguyên nhân chính làm cho hương ước, hương khoán chung sống hài hoà, lâu dài với pháp luật Nhà nước. Đó cũng là một trong những cơ sở để bảo vệ sự thống nhất, gắn bó giữa sự quản lý tập trung thống nhất của Trung ương với việc bảo đảm tính tự quản, tự giác của dân chúng ở địa phương ; để bảo đảm khối đại đoàn kết của dân tộc nhằm chiến thắng các mối hiểm hoạ thường trực là hoạ xâm lăng của nước ngoài và sự khắc nghiệt của thiên nhiên .

2. Hương ước, hương khoán là sự bổ sung những gì pháp luật Nhà nước chưa quy định hoặc quy định chưa cụ thể để áp dụng tại các cộng đồng cư dân ở nông thôn

Nội dung của hương ước, khoán ước cổ đều có những điều quy định trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền và quyền lợi của cơ quan quản lý làng xã, của các công dân trong cộng đồng trên nhiều mặt của đời sống như :

a) Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước như nghĩa vụ đóng thuế, nghĩa vụ binh dịch ... ;

b) Bảo vệ an ninh trật tự ở xóm làng như giữ gìn sự thanh bình trong nông thôn, không đánh nhau, chửi nhau, chống trộm cướp .v.v... ;

c) Phòng chống thiên tai ;

d) Nuôi dưỡng thuần phong, mỹ tục . Bài trừ đồi phong, bại tục ;

đ) Khuyến khích bảo vệ lối sống hướng thiện như giúp đỡ, cứu chữa người tàn tật, cơ nhỡ, tôn kính ông bà, cha mẹ, biết ơn những người có công với đất nước .v.v... ;

e) Việc mua bán, cầm cố ruộng đất, tài sản, việc di chúc, thừa kế, v.v...

Tất cả những vấn đề trên đây đều đã được quy định trong pháp luật Nhà nước. Vậy tại sao trong hương ước, hương khoán, những vấn đề này vẫn còn được nêu ra ? Một sự lặp lại pháp luật Nhà nước chẳng ? Hoàn toàn không phải như vậy, khi chúng ta đi sâu nghiên cứu nội dung của hương ước, hương khoán xã Phù Xá Đoàn, huyện Kim Anh, tỉnh Phúc Yên, là một bản hương ước

cổ được sửa đổi lần cuối vào năm Thành Thái thứ 18 (1906), là một ví dụ. Bản hương đon này được lưu lại dưới dạng chữ Nôm, đã được dịch ra chữ quốc ngữ, gồm có 88 khoản trong đó có những khoản có nội dung như sau :

“Khoản 18 . Việc giữ gìn phần mộ : Phần mộ các tiên nhân, ta nên giữ gìn lẫn cho nhau. Đến tiết chạp thì họp con cháu mà thăm viếng. Lễ phẩm chỉ dùng trầu rượu, không được chia bố mà ăn uống, chỉ đến mộ mà sửa đắp lại (đại quan thì được đắp dài 5 thước, ngang hai thước rưỡi ; tiểu quan đắp tròn 6 thước).

Ai thấy người chủ ruộng nào cày khoét vào mộ thì trình Lý dịch, thủ phiên khám xét, quả thực thì bắt người chủ ruộng phải đắp đền lại như cũ và sửa một coi trầu (10 quả cau) để tạ mộ ấy .

Người nào muốn di mộ táng sang xứ khác cũng nên trình Lý trưởng, thủ phiên chứng kiến, để khỏi sai nhảm .”

“ Khoản thứ 31 . Giải tặng các Cụ thọ từ bảy mươi trở đi : Người nào từ lúc sơ sinh cho đến lúc lên lão, các công việc ở Giáp, ở làng không hề bỏ thiếu việc gì (tác giả nhấn mạnh), đến năm 70 làng tặng một cái áo đơn, thêu bốn chữ : “ thất thập xuân y ”. Đến năm 76 tuổi, làng lại tặng một cái áo đơn nữa (áo bằng the đỏ) có thêu bốn chữ : “ vọng bát xuân y ”. Đến năm 80 tuổi lại tặng một cái áo (áo bằng lương hoa màu huyền) thêu bốn chữ : “ bát thập xuân y ” ; một cái mũ (lược ngoài bằng cấp hoa màu huyền, trong lót bằng vải điều) và một cái quần bằng hoa đỏ.

Đến năm 86 tuổi, làng tặng một bộ mũ, áo, quần như tặng lúc 80 tuổi. Duy mỗi tháng làng cấp thêm một đồng bạc. Đến năm 90 tuổi làng tặng một cái mũ, một cái áo bằng sa huyên, một cái quần bằng chôi đỏ ... Mỗi tháng làng cấp một đồng bạc và một nôi gạo (15 đấu) . Đến năm 96 tuổi trở đi, thì các thứ mũ, áo, quần, tiền gạo đều tăng gấp đôi .

Hàng năm về kỳ hội đồng tháng chạp, Lý trưởng phải kê trình hội đồng có Cụ nào được giải để làng trừ lạy tiền công sắm đồ mừng, rồi Lý, phó trưởng cùng kỳ dịch độ 3 - 5 người thân đệ đến các nhà Cụ kính tặng .”

Năm Bảo Đại thứ 17 tháng 4 ngày 17 (31.5.1942) khoản thứ 31 được bổ sung như sau : “ ở hương đoàn, khoản 31 là nói những ông nguyên xã hay đồng xã hay mẫu quan thủy nhập và có hương sắc mà từ trẻ đến già vẫn giữ bốn phận, khoán làng phép nước không can khoản gì, thời tuổi già mới được cái vinh hạnh ấy. Bằng những người tha hương thủy nhập hay người nào không giữ bốn phận, hoặc phạm phép nước, hoặc can khoán làng thời không được những điều quý báu ấy .”

“ Khoản thứ 51 . Việc đắp rào đường lũy quanh làng và việc canh cổng : Đường lũy quanh làng có khuyết liệt hay trống trải, thủ phiên phải bảo chủ nhà sửa đắp và rào dậu lại như cũ .

Các cổng làng, cổng trước, cổng sau đều chia lượt cho người trong làng canh giữ từ sáng đến tối. Nếu thấy quan, lính hay người dị dạng đi vào đường cái làng, vào cổng nào thời người canh cổng ấy phải đánh năm, ba hồi

mỡ con báo hiệu. Lý dịch, thủ phiên ra nhận khoá cổng làng thì người canh mới được về, bằng trễ biếng để bắt cần để có sự không lành xảy ra thời phải phạt ...”

“ Khoản thứ 53 . Việc đánh cướp và thưởng những người có công : Trong làng nhà nào cũng phải trữ một bó đuốc khô. Ban đêm hễ nghe có hiệu trống mỡ thời phải đem đuốc đuốc cùng sào, giáo ra đứng ở đầu hạng mình cho lý dịch và thủ phiên điểm soát, nếu thiếu thời phải phạt .

Ngộ có cướp phát ở trong làng mà người nào cố sức đánh giữ, bắt được một tên cướp, làng thưởng 5 đồng ; bắt được mấy tên thì tính số mà tăng thưởng. Ai không may bị thương, làng sẽ tùy theo nặng nhẹ cấp tiền phục thuốc và cấp lương ăn từ lúc đầu cho đến khi khỏi, lý dịch phải thường xuyên đến thăm viếng. Như thương nặng mà chết thời trích tiền công 15 đồng, đồng dân tổng táng và khắc tên vào bia công nghĩa, xuân thu tế lễ, lại còn nhiều miễn cho hoặc một người con trai hay một người cháu đích tôn, hay một người em, hay một người cháu gọi bằng chú, bác, suốt đời không phải đóng góp tiền và tạp dịch trong làng để tỏ lòng ưu tuất người đã vì dân mà bỏ mạng .”

“ Khoản thứ 65 . Phụ dịch về việc khuyến nông : Làng ta lấy nghề làm ruộng làm gốc, vậy những việc công ích như đắp bờ khuyến nông cùng xẻ ngòi, đắp đê để giữ nước làm ruộng, thời phụ dịch cứ bắt về điền hộ, không trừ ai (người sang, người hèn, đàn ông, đàn bà đều nên xuất của, xuất công mà làm) .”

“Khoản thứ 70. Việc trừng phạt những đám cãi nhau, đánh nhau : Hàng xóm láng giềng ăn ở với nhau phải nên hoà mục. ở chỗ việc làng những khi ẩm thực phải nên tĩnh túc .

Nếu ai có sự gì bất bình thì trình lý trưởng khu xử, không được tự tiện cãi nhau, đánh nhau . Nếu xử không nghe thì đến ngày Hội đồng đem ra xét xử, người có lỗi phải phạt nặng, người không có lỗi phải phạt kém người có lỗi hai phần. Phạt cả đôi bên để khuyến khích lấy sự làm nhẵn, hoà mục .

Lại xét xem hai người gây sự ấy là người họ nào thời phạt người tộc biểu họ ấy một coi trâu - để mà răn bảo nhau” .

Theo sử liệu của những người cao niên tại địa phương sưu tầm được thì xã Phù Xá Đoài và Phù Xá Đông vốn trước đây là một xã. Xã Phù Xá Đoài có từ thời nhà Đinh (968 - 980). Xã có hai thôn : thôn Đoài và thôn Đông. Đến năm Thành Thái thứ 14 (nhâm dân) 1902 , thôn Đoài trở thành xã Phù Xá Đoài thuộc tỉnh Phủ Lỗ, thôn Đông trở thành xã Phù Xá Đông trực thuộc tỉnh Bắc Ninh. Bài hương đoàn xã Phù Xá Đoài được Cụ Bình bộ thi lang Lê Khắc châm chúc tục lệ cũ rồi soạn lại năm Thành Thái thứ 18 (1906). Đến năm Bảo Đại thứ 17 (3.5.1942) hương đoàn lại có thêm một số bổ sung sửa đổi .

Những điều trích dẫn trên đây là từ bản hương đoàn 1906. Nội dung những điều này cho thấy nó mang những đặc điểm rất rõ nét là của địa phương, xuất phát

từ những nhu cầu cụ thể của địa phương và được soạn thảo dưới một dạng văn phong giản dị, rất dễ hiểu đối với người nông dân. Nội dung điều quy định của hương đoan khá chặt chẽ và cụ thể. Pháp luật Nhà nước dù có cụ thể đến đâu cũng không thể quy định rõ ràng và phù hợp với cuộc sống, chiến đấu, sản xuất ở nông thôn như vậy được.

Đối với những vấn đề đã có pháp luật Nhà nước quy định rồi, nếu xét cần đưa vào quy ước chung của làng xã, thì hương ước cũng có cách làm sáng tạo.

Ví dụ: Trong hương ước xã Hoàn Nha, tổng Hoàn Nha, tỉnh Nam Định về mục trừ gian lận đã có những điều quy định như sau: Điều 59 - “ Những điều Chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc phiện và mở sòng gá bạc lấy hồ thời hương hội phải khám xét, báo luôn trong làng để trừ gian lận”. Điều 60 - “ Ai, hương hội đã báo trước mà còn cố ý phạm cấm thời hương hội báo Lý trưởng bắt tang vật, làm biên bản để giải quan trừng trị”. Điều 61 - “ Những người phạm ấy dù quan chiếu luật trị tội, nhưng mất phong thể làng, thời hương hội phạt không được dự đình trung.”

Như vậy hương ước không lặp lại những điều quy định của pháp luật Nhà nước. hương ước chỉ quy định cách giữ gìn cho làng xóm không phạm vào các điều quy định của pháp luật Nhà nước. Hương ước không dùng hình phạt của Nhà nước mà chỉ dùng hình phạt của cộng đồng nông thôn là cấm không được dự đình trung - một hình thức khai trừ của cộng đồng đối với người vi

phạm. Hình phạt này không làm hao tổn tiền bạc, không gây đau đớn về thể xác nhưng tác động rất mạnh đến tinh thần, danh dự của người cố ý phạm tội. Bị cấm không cho tham dự đình trung là một sỉ nhục khó rửa đối với người phạm tội, khó bào chữa về thanh danh của gia đình, dòng họ do không biết ngăn cấm người trong gia đình, trong dòng họ làm điều trái pháp luật.

Các quy định của hương ước không hề mâu thuẫn lại những quy định của pháp luật Nhà nước. Trái lại qua những điều quy định rất dễ nhớ, dễ hiểu của hương doan, hương ước, ai cũng có thể nhớ được và làm được. Và khi mọi người trong làng đều làm được, đều tuân thủ đúng quy định của hương ước thì kỷ cương, phép nước cũng do vậy mà được giữ gìn nghiêm hơn.

Đây chính là nguyên nhân làm cho hương ước, hương khoán, hương lệ, khoán ước song song tồn tại với pháp luật Nhà nước. Hai loại pháp luật này không phủ định lẫn nhau, không chèn ép, ngáng trở nhau. Trái lại, chúng hỗ trợ, bổ sung cho nhau rất tốt. Hương ước có tác dụng lớn trong việc góp phần giữ gìn kỷ cương, phép nước lại vừa phát huy được tính tự giác, sáng kiến của địa phương một cách sâu rộng, linh hoạt và uyển chuyển để tạo thành sức mạnh vô địch đó là sức mạnh của quần chúng nhân dân.

3. Phép vua thua lệ làng ?

Cho đến tận ngày nay, trong giao tiếp hàng ngày, trong sách báo văn học, thậm chí trong các văn bản của Nhà nước câu nói “ Phép vua thua lệ làng ” không biết

đã được hình thành từ bao giờ, nhưng được nhiều người biết đến, trong đó có cả người nước ngoài và báo chí nước ngoài nêu ra để nói đến tình trạng kỷ cương, phép nước không thống nhất đang có trong xã hội Việt Nam.

Việc nghiên cứu các điều quy định của hương ước, hương khoán cổ hiện đã sưu tầm được cho thấy không hề có một điều khoản nào, quy định nào của hương ước trái với pháp luật Nhà nước.

Việc hương ước, hương khoán có chứa đựng những điều trái với pháp luật Nhà nước là điều khó có thể xảy ra.

Nếu có thì lập tức nó sẽ tạo ra mâu thuẫn, chống đối với chính quyền Nhà nước . Trong trường hợp này dân làng không thể chống lại sự trừng phạt của chức trách .

Các hương ước, hương khoán trước khi ban hành đều có sự xét duyệt của chính quyền. Trong sách Hồng đức Thiện chính thư có đoạn ghi lại rằng Vua Lê Thánh Tông (1442 - 1497) có ra một đạo dụ với nội dung như sau :

- “ Các làng xã không nên có Khoán ước riêng vì đã có pháp luật chung của Nhà nước ;

- Làng nào có phong tục khác lạ thì có thể cho lập khoán ;

- Những người thảo ra hương ước phải là người có trình độ Nho học, có đức hạnh, có chức phận chính thức, có tuổi tác ;

- Khoán ước thảo xong phải được **quan trên kiến**

duyet cho phép hoặc bãi bỏ ; (tác giả nhấn mạnh)

- Khi Khoán ước đã cho phép áp dụng, ai không tuân theo quan trên sẽ trị tội .”

Sử liệu từ thế kỷ XV này cho thấy rằng cách đây năm trăm năm, việc soạn thảo, ban hành hương ước, hương khoán trong các cộng đồng cư dân nông thôn được tiến hành theo những trình tự khá chặt chẽ do nhà vua quy định. Nhà vua không khuyến khích việc làm hương ước, hương khoán một cách tràn lan. Chỉ nơi nào “ có phong tục khác lạ ” mới được lập khoán. Điều này có nghĩa là khoán ước được lập ra trước hết là xuất phát từ đặc điểm, lợi ích của địa phương. Khoán ước phải được quan trên xét duyệt cho phép hoặc bác bỏ. Dưới thời kỳ cải lương hương chính do chính quyền thực dân Pháp tiến hành trong những năm 20, 30 của thế kỷ này, các hương ước cải lương trước khi ban hành, áp dụng cũng đều phải qua sự xét duyệt kỹ càng của chính quyền đô hộ.

Vì vậy các hương ước, hương khoán không thể có những điều quy định trái với pháp luật của nhà Vua hoặc của chính quyền cai trị thực dân Pháp được.

Câu nói “ Phép vua thua lệ làng ” chỉ có thể xảy ra trong quá trình thi hành pháp luật. Nó có thể xảy ra dưới dạng là hành vi lạm dụng quyền lực trong quá trình thi hành hương ước, lệ làng của những người thừa hành công vụ mà thôi.

Thời Pháp thuộc, ở thôn Trung Lễ, xã Đức Trung,

huyện Đức Thọ tỉnh Hà Tĩnh, nhân dân cùng với các chức sắc trong thôn đồng lòng với nhau khai lậu ruộng đất để trốn thuế. Thôn có 450 mẫu ruộng đất nhưng chỉ khai 250 mẫu. Sự việc bị phát giác, chính quyền thực dân Pháp đem số ruộng, đất ẩn lậu tách ra lập thành một thôn mới rồi đưa những người theo đạo Gia tô đến ở. Từ đó nảy sinh mâu thuẫn lương giáo rất sâu sắc giữa nhân dân hai thôn. Thực dân Pháp đã lợi dụng tệ nạn phép vua thua lệ làng này để gây chia rẽ, hiểm khích dân tộc, tôn giáo trong nhân dân Việt Nam.

Hiện tượng ở thôn Trung Lễ, xã Đức Trung, huyện Đức Thọ chắc chắn không phải là hiện tượng duy nhất của tỉnh Hà Tĩnh, càng không phải là hiện tượng cá biệt của toàn quốc dưới thời thực dân Pháp. Chúng ta còn thấy hiện tượng này xảy ra dưới thời của chính quyền cách mạng trong những năm 70, 80 khi một số đội sản xuất nông nghiệp đấu bớt diện tích canh tác, sản lượng để chia nhau trong đội. Hợp tác xã cũng làm như vậy đối với xã. Xã cũng làm như vậy đối với huyện.

Vậy câu nói “ Phép vua thua lệ làng ” là câu nói để chỉ hiện trạng lạm dụng quyền lực của lớp cường hào ở nông thôn Việt Nam trong những năm dưới thời cai trị của chính quyền thực dân Pháp.

Câu nói “ Phép vua thua lệ làng ” còn được nhắc đến nhiều trong những năm sau khi giải phóng hoàn toàn đất nước (1975) cho đến những năm đầu của thập kỷ 90.

Sau khi đất nước thống nhất về một mối nhưng

pháp luật chưa được thống nhất trong cả nước. Do có nhiều nguyên nhân, việc hoàn thiện pháp luật sau khi đất nước đã được thống nhất về mặt lãnh thổ chưa được chú ý xúc tiến một cách kịp thời. Tình trạng thiếu pháp luật để làm cơ sở pháp lý thống nhất cho việc điều hành mọi mặt hoạt động của Nhà nước trong phạm vi cả nước đã diễn ra suốt trong thời kỳ từ 1975 cho đến khi có Hiến pháp 1992. Có những địa phương tỉnh, huyện đã tự ý ban hành các văn bản để lập ra các trạm, đội kiểm tra mang tính ngăn sông, cấm chợ gây trở ngại cho lưu thông hàng hoá. Tình trạng mâu thuẫn, chông chéo giữa pháp luật do địa phương ban hành, do các bộ, các ngành ban hành với pháp luật do chính quyền Trung ương đã xảy ra nhiều trong thời gian này.

Như vậy hiện tượng "phép vua thua lệ làng" là một tệ nạn có thật. Nhưng chỉ xảy ra dưới thời cai trị của thực dân Pháp dưới dạng là những hành vi lạm dụng quyền lực của lớp cường hào trong nông thôn. Dưới chính quyền cách mạng, tình trạng này cũng đã xảy ra trong hệ thống pháp luật của Nhà nước khi công tác lập pháp, lập quy chưa có quy định chặt chẽ, thiếu sự kiểm tra giám sát của cơ quan Nhà nước. "Phép vua thua lệ làng" không chỉ diễn ra ở nông thôn mà còn xảy ra trong các cơ quan Nhà nước ở địa phương, ở các cấp, các ngành.

Nếu công tác hệ thống hoá pháp luật được triển khai một cách đều đặn, công tác kiểm tra, giám sát việc ban hành văn bản pháp quy được tiến hành một cách chặt chẽ, việc xây dựng và ban hành các hương ước nếu được

kiểm tra giám sát đúng mức thì tệ nạn “ phép vua thua lệ làng ” khó có thể tiếp tục xảy ra được.

III. HƯƠNG ƯỚC, LỆ LÀNG - BỘ TỔNG LUẬT CỦA CỘNG ĐỒNG LÀNG XÃ NGƯỜI VIỆT

Cho đến nay vẫn còn có ý kiến cho rằng hương ước, lệ làng Việt Nam cũng là một loại tục lệ, tập tục của nhân dân địa phương mà thôi. Đã là tục lệ, tập tục thì nhân dân nước nào cũng có. Có những tục lệ, tập tục hình thành thì khi con người bước vào thời đại văn minh, nghĩa là cách chúng ta hàng mấy thiên niên kỷ vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Hương ước, hương khoán của cộng đồng cư dân nông thôn Việt Nam có nguồn gốc xuất xứ từ tục lệ, tập tục và mang nhiều dấu ấn của phong tục tập quán từ xa xưa truyền lại, là điều không thể phủ nhận.

Các quy định của hương ước về thờ cúng tổ tiên, thần linh, về ma chay, cưới hỏi v.v.. có thể là rất gần gũi với tục lệ, phong tục, nếu xét về mặt nội dung : Trong pháp luật của Nhà nước cũng có khá nhiều điều được ban hành, áp dụng nhằm bảo vệ thuần phong mỹ tục như trách nhiệm, nghĩa vụ của con cái đối với ông bà cha mẹ; trách nhiệm của thầy thuốc đối với bệnh nhân; trách nhiệm của những người có khả năng, điều kiện mà không cứu giúp người đang bị tai nạn v.v.. Nhưng về hình thức thể hiện thì có sự khác nhau giữa quy phạm

tục lệ, phong tục với quy phạm của pháp luật.

Tục lệ, phong tục là những quy tắc xử sự chỉ tồn tại dưới hình thức truyền miệng, không thành văn. Việc tuân thủ tục lệ, phong tục hoàn toàn dựa vào thói quen, vào sự tự giác của người thi hành. Có những phong tục, tục lệ tự nó mất đi khi nhiều người không thực hiện nữa vì lý do lợi ích vật chất của cá nhân. Các tục lệ không được hệ thống hoá thành cơ cấu ít nhiều chặt chẽ mà chỉ được thể hiện dưới dạng các quy tắc xử sự mang tính rời rạc và tản mạn.

Khác với tục lệ, phong tục, hương ước, hương khoản của một làng, một xã, trước hết là tổng hợp các quy tắc xử sự thuộc nhiều lĩnh vực đời sống, sản xuất, chiến đấu đã được hệ thống hoá lại, được phân thành chương, mục điều, khoản rõ ràng.

Hương ước xã Khương Hạ, Tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông gồm có 287 điều được chia thành hai phần:

Phần thứ nhất gồm 20 khoản :

- Khoản thứ 1 : Hội đồng kỳ mục và Hội đồng trị sự - 26 điều.
- Khoản thứ 2 : Sổ sách công quỹ - 20 điều.
- Khoản thứ 3 : Chánh, phó lý - 6 điều.
- Khoản thứ 4 : Bỏ thu sưu thuế - 9 điều.
- Khoản thứ 5 : Kiện cáo và cãi nhau - 6 điều.
- Khoản thứ 6 : Cất tuần - 16 điều.

- Khoản thứ 7 : Sự cấp cứu - 2 điều.
- Khoản thứ 8 : Sự vệ sinh - 5 điều.
- Khoản thứ 9 : Đê, đường, cầu cống, tre, gỗ - 3 điều.
- Khoản thứ 10 : Sự vệ nông - 3 điều.
- Khoản thứ 11 : Ruộng đất và ao đầm công dân - 3 điều.

- Khoản thứ 12 : Gian lậu và phạm cấm - 5 điều.
- Khoản thứ 13 : Sự giao thiệp - 3 điều.
- Khoản thứ 14 : Sự giáo dục - 1 điều.
- Khoản thứ 15 : Ký ngụ - 3 điều.
- Khoản thứ 16 : Cắt lính - 9 điều.
- Khoản thứ 17 : Sở đình và sinh tử giá thú - 3 điều.
- Khoản thứ 18 : Nuôi trâu bò - 2 điều.
- Khoản thứ 19 : Xâm chiếm lũy giới - 2 điều.
- Khoản thứ 20 : Khuyến miễn và cảnh giới - 7 điều.

Phần thứ hai gồm 14 khoản :

- Khoản thứ 1 : Phong chính trong làng - 2 điều.
- Khoản thứ 2 : Những ngày tiết lễ - 25 điều.
- Khoản thứ 3 : Cách thức tế thần - 39 điều.
- Khoản thứ 4 : Vào làng, đồn ngòi và lên lão - 17 điều.
- Khoản thứ 5 : Giòng quan viên - 10 điều.
- Khoản thứ 6 : Kính biểu - 2 điều.
- Khoản thứ 7 : Ký hậu và giỗ hậu - 10 điều.

- Khoản thứ 8 : Thủ từ, đương đình, đầu giậu - 9 điều.

- Khoản thứ 9 : Nhà sư, từ đến, phú điện, nhạc sinh - 6 điều.

- Khoản thứ 10 : Giá thú, lan giai, hỷ hạ - 7 điều.

- Khoản thứ 11 : Việc hiếu - 13 điều.

- Khoản thứ 12 : Chấp hiệu và đồ tùy - 16 điều.

- Khoản thứ 13 : Cải cát và ký táng - 6 điều.

- Khoản thứ 14 : Đại cương - 17 điều.

Hương ước xã Khương Hạ là một trong số trên hai trăm hương ước cổ mà tác giả tập sách này đã sưu tầm được có số lượng điều khoản lên tới 287 điều, chia thành hai phần và 34 khoản (mục) số xã, làng có hương ước vượt quá 200 điều là rất ít. Phần lớn các xã, làng, thôn có hương ước với số lượng từ 100 đến 150 điều như Tục lệ làng Phúc Xá, Tổng Phúc Lâm, huyện Hoàn Long tỉnh Hà Đông có 117 điều ; hương ước làng Tam Lạc Tổng Phúc Lâm, huyện Hoàn Long tỉnh Hà Đông có 142 điều; hương tục làng Ngọc Hà, Tổng Nội huyện Hoàn Long có 147 điều v.v... Cũng có những xã làng có hương ước với số lượng dưới 50 điều, như hương ước làng An Hoà, Tổng An Hạ, huyện Hoàn Long tỉnh Hà Đông có 36 điều, hương ước xã Kim Thiều, Tổng Nghĩa Lập, Phủ Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh có 40 điều. Hương ước của các làng, xã có trên 200 điều, trên 100 điều thì thường được chia thành các phần, các mục, khoản rồi đến các điều. hương ước các địa phương có trên, dưới 50 điều thì

không chia thành các mục, khoản mà chỉ đánh số thứ tự từ điều đầu tiên cho đến điều cuối.

Dù có được chia thành phần, khoản, mục hay không, nội dung các hương ước của làng, xã đều có những điều quy định thuộc các lĩnh vực đời sống của xã hội thuần nông ở nông thôn. Các lĩnh vực đó là : 1) tổ chức và cách điều hành công việc của bộ máy tự quản của làng xã; 2) việc phân cấp ruộng đất công của làng xã cho các thành viên trong làng; 3) việc giữ gìn an ninh, trật tự của xóm làng như canh phòng chống trộm cướp, hoả hoạn, thiên tai, giặc giã; 4) việc khuyến nông và bảo vệ hoa màu ngoài đồng, trong làng; 5) việc giữ gìn vệ sinh, môi trường, phòng bệnh, chống bệnh; 6) việc ma chay, hôn lễ; 7) việc khuyến học; 8) việc hoà giải, xét xử các vụ tranh chấp, kiện cáo giữa các thành viên trong nội bộ cộng đồng; 9) việc thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước như nộp thuế, đi lính; 10) việc giữ gìn thuần phong mỹ tục của làng xã; 11) việc thờ cúng tổ tiên, những người có công với làng đã chết, thờ cúng thành hoàng tức người sáng lập ra làng xã; 12) việc bảo vệ đường sá, cây trồng, cầu cống, bến đò...

Có thể nhận xét rằng hầu hết các mặt sinh hoạt đời sống của cư dân ở các cộng đồng nông thôn đều có những điều hương ước với nội dung tương ứng được dùng để làm mẫu mực điều chỉnh các quan hệ xử sự. Xét về mặt này hương ước, hương khoán, tục lệ là một sự bổ sung rất cần thiết cho pháp luật Nhà nước khi đem áp dụng vào cuộc sống.

Với cách thể hiện như vậy, hương ước, hương khoán tuy có nguồn gốc từ tục lệ, phong tục nhưng đã lột xác và đã phát triển đến một trình độ cao, như sự trưởng thành của một em bé thiếu niên nay đã trở thành một chàng thanh niên tuấn tú hay như sự lột xác của một con nhộng để biến thành con bướm sắc sảo rồi.

Đi sâu hơn ta cũng thấy quy phạm của hương ước, hương khoán cũng khác xa các quy phạm về phong tục, về đạo đức. Quy phạm của hương ước, hương khoán có đầy đủ các thành phần của một quy phạm pháp luật.

Một quy phạm pháp luật thường có 3 phần :

1. Giả định tức là phần nêu lên những điều kiện làm cho quan hệ nảy sinh, tồn tại, phát triển, hay được chấm dứt.

2. Phần quy định tức là phần định ra những điều : ai được làm hay không được làm, làm như thế nào, làm bằng cách nào tức là phần quy định của hành vi xử sự.

3. Phần chế tài tức là phần quy định trách nhiệm phải chịu của người không làm đúng những điều nêu ra ở phần quy định.

Các quy phạm về phong tục, về đạo đức, về tục lệ thì không có đủ cả 3 thành phần đã nêu, đặc biệt là không có phần chế tài. Vì vậy quy phạm phong tục, đạo đức, tục lệ thường mang tính chất là một lời khuyên. Quy định của hương ước có đủ cả 3 thành phần của một quy phạm pháp luật nên nó có giá trị bắt buộc phải tuân thủ đối với cư dân của làng xã nơi đã ban hành ra hương ước đó.

Ví dụ : Điều thứ 43 hương ước xã Thanh Liệt, Tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông quy định như sau :

“ Gặp lúc cần cấp như thủy, hoả, đạo, tặc... ” - phần giả định “ ... thì tuần 5 thôn, ai có mặt ở nhà, hễ thấy hiệu báo cấp, lập tức đem khí giới hay vật liệu đến ngay chỗ bị nạn mà cấp cứu... ” - phần quy định phải làm “ Nếu ai biếng nhác, hoặc lẫn mặt, hoặc đến nhưng không hết sức cứu trợ mà hương hội xét được đích thực, xã phải phạt từ 0\$10 đến 0\$50¹ ” - phần chế tài.

Điều 46 hương ước làng Lương Quy tổng Cổ Loa, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên quy định :

“ Những đồ dùng của người ốm hay người chết ” - phần giả định “ cấm không được vớt xuống hồ ao ... lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở cạnh hồ ao hay là ở những chỗ mà nước bẩn có thể chảy xuống hồ ao được ” . phần quy định không được làm “ Ai phạm cấm hội đồng phạt 0\$50 - phần chế tài ”.

Các hương ước, hương khoán, tục lệ của nhiều địa phương khác nhau có số lượng điều khoản nhiều ít khác nhau. Nhưng các hương ước, hương khoán đều giống nhau ở một chỗ là nội dung điều chỉnh của nó không phải chỉ trong một hai lĩnh vực mà là hầu hết các lĩnh vực đời sống, hoạt động của một xã hội thuần nông. Nếu đem phân tích theo cách phân loại các ngành luật của

1. Ký hiệu \$ là ký hiệu chỉ đồng bạc Đông Dương thời Pháp thuộc (T.G).

khoa học pháp lý ngày nay thì trong hương ước, hương khoán có nội dung những điều thuộc nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau như luật hành chính : các điều quy định về tổ chức và cách điều hành của bộ máy quản lý làng xã ; luật đất đai : các điều quy định về quân cấp điền thổ ; luật hình sự - các điều quy định về bảo vệ an ninh làng xã ; Luật dân sự : việc hôn lễ .v.v..

Hương ước, hương khoán không tự hạn chế trong một lĩnh vực nhất định. Quan hệ xã hội của con người ở nông thôn từ lúc mới sinh ra đến lúc trưởng thành cho đến lúc trở thành bô lão ; của những quan viên, chức sắc cho đến những người bạch định - người dân thường không có chức vụ gì, lúc đau ốm, lúc gặp bất hạnh, lúc chết đi và cả sau khi chết rồi ; hoạt động của con người trong gia đình, ngoài xã hội, trong sản xuất, trong phòng chống thiên tai, trong đảm bảo an ninh, bảo vệ tài sản trong làng, ngoài đồng, lúc sinh hoạt hội hè ở chỗ đông người, trong giữ gìn thuần phong mỹ tục ; quan hệ giữa cư dân trong cộng đồng với cư dân ngoài cộng đồng ; với vua quan ; trong việc bảo vệ lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài .v.v... đều tìm thấy những điều tương ứng trong hương ước, khoán ước để làm căn cứ phân biệt đúng sai, để tự khẳng định là điều có thể làm hoặc điều bị cấm làm. Nếu người nào cố tình làm trái khoán ước thì sẽ bị làng xử phạt như thế nào ?

Sự cần thiết cho người dân ở nông thôn chỉ cần một văn bản pháp luật, với những điều quy định rõ ràng, dễ hiểu, dễ nhớ và dễ làm để hướng dẫn họ như hương ước,

người dân ở nông thôn đã biết cách tự điều chỉnh mọi hành vi xử sự của mình trong cuộc sống. Chỉ cần không vi phạm khoán ước, làm đúng điều khoán ước quy định, điều này không có gì khó đối với người dân chất phác ở nông thôn, họ đã được cộng đồng quý mến, tin cậy. Họ có quyền tự hào mình thực sự là người dân lương thiện, là người yêu làng xóm quê hương, là người yêu tổ quốc, yêu nòi giống mình.

Việc đánh giá hương ước, hương khoán mang tính chất của một Bộ tổng luật ở nông thôn là sự đánh giá, nhận xét hoàn toàn có căn cứ khoa học.

PHẦN HAI

HƯƠNG ƯỚC, LỆ LÀNG VỚI SỰ NGHIỆP DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC

Trải qua quá trình hình thành, tồn tại và gắn liền với lịch sử phát triển của đất nước, hương ước, lệ làng đã có nhiều tác động và ảnh hưởng sâu rộng đến mọi mặt hoạt động của Nhà nước, của xã hội. Hương ước, lệ làng đã góp phần tạo nên những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và rèn luyện nên những phẩm chất quý giá của con người Việt Nam.

Khó có thể nêu được hết và đánh giá được hết; để có thể có được một sự nhìn nhận mang tính toàn diện, tổng hợp cao, đồng thời vẫn đạt được tính cụ thể trong đánh giá thì có thể xem xét tác dụng của hương ước, lệ làng đối với việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược mang tính cơ bản và lâu dài của dân tộc là nhiệm vụ dựng nước và giữ nước.

I. HƯƠNG ƯỚC, LỆ LÀNG VỚI SỰ NGHIỆP DỰNG NƯỚC

Đối với các dân tộc Việt Nam, do hoàn cảnh lịch sử, sự nghiệp dựng nước luôn luôn gắn liền với sự nghiệp giữ nước. Đây là quy luật tồn tại và phát triển của các dân tộc Việt Nam. Làm tốt sự nghiệp dựng nước không những là tạo tiền đề tốt mà đồng thời thực hiện tốt sự nghiệp giữ nước và ngược lại. Hai nhiệm vụ cơ bản, lâu dài này của dân tộc có sự liên quan chặt chẽ với nhau đến mức khó có thể phân biệt rạch ròi về mặt ảnh hưởng, tác động riêng biệt của từng nhiệm vụ đối với toàn cục. Tuy vậy trong cách thể hiện, sự nghiệp dựng nước và sự nghiệp giữ nước có những đối tượng tác động riêng và được thực thi bằng những việc làm cụ thể khác nhau.

Sự nghiệp dựng nước được thực thi bằng những công việc nhằm làm cho đất nước được vững mạnh ổn định về mặt chính trị - xã hội ; làm cho quốc gia trở nên giàu mạnh về mặt kinh tế, được tiến bộ về mặt khoa học kỹ thuật ; dân trí ngày càng được chấn hưng.

Sự nghiệp giữ nước được thực thi bằng những công việc nhằm làm cho đất nước luôn luôn được chuẩn bị đầy đủ về các mặt quốc phòng như tinh thần cảnh giác, chuẩn bị về vật lực như lương thực, khí giới, chuẩn bị về nhân lực, về tài chính. Đặc biệt về quốc phòng toàn dân luôn có những đội quân tinh nhuệ thiện chiến, có lực lượng hậu bị hùng hậu v.v...

Việc xem xét, đánh giá nhận định vai trò tác dụng của hương ước đối với sự nghiệp dựng nước được triển khai theo các chủ đề như sau :

1. Hương ước, lệ làng với việc phát huy vai trò tự quản của cộng đồng cư dân nông thôn đối với sự nghiệp quản lý làng xã và quản lý đất nước.;

2. Hương ước với vấn đề phát triển sản xuất nông nghiệp;

3. Hương ước với việc nuôi dưỡng thuần phong mỹ tục;

4. Hương ước với vấn đề nâng cao dân trí, dân chí;

5. Hương ước với vấn đề bảo vệ môi sinh, môi trường.

1. Hương ước, lệ làng với việc phát huy vai trò tự quản của cộng đồng cư dân nông thôn đối với sự nghiệp quản lý làng xã và quản lý đất nước

Qua các sử liệu còn lưu lại, tổ chức bộ máy quản lý làng xã ở Việt Nam được hình thành bằng hai cách :

a) Do được bổ nhiệm ;

b) Do dân bầu ra.

Theo Lịch triều Hiến chương loại chí, do Phan Huy Chú biên soạn, có ghi lại những dòng như sau :

“Đầu nhà Trần, Thái Tông bắt đầu đặt các chức Đại tư xã, Tiểu tư xã. Quan từ ngũ phẩm trở lên là Đại tư xã, lục phẩm trở xuống là Tiểu tư xã, cùng với xã trưởng, xã giám, đều là xã quan, giữ việc làm hộ tịch.

Chức vụ cũng xem là quan trọng, các đời sau noi theo không đổi. Đến Thuận Tông, trong đời Quang Thái mới bãi chức xã quan.

Nhà Lê, khi mới dựng nước lại đặt xã quan. Xã lớn 3 người, xã vừa 2 người, xã nhỏ 1 người. Thánh Tông trong đời Quang Thuận (1460 - 1469) đổi xã quan làm xã trưởng. Sau Trung Hưng, trong đời Vĩnh Thọ (1658), lại sai các châu, huyện chọn đặt xã trưởng, xã sự, xã tư. Lấy nho sinh, sinh đồ làm các chức ấy, giao cho chỉnh lý việc làm, khám hỏi các việc kiện cáo. Các quan châu, huyện, thừa, hiến xét những người giữ chức ấy liêm hay tham, siêng hay lười để thăng thưởng hay bãi truất.

Đến giữa đời Cảnh Trị (1663 - 1672) lại sai chọn các con em nhà lương thiện cho làm xã trưởng để dạy dỗ nhân dân trong xã. Hạng 3 năm được xét công việc thì thăng làm huyện quan. Trong đời Bảo Thái (1720) lại định phép khảo khoá. Những xã lớn, xã vừa, xã nhỏ đều định danh số, trấn quan giao cho các xã trưởng coi giữ lăng mạc, thu nộp thuế điền, thuế đinh. Nếu hai lần khảo đều làm việc giỏi sẽ được cất nhắc cho chức phẩm. lệ cử 3 năm xét công một lần. Về sau lâu dần bỏ lệ ấy không thi hành nữa. Những đời Long Đức (1732) Vĩnh Hựu (1735) về sau việc đặt xã trưởng đều do ở dân¹.

Đời nhà Đinh, Tiền Lê, nhà Lý không có sử liệu để

1. Xem *Lịch triều Hiến chương loại chí*, tập II. Quan chức chí, quyển XIII, tr.32. NXB Sử học do Tổ biên dịch Viện Sử học Việt Nam biên dịch và chú giải

khẳng định rằng chức xã quan là do cấp trên bổ nhiệm hay do dân bầu. Thời nhà Trần, nhà Hậu Lê, các vua đầu tiên có đặt ra lệ bổ nhiệm chức xã quan nhưng sau thì bãi bỏ. Nhưng về sau như đã được ghi trong sử liệu là đều do ở dân !

Trong thời kỳ có sự quy định rằng xã quan do quan trên bổ nhiệm thì các xã quan ấy không làm việc một mình . Theo nội dung của các hương ước cổ còn lưu lại thì bên cạnh các xã quan, xã trưởng còn có hàng ngũ các quan viên là những người giữ vị trí, vai trò không nhỏ trong việc quản lý làng xã. Họ là những nho sinh những người đã từng là cựu quan chức của xã, cựu quan chức Nhà nước đã về hưu, những người đại biểu của các dòng họ, những người có công với làng xã đã được làng dành cho ngôi thứ nhất định trong làng xã. Họ là những người đã cùng soạn thảo, thông qua, ban hành và giám sát việc thực hiện hương ước.

Mộ Trạch xã cựu khoán, ban hành từ 1665, tức là vào thời Cảnh Trị (1663 - 1672) khi mà chức xã quan do bổ nhiệm, được mở đầu bằng câu như sau : “ Chúng tôi tất cả thuộc hàng quan viên trên dưới (tác giả nhấn mạnh) của xã Mộ trạch huyện Đường An, Phủ Thượng Hồng, cùng nhau xét bàn để làm sáng tỏ khoán ước ... ”

Điều 27 của Mộ Trạch xã cựu khoán có ghi rõ : “ Xã ta, mỗi khi có việc gì cần, chỉ nghe 3 hồi trống hoặc chuông thì các quan viên , văn thuộc xã trưởng, thôn trưởng, hương lão, trên dưới đều phải tới đình hội đủ mặt để bàn... ” (tác giả nhấn mạnh).

Điều thứ 19. hương ước làng Phú Mỹ, Tổng Mỹ Lâm, huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông quy định. “ Mỗi tháng đúng ngày 16 là kỳ hội đồng hàng tháng. Cứ 8 giờ sáng viên Chánh hương hội lên hiệu trống mở hội đồng ở công sở thì các tộc - giáp biểu phải đủ mặt. Nếu tộc, giáp biểu nào bỏ thiếu làm biên bản vắng mặt, thiếu đến 3 kỳ làm biên bản truất ra ngoài hội đồng, mà họ giáp ấy phải bầu người khác ra thay ” .

Điều này cho thấy rõ rằng ở nông thôn Việt Nam, từ xa xưa đã hoàn thành một nếp sống tốt đẹp do hương ước quy định là nhân dân tham gia tích cực vào công việc quản lý làng xã.

Nội dung các Hương ước cổ hiện sưu tầm được thường đặt ở vị trí hàng đầu tiếp theo sau lời nói đầu là những quy phạm về tổ chức bộ máy quản lý làng xã, phạm vi chức năng, nhiệm vụ của toàn thể bộ máy cũng như trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền, quyền lợi của từng chức danh cùng trình tự, thủ tục hoạt động của cả tổ chức và của từng người trong tổ chức đó.

Tổ chức quản lý làng xã thường gồm có :

- Hội đồng tộc biểu.
- Lý trưởng và Phó trưởng.
- Thư ký.
- Thủ quỹ.
- Chuồng bạ
- Hộ lại

- Trương tuần
- Cai vạ
- Thủ lộ.

Hội đồng tộc biểu là đại biểu của các họ cử ra. Điều thứ 1 của hương ước làng Tam Lạc, huyện Hoàn Long và hương ước của nhiều làng khác quy định : “ Các họ họp lại thành một làng, bởi thế việc làng do các họ cử người thay mặt gọi là tộc biểu. Tùy theo họ nhiều, họ ít người mà mỗi họ cử ra hai hoặc ba người ”. Điều thứ 45 của hương đơan xã Phù Xá Đoài quy định : “ Vô luận là họ to, họ nhỏ, kể đình từ tráng hạng trở lên, cử 20 người phải bầu lấy một người tộc biểu ” .

Các tộc biểu lại bầu chọn hai người, một người làm Chánh hương hội, một người làm Phó hương hội. Hầu hết các hương ước đều quy định chỉ những nam giới, tuổi từ 25 trở lên, có học vấn, không can án, có gia sản mới được bầu làm tộc biểu, mỗi hạn là 3 năm, có nơi 6 năm.

Hội đồng tộc biểu các làng chính là Nghị viện của làng. Trong các cuộc họp của hội đồng tộc biểu còn có đại biểu các Giáp, hương trưởng các thôn. Hội đồng tộc biểu là cơ quan thông qua việc soạn thảo, ban hành, sửa đổi, bổ sung hương ước, giám sát việc thi hành hương ước. Hội đồng tộc biểu là cơ quan bàn bạc và quyết định mọi công việc của làng như : quân cấp điền thổ của làng, tổ chức và tiến hành việc đấu giá bán, cho thuê tài sản của làng, như cho thuê đất, ruộng, ao, hồ của làng; phân bổ

sưu thuế; chọn người đi làm nghĩa vụ binh dịch; hoà giải, phân xử các vụ tranh chấp xảy ra trong nội bộ làng xã. Chánh, phó hương hội là người thay mặt dân làng khi có việc tiếp xúc với đại diện của chính quyền cấp trên.

Lý trưởng và Phó lý: là những người được Hội đồng tộc biểu bầu chọn, họ là những người có học vấn, có tài sản, không can án. Khoản thứ 41 của hương đoàn xã Phù Xá Đoài quy định : “ Bầu Lý, Phó trưởng thì phải chọn những người cần cán lại biết chữ ở trong hạng định nội tịch của làng “ Sáu năm là một khoá “.

Lý trưởng và Phó lý là những người chịu trách nhiệm thực hiện mọi công việc của chính quyền cấp trên giao về xã, thực hiện như thu thuế, gìn giữ trật tự an ninh làng xã ; thực hiện nghĩa vụ binh dịch v.v... Trong mọi công việc Lý trưởng và Phó lý không được tự mình quyết định. Điều 37 hương ước của xã Vĩnh Phúc huyện Hoàn Long tỉnh Hà Đông quy định : “ Lý, hương trưởng không có quyền tự ý quyết định việc làng, phải theo ý chung của tộc biểu “. Hương ước, Khoản ước của các địa phương làng xã khác đều có sự quy định tương tự.

Lý trưởng, Phó lý là người chỉ huy, giám sát Trương tuần, Cai vạ, Thủ lộ thừa hành công việc của họ. Trương tuần, Cai vạ, Thủ lộ phải theo lệnh của Lý trưởng, Phó lý. Ở một số địa phương có khi Lý trưởng hoặc Phó lý kiêm luôn nhiệm vụ Trương tuần, Cai vạ, Thủ lộ.

Thư ký: là người có học vấn, có nhiệm vụ giữ gìn sổ sách, ghi chép biên bản các cuộc họp của Hội đồng tộc biểu. Có hương ước quy định là Thư ký có thể kiêm nhiệm chức vụ của Hộ lại hoặc của Chuởng bạ.

Thủ quỹ: có nơi gọi là hương bản, là người giàu có trong làng được bầu làm người giữ tiền công và xuất tiền quỹ cho các việc chi tiêu của làng.

Chuởng bạ : là người giữ sổ sách địa bạ, địa chính và đăng ký theo dõi những thay đổi về điền sản trong làng.

Hộ lại: có nơi gọi là hương bộ là người giữ sổ sách và đăng ký các việc sinh, tử, giá thú trong làng. Hộ tịch, dân số của một làng do Hộ lại theo dõi. Thời Lê Thánh Tông việc đăng ký hộ tịch, kê khai nhân khẩu trong toàn quốc được làm rất chặt chẽ theo những quy định rõ ràng của Nhà vua. Việc kê khai, đăng ký dân số trong toàn quốc làm từ xã trở lên. Nhà vua Lê Thánh Tông đã có chủ trương tiến hành kê khai dân số, làm sổ hộ tịch ngay từ năm đầu tiên khi được đặt vào ngôi vua (1470). Tháng 10 năm 1475 Hồng Đức năm thứ 6, Nhà vua lại ra sắc chỉ cho các xã làm sổ hộ tịch.

Theo sắc chỉ này, trong một xã đàn ông, đàn bà cùng họ không được đặt cùng tên, nếu trước đã ghi cùng tên thì phải đổi tên khác. Người mới khai và người cũ không được trùng tên nhau¹.

1. Xem *Đại Việt Sử ký toàn thư*, bản kỷ thực lục, quyển XIII. tr.466.

Tháng 8 năm 1482 Hồng Đức năm thứ 13, Nghiêm Lân tâu rằng : “ Khi làm sổ hộ tịch, xã trưởng phải chia rõ các quan viên, chức phẩm cao hay thấp, tư tước nhiều hay ít. Nếu không chia rõ ràng, Hộ Khoa kiểm soát tâu lên Quan phủ, huyện và xã trưởng cùng bị trị tội ”. Vua y theo¹.

Việc nắm vững dân số trong một xã có liên quan chặt chẽ đến việc nắm vững dân số của một quốc gia. Cho nên vai trò, nhiệm vụ của Hộ lại trong các hương ước cổ rất được chú ý coi trọng.

Trương tuần: có nơi gọi là Khán thủ, hương kiếm, là người chỉ huy các tuần phiên trong việc canh phòng đảm bảo an toàn, an ninh cho làng xã. Các hương ước quy định việc lựa chọn Trương tuần phải là những người mạnh bạo, thực thà, có gia sản mới giao việc. Ngay trong việc cất cử tuần phiên thì những tráng đinh nào đã “ mang tiếng xấu ” thì không cho đi tuần.

Thủ lộ: là người trông coi đường sá, đê điều.

Cai vạ: làng có sông nước, bến bãi, thuyền bè qua lại nhiều thì bầu ra Cai vạ. Điều thứ 13 tục lệ làng Phúc Xá quy định : “ Cai vạ thì trông nom các thuyền bè của những người trong làng và sửa sang các bến bãi. Những thuyền chở thì phải đánh số hiệu và thu tiền bến, nộp vào công quỹ. Những thuyền nào mục nát thì cấm không được chở. (Tác giả nhấn mạnh)

1. Xem Đại Việt Sử ký toàn thư , bản kỷ thực lục, quyển XIII. tr.486.

Bên cạnh việc định ra các chức danh của bộ máy, các hương ước còn có mục “ Quân kỷ ” tức là những điều quy định về kỷ luật làm việc của tổ chức quản lý làng xã mà ngày nay được khoa học pháp lý gọi là “ quy chế công vụ ”. Nội dung quân kỷ bao gồm các điều quy định về tiêu chuẩn bầu chọn người, đạo đức, phong cách làm việc, khen thưởng và kỷ luật đối với những người đã được dân bầu chọn ra làm việc cho làng.

Các hương ước đều có quy định cấm các Tộc biểu, những người được bầu chọn làm việc cho làng vay mượn của làng. Điều 34 hương ước làng Nội Châu, tổng Phúc Lâm huyện Hoàn Long quy định : “ Muốn cho làng tin cậy các Tộc biểu và Tộc biểu làm hết bốn phận, vậy nên cấm những người có chân trong Hội đồng và vợ con những người ấy vay tiền của làng ”.

Điều thứ 3 hương ước xã Thịnh Liệt quy định: “ hương hội trị sự tất cả những người được bầu chọn làm việc làng, bao gồm Chánh, Phó hội, Lý trưởng, Phó lý, Thư ký, Thủ quỹ, Hộ lại, Chuồng bạ, Trương tuần, Thủ lộ, Cai vạ (chú thích của tác giả) khi nhận chức phải làm lễ tại đình trước bàn thờ đức Đại Vương, thể xin đem hết lòng thành thực, công bằng làm tròn nghĩa vụ là dân biểu, bằng có lòng tư lợi, vị kỷ xin thần linh chu diệt ”.

Việc đọc lời thề của các Tổng thống các quốc gia đương đại trong các buổi nhậm chức so với việc đọc lời thề của quan chức làng xã Việt Nam trong buổi xa xửa quả thật không khác nhau mấy về mặt ý nghĩa, tinh thần.

Để tránh sự thiên vị, kéo bè, kéo cánh trong lúc làm việc. hương ước các làng quy định những người có quan hệ bà con gần gũi thì không được làm việc trong Hội đồng.

Điều 13 hương ước thôn Đỗ Xá xã Nhân Mỹ, tổng Phương Canh quy định : “ Việc bầu chức dịch Hội đồng giáp biểu bầu ra bố con, bố vợ, con rể, anh em ruột không được cùng làm một thời như người làm Chánh hội, người làm Phó hội, người làm Thư ký, người làm Thủ quỹ cũng vậy và Lý, Phó trưởng không được kiêm những chức ấy ”. Như vậy Lý trưởng, Phó lý có thể kiêm nhiệm những chức vụ khác như Phó lý có thể kiêm chức Trương tuần, Cai vạ, Chuồng bạ, Thủ lộ. Nhưng nếu đã được bầu làm Lý trưởng, Phó lý thì không được kiêm chức Chánh hoặc Phó hội hoặc chức Thủ quỹ. Đây cũng là biện pháp để phòng sự lẫn dụng, lợi dụng chức vụ mà cộng đồng cư dân làng xã đã ý thức được. Điều này cũng rất phù hợp với pháp luật của Nhà nước đương thời. “ Mậu thân, Hồng đức năm thứ 19 (1488) tháng 9, xuống chiếu rằng từ nay các quan Phủ, Huyện, Châu khi xét đặt xã trưởng, hễ có anh em ruột, anh em con chú, con bác và bác cháu, các cháu với nhau thì cho một người làm xã trưởng¹, không được cho cả hai cùng làm

1. Theo Phan Huy Chú, vào thời Trần, Lê, tùy theo lớn nhỏ khác nhau mà mỗi xã có thể được cấp trên bổ nhiệm 3, 2 hoặc 1 người làm xã quan với các tên gọi : xã Giám, xã Sứ, xã Tư. Không thấy nói đến nhiệm vụ cụ thể của từng người.

để trừ mối tệ bè phái hòa nhau”¹ (tác giả nhấn mạnh)

Những sử liệu trên đây cho thấy, từ xa xưa nhân dân trong các làng xã cũng như cơ quan Nhà nước cấp trên rất chú trọng ngăn ngừa tình trạng bè phái trong bộ máy chính quyền. Đó thực sự là một tệ nạn đang làm nảy sinh rất nhiều hậu quả xấu trong các cơ quan chính quyền các cấp của Nhà nước hiện đại.

Luật hành chính của các Nhà nước đương đại đều có sự quy định cấm anh, em, chồng, vợ, những người có quan hệ bà con ruột thịt cùng làm việc trong một cơ quan Nhà nước nếu giữa họ với nhau có mối quan hệ chỉ huy và phục tùng trong thi hành công vụ. Xét về mặt này thì hương ước cổ Việt Nam và luật pháp cổ Việt Nam đã đi trước hàng thế kỷ.

Để khuyến khích tính công tâm, sự miễn cán trong thi hành công vụ hầu hết các hương ước đều có sự quy định rằng trong Ban hội đồng trị sự, hễ ai làm việc hết hạn mà không tai tiếng, dân tình tín phục hoặc làm việc gì đặc biệt công ích cho dân như là mở chợ, lập bến để cho lợi ích về sau, hay là lập nhà thương, lập trường học, lập nghĩa sương - tức là lập các quỹ cứu tế xã hội, để phòng cơ hàn cùng là trừ tính chi tiêu kiệm ước để dư được nhiều tiền công quỹ v.v... thì được lưu danh vào bảng vàng danh dự của làng được đặt ở chốn đình trung để mọi người dân làng đều biết, để con cháu muôn đời về sau còn ghi nhớ.

1. Xem *Bản kỳ thực lục*, quyển XIII, kỷ nhà Lê, tr.503

Có hương ước quy định tỷ mỉ hơn như “Những người Tộc biểu, được hết hai hạn - tức hai nhiệm kỳ, có ích lợi trong làng, lúc ông ấy chết tất cả Hội đồng đi viếng, đưa đến mộ và phúng một bức câu đối, một buồng cau. Tên những người này được khắc vào bia đá và đặt dựng ở đình làng” (Hương ước làng Nội Châu, tổng Phúc Lâm).

Đi đôi với việc khuyến khích, ghi nhớ công lao, trong các hương ước cũng có những điều khoản quy định hết sức rõ ràng việc xử phạt những người không làm tròn nhiệm vụ mà nhân dân đã tin tưởng giao phó cho họ.

Điều 18 hương ước thôn Thọ xã Yên Thái quy định : “Tộc biểu làm việc gì trái hương ước, hoặc cả Hội đồng hoặc một họ nào tố giác ra thì chức sắc, kỳ lão trong làng họp Hội đồng mà cứu xử. Hội đồng chức sắc, kỳ lão này có quyền quở trách hay phạt tiền từ 0³10 đến 1³00, hoặc không cho dự Hội đồng nữa. Người nào làm mất tư cách ... hay làm tổn hại đến quyền lợi của làng thì Hội đồng chức sắc kỳ lão bãi chức người ấy ” .

Điều thứ tư hương ước làng Tam Lạc, Tổng Phúc Lâm huyện Hoàn Long tỉnh Hà Đông quy định: “...Người nào làm trong một kỳ hạn không được công bằng, tham lợi, Hội đồng lập tức trình quan bãi chức người ấy không cho dự việc làng, mà sau chết Hội đồng không phải viếng thăm gì để làm gương cho người khác”.

Với những quy định rõ ràng như vậy, chắc không một xã quan nào dám làm điều trái hương khoán hoặc pháp luật Nhà nước như một số cán bộ xã thôn thoái

hoá ngày nay cố tình làm trái pháp luật Nhà nước để tham ô ruộng đất của làng xã, cố tình vơ vét của công trong thời kỳ đương chức mà không hề run sợ. Bởi vì họ đã thoát ra khỏi sự giám sát của cộng đồng cư dân của làng xã.

Làng xã cư dân Việt Nam từ bao đời nay đã ý thức được là nền móng của xã tắc, hương ước làng Tây Mỗ đã xác định : “ Làng là gốc của nước. Làng có hay thì nước mới thịnh vậy ”.

Tổ chức quản lý làng xã Việt Nam giữ một vai trò trọng yếu đối với sự nghiệp quản lý chung của đất nước. Nó đảm bảo sự an toàn, an ninh cho làng xã, làm cho mọi mặt hoạt động của làng xã chuyển động cùng chiều theo hướng ngày càng đi lên, ngày càng hoàn thiện của đất nước.

Tổ chức quản lý làng xã là người trực tiếp hướng dẫn, người chỉ huy gần nhất, người động viên khuyến khích dân làng kịp thời nhất trong mọi công việc.

Cách tổ chức và điều hành hoạt động của tổ chức quản lý làng xã như đã được quy định trong hương ước cổ là tổ chức khá hoàn chỉnh mà khoa học quản lý hành chính đương đại có thể rút ra được khá nhiều bài học.

1.1. Tổ chức quản lý làng xã kết hợp khá nhuần nhuyễn giữa sự quản lý thống nhất, tập trung của chính quyền Trung ương với sự phát huy khá rộng rãi, khá mềm dẻo tính tự quản, tự chủ trong mọi công việc của nhân dân ở cơ sở.

Nhà nước Trung ương định ra phương hướng, đường

lối, pháp luật. Nhân dân ở địa phương phải hoạt động trong khuôn khổ luật pháp, kỷ cương do Nhà nước quy định. Nhưng trong thực thi thì nhân dân hoàn toàn có quyền tự quyết định lấy. Họ có quyền bầu chọn ra những người thay mặt họ quản lý công việc làng xã. Những người quản lý đó hoạt động theo những chức danh, theo những nhiệm vụ trách nhiệm rất rõ ràng. Toàn bộ hoạt động của họ đều đặt dưới sự giám sát của dân làng qua các Tộc biểu mà họ lựa chọn ra. Ngân sách đài thọ cho hoạt động của tổ chức quản lý làng xã cũng do ngân sách của địa phương đài thọ.

Về mặt chức năng, nhiệm vụ thì tổ chức quản lý làng xã đã bao quát được mọi nhiệm vụ được đặt ra trước nó. Với cách thức lựa chọn người và điều hành công việc, tổ chức quản lý làng xã có khả năng hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao cho nó mà không cần có sự “làm thay” của quan chức bộ máy Chính quyền cấp trên. Chỉ có hai trường hợp là tổ chức quản lý làng xã phải nhờ đến sự chi viện của trên là giúp việc trị bệnh cho dân làng trong trường hợp phát sinh dịch bệnh và cử giáo viên dạy học trong các trường làng.

Truyền thống “tự quản” của xã đã phát huy tác dụng của dân làng qua các cuộc chiến tranh giải phóng, bảo vệ Tổ quốc. Nếu biết khai thác và mạnh dạn phát huy tính tự quản của nhân dân ở cơ sở thì công việc đổi mới hiện nay do Đảng và Nhà nước ta đang chủ trương sẽ có cơ sở tiến xa hơn.

1.2. Tổ chức và hoạt động của tổ chức quản lý làng xã được quy định trong hương ước một cách rõ ràng rành mạch.

Xã hội Việt Nam trước đây là xã hội thuần nông, cộng đồng cư dân ở các làng xã cũng là cộng đồng thuần nông chứ không đa dạng như xã hội ngày nay đang tiến dần đến công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Tuy vậy, tổ chức và hoạt động của tổ chức quản lý làng xã được quy định khá rõ rệt, các chức danh như Chánh, Phó hương hội, Lý trưởng, Phó lý trưởng, Thủ quỹ, Trương tuần ... đều rõ ràng. Các mối quan hệ chỉ huy phục tùng được xác định một cách dứt khoát như : Trong mọi công việc Lý trưởng, Phó lý trưởng không được tự ý quyết định ; Khi Hội đồng Tộc biểu bản định công việc thì quyết định theo đa số ; Trương tuần phải phục tùng Lý trưởng, Phó lý ; Các Tuần đinh phải phục tùng Trương tuần .v.v...

Các chức danh thì có đủ, nhưng về số lượng người được bầu chọn thì không nhất thiết phải đủ cả. Tùy theo làng lớn, làng nhỏ mà có thể kiêm nhiệm, có những chức vụ có thể kiêm nhiệm như Thư ký kiêm chức Chuông bạ, Phó lý kiêm chức Trương tuần, Cai bạ. Do đó số người làm việc có thể ít đi, nhưng có những chức vụ không thể kiêm nhiệm như Lý trưởng không được kiêm chức Thủ quỹ v.v. để đề phòng sự lạm dụng.

Chức danh rành mạch , trách nhiệm nghĩa vụ, quyền, quyền lợi rõ ràng do hương ước quy định, đó là một trong những lý do khiến cho tổ chức quản lý làng xã

hoạt động được một cách thông suốt, tránh được cái tệ dẫm đạp, chông chéo lẫn nhau trong thừa hành công vụ.

1.3. Khen thưởng, kỷ luật rõ ràng và nhạy bén, kịp thời cũng là điều tổ chức quản lý làng xã đã đạt được.

Một điều khá thú vị là trong các hương ước đều có mục Quân kỷ, vì nếu hương ước chỉ đề ra khen thưởng, kỷ luật thôi thì chưa đủ, cái hay của hương ước ở chỗ là có các điều kiện cụ thể để thực thi các điều quy định đó.

Trong khen thưởng thì hương ước không thực hiện các khoản thưởng về vật chất hoặc cấp giấy khen mà là ghi tên ở bia đá dựng ở đình trung. Đến các kỳ hội làng thì tuyên đọc công đức của họ cho dân làng đều nghe. Đến lúc chết thì cả làng đi đưa đám. Công đức của họ được ghi lại mãi mãi trong tâm trí của dân làng. Chẳng những người được tuyên dương mà cả gia đình, họ hàng đều hãnh diện.

Về kỷ luật thì hễ người nào làm trái hương khoán, hoặc có tư lợi thì không phải đợi sự chuẩn y, xem xét qua lại nhiều lần của cấp trên mà Hội đồng xem xét và bàn bạc quyết định ngay. Nếu xét thấy có lỗi thì bãi chức ngay không đợi đến hết kỳ hạn. Điều có tác động răn đe nhiều nhất là Hội đồng cấm không cho người có tội tham dự đình trung, khi chết không ai phúng viếng, khi còn sống không ai mời mọc cùng ăn uống. Điều đó có thể có sự khắt khe đối với người có lỗi, nhưng quả thật là nó có tác dụng phòng ngừa rất lớn, khiến cho những ai đã được dân làng “chọn mặt gửi vàng” đều đem hết công tâm và sức lực ra làm việc cho làng.

Việc quản lý làng xã ngày nay lẽ dĩ nhiên là khó khăn, đa dạng hơn trước nhiều. Việc các quan chức ở xã phải được học tập, đào tạo kỹ về khoa học quản lý, phải được cấp trên bổ nhiệm, phải qua thi cử, sát hạch về chuyên môn cũng có những ưu điểm hơn việc dân bầu chọn. Cũng có thể có cách làm tận dụng những ưu điểm của hai phương pháp : bổ nhiệm và bầu cử. Nhưng dù được tuyển chọn hay do dân bầu cử thì tổ chức quản lý làng xã đều phải đặt dưới sự giám sát chặt chẽ về mọi mặt của nhân dân, không loại trừ lĩnh vực nào, và phải trao cho nhân dân quyền tự quản rộng rãi dưới những hình thức dân chủ trực tiếp, kể cả bãi miễn những người không xứng chức. Đó sẽ là những nguồn sinh khí tạo ra sáng kiến, sáng tạo, năng động trong nhân dân để làm cho đất nước tiến bộ và phát triển với những tốc độ nhanh hơn và mạnh hơn.

Những quy phạm về tổ chức quản lý làng xã đã được ghi lại trong các hương ước chứng tỏ rằng tổ chức và quản lý của nhân dân Việt Nam đã đạt đến trình độ khá cao. Tính gọn nhẹ và dân chủ trong cơ cấu tổ chức, tính rành mạch, dứt khoát trong phân định trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền và quyền lợi cùng những cơ chế biện pháp khuyến khích động viên sự tận tâm, tận lực của những người được giao nhiệm vụ và việc đề phòng sự lạm dụng chức quyền, quyền hạn cùng những chế tài xử phạt đối với những người không đủ tư cách đều là những bài học quý giá có thể áp dụng cho việc hoàn thiện và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ

máy quản lý hành chính đương đại.

2. Hương ước, lệ làng với vấn đề phát triển sản xuất nông nghiệp

Hầu hết các hương ước đều có những điều ghi rõ số lượng diện tích ruộng, đất, ao, hồ, đầm, ngòi của làng xã, chế độ phân cấp ruộng đất cho các đình tráng trong làng; cách đấu thầu trong thuê mướn ruộng đất ao hồ làng xã, các quy định về khuyến nông, về bảo vệ tài sản hoa màu trong làng, ngoài đồng v.v...

Hương ước làng Thịnh Liệt ghi lãnh thổ làng mình gồm có :

1. "Căn cứ vào địa bạ Gia Long thì làng có 740 mẫu ruộng, 100 mẫu thổ cả công lẫn tư, kể cả tha ma tổ phụ, công thổ của dân. Nay theo đồ bản của sổ địa chính Hà Đông mới đo đạc lại từng thửa thì làng hiện có : Điền : 654 mẫu, 8 sào, 12 thước. Thổ : 191 mẫu, 3 sào, 7 thước".

2. Một khúc sông Tô Lịch từ giáp địa phận làng Kim Lũ đến giáp địa phận làng Huỳnh Cung, nhưng khúc sông từ Kim Lũ đến cổng chợ Quang chỉ được một nửa về phía giáp dân ở, còn nửa phía bên kia thì về phần làng Đại Từ, làng Bằng Liệt, còn từ cổng cho đến Huỳnh Cung thì của bản xã cả. Cái cống gạch ở thôn Cự Đông, bắc qua sông Tô sang đồng Đại Từ thì của bản xã. Cái cống gạch ở chung thôn bắc qua sông Tô sang làng Bằng Liệt thì của bản xã. Nhưng khi sửa lại cống này thì làng Bằng Liệt cũng góp vào một ít tiền.

3. Một xứ còng bi, đầm tròn có khe ngòi vào đầm tròn thông ra Tuệ Giang.

4. Ba cái vực - một cái ở đầu, hai cái ở cuối thôn Cự Đông .

Điều thứ 72 hương ước làng Cổ Điền ghi : “ Làng có ao công 2 mẫu, đất công 1 mẫu 5 sào, ruộng công 135 mẫu 6 sào và ruộng hậu¹ 10 mẫu 5 sào ... ”.

Như vậy tất cả ruộng đất, ao hồ, sông, ngòi, rừng rú thuộc địa phận của xã đều được ghi rõ trong hương ước.

Theo quy định của hầu hết các hương ước thì ruộng đất công của xã, làng được sử dụng theo thứ tự ưu tiên trước sau cho các mục như sau :

1. Học điền tức ruộng đất được dùng cho việc xây cất trường học, cho việc trợ cấp giấy bút cho học trò nghèo, trả lương cho thầy giáo dạy học, cấp cho những người học hành đỗ đạt ở các thứ hạng cao như Tiến sĩ, Thám hoa v.v...

2. Binh điền là ruộng đất giao cho gia đình có người đi làm nghĩa vụ binh dịch cấy cấy trong thời gian người đó đang tại ngũ ;

3. Ruộng đất giao cho những chức sắc đương nhiệm sử dụng. Phần nhiều là cấp cho Lý trưởng, Phó lý, còn các chức sắc khác thì được hưởng lương đồng niên lấy từ tiền bán đấu giá thuê vườn đất, ruộng, ao, đầm, thuế chợ, thuế đồ của làng xã thu được :

1. Ruộng hậu - ruộng dùng vào việc tế lễ của làng.

4. Ruộng hậu là ruộng đất dùng vào các việc tế tự của làng xã.

5. Ruộng đất để cấp miễn đại - suốt đời cho những công nhân quả phụ.

6. Ruộng đất để cấp cho nhân đinh trong làng với thời hạn sử dụng là 3 năm hoặc 6 năm. Người được cấp là nội đinh - dân chính cư của làng, tuổi từ 17 đến 59 tuổi, có nơi từ 18 đến 60 tuổi. Tục lệ làng Chiêu Trách quy định : “ làng có 59 mẫu 2 sào ruộng quân cấp cho nhân đinh, ba năm 1 kỳ, từ 17 tuổi đến 59 tuổi để cày cấy và đóng thuế.

7. Ruộng đất, ao, đầm, bến bãi, chợ đồ được đem đấu giá để lấy tiền chi cho việc công của xã.

Việc phân cấp ruộng đất công cho dân cày cấy, “quyền được ăn phần ruộng làng”, việc cho thuê ruộng, đất, ao, đầm, để lấy tiền dùng vào việc công của xã đều tiến hành công khai tại đình trung với sự có mặt đông đủ các quan chức hàng xã và toàn dân làng.

Những trai tráng đủ 17 tuổi, hoặc 18 tuổi đều được đưa vào danh sách, những người đã hết tuổi “ ăn phần ruộng làng ” thì đưa ra khỏi danh sách.

Những người bỏ làng ra đi, không nộp sưu thuế thì bị gạt ra khỏi danh sách, khi trở về nếu họ truy nộp đầy đủ các khoản đóng góp theo nghĩa vụ của làng thì lại được tiếp tục nhận phần ruộng làng, nếu còn ở trong độ tuổi. Những người ngụ cư sau một thời gian do làng định và làm đầy đủ các nghĩa vụ đối với làng thì cũng

được đưa vào danh sách những người được ăn phần ruộng làng .

Những người được phân cấp ruộng đất do túng thiếu cũng có quyền được đem cầm cố, thế chấp hoặc nhượng bán lại quyền sử dụng cho người trong làng . Họ không được cầm cố, thế chấp, nhượng bán lại cho người ngoài làng, không được nhượng bán trước thời kỳ nộp sưu thuế. Thời hạn thế chấp, cầm cố, nhượng bán được giới hạn trong thời gian được cấp quyền sử dụng đất.

Việc đấu giá để thuê bất động sản của làng cũng được các hương ước quy định khá tỷ mỉ và cụ thể :

Điều 76 hương ước làng Bát Tràng quy định : “ Bán hay là cho thuê tài sản, động vật của làng thì ai muốn mua, thuê, phải gửi giấy đóng dấu kín và phải niêm yết việc bán hay việc cho thuê ấy cho cả mọi người biết mười ngày trước ngày đấu giá ” :

Hương ước làng Nghi Tâm dành ra 4 điều để quy định việc cho thuê đất châu thổ và hồ ao của công dân :

“ Điều 55 : Làng có ước hơn 7 mẫu đất châu thổ và đất ở chung quanh nền đình, đất ở nền đình cũ và một cái ao công. Để niên hương hội cho bán đấu giá để lấy tiền sung vào công quỹ để chi tiêu các việc công dân .

Điều 56 : Người nào muốn dự đấu thầu thì phải xin với hương hội nộp tiền ký quỹ trước. Tiền ký quỹ ấy tùy theo đất thầu nhiều tiền, ít tiền mà phỏng độ 2⁰⁰ đến 5⁰⁰ .

Điều 57 : Việc đấu giá phải yết thị trong 15 ngày,

Ai đã mua đấu giá được rồi thì ngày Hội đồng đấu giá, hạn một tuần lễ phải nộp vào quỹ cho đủ, nếu ai để quá hạn không những là trái hương ước mà lại ngăn trở cho sự chi thu, thì hương hội sẽ cấm lấy ruộng để đấu giá lại và trình quan xét”.

Điều 72 hương ước làng Cổ Diển quy định việc đấu giá như sau :

“ ... khi bán đấu giá thì cứ bán độ 2 mẫu là một phiếu để tiện người mua. Người mua đấu giá thì phải chịu nộp thuế và tiền lúa sương (tức tiền trả công cho tuần đình canh đồng - chú thích tác giả). Khi mua đấu giá được rồi phải đem tiền nộp vào công quỹ ngay, hoặc còn thiếu ít nhiều hạn trong 1 tháng đến 3 tháng là cùng phải nộp cho đủ. Nếu ai để quá hạn không những là trái hương ước, mà lại làm ngăn trở cho sự chi thu. hương hội sẽ cấm lấy những ruộng đất và ao đã bán cho người ấy để bán đấu giá lại và trình quan trên xét xử. Còn như ruộng đất đã cày cấy, ao đã thả cá hoặc cấy rau người ấy cũng chịu mất quyền lợi ấy. Còn ruộng chùa hơn 4 mẫu, ruộng đền hương đình hơn 4 mẫu, giao cho nhà sư và thủ từ cày cấy để đền hương đình, chùa và làm lương ăn đồng niên đều không bán đấu giá sung công”.

Điều 72 hương ước làng Cổ Loa quy định : “ Làng có ruộng tế : 27 mẫu , ruộng lính : 3 mẫu 6 sào , hồ ao : 3 mẫu . Cộng 33 mẫu 6 sào . Mỗi năm cứ đến tháng chạp bán đấu giá lấy tiền sung quỹ .

Làng lại có một cái chợ 130 gian quán ngói. Hạng

nhất 40 gian, đồng niên thu tiền của hàng 1⁵00 , cộng 40⁵00 , hạng nhì 40 gian đồng niên thu tiền của hàng 0⁵60 , cộng 24⁵00 , hạng ba 50 gian, đồng niên thu tiền của hàng 0⁵30, cộng 15⁵00 . Tổng cộng 79 đồng để sung công ”.

Trong thời gian gần đây, Nhà nước Việt Nam cho áp dụng chế độ đấu thầu trong xây dựng, mua bán. Đối với nhiều người chế độ đấu thầu hình như là sự kiện mới lạ.

Trong các hương ước cổ, chúng ta thấy cha ông ta đã có những quy định khá tỷ mỉ và hợp lý trong đấu thầu. Điều này chứng tỏ trình độ quản lý của người nông dân Việt Nam trước đây cũng đã đạt đến trình độ không kém gì ngày nay .

Ruộng đất, ao, đầm ... của làng là nguồn tạo ra của cái nuôi sống cư dân trong làng. quyền lợi mọi mặt của người dân ở nông thôn đều gắn liền với việc bảo vệ và sử dụng ruộng đất, ao, hồ, đầm, ngòi của làng . Mọi người dân trong làng, qua hương ước đều biết rất rõ là đất đai làng xã của mình có bao nhiêu mẫu, bao nhiêu sào, bao nhiêu thước, khoảnh nào được dùng để phân cấp cho dân đình, phần nào được dùng để đấu giá lấy tiền sung công quỹ để chi tiêu cho việc xây trường, tu bổ đình, chùa, sửa sang đường sá, cầu cống, nạo vét sông ngòi, để dùng vào việc cúng tế, lễ hội của làng xã .v.v...

Người dân ở làng biết rõ đất đai làng xã của mình như biết rõ các kẻ chỉ bàn tay của mình. Do đó dân làng rất gắn bó với đất đai làng xã, nhân dân rất có ý thức và rất chú ý bảo vệ sự bất khả xâm phạm đến ranh giới

làng xã, đến việc bảo tồn quỹ đất, ruộng ... của làng xã .

Hương ước các làng nêu lên quy định : “ Đã là của công thì không ai được xâm phạm. Mọi người đều phải ra sức giữ gìn. Ai làm tổn hại phải bồi thường ” .

Hương ước cấm ngặt các Tộc biểu, các Lý dịch trong làng tự ý cầm bán ruộng đất công của làng.

Điều 75. Hương ước làng Bát Tràng quy định : “ Các người trong làng phải trông nom để bảo vệ lấy tài sản của làng. Ai làm hại phải tu bổ lại ” . Tài sản công của làng được thống kê tỷ mỉ và tuyên bố công khai .

Điều 21. Hương ước làng Nghi Tàm quy định: “hương hội phải lập một quyển sổ ghi rõ công sản của làng có những gì, trong sổ biên rõ bất động sản và động sản của làng. Sổ ấy lập thành 2 bản, một bản để vào công làng, một bản giao cho Chánh hội giữ ”.

Điều 35. Hương ước xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì quy định : “ Cấm những người chức dịch không được vay mượn, cầm cố, bán chác của công làng xã ” .

Những điều quy định về bảo vệ bất động sản và động sản của làng xã trước đây rất phù hợp với pháp luật chung của Nhà nước ta hiện nay.

Điều 342. Bộ Luật Hồng Đức được ban hành dưới thời Vua Lê Thánh Tông (1442 - 1497) quy định : “ Bán ruộng đất công cấp cho hay ruộng đất khẩu phân thì xử 60 trượng, biếm hai tư . Người viết văn tự thay và người làm chứng đều xử nhẹ hơn một bậc, trưng thu số tiền bán và ruộng đất sung vào của công. Đem cầm thì xử

úng tắc. Ai không tuân hương hội phạt 0^s10 đến 0^s20.

Điều thứ 54. Cấm không ai được chăn trâu bò bờ ruộng khi lúa đã tốt . Ai phạm hương hội phạt 0^s10 . Nếu cho trâu bò ăn lúa của ai thời phải đền nữa.

Điều thứ 55. Cấm không ai được chăn vịt ở ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa. Ai phạm hương hội phạt 1^s00 . Nếu vịt phá lúa má thời phải đền nữa ”.

Việc bảo vệ dê đập cũng là điều được hương ước các làng xã rất quan tâm.

Điều 47. Tục lệ xã Phúc Lộc, tổng Uy Nỗ, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên quy định : “ Làng cử một người thủ lộ để trông coi đường xá, cầu cống và dê điều, thấy nơi nào chỗ nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa lại, đến như dê điều thì thủ lộ phải coi sóc đừng để người và súc vật làm hư hại đến dê, phải chữa những nơi hư hỏng, giữ gìn đừng để cho người ta cây cấy vào chỗ sườn dê hay là trồng trọt gì ở đấy và phải giữ gìn cho lúc nào dê cũng được tốt. Khi chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải Nhà nước tu bổ mới được thời thủ lộ phải tường hương hội để trình quan .”

Qua các quy định của hương ước, quyền tự quản của nhân dân làng xã Việt Nam đối với ruộng đất công là khá rộng rãi và linh hoạt. Việc nộp thuế ruộng đất của làng xã đối với Nhà nước ắt hẳn là căn cứ vào diện tích và các loại điền, thổ theo sổ địa bạ chung. Làng xã phải nộp đủ số. Nhưng việc phân loại đất đai của làng để sử dụng vào các mục đích như học điền, binh điền, hậu

điền, quân điền ... đều do làng xã tự quyết định . Nhân dân trong các làng xã được quyền làm chủ phần ruộng đất của làng xã.

Quyền được phân cấp ruộng đất công để cấy cấy sinh sống là quyền lợi hàng đầu của cư dân nông thôn . Ruộng đất của làng là nguồn tạo ra của cải nuôi sống cư dân trong làng . Người được phân cấp ruộng đất không những là người được đảm bảo cái vốn quý giá nhất của đời người để làm ăn sinh sống mà còn là quyền lợi rất lớn về tinh thần. Được phân cấp ruộng đất có nghĩa là họ được thừa nhận là thành viên của làng, được hưởng mọi quyền lợi của làng, được chia vui, chung hưởng danh tiếng của làng . Cho nên “ đã ăn phần ruộng của làng ” thì phải sống chết cùng làng là tâm lý phổ biến trong mọi con người nông dân Việt Nam .

Người nông dân Việt Nam ít có sự đắn đo mà thường là hăng hái tự nguyện tham gia gánh vác công việc công ích trong làng . Từ việc đắp đê phòng lụt, sửa chữa đường xá cầu cống, canh trong làng, canh ngoài đồng, cứu đê, phòng hoả, hễ nghe hiệu lệnh là mọi người sẵn sàng có mặt .

Được phân cấp ruộng đất để làm ăn sinh sống là quyền lợi sinh tử của người nông dân ở nông thôn. quyền lợi này là chất keo gắn bó của từng người dân với cộng đồng nông thôn . Không có gì có thể tách họ khỏi nơi chôn rau cắt rốn. Nhiều lão nông nhớ như in và giữ mãi những kỷ niệm cái ngày họ đủ tuổi và lần đầu tiên được nhận phần ruộng của làng . Vui mừng, lo lắng lẫn

lộn. Vui mừng vì thấy mình đã trưởng thành. Lo lắng trước việc làm sao luôn hoàn thành mọi nghĩa vụ, trách nhiệm của làng giao cho .

Nói chung đó là ngày ghi nhớ nhất trong cuộc đời của họ. Người nông dân lo sợ nhất là bị cắt khẩu phần ruộng của làng cấp cho. Vì vậy, người nông dân luôn giữ mình để không vi phạm khoán ước . Sống nhờ làng, chết vì làng - một câu nói của miệng thường được mọi người dân trong làng nhắc nhở nhau trong gánh vác nghĩa vụ trách nhiệm, bảo vệ quyền lợi của cộng đồng được hình thành một phần chính là do quan hệ gắn bó về ruộng đất .

Khác với nhiều nước trên thế giới, trừ những năm dưới thời Pháp thuộc, chế độ tư hữu đất đai ở Việt Nam chưa bao giờ lần át được chế độ công điền, công thổ. Chính sách hạn điền, hạn nô được thực hiện dưới các triều đại nhà Trần, Hồ Quý Ly, nhà Lê chính là chính sách hạn chế quyền tư hữu đất đai của quan lại địa chủ. Chế độ công điền, công thổ ở làng xã, trong tính hiện thực của nó chính là chế độ, nuôi dưỡng tình yêu quê hương, làng xóm, bản quán nói riêng, tình yêu đất nước nói chung của người nông dân Việt Nam .

Những quy định về quân cấp điền thổ của Việt Nam đã được ghi lại một phần trong các hương ước cho phép kết luận rằng “ chính sách ruộng đất của cộng đồng nông thôn Việt Nam trước đây là chính sách ruộng đất mang đậm tính dân chủ, công bằng xã hội và tiến bộ ” .

xã và nhân dân thông qua các đại diện của mình là các Tộc biểu được quyền trực tiếp bàn bạc và quyết định việc sử dụng và quản cấp điền thổ cho người dân trong làng. Cơ quan chính quyền cấp trên không được quyền can thiệp vào công việc này. Các quan chức hàng xã cũng không được tự ý quyết định phân chia hoặc đem cầm bán.

Tuy là tài sản công, nhưng những tài sản ấy đều có chủ rõ ràng. Người chủ ở đây là toàn thể dân làng. Quyền làm chủ tài sản công được thực hiện bằng những quy định cụ thể như : phân cấp điền thổ, mua bán, thuê mượn tài sản công đều được quyết định theo tập thể, có niêm yết công khai trước nhiều ngày để cho mọi cư dân trong thôn xóm đều biết. Bất kỳ cá nhân nào, một nhóm người nào cũng không được tự ý quyết định mà không báo cho dân làng biết. Chính nhờ thực thi các điều quy định của hương ước mà tài sản công của làng được bảo vệ nghiêm . Bất kỳ hành vi xâm phạm nào xảy ra đều bị phát hiện ngay.

Trong các hương ước cổ tuy không dùng đến các khái niệm : "dân biết, dân bàn, dân kiểm tra" như ngày nay chúng ta nói, nhưng trong thực tiễn nhân dân đã làm được những điều đó từ lâu.

Tính công bằng xã hội được thực hiện ở chỗ " đất công " được phân phối cho mọi công dân trong độ tuổi được quyền sử dụng, được đem bán đấu giá để lấy tiền chi tiêu cho mọi công việc của làng xã.

Việc lấn chiếm đất công, biến đất công thành tư điền, tư thổ bị ngăn cấm. Ai vi phạm thì lập tức bị tố giác và xử phạt rất nghiêm khắc. Người vi phạm không những phải trả lại đất công bị lấn chiếm mà còn phải đền bù thiệt hại. Nhà cửa, cây trồng lấn ra đất công hoặc trên đất công lập tức bị dỡ bỏ.

Tính tiến bộ trong chính sách ruộng đất ở nông thôn được ghi lại trong hương ước thể hiện ở thứ tự ưu tiên trong phân cấp ruộng đất đã được áp dụng.

Trước hết là ruộng đất dành cho việc khuyến học, học điền. Việc mở mang dân trí do vậy trở thành sự quan tâm của cả cộng đồng. Tính hiếu học trong nhân dân được nuôi dưỡng và khuyến khích. Ruộng đất dành cho việc giữ nước qua chính sách bình điền, ruộng đất cấp cho những người đi làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc đã được xếp ở hạng ưu đãi thứ hai.

Tiếp đó là ruộng đất dành cho việc chi tiêu của làng xã như trả lương cho những người làm việc trong bộ máy quản lý làng xã, cho việc tu bổ đường sá, cầu cống tế lễ, và trợ cấp cho gia đình những người có công như: bị thương, bị chết trong cứu hoả, bắt trộm, bắt cướp v.v...

Hương ước các làng còn dành phần ruộng đất để phân cấp cho cô nhi, quả phụ là những người không nơi nương tựa, hộ được phân, cấp ruộng đất để sử dụng mãi mãi (tức suốt đời).

Phan Huy Chú, người đã dành ra 10 năm để biên

soạn bộ Lịch triều Hiến chương loại chí đã có đoạn ghi lại trong tác phẩm của mình rằng “ Chính sách nuôi dân không gì bằng làm cho dân có tài sản chủ yếu là việc quân điền. Bởi tại hoạn trong một nước do chỗ ruộng đất không quân bình. Nếu tài sản mọi người được bình thường thì nhân dân tất nhiên được đầy đủ ”.

Năm 1823, khi được giao chức lang trung bộ lại, Phan Huy Chú đã dâng sớ tâu vua Minh Mạng 4 việc, trong đó có việc quân điền, nội dung như sau : “ Mục đích của quân điền là làm cho mọi tác đất đai được khai khẩn, mọi người đều có ruộng làm, chữa khỏi cái bệnh đau khổ của người nghèo, dập tắt được nạn lẩn chiếm của bọn cường hào lý dịch. Khi dân đã có tài sản bình thường để cải thiện đời sống, họ sẽ ra công cày cấy, làng xã được yên vui, tiến lên làm việc dạy dân chúng phong tục ”.

Quả đúng như lời Phan Huy Chú đã nhận xét, chính sách thực dân đồng nghĩa với chính sách tước đoạt đất đai của nông dân. Trong thời kỳ giặc Pháp xâm lược nước ta, chúng đã cướp không ruộng đất của nông dân giao cho bọn địa chủ; người Pháp lập các đồn điền cao su, giao cho các nhà thờ hoặc quan lại làm tay sai. Sự cướp đoạt ruộng đất này đã biến hàng triệu nông dân lâm vào cuộc sống bần cùng.

Đó cũng là một trong những lý do khiến người nông dân Việt Nam kiên trì đứng dậy chống thực dân Pháp cùng bọn vua quan bán nước trên 100 năm kể từ khi chúng đặt chân đến cho đến khi chúng bị đuổi

ra khỏi đất nước Việt Nam.

Việt Nam cho đến tận cùng những năm cuối của thế kỷ XX này vẫn là một nước nông nghiệp. Tuyệt đại bộ phận cư dân Việt Nam là người nông dân, của cải nuôi sống con người, nghĩa vụ đóng góp cho đất nước, mọi việc đều trút lên vai người nông dân là những người giữ vai trò lực lượng chính trong xây dựng đất nước và bảo vệ đất nước. Ở Việt Nam động viên sức dân cũng trước hết là động viên sự đóng góp của nông dân. Nhưng có điều nghịch lý luôn xảy ra, cho đến nay vẫn còn tồn tại người nông dân thường chịu nhiều thiệt thòi nhất. Cho nên bồi dưỡng sức dân, khoan thư sức dân, bảo vệ sức dân thì trước hết là dành cho nông dân. Đúng như lời Phan Huy Chú đã nói, Đảng ta, Nhà nước ta rất coi trọng nông dân, sự thành công trong các cuộc đấu tranh giữ nước chính là do Đảng và Nhà nước ta có chính sách đúng đắn với nông dân, đặc biệt là chính sách ruộng đất.

Mặt khác cũng cho thấy một điều là tình hình nông thôn Việt Nam sẽ trở nên mất ổn định, lòng dân trở nên không yên khi mà người nông dân mất quyền quản lý, quyền sử dụng hoặc bị đuổi khỏi ruộng đất, khi các quan chức Nhà nước là bọn cường hào nông thôn lợi dụng chức quyền để tham ô, lấn chiếm đất công, khi mà các quyền khiếu nại, tố giác về những vụ xâm phạm đất đai không có ai giải quyết.

Bài học về quản lý ruộng đất do hương ước để lại là giao cho nhân dân quyền tự quản về đất đai, quyền

giám sát trực tiếp đối với việc quản lý và sử dụng đất công và thẳng tay trừng trị những người lợi dụng chức quyền để tham ô, lấn chiếm đất công thì nhất định sẽ tạo ra được tinh thần “ cả nước một lòng ” trong mọi công cuộc đấu tranh.

Tệ nạn lấn chiếm ruộng đất công, nạn tham nhũng trong lĩnh vực quản lý ruộng đất ngày nay đã trở thành tệ nạn phổ biến, trầm trọng ở nhiều nơi chính là do chỗ tài sản công không được công khai hoá, tài sản công trở thành tài sản vô chủ, bởi vì công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài sản công bị buông lỏng, không được đặt dưới sự giám sát trăm tai, nghìn mắt của dân.

Hiện nay Đảng và Nhà nước ta chủ trương giao đất, giao rừng cho dân sử dụng theo sự quản lý và hướng dẫn của Nhà nước là một trong những biện pháp động viên tinh thần chủ động sáng tạo của dân trong sử dụng loại tài nguyên quý giá nhất của đất nước là đất đai. Chính sách này đã có sự tác động, ảnh hưởng lớn dẫn đến những tiến bộ rõ nét trong việc thúc đẩy phát triển nền nông nghiệp trong những năm gần đây. Nhưng vẫn còn xảy ra tình trạng lãng phí, tham ô, thoái hoá trong hàng ngũ quan chức Nhà nước. Vì vậy cần thực hiện chế độ quản lý của làng xã đối với đất thuộc phạm vi làng xã và cần thực hiện chế độ giám sát chặt chẽ của toàn dân đối với đất công như các hương ước đã quy định, thì chắc chắn đất nước ta sẽ có những tiến bộ vượt bậc trong sử dụng đất đai và ngăn chặn được các tệ nạn thuộc lĩnh vực này.

3. Hương ước, lệ làng với việc nuôi dưỡng, phát triển thuần phong, mỹ tục

Phần lớn các dân tộc trên thế giới đều đã trải qua chặng đường lịch sử tồn tại và phát triển trong hàng ngàn năm hoặc lâu hơn nữa. Trong hàng ngàn năm ấy, ở mỗi dân tộc có khá nhiều phong tục, tập quán được hình thành, tồn tại hoặc mất đi, hoặc phát triển thành những phong tục, tập quán mới.

Các dân tộc đều có những phong tục, tập quán phù hợp với đặc điểm tâm lý dân tộc, với hoàn cảnh, điều kiện sống, nói chung là phù hợp với bản sắc văn hoá của dân tộc mình. Trong các phong tục, tập quán đã hình thành từ xa xưa, không phải phong tục tập quán nào cũng hay, cũng đẹp cả. Có những phong tục, tập quán được thịnh hành một thời về sau trở nên lạc hậu, lỗi thời rồi dần dần bị lãng quên. Có những phong tục, tập quán hay được nâng niu, duy trì, phát triển và lưu lại đến ngày nay.

Nhưng trong cuộc sống, không phải phong tục, tập quán lạc hậu nào cũng tự nó mất đi, không phải phong tục tập quán nào hay cũng được lưu giữ lại. Trái lại, tùy theo tình hình của từng nơi, từng lúc, có lúc những hủ tục lại có dịp trỗi dậy, các thuần phong, mỹ tục lại bị lãng quên dần đi.

Đấu tranh bài trừ hủ tục, giữ gìn thuần phong mỹ tục quả là một cuộc đấu tranh không dễ dàng tí nào. Đấu tranh để bài trừ hủ tục, duy trì, phát triển thuần phong, mỹ tục thường được tiến hành bằng nhiều biện

pháp như biện pháp truyền bá, biện pháp hành chính, pháp luật, biện pháp giáo dục v.v...

Trong cuộc sống, đấu tranh, các dân tộc Việt Nam luôn có ý thức đấu tranh làm cho nếp sống, nét sống trở nên ngày càng thuần hậu. Các gia đình Việt Nam đều lấy đức tính thuần hậu của con người làm trọng hơn cả. Bố mẹ ai mà chẳng hãnh diện khi sinh được người con hiếu thảo, chăm lao động, học hành, trong cư xử giao tiếp biết giữ cho trên thuận dưới hoà ... Họ coi điều đó là quý hơn mọi điều. Con, cháu thấy ông, bà, cha, mẹ dẫu nghèo nhưng để lại phúc đức cho con cháu thì con cháu vô cùng biết ơn. Cha mẹ để lại nhiều tiền bạc, gia sản kiếm được bằng con đường tội lỗi cho con cháu, thì con cháu sẽ sinh ra có tính nết không thuần, siêng ăn, nhác làm. Của cải của cha mẹ để lại dẫu nhiều bao nhiêu cũng sẽ không cánh mà bay đi. -

Trong con mắt của người dân Việt Nam, các phong tục, tập quán bị xem là hủ tục là những phong tục, tập quán, nếu đem ra thực hiện sẽ gây tổn kém tiền bạc, sẽ hạ thấp nhân cách giá trị con người, sẽ tạo nên các tính xấu như ngỗ ngược, lười nhác, tạo ra những điều mê tín dị đoan đều bị coi là những hủ tục.

Những phong tục, tập quán nào nếu khi đem thực hiện, sẽ gọi cho người dân lòng biết ơn, nhớ đến công lao tổ tiên nhớ đến những người có công với nước, khuyến khích lòng hăng say, sáng tạo, khéo léo trong lao động, cổ vũ lòng nhân ái hoà thuận giữa người với người... đều được xem là thuần phong, mỹ tục.

Một trong những biện pháp của người Việt Nam thực hiện để bài trừ đồi phong, bại tục, và duy trì thuần phong, mỹ tục là sử dụng hương ước.

Người Việt Nam trong các cộng đồng cư dân ở nông thôn rất có ý thức trong việc sử dụng hương ước để bài trừ thói hư tật xấu của con người, để khuyến khích cổ vũ mọi người trong đấu tranh nhằm hoàn thiện nhân cách, nâng cao phẩm giá của con người.

Đây cũng là một đặc điểm hiếm thấy ở các dân tộc khác, các nước khác. Ý thức dùng hương ước để cải biến đồi phong, bại tục, và phát triển thuần phong mỹ tục thường được nêu rõ ràng ở phần mở đầu của hương ước.

Hương ước làng Hào Nam ghi : “ Khoán ước của làng lưu truyền từ cổ hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần nên cải lương suy xét hiện tình thời nay, so sánh khoán lệ thuở trước, điều nào hại thì đổi, điều nào lợi thì theo, mục đích là làm cho gia tộc được thịnh giàu mà dân làng có trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hoá mà cải bổ thêm”.

Lệ làng của làng Bát Tràng cũng có đoạn viết: “Lệ làng - lệ truyền khẩu hay lệ đã biên ra, xưa nay đã thi hành trong dân ta, nhất thiết không hợp thời cả cho nên chúng ta phải sửa đổi lại những lệ ấy để hợp với những sự cần trong đời này hơn, chúng ta đổi những gì có hại mà giữ những điều có lợi, để cho trong họ được thịnh vượng trong làng được ổn định. lệ làng sau còn có thể sửa lại nữa, tùy trình độ tiến hoá của dân và theo lệnh của quan trên.”

Lời mở đầu của Tục lệ làng Thiệu Kỳ huyện Quỳnh Lưu được soạn năm 1844 ghi : “ Từ trước thôn ta là đất văn hiến. Tương truyền rằng : Thời Trần có Thượng thư họ Đỗ. Thời Lê có tiến sĩ họ Lê. Tiếp nối khoa cử, đời nào cũng có. Tục lệ xưa nay vốn đã thành nếp. Nay bổ sung thêm cho đầy đủ thêm, thiết tưởng cũng là điều có ích. Nay Nhà nước có chủ trương chấn hưng tục lệ. Thôn ta vốn là nơi văn vật, gặp lúc vận may. Xây dựng một bản điều ước tốt đẹp cho dân làng há không phải là việc nên làm hay sao ! Suu tầm điều ước cũ, thế tất nhân tình, chọn lọc những gì còn thích hợp bổ sung những gì cần thêm sao cho hợp thời nay. Sau này sẽ có người góp thêm những gì thấy cần thiết. Dưới đây là những điều cụ thể...”

Thông qua các điều quy định của hương ước để cải hoá phong tục, tập quán trồng nông thôn quả là một sáng tạo, một biện pháp rất hữu hiệu để hoàn thiện nhân cách . Đây quả là một việc làm độc đáo nữa của các dân tộc Việt Nam. Các quy phạm của hương ước là những quy phạm của dân, do dân cùng quy ước với nhau mà làm. Nó mang đầy đủ tính tự giác, tự nguyện trong chấp hành. Nếu là pháp luật của Nhà nước thì yếu tố "cưỡng chế" của điều luật nổi cộm hơn là sự tự nguyện. Quy phạm của hương ước phản ánh đầy đủ đặc tính của địa phương nên nó không quá xa lạ đối với người dân. Các quy phạm của hương ước tuy mang nặng tính tự nguyện nhưng vẫn bảo đảm đầy đủ tính cưỡng chế nên nó mạnh hơn nhiều lần những quy tắc về đạo đức.

Quy phạm của hương ước Việt Nam về khuyến khích, nuôi dưỡng thuần phong, mỹ tục bao gồm nhiều nội dung về phong cách sống, lối sống của con người được giới hạn trong các chữ : Hoà, hiếu, lễ, nghĩa, trung, tín, cần kiệm, liêm chính, được thể hiện thông qua một số phong tục như : Cưới hỏi, ma chay, giao lưu, ứng xử trong cộng đồng như con cái với cha mẹ, ông bà, vợ chồng, học trò với thầy học, trẻ con với người lớn, người dân với quan chức, hàng xóm láng giềng với nhau v.v...

3.1. Về hôn lễ

Có Hương ước trước khi đưa ra những điều quy định cụ thể đã có đoạn trình bày các quan điểm chính thống của làng xã về vấn đề này dưới danh mục gọi là "Hôn thuyết" là lý thuyết về hôn nhân.

Điều 73 Hương ước xã Lô Giao, tổng Cổ Loa nay thuộc huyện Đông Anh có đoạn ghi: "... phương ngôn của dân ta thường nói lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống mà không nói gì đến tiền bạc... vợ chồng như dưa có đôi, bằng đôi phải lứa mà không nói gì đến xấu đẹp... con gái cũng phải cho ăn học như con trai và để dành vốn riêng cho con gái, chứ không nước nào đem con gái mà gả bán để lấy tiền của nhà giàu...". Quan điểm tiến bộ này vẫn còn lưu lại đến ngày nay.

Các Hương ước đều quy định: "Con trai đến 18 tuổi mới được lấy vợ, con gái 17 tuổi mới được lấy chồng". Không có Hương ước nào cho phép lấy vợ, lấy chồng sớm

hơn. Điều 117 Hương ước thôn Yên Trai xã Vân Canh nay thuộc huyện Từ Liêm quy định rằng: "Ai có con giai lấy vợ không ăn uống xa xỉ đến nỗi tổn hại sản nghiệp" và điều 118 tiếp theo quy định: "Ai có con gái gả chồng sinh lễ cũng nên tòng giảm, không được hạch sách tiền tài, nạp thái vắn danh cũng phải giản dị cho hợp thời nghi". Điều 107 Hương ước làng Nội Châu nay thuộc quận Đống Đa quy định: " Trong làng con giai lấy vợ, con gái lấy chồng tùy họ hai bên ăn uống mấy nhau, không được mời làng ăn uống". Hương ước làng Tam Lạc, tổng Phúc Lâm nay thuộc quận Ba Đình quy định: "Khi nhà giai đến đón dâu cấm không được chăng dây và đóng cửa nữa. Nếu ai không tuân thì phạt hai hào". Điều 73 Hương ước làng Vân Trì nay thuộc huyện Đông Anh quy định: "Trước khi làm lễ vắn danh tục gọi là ăn hỏi, bố mẹ hai bên phải đến tường Hội đồng để Hương hội biết xét hai người định lấy nhau ấy tuổi hợp lệ không và có điều gì ngăn trở không, rồi yết thị ra tại đình cùng hội sở trong 15 ngày cho ai nấy đều biết. Nếu hợp lệ và không có gì ngăn trở thì nhà giai mới được làm lễ vắn danh kết hôn".

Để bài trừ tệ nạn một người lấy nhiều vợ hoặc nhiều đàn ông có chung một vợ hoặc một người đàn bà cùng thời gian lấy hai, ba chồng mà cho đến nay ở một số nước trên thế giới còn thấy có, có hương ước như điều 121 hương ước thôn Yên Trai xã Vân Canh nay thuộc huyện Từ Liêm quy định: "Người nào bỏ vợ, chê chồng, khi lấy vợ, lấy chồng khác, tất phải có giấy tiêu hôn

tường Hội đồng, hộ lại thì thủ quỹ mới được nhận tiền cheo".

Chế độ hôn nhân của người Việt Nam trong các hương ước cổ là chế độ một vợ, một chồng, đơn giản, tiết kiệm trong tiến hành hôn lễ. Việc nộp tiền cheo cưới vẫn duy trì để lấy tiền nộp quỹ cho làng dùng vào việc công, nhưng không quá nặng. Trai gái lấy vợ, lấy chồng khác làng tuy phải nộp tiền cheo nhiều hơn việc lấy vợ, lấy chồng người cùng làng nhưng không đáng là bao.

Trong thời kỳ có chiến tranh, việc hôn lễ trong nhân dân, nhìn chung vẫn giữ gìn được những mỹ tục của thời trước. Nhưng từ khi thực hiện cơ chế quản lý theo thị trường, ở một số nơi trong cả nước, việc cưới hỏi trong nhân dân, đặc biệt trong giới kinh doanh, trong một số gia đình cán bộ, viên chức, có quyền, có chức nảy sinh tệ ăn uống linh đình, rất tốn kém, có người cho rằng đó là do phong tục xưa để lại. Nghiên cứu các hương ước cổ thì dễ dàng khẳng định đó là sự xuyên tạc lịch sử.

Ở Việt Nam hiện nay tuy không phải là phổ biến nhưng vẫn còn nhiều hủ tục trong cưới hỏi. Ví dụ : lấy vợ, lấy chồng trước tuổi thành niên (tảo hôn), một người đàn ông cùng lúc lấy nhiều vợ (đa thê), một người đàn bà cùng lúc lấy hai, ba chồng ; chú, anh, em chết để lại vợ cho cháu, em, chú, mặc dầu người tiếp nhận người vợ của chú, anh, em để lại là quá trẻ, hay quá già so với người đàn bà nhưng vẫn phải lấy ; kết hôn với những

người có giòng máu trực hệ, thủ tục cưới xin quá nhiều khô và tốn kém ; cưỡng hôn, ép hôn, thách cưới, thương mại hoá việc cưới xin v.v... vẫn còn. Đặc biệt là tục cưới xin tốn kém, lãng phí về tiền, của còn xảy ra.

Những hủ tục trên đây đều đã bị các hương ước cổ lên án và không cho phép làm. Do đó hương ước đã có nhiều tác dụng trong việc bài trừ tệ nạn, hủ tục trong cưới xin.

Thông qua hương ước mới để đấu tranh bài trừ, ngăn ngừa hủ tục trong cưới xin phục hồi trở lại là biện pháp hay của cha ông ta đã làm. Bài học này cần được duy trì và phát triển.

3.2 . Về tang lễ

Chúng ta cũng tìm thấy những quan điểm tiến bộ được trình bày trong tục lệ của xã Lô Giao, nay thuộc huyện Đông Anh. Điều 74 của tục lệ Lô Giao long trọng tuyên bố: "Cõi nhân sinh không sợ đau đớn nào hơn là sợ tử táng. Trong làng xóm, không nhà ai tránh khỏi cái khốn nạn về sự tử táng. Trong nhà ai gặp cảnh ngộ ấy mà giết trâu, lợn làm cỗ bàn để mời dân làng ăn uống vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm con cháu như thế có đáng không? Chắc trả lời rằng không. Trong làng mình có người gặp cảnh ngộ ấy mà kéo nhau đến nhà hiếu chủ ăn uống no say, nói cười vui vẻ, thử hỏi lương tâm người làm dân làng như thế có yên không? Chắc cũng trả lời rằng không. Còn như việc hộ tang cho nhau là cái nghĩa cứu giúp, cái nợ đồng lặn mấy nhau; thói đòi bạc bẽo, khi có việc bày ra mâm cao cỗ đầy, ma to chạp lớn,

lấy thế làm đủ báo đáp cho cha mẹ, vinh hiển với hương quan, đến nỗi tốn trăm, tốn nghìn, mất nhà, mất ruộng cũng không quản ngại. Than ôi, khi cha mẹ còn sống không biết thờ, không biết nuôi, trong đạo hiếu dưỡng trăm điều không được một, đến khi các ngài tạ thế, tế trầu nọ, tế tuần kia, để giả nợ miệng cho thiên hạ, cũng không ích gì đến người chết, mà lại hại cho người sống, gọi là báo hiếu thế có lạ chưa! Cũng có người hay biết tục giỗ, song hoặc quen thói truyền nhiễm, hoặc e miệng thị phi, nhảm chịu là nhảm, đối không dám đối. Nay thì thương hiếu như làng thương dân, thời diễn thuyết thực tỏ tường... dân ta nên bảo nhau nhất luật tuân theo, chắc sau này nhà có tang dẫu thiệt người, những không đến nỗi thiệt của... Vậy các lệ tang định như sau này..."

Quan điểm tiến bộ này trở thành nguyên tắc chỉ đạo cho việc bãi bỏ những hủ tục trong ma chay.

Hương ước làng Tây Hồ, nay thuộc Quận Tây Hồ, có những điều quy định: "Tang lễ là việc buồn rầu đau đớn, theo thói quen đặt tiệc mời khách như đám hỏi vậy, thực là trái nết, xin bỏ thói tệ ấy đi (điều 106).

- Tang chủ nếu giàu có muốn mời mấy người thân tộc họ lễ thời cũng mặc lòng... (điều 107).

- Tang chủ chỉ đãi những người họ lễ và người giúp việc chứ không được mở tiệc mời làng (điều 108).

- Trước khi chưa chôn, dân làng chỉ dùng hương hoa đến thăm viếng mà thôi (điều 109).

- Hàng giáp đưa ma là giả nghĩa lẫn nhau, chính phận mình phải làm, trừ những người vắng nhà còn phải đi tất cả (điều 111).

- Dù người trong giáp hay người ngoài làng cũng vậy, khi yên táng xong rồi thời chào tang chủ ở ngay ngoài mộ địa rồi đâu về đấy không nên về nhà uống, ăn (điều 115).

- Làng chỉ được đem những món tiền ấy làm những việc ích lợi chung cả làng" (điều 117).

Điều 123 Hương ước làng Nội Châu, tổng Phúc Lâm, nay thuộc quận Đống Đa và điều 4 hương ước làng Lô Giao còn có điều quy định: "Người nào chết mà nghèo khó, không có thân thích trông nom về sự tống táng thì Hương hội trích tiền công giao cho mua ván và cất người tống táng cho người chết ấy. Người giáp nào, giáp ấy đi chôn cho tử tế không được nổi lời nặng nhẹ gì, thế mấy tròn nghĩa sinh giữ, tử táng trong giáp". Và điều 6 quy định: "Làng nên chọn một khu đất công, cao ráo, sạch sẽ, chung quanh giống cây để làm nơi nghĩa địa, không nên mê hoặc phong thủy, tìm chỗ này, chỗ khác, đã vô ích mà lại hại thêm".

Điều 13. Hương ước làng Lương Yên, nay thuộc quận Đống Đa quy định: "Việc tang ma chỉ hạn trong 3 ngày... Nếu nhà nào có con cái làm việc quan hay buôn bán xa chưa về kịp hay là có cơ gì phải chậm trễ, phải có lẽ chính đáng mới được, nhưng cũng không được để quá một chủ nhật".

Hương ước xã Cổ Nhuế, nay thuộc huyện Từ Liêm Hà Nội quy định chặt chẽ: "Trong làng ai mệnh một, bất cứ sang, hèn, giàu, nghèo, trong 24 giờ phải rước ra đồng. Trong thời gian ấy nhất thiết cấm ngặt không được tạ sự ra ăn uống, giết trâu, giết bò để thết đãi mời làng" (điều 44). Hương ước làng Lương Quán, tổng Cổ Loa, nay thuộc huyện Đông Anh quy định: "Khi có ai chết thì trong hạn 3 ngày phải đem mai táng, nếu chết về bệnh dịch thì phải chôn ngay trong ngày mới chết" (điều 74).

Số lượng quy phạm về tang lễ trong các hương ước khác nhau có số lượng ít, nhiều khác nhau nhưng đều giống nhau ở chỗ các hủ tục như bày trò ăn uống, tế lễ linh đình, kéo dài việc để người chết trong nhà đều bị bãi bỏ.

Người Việt Nam rất biết ơn công sinh thành nuôi dưỡng của cha, mẹ, ông, bà và công nuôi nấng, dạy dỗ giúp đỡ của người thân trong gia đình, trong họ, trong làng. Cho nên khi những người ấy chết thì người Việt Nam thường tỏ lòng thương tiếc vô hạn. Nỗi đau và thương tiếc ấy thường kéo dài trong nhiều ngày tháng chứ không phải là sự đau đớn, buồn rầu thoáng qua chốc lát ! Đây cũng là đặc điểm về tâm lý con người Việt Nam. Hơn nữa người Việt Nam rất trọng phần hồn. Trong cuộc sống, người dân Việt Nam có lòng tin tưởng ở sự phù hộ của ông bà, cha mẹ, của người thân. Ông bà, cha, mẹ, tuy đã quá cố nhưng theo tâm linh của người Việt Nam luôn luôn có mặt trong gia đình để phù hộ độ trì cho con cháu.

Mọi người Việt Nam thuộc mọi dân tộc đều tin tưởng như vậy. Cũng vì lẽ đó mà trước đây, cũng như ngày nay ở một vài nơi có tục lệ quan giữ quan tài lâu ngày trong nhà. Càng giữ được lâu ngày trong nhà thì càng chứng tỏ được lòng thương tiếc của con cháu. Nhưng dần dà nhân dân càng thấy đây là một phong tục rất có hại cho việc phòng bệnh, phòng dịch. Vì vậy các hương ước cổ đã ngăn cấm việc này bằng cách đưa ra những quy định không cho để quan tài lâu ngày trong nhà và không khuyến khích việc bày cỗ ăn uống linh đình trong dịp đưa ma. Nhân dân cũng thấy đây là những phong tục có hại vì vừa gây tốn kém cho tang chủ, vừa dễ gây dịch bệnh.

Một số hương ước cổ có đưa ra những quy định phân biệt đối xử đối với những người sinh thời có hành vi làm trái khoán ước, làm mất danh dự của làng xóm. Ví dụ những quan chức hàng xã, những tộc biểu lợi dụng chức vụ tham ô tài sản của công, những người đi làm nghĩa vụ binh dịch mà trốn lính, những kẻ trộm cướp v.v... thì khi chết không được Hội đồng tộc biểu và dân làng đến đưa ma. Chết mà không được làng xóm đi đưa ma mà là một tủi nhục lớn cho gia đình. Điều này có tác dụng răn đe rất hiệu nghiệm. Nhưng có lẽ nhận thấy hình phạt này là hơi quá đáng nên nhiều hương ước đã bỏ đi. Có hương ước quy định : “Nghĩa tử là nghĩa tận. Lúc có người trong thôn, trong giáp chết đi thì mọi người trong giáp, trong xóm đều phải đi đưa ma, không nên điều này tiếng nọ đối với người đã quá cố”. Điều quy định

này của hương ước lại trở thành một nếp sống đẹp, một mỹ tục mới trong nông thôn .

3.3. Các điều tôn trọng trong cuộc sống hàng ngày

Trong các hương ước của các địa phương thuộc Hà Nội ngày nay và trong nhiều hương ước cổ thuộc các địa phương trong cả nước đều thể hiện quan điểm chung của người Việt Nam trong đối nhân xử thế, có bốn điều coi trọng:

- Trọng thiên tước - trọng tước hiệu do trời ban phúc cho tức là trọng người già, người thọ lão.

- Trọng khoa tước - trọng những người học hành đỗ đạt, tức là tôn trọng trí thức.

- Trọng nhân tước - trọng những người được nhà vua ban cho phẩm hàm.

- Trọng hoạn - trọng quan tước của những người đang đảm nhiệm các chức vụ làm việc trong bộ máy nhà nước và tổ chức xã hội.

3.3.1. Tôn trọng người già - trọng thiên tước.

Luôn tôn trọng - tôn trọng với tấm lòng thành kính người già là một đặc điểm tâm lý phổ biến trong ứng xử của người Việt Nam. Người có chức tước, phẩm hàm dù cao đến bậc nhất, nhị phẩm mà tỏ ra vô lễ với người già đều bị chê trách. Theo quan điểm của người Việt Nam, tôn trọng người già đó là điều tích đức cho chính bản thân mình. Trong tất cả các hương ước đã sưu tầm được, hương ước nào cũng có những điều quy định về miễn nghĩa vụ tạp dịch và tặng áo mũ cho các cụ già.

Các hương ước đều quy định đàn ông đủ 60 tuổi đều được miễn mọi nghĩa vụ lao động công ích như tuần tra, canh gác, tạp dịch và được miễn tiền sưu và mọi việc phục dịch khác. Có nơi quy định từ 50 tuổi trở lên là được lên lão và được miễn lao động công ích, được giảm một nửa tiền sưu. Tục lệ làng Phúc Xá nay thuộc quận Ba Đình quy định rằng các cụ bô lão không có tỳ tích gì (tức không vi phạm hương ước hoặc luật pháp - ghi chú tác giả) khi đến 70 tuổi dân làng tặng một cái gậy trúc giá 3\$00 và khi đến 80 tuổi thì tặng một cái mũ ni giá 3\$00 và khi đến 90 tuổi thì tặng một bức hoành giá 10\$00 (điều 53). Có hương ước quy định việc biếu tặng này năm nào cũng có. Hương ước xã Yên Lãng, tổng Thanh Nhân nay thuộc quận Đống Đa quy định: Hương lão 50 tuổi được biếu một cái nạng (!) và trừ một nửa suất sưu. Hương lão 70 tuổi được biếu một cái mũ ni bằng vóc, một cái áo thụng the đỏ (điều 16). Hương ước làng Võng Thị nay thuộc quận Ba Đình quy định: "Trong làng ai đến tuổi 90 thời làng trích công quỹ may một mũ bằng vóc, một cái áo lụa đỏ, để kính biếu gọi là kính thọ" (điều 21). Trong hương ước các làng Kim Nỗ, Cổ Loa, Lương Quy thuộc huyện Đông Anh có điều quy định đặc biệt... "Không phải có món tiền khao vọng mới có vị thủ... Hạng lão từ 70 tuổi giở lên sự hy vọng trên đời thì ít, chỉ trông nom vào con cháu thì nhiều, hễ cứ sống thêm một tuần lại mất thêm một món thì trước là trái nghĩa thượng sĩ, sau nữa người ta khó theo. Vậy lễ vọng tiền như trước miễn hẳn". Như vậy, theo Hương ước cổ người già được miễn mọi lao động công ích, giảm

sưu thuế và cả các khoản đóng góp về tiền bạc nữa. Đây là những quy định rất tiến bộ, đặc biệt trong hoàn cảnh xã hội chưa được phát triển giàu có như ngày nay.

3.3.2. Tôn trọng trí thức - trọng khoa

Tôn trọng trí thức là một đặc điểm trong ứng xử chung của người Việt Nam. Trọng khoa (Trọng đãi người khoa giáp, đỗ đạt - chú thích của tác giả) là những điều được các hương ước đề cập đến. Hương ước làng Nhật Tân nay thuộc Quận Tây Hồ quy định: "Người nào đỗ được Cử nhân, Tiến sĩ thời dân tôn lên bậc nhất..." (điều 130) hoặc "Trong làng ai Cử nhân, Tiến sĩ làng tôn chiếu thứ nhất, ngồi trên chúc sắc" (điều 135).

Trong bốn điều được coi trọng thì việc trọng thiên tước được đặt lên hàng đầu. Tiếp đến là khoa tước, nhân tước, hoạn tước được xếp cuối. Điều này được thể hiện trong các điều nói về vọng lão, khao vọng v.v.. Trong nhân dân thường lưu truyền câu nói: "Quan nhất thời, dân vạn đại" cũng xuất phát từ quan điểm đó. Điều 20 hương ước xã Vọng Thị nay thuộc quận Ba Đình quy định: "Trong làng người nào nhiều tuổi hơn cả, thông hiểu Hán tự thì được làm tế chủ, cùng là những người khoa mục và những người có phẩm hàm cao nhất. Nếu những người ấy đi vắng thì cất xuống người dưới".

Người Việt Nam trong thời đại hiện nay vẫn giữ những điều coi trọng ấy: Tôn trọng người già; tôn trọng những người có văn bằng, học vị, trí thức; tôn trọng những người được Nhà nước phong tặng các danh hiệu

vẻ vang như anh hùng quân đội, anh hùng lao động, dũng sĩ, nghệ sĩ ưu tú, nhà giáo nhân dân v.v... tôn trọng những người giữ các cương vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước ở Trung ương và địa phương. Đó là những đức tính tốt từ xưa truyền lại cần được tôn trọng, giữ gìn và phát triển. Biết noi gương và kính trọng người già, người có trí thức, người có công, người đang làm nhiệm vụ của Nhà nước, của xã hội... là những đức tính của những con người mong cầu tiến bộ, những người thanh lịch, những con người có văn hoá cao trong xã hội văn minh ngày nay.

3.4. Lối hoà làm trọng - dĩ hoà vi quý

Trần Hưng Đạo, vị tướng tài của đất nước Việt Nam đã có câu nói nổi tiếng được ghi lại trong sử sách : “ Hoà mục có công hiệu rất lớn cho công cuộc trị an : Hoà ở trong nước thì ít dùng binh, hoà ở ngoài biên thì không sợ có báo động. Bất đắc dĩ mới phạt kẻ làm xằng. Vua tôi hoà mục thì làm nên công nghiệp. Tướng sĩ hoà mục, khi được ban thưởng sẽ nhường nhặn nhau, nguy nạn sẽ cứu nhau. Do đó hoà mục là một đạo rất hay cho việc trị nước, hành binh không bao giờ đổi được ”¹

Hoà mục - trong tâm trí của người Việt Nam không đơn thuần là tính tốt, nết tốt của con người. Hoà mục mà ngày nay chúng ta nói là đoàn kết, yêu chuộng, chung sống hoà bình, sẵn sàng làm bạn với tất cả những ai muốn làm bạn, sẵn sàng gạt bỏ sang một bên mọi

1. *Bình thư yếu lược*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1970, tr.10.

hận thù cũ v.v... trở thành đường lối, trở thành quốc sách như Trần Hưng Đạo - một vị thống lĩnh quân sự rất nổi tiếng về những võ công hiển hách nhưng lại rất nhuần nhuyễn về chính trị, ngoại giao, đã nêu ra cách chúng ta trên bảy trăm năm lịch sử.

Việc lấy hoà làm trọng được người dân Việt Nam rất coi trọng còn có nhiều lý do nữa.

Có giữ được hoà mục thì mới có thể đoàn kết được với nhau. Với những đặc điểm và hoàn cảnh, điều kiện dựng nước và giữ nước của mình, người Việt Nam đã bao đời nay rút ra được kết luận rằng : "Đoàn kết là sống mà chia rẽ là chết". Đất nước mà chia rẽ thì kẻ thù ngoại xâm lập tức xuất hiện. Làng xóm mất đoàn kết thì đời sống không yên. Có đoàn kết thì mới có đủ sức để chống giặc ngoại xâm, mới đề phòng và ngăn ngừa được trộm cướp, mới có sức mạnh để chống thiên tai.

Bên cạnh các lý do trên, sống chung trong một cộng đồng hương thôn, các thành viên thường có những quan hệ gần gũi, như cùng họ, cùng chi, cùng nhánh, cùng phái, v.v... Cho dù khác họ bên nội, các thành viên cũng có những quan hệ về họ bên vợ, bên mẹ, bên bà, tức bên ngoại mà người nông dân thường nói "phi nội, tắc ngoại", những quan hệ gần gũi, đan chéo nhau như dây mơ rễ má. Cùng xóm, cùng giáp, cùng thôn cùng làng, cùng là anh em trong một gia đình, trong cùng một phái một chi, một họ, nếu không phải cùng họ nội cũng là người cùng họ bên ngoại. Tất cả những cái "cùng" ấy đã ràng buộc người dân ở nông thôn lại trong những mối

quan hệ thâm giao. Một người nghe theo, nhất là người tộc trưởng, trưởng họ nghe theo thì cả họ, cả làng đều nghe theo. Vì vậy, trong những trường hợp có xảy ra tranh chấp, xích mích thì người dân nông thôn thường lấy việc hoà giải làm đầu. Họ giải quyết theo tinh thần "Người trong nhà đóng cửa bảo nhau". Rộng hơn là người cùng xóm, cùng làng bảo nhau.

Điều này cũng được thể hiện ra trong các hương ước bằng một số điều quy định cụ thể. Hương ước của hầu hết các nơi đều có những điều quy định như: Trong làng ai kiện cáo về dân sự hay thương sự, trước phải tường hội đồng để hoà giải. Nếu đôi bên thoả thuận được với nhau thì Hương lý lập biên bản giao cho lý trưởng đem đến trình quan sở tại. Nếu hoà giải không xong mà hương lý phải đi khai báo gì về việc hai bên kiện nhau, thời bên nào thua kiện phải chịu tiền lệ phí. (Hương ước các làng Tượng Mai, An Hoà, Thổ Khôi, Nghi Tâm v.v..). Có hương ước lại quy định nếu quan trên xử khác với điều mà hội đồng đã hoà giải thì thôi, nếu xử như hội đồng đã xử thì người đi kiện còn phải chịu thêm một khoản tiền phạt nữa (điều 11 hương ước làng An Hoà).

Điều 49 hương ước làng Thổ Khôi nay thuộc huyện Gia Lâm quy định vấn đề này rất tỷ mỉ: "Viên hội trưởng tiếp ai trình thời phải mở hội đồng, lấy nhẽ chính đáng và tình thân ái hoà giải cho hai bên. Nếu bên nào trái thì tuỳ việc phạt tiền giấy bút từ 0\$10 đến 0\$50 bỏ quỹ... Nếu tuần phu bắt được những người cãi, chửi nhau, đã răn bảo không nghe, đem trình lý dịch

thời nghị phạt trước cả hai bên, mỗi bên 0\$10 rồi phân giải, bên nào trái, gia phạt 0\$20 nữa bỏ quỹ để trừ thói chửi nhau...".

Trong hương ước làng Phú Thứ nay thuộc huyện Từ Liêm còn có hai điều nhằm giữ gìn sự yên ổn, hoà thuận của làng với nội dung: "Cấm trong làng từ 8 giờ tối trở đi không ai được cãi nhau to kêu đến làng nước. Nếu ai phạm cấm ấy thời hội đồng phạt 0\$20 sung công quỹ" (điều 53) và "trong làng ai kiện vu cho ai điều gì, quan xét ra quả thực thì phí tổn bao nhiêu cứ người vu cáo chịu, lại cấm không được dự đình chung, tế sự trong một năm (điều 54).

Điều 33 hương ước làng Phúc Xá nay thuộc quận Ba Đình có quy định thành lập "Hội đồng hoà giải gồm 3 người:

- Một viên làm chủ tọa, kén ở trong Hương hội, người nào thông hiểu luật lệ thì sung làm chức ấy.
- Một viên phụ thẩm cùng kén ở trong các tộc biểu.
- Một Ông cụ trong các bô lão làng.

Lý trưởng cũng được dự vào Hội đồng hoà giải để thêm ý kiến của Hội đồng tiện phân xử. Hội đồng hoà giải thì bầu trong một hạn ba năm theo với hạn lệ Hương hội".

Các quy định của hương ước cổ cho thấy rằng người Việt Nam đặc biệt quý trọng cuộc sống hoà thuận, hoà thuận trong gia đình, hoà thuận trong họ, ngoài làng, cả nước một lòng. Người Việt Nam ngày nay vẫn còn nói:

thuận vợ, thuận chồng tát bể đông cũng cạn. Càng trân trọng lối sống hoà thuận, người Việt Nam đặc biệt chê trách những con người hay sinh sự kiện cáo. Những việc như: Cha mẹ, con cái kiện cáo lẫn nhau, vợ chồng đưa nhau đến cửa quan, anh em trong gia đình, trong họ, người cùng làng đưa nhau đến Toà án bị coi là những điều bất hạnh lớn. Câu nói: "Vô phúc đáo tụng đình" là sự thể hiện quan điểm, thái độ của người Việt Nam đối với việc tranh chấp, kiện cáo trong gia đình tại Toà án.

Tại đình làng Thổ Khối, nay thuộc huyện Gia Lâm còn lưu giữ một bức hoành phi ghi thờ bốn chữ : " Dĩ hoà vi quý " nghĩa là lấy hoà làm quý. Dân trong làng ngày nay vẫn giữ được truyền thống sống hoà hợp với nhau. Trong làng, từ xưa đến nay ít xảy ra tranh chấp cãi cọ. Trong làng trước đây có vị vốn là người có học, là quan chức của chế độ cũ, đã từng có quan điểm hành động chống lại chính quyền cách mạng. Nay họ trở về quê hương, sống những ngày cuối đời với dân làng, họ vẫn được sống trong vòng tay của dân làng mà không hề có sự mặc cảm vì bị phân biệt đối xử .

Đã thành nếp, tuyệt đại đa số người dân Việt Nam đều không muốn cãi cọ, kiện cáo. Nhiều người cho rằng " sinh sự thì sự sinh ". Rất nhiều người Việt Nam, đặc biệt là lớp người đứng tuổi và lớn tuổi đều chuộng sự hoà giải khi có sự va chạm, xích mích. Trong cuộc sống làm sao tránh được khỏi sự đụng chạm lẫn nhau. Giữa vợ chồng, cha mẹ với con cái, giữa bạn bè, hàng xóm láng giềng với nhau, giữa những người cùng làm trong

một cơ quan công sở, dù có cố gắng đến mấy cũng không sao tránh khỏi có lúc xung khắc nhau, mâu thuẫn nhau về quyền lợi.

Nếu chú ý hoà giải thì việc to sẽ trở thành bé, việc bé trở thành điều dễ dàng cho qua và hoà khí sẽ trở lại. Ngược lại nếu không biết cách hoà giải thì việc nhỏ trở thành việc lớn, việc có thể dàn xếp nội bộ thì phải đem nhau ra Toà án, mâu thuẫn bình thường trở thành gay gắt.

Tiếp thu kinh nghiệm của cha ông về vấn đề hoà giải đã được ghi trong các hương ước, nhiều địa phương đã làm tốt công tác hoà giải. Vụ việc kiện cáo phải đưa ra Toà giảm hẳn, có nơi giảm đến 80%- 90% các việc tranh chấp phải giải quyết bằng con đường Toà án.

Tinh thần hoà giải trong các hương ước cổ cần được nghiên cứu để duy trì và phát triển trong xã hội ngày nay nhất là khi đất nước đã chuyển sang nền kinh tế thị trường.

3.5. Bài trừ hủ tục

Song song với việc nuôi dưỡng, khuyến khích thuần phong mỹ tục, trong một số hương ước của các địa phương thuộc Hà Nội ngày nay, còn quy định việc bài trừ thói hư tật xấu trong làng. Xây dựng cái tốt đồng thời phải chú trọng bài trừ cái xấu, đó là điều mà các hương ước thường chú trọng.

Khoản C điều 57. Hương ước xã Yên Lãng, tổng Thanh Nhân nay thuộc quận Đống Đa quy định: "Đàn

bà con gái tự nhiên vô cớ mà sinh sự chửi rủa nhau hay là gây sự ẩu đả nhau mà bị thương tích thì bên nào lỗi phải phạt 0\$40 sung quỹ. Nếu không chịu, còn lỗi thôi nữa phải phạt 0\$50 sung công quỹ".

Trong hương ước xã Ngọc Trục, tổng Đại Mỗ nay thuộc huyện Từ Liêm còn có những điều quy định: "Cấm chỉ dâm phong. Phàm những thói dâm phong nhất định nghiêm cấm. Nếu con gái phạm luật hoa gian, đàn bà con gái phạm luật hoang thai đều là sự can phạm luân lý cả, thì phải phạt cả hai bên từ 0\$50 đến 1\$00 sung quỹ (điều 50).

"Cấm vu cổ quái thuật. Phàm những đồng cốt quàng xiên, bùa bèn đều là phạm luật bất kính thần linh. Nếu trong làng, nhà nào có cúng bái đánh trống, phụ đồng thì phải xin phép viên chánh Hương hội và lý dịch. Nếu ai không tuân theo thì phạt 0\$30 sung quỹ" (điều 51).

Trong hương ước làng Thổ Khối nay thuộc huyện Gia Lâm có điều quy định: "... Nếu trái đạo, như con cháu cãi mắng ông bà, cha mẹ, hay em cãi mắng anh, cháu cãi mắng bác, chú, cô, cậu, thím, mợ, dì, và vợ cãi mắng cha mẹ chồng mà lại đánh nhau nữa, hay là không phụng dưỡng bậc trên già yếu, giúp đỡ bậc dưới khó nghèo, ai mà phạm vào bậc nào, bắt được chứng cứ phân minh thời lần đầu... phạt 1\$00 bỏ quỹ... lần thứ hai bội phạt, nếu đến lần thứ ba mà không chịu phạt thời làm giấy trình quan trừng trị. Còn trẻ con hễ ra đường, trưởng giả không cứ là ai đều phải thụ lễ kính nhường" (điều 100).

Trong hương ước làng Dịch Vọng nay thuộc Quận Cầu Giấy có những điều rất chi tiết về việc bài trừ thói hư, tật xấu như: "Trong làng người nào bất hiếu, bất mục để cha mẹ phải tường Hội đồng thì phạt người ấy 1\$00 sung công... Nếu tái phạm phạt bội nhị (tức phạt gấp đôi - chú thích của tác giả), còn như ai đánh nhau nằm vạ kêu làng nước... Hội đồng xét ra người nào trái nhẽ phạt một hào sung công... " (điều 19) hoặc "Trong làng ai mà trêu ghẹo đàn bà con gái, bắt được đích thực, Hội đồng phạt 1\$00... nếu ai mà gian dâm phạm đức cương thường luân lý thời phạt 3\$00 sung công" (điều 17) hoặc "... khi đi việc làng hay là đi ăn uống nơi đám xá thì quần áo phải sạch sẽ, ăn nói phải ý nhị, đứng ngồi phải tôn nhường. Nếu ai tranh ăn, tranh uống, tranh phần, tranh chỗ hay say rượu nói càn to tiếng chửi người này, người khác thì Hội đồng phạt một hào sung công, nếu tái phạm thì phạt nhất bội nhị..." (điều 18).

Trong hương ước làng Nghi Tàm nay thuộc Quận Tây Hồ cũng có những điều với nội dung như hương ước nhiều làng khác trong vấn đề giữ gìn thuần phong, mỹ tục và bài trừ thói hư, tật xấu: "Ở chốn hương đảng thời người đàn em phải kính trọng bậc tôn trưởng. Ở trong gia tộc thời con em phải kính trọng bậc phụ huynh. Nếu người nào ăn ở trái đạo luân thường mà can hình luật trừng trị cũng là những người can án việc trộm cướp thời phạm người làng ở đình trung không nên ăn ngồi với những người ấy" (điều 51) hoặc "... Trong những khi họp việc làng về những việc tế lễ yến ẩm hay hội bàn

một việc, công dân dù ở nơi công sở, hay là ở một tư gia đều phải thượng mực hạ hoà, không cứ đàn anh, đàn em, người nào say rượu nói càn thời Hương hội nghị phạt từ 0\$20 đến 1\$00.

Việc các Hương ước cổ dành ra những điều cụ thể nhằm bài trừ thói hư, tật xấu trong nông thôn chứng tỏ rằng người Việt Nam luôn quan tâm đấu tranh, đấu tranh không ngừng với cái xấu để hoàn thiện nhân cách con người. Người với người, đặc biệt là người cùng làng, cùng nước, cùng dân tộc trước hết phải luôn hướng về cuộc sống hoà bình, nhân nhượng, tôn trọng lẫn nhau, biết nhường nhịn lẫn nhau. Những hành vi như gây lộn, chửi đánh nhau, làm huỷ hoại trong thôn xóm không phải chỉ bị chê bai mà còn bị xử phạt. Ở trong gia đình và ra chốn đình trung, chỗ đông người phải luôn biết cư xử là người mực thước như ăn nói ý nhị, ăn mặc sạch sẽ, không tranh ăn, tranh uống v.v. luôn luôn được răn dạy để mọi người ghi nhớ.

Những điều ngăn cấm như vậy, được tôn trọng và duy trì từ đời này sang đời khác. Điều đó trở thành nếp sống văn minh và hun đúc lại thành những đặc điểm của dân tộc chất phác, thuần hậu trong suy nghĩ, ý nhị, tinh tế, lịch thiệp, yêu chuộng hoà nhã trong giao tiếp.

Bài học của hương ước cổ trong đấu tranh chống thói hư, tật xấu, hủ tục là chỗ động viên được mọi người trong làng cùng tham gia đấu tranh.

Hỗn lảo, với ông bà cha mẹ, chồng đối xử vũ phu với vợ, vợ lăng loàn với chồng với gia đình nhà chồng, con

gái làng lơ không chịu trau dồi tính nết, con trai đến tuổi không chịu chăm lo học hành, không chịu bói công tìm việc, ngày tháng rong chơi ... theo quy định của các hương ước cổ đó không phải là việc riêng của từng gia đình. Trái lại đã là người cùng làng, cùng xóm thì ai cũng có trách nhiệm can ngăn. Tiếc thay từ ngày hương ước bị đặt ra bên lề cuộc sống thì trong tâm lý nhiều người đã nảy sinh ý nghĩ rằng những việc đó đã có nhà chức trách lo. Đây là một trong những điều kiện, nguyên nhân làm cho tình trạng tiêu cực trong làng xóm, trong nhân dân khối phổ tăng lên. Vì những người có tính nết không thuần hậu ấy, không còn kiêng dè dư luận nữa.

Đã đến lúc phải khôi phục lại bài học của cha ông là huy động xã hội phải có trách nhiệm tích cực tham gia phòng chống các hủ tục, các hiện tượng tiêu cực trong nhân dân. Bằng cách như vậy thì xã hội ta mới có thể hạn chế được các hiện tượng tiêu cực một cách chủ động nhất. Nếu không theo con đường này thì dù có tăng thêm biên chế của các cơ quan chức năng nhiều bao nhiêu đi nữa cũng không làm được hết.

4. Hương ước, lệ làng với việc nâng cao dân trí, dân chí

Phi trí bất tiến - nghĩa là không có trí thức thì xã hội không tiến bộ được. Đây là câu nói thể hiện một cách cô đọng nhất quan điểm của cha ông ta về vai trò, tác dụng của việc nâng cao dân trí và dân chí trong dân. Người Việt Nam rất coi trọng việc học hành. Các vị vua anh minh của Đại Việt cũng rất chăm lo áp dụng đường

lối và các biện pháp mở mang dân trí và nâng cao dân trí.

Nước Việt Nam là nước sớm có trường đại học để đào tạo nhân tài. Từ thế kỷ XI các Vua Lý đã cho mở trường Quốc tử giám - tức là trường đại học đầu tiên của nước Đại Việt và cho mở các khoa thi để lựa chọn nhân tài cho đất nước. Các triều đại phong kiến về sau vẫn noi theo.

Các nhà Vua đều bắt buộc các quan trị nhậm ở các địa phương cũng phải làm cho dân trí được mở mang, song song với việc làm cho dân được sung túc về mặt lương thực, được yên ổn về mặt đời sống.

Sử liệu ghi lại rằng, khi được triều đình giao nhiệm vụ khai hoang lập ấp tại Thái Bình, vào năm 1829, Nguyễn Công Trứ đã làm sớ tâu Vua cho áp dụng những điều khuyến học như sau :

“ Mỗi ấp, mỗi làng đều dựng nhà học. Làng thì lấy ruộng 10 mẫu, ấp thì lấy 8 mẫu làm học điền, miễn đánh thuế. Ruộng học ấy phải góp sức cùng làm, đầy năm thu hoạch lúa làm học bổng. Người đến 8 tuổi thì cho vào trường học, dạy cho các việc quét rửa, ứng đối, tới lui, các phép : hiếu, trung, tín, kính, nhường rồi sau mới dạy văn hữu. Đến khi 16 tuổi đã hơi thành tựu thì theo thứ tự mà cho lên trường huyện, phủ trấn. Nếu học không được thì cho đổi nghề khác. Trại thì lấy 5 mẫu, giáp lấy 3 mẫu mà phụ vào ấp hay làng ”¹.

1. Xem *Đại nam Thực lục chính biên*, tr. 220 - 221

Như vậy, theo quan điểm của các cơ quan Nhà nước Việt Nam thời cổ thì trách nhiệm mở mang dân trí, nâng cao dân chí trước hết là trách nhiệm của Nhà nước, của xã hội. Đó là việc làm vì quyền lợi lâu dài của đất nước. Nhà nước và xã hội phải có trách nhiệm dành ra những khoản vật chất để chăm lo cho việc này.

Điều này đã được thể hiện trong các hương ước cổ. Hương ước các làng đều dành một số ruộng công để làm học điền.

Hương ước làng Thọ Đa, tổng Hải Bối, nay thuộc huyện Đông Anh quy định trích từ ruộng công của làng một mẫu, bảy sào mười thước làm học điền để cấp lương cho thầy giáo dạy học cho trẻ em trong làng.

Hương ước làng Nội Châu quy định lấy 4 mẫu ruộng công làm học điền.

Hương ước làng Tây Mỗ, huyện Từ Liêm khẳng định : “ Từ thượng cổ, làng có đặt “ Giải điền “. Ai đỗ tiến sĩ thì làng biếu... Nay định lại để giữ lấy cái mỹ tục ấy ” (điều 117).

Theo các hương ước cổ, ruộng đất quân điền cấp cho mỗi dân đình thường là không quá 3- 5 sào. Nhưng làng đã dành ra hàng mẫu cho học điền quả là một cố gắng lớn. Chỉ với tinh thần, quan điểm coi trọng việc mở mang dân trí, nên dân làng mới đồng lòng làm được như vậy.

Các hương ước không dừng lại ở việc dành ruộng làm học điền mà còn trích tiền công để giúp đỡ học sinh

nghèo, để làm phần thưởng cho những người đỗ đạt nữa.

Điều 38 hương ước làng Nghi Tàm quy định : “ Đệ niên hương hội nên tùy theo tình hình tài chính của làng mà dự định một số tiền để khuyến khích việc học, một phần dùng để trợ cấp tiền bút giấy cho học trò nghèo, một phần để mua sách vở phát phần thưởng cho những học trò tấn tới. hương hội sẽ trích tiền công mua các sách cần dùng cho các học trò nghèo mượn. Khi học xong thời trả lại làm của công. Người nào làm hư hỏng, đánh mất thời bố mẹ phải mua đền ”.

Cùng với việc xác định trách nhiệm của cộng đồng, các hương ước đều quy định trách nhiệm của gia đình đối với việc học hành của con em.

Các hương ước đều khẳng định : “ Dạy trẻ con có học thức là nghĩa vụ của người làm phụ huynh, không ai được từ chối ”. Hầu hết các hương ước đều quy định trẻ con đến 8 tuổi đều phải đi học. Có nơi quy định 7 tuổi (hương ước làng Nghi Tàm). Có nơi quy định 6 tuổi (hương ước xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì ; thôn Yên Trai, xã Vân Canh, huyện Từ Liêm).

Kính trọng thầy giáo là một nghĩa vụ của học sinh, của cha mẹ học sinh rất được các gia đình người Việt Nam hết sức chăm lo giữ gìn . Trong nhân dân thường truyền tụng câu nói mang tính phong tục, là một mỹ tục rất đẹp rằng : “ Mong một cho cha, mong hai cho mẹ, mong ba cho thầy ”. Mọi người Việt Nam, trong dịp tết âm lịch phải dành thì giờ thăm viếng lẫn nhau. Ngày

mồng một tết, các người con phải lo đến chúc tết những người bên nội, ngày mồng hai tết thì đi chúc tết bên ngoại. Ngày mồng ba tết là đến chúc tết thầy giáo của mình .

Điều này cũng được thể hiện trong các hương ước. Trong hương lệ làng Quỳnh Đôi thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An có những điều quy định :

“ Điều 2 : Ngày mồng một tết, mỗi nhà kính bái ông bà, cha mẹ mình xong rồi, thời nhà này đến nhà nọ bưng một coi trầu đi lễ tết bên nội, bên ngoại

Điều 3 : Ngày mùng hai quan viên chúc sắc đi lễ tết nhà thờ, các cụ đồ đại khoa, ai là học trò thầy nào thì đến nhà thầy học lễ tết, không kể thầy còn sống hay đã chết ”.

Quy định này của hương ước từ xa xưa vẫn còn lưu lại đến ngày nay. Trong nhân dân ta vẫn còn thấy những vị tướng, những quan chức cấp cao của Nhà nước, những người có học vị cao, tuy tuổi đã già nhưng vẫn nhớ đạo nghĩa thầy trò đến thăm thầy học cũ của mình. Những buổi gặp gỡ này thật là cảm động. Đó là một mỹ tục lâu đời mà nhân dân Việt Nam hiện còn giữ được .

Bên cạnh việc khuyến khích tinh thần uống nước nhớ nguồn, giữ trọn đạo nghĩa thầy trò, các hương ước còn có những điều quy định nhằm khuyến khích công lao những người có công nuôi dạy nên những nhân tài cho đất nước .

Điều 132. hương ước làng Khương Hạ nay thuộc

huyện Thanh trì quy định : “ Nếu người đàn bà nào nhà nghèo chịu khó làm ăn cấy cửi nuôi chồng con học hành được nên danh phận thì dân sẽ có chiếu riêng để khi đình đám phải mời những người ấy ra đình lễ thần nghe hát ” .

Một số hương ước khác cũng có điều quy định tương tự .

Đây quả là một hiện tượng đặc biệt. Điều quy định này dành riêng cho phụ nữ. Do có công lao trong việc nuôi chồng, con học hành được nên danh phận, nên dẫu là phụ nữ những vẫn được làng dành cho chiếu riêng, trang trọng không kém gì các nam giới có thứ vị cao trong làng, ở chốn đình trung. Đây quả là một hình thức động viên khuyến khích rất độc đáo và có hiệu quả của người dân nông thôn Việt Nam đã nghĩ ra được .

Một người Mỹ sau khi được giới thiệu nội dung quy định của điều này trong hương ước , đã phát biểu những cảm nghĩ của mình với tác giả quyển sách này rằng, giờ đây tôi mới hiểu tại sao Việt Nam luôn có nhiều học sinh đoạt giải cao trong các kỳ thi quốc tế. Nước Mỹ chúng tôi thường tự hào là nước đóng góp nhiều nhất cho UNESCO, là nước có ngân sách giáo dục chiếm tỷ lệ cao trong ngân sách chi tiêu của Nhà nước, nhưng trong nhân dân chúng tôi chưa hẳn có ai đã nghĩ ra được những điều tương tự như những người nông dân chất phác của Việt Nam. Nước Mỹ và nhiều nước khác chưa hiểu hết sự phong phú, đa dạng của nền văn hoá Việt Nam.

Bên cạnh việc khuyến khích mở mang dân trí, các hương ước cổ còn có những điều quy định nhằm nâng cao dân chí, tức là những điều khuyến khích lòng hăng hái lập công, làm điều có ích cho xã hội.

Hương ước làng Tây Mỗ có điều quy định như sau : “ Sẽ lập một cái bia bằng đá ... để ghi chép tên tuổi và công nghiệp của những hạng người này :

1. Có công to với làng về đường tinh thần (như làm cho trí thức dân làng tăng lên) hoặc về đường vật chất (như là giúp tiền của cho dân làng làm những việc to tát)

2. Sinh được kỹ nghệ mới, có ích cho sự sinh kế của dân làng

3. Giữ được sự ổn định cho dân làng trong khi nghiêm trọng nhiều trộm cướp

4. Chu cấp cho dân vào những năm đói kém

5. Các quan tỉnh trở lên, các ông đồ tiến sĩ trở lên ...”

Điều 41. hương ước thôn Thượng Văn, xã Ngọc Trục nay thuộc huyện Từ Liêm quy định : “ Người nào có công ơn to với dân như là lập trường học, nhà thương hay là quyên trợ về công ích cho làng cùng là người nào nghĩa khí như là đánh trộm cướp, không may mà chết tận trung với dân thì đồng dân lập bia kỷ niệm khắc tên người ấy vào và kể rõ những công trạng gì rồi dựng ở đôi bên tả hữu đình vũ ấy . Hội đồng cử một người đọc bia diễn văn trung niên công đức ”.

Qua một số điều của hương ước được nêu ra, chúng

ta thấy cộng đồng cư dân rất coi trọng và có những biện pháp tuy đơn giản nhưng rất trang trọng và đặc biệt có hiệu nghiệm trong việc động viên ý chí mạnh mẽ, khuyến khích lòng hăng say, nhiệt tình của từng cá nhân, thành viên đối với lợi ích của cả cộng đồng.

Các công việc mà ngày nay chúng ta nói là người tốt, việc tốt đều được ghi lại ở chỗ trang trọng nhất của dân làng là đình làng. Không những vậy, cứ đến kỳ hội họp, ngày lễ tập trung ở đình, thì công đức của những người ấy đều được tuyên đọc cho mọi người đều biết. Do vậy những gương tốt về người tốt, việc tốt sống mãi trong lòng dân làng.

Tinh thần hiếu học, trí thông minh, lòng biết ơn của người dân Việt Nam đối với những người có công với đất nước mà hiện nay đã làm cho nhân dân nhiều nước trên thế giới khâm phục qua các kỳ thi toán, tin học, vật lý của học sinh Việt Nam, một phần rất lớn là xuất phát từ sự nâng đỡ, chấp cánh của Nhà nước nói chung và của từ cộng đồng gần gũi nhất của những người làm nên danh phận.

Người dẫu có thiên tư thông minh bẩm sinh nhưng sống trong môi trường không thuận lợi thì không sao làm nên được công trạng. Các gia đình Việt Nam đều có truyền thống hy sinh, chịu đựng tất cả để cho chồng, con học hành. Người Việt Nam cho rằng để tiền, để của không bằng để chữ lại cho con.

Những phát minh sáng tạo, sáng chế của người Việt Nam chắc chắn là có nguồn gốc xuất xứ và là kết quả

của chủ trương, truyền thống khuyến khích việc học, việc nghĩa từ xa xưa truyền lại. Hương ước là công cụ để khuyến khích và duy trì các truyền thống tốt đẹp đó .

Một con người thông minh, một dân tộc thông minh không phải là nhờ ơn thần, lộc thánh hoặc quà tặng của trời ban cho . Đó là kết quả tất yếu của một đường lối biết nhìn xa, trông rộng về khuyến khích mở mang dân trí và dân chí, về trọng đãi trí thức mà tổ tiên Việt Nam rất coi trọng .

Các thế lực xâm lược nước ngoài, khi đặt được ách đô hộ cai trị của chúng lên đất nước Việt Nam, thì điều đầu tiên chúng thường làm là lấy chính sách ngu dân, truyền bá đồi phong, bại tục để làm tha hoá dân tộc Việt Nam. Đó là chính sách nhất quán của các thế lực xâm lược xưa và nay .

Thật hạnh phúc và may mắn cho hậu thế chúng ta vì tổ tiên Việt Nam đã sớm nhận biết tầm quan trọng của việc mở mang dân trí và dân chí và biết tôn trọng vốn quý của đất nước là các nhà trí thức .

Về mặt kinh tế, về mặt đời sống thì nhân dân Việt Nam hiện còn nằm ở quãng cách xa so với các nước phát triển. Nhưng về trí thông minh, về lối sống nhân hậu thì các dân tộc Việt Nam không thua kém bất cứ dân tộc nào trên thế giới .

Với chủ trương xã hội hoá việc nâng cao dân trí, dân chí mà cha ông ta đã thông qua các hương ước để thực hiện rất thành công. Đây là bài học quý giá của tổ tiên

để lại cho chúng ta làm theo, đừng đưa đất nước ta phát triển lên những đỉnh cao mới .

5. Hương ước, lệ làng với việc bảo vệ môi sinh và môi trường

Môi sinh và môi trường và nghĩa vụ bảo vệ môi sinh, môi trường là những khái niệm mới xuất hiện trong thời gian có sự bùng nổ các cuộc cách mạng Khoa học kỹ thuật. Nhân loại đã có sự cảnh báo về sự suy thoái môi sinh môi trường khi môi sinh, môi trường đã ở vào tình trạng quá tồi tệ và khó lòng cứu chữa.

Tổ tiên người Việt Nam không dùng những danh từ môi sinh, môi trường, nhưng qua những điều quy định trong hương ước, các cộng đồng cư dân làng xã Việt Nam xưa kia đã biết lo giữ cho đường làng, ngõ xóm luôn luôn sạch đẹp, cho phong cảnh đồng quê, rừng rú mãi mãi xanh tươi, cho các sông, ao, hồ luôn giữ được sự mát lành, trong trẻo và quy định những điều xử phạt rất nghiêm đối với những hành vi gây ô uế không khí, làm nhiễm bẩn nguồn nước, làm lây lan dịch bệnh trong xóm làng . Đó chính là những việc làm mà ngày nay chúng ta dùng những ngôn từ hiện đại là bảo vệ môi sinh, môi trường để cùng nhau chăm lo giữ gìn .

Mật độ dân số của các địa bàn xưa kia thưa thớt hơn nhiều so với hiện nay. Mặc dù vậy trong các hương ước đều có những quy định khá tỷ mỉ và cụ thể về việc giữ gìn vệ sinh và lợi ích công cộng. Những quy định về giữ gìn vệ sinh được đặt ra và mọi người phải triệt để tuân theo là nhằm vào mục đích cụ thể như đã nêu rõ ràng

trong hương ước rằng: "Muốn cho trong làng được khoẻ mạnh, cần phải theo phép vệ sinh: một là phòng bệnh, hai là cứu bệnh". Trong các quy phạm này phòng bệnh được đặt trước chữa bệnh (hương ước các làng: Xã Đàn (điều 74), Tây Hồ (điều 72), làng Ngọc Hà (điều 74 v.v.)). Điều 46 Hương ước làng Thanh Liệt nay thuộc huyện Thanh Trì khẳng định: "người ta ai có mạnh khoẻ thì mới sống lâu. Muốn cho dân làng được mạnh khoẻ thì ai cũng phải cần biết giữ vệ sinh chung và vệ sinh riêng...". Các quy phạm về giữ gìn vệ sinh trong các hương ước là rất rõ ràng, dễ hiểu, dễ tuân theo và dễ kiểm soát.

Ví dụ: "Cấm không ai phóng uế hoặc vứt đồ uế tạp ra đường. Cấm không được làm nhà xí cạnh đường, cạnh các hồ ao, nguồn nước. Ai phạm vào điều cấm này đều bị phạt tiền, nhà xí phải dỡ đi". (hương ước các làng: Thịnh Quang (điều 78), Ngọc Hà (điều 76), Hào Nam (điều 48)...

Điều 28 hương ước làng Phúc Xá nay thuộc quận Ba Đình Hà Nội quy định: "Tuần phiên cắt lượt nhau đốc bắt con em tuần phiên quét dọn sửa soạn các con đường cái lớn công dân cho bằng phẳng sạch sẽ, các rãnh phải khai cho thông, còn các đường lối cửa ngõ lân cận về dân thời người ở đây mỗi buổi sáng phải quét dọn. Phàm các chuôm ao, hồ rãnh có nước tù hãm, thời dọn dẹp lấp đi cho sạch sẽ. Các nơi công sở và chợ quán phải dọn cho sạch, mỗi năm một lần quét vôi".

Khi trong làng có phát bệnh truyền nhiễm thì lý trưởng phải trình ngay, xin thầy thuốc về chữa. Những

đồ dùng của người ốm hay người chết, xác súc vật chết không được vứt xuống hồ ao. (hương ước làng Quảng Bá (điều 80), hương ước làng Thổ Khối nay thuộc huyện Gia Lâm và nhiều hương ước khác đều quy định: "Trong làng ai mắc bệnh hủi thì lý trưởng phải trình quan khám thực, đem ra dưỡng tế không được vùi nê mà để trong làng" (điều 79). "Cấm những người cùng súc vật không được phóng tuế ra các đường ngõ cùng mặt đê, thân đê, chân đê. Ai phạm cấm đều bị phạt tiền" (điều 80)). Hương ước làng Lương Yên nay thuộc quận Đống Đa quy định: "Khi nào thấy các làng lân cận có lệ khí thì cấm không cho người trong làng ấy vào trong làng mình và người làng mình vào các nơi ấy. Ở trong làng, nhà nào cũng phải quét vôi cho sạch sẽ " (điều 40). Hương ước làng Cổ Nhuế quy định: Những người bán phân bón ruộng phải đổ gánh vào một nơi vắng khuất do làng đã có nơi chỉ định. Cấm không được đổ rác ở cả đường quan lộ, nếu không tuân sẽ bị phạt mỗi người năm hào, nếu tái phạm sẽ bị phạt gấp đôi để sung công quỹ" (điều 40). Trong hương ước làng Thổ Khối còn có điều quy định: "Hội đồng thường hiểu bảo cho dân làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ, nay làng có một sở gác chuông, là chỗ mát mẻ nên để làm chỗ kỳ anh hội sở để cầu sống lâu, thời người làng từ 60 tuổi trở lên khi nhân ra đấy chơi bởi, bàn bạc những việc công ích cho làng. Nếu bàn việc gì tư cho xã hội, hội đồng bàn lại thực là việc công ích sẽ lập biên bản thi hành" (điều 75).

Với những quy định như vậy, người đời trước đã giải

thích rõ cho người đời sau hiểu rằng giữa sự giữ gìn sạch sẽ, vệ sinh trong nhà, ngoài ngõ có mối liên quan rất chặt chẽ với tinh thần thanh thản, với sự sống lâu và óc sáng kiến của con người. Điều này phải luôn được nhắc nhở cho mọi người biết, nhớ lấy và làm cho đúng.

Mật độ đi lại của người và của các phương tiện chuyên chở trên các đường bộ của các làng xã cổ chắc chắn là không đông đúc và nhộn nhịp như ngày nay. Mặc dù vậy trong các hương ước đều có những quy định rõ ràng, kèm theo các chế tài nghiêm ngặt trong việc bảo vệ sự bền vững, thoáng đãng, sạch sẽ các đường đi lại.

Điều 128. Hương ước làng Sở Hạ quy định : “ Các công thổ như gò đồng, chỗ đất hoang, hào lũy xung quanh làng, hai bên đường của làng ai sửa sang hoặc trồng được cây cối gì có lợi thời dân chia cho họ một nửa lợi ấy. Nhưng trước khi sửa sang và trồng cây cối phải tường với hương hội xem xét và chứng nhận cho theo lời trong biên bản giao ước với dân ” .

Điều 15. Hương ước làng An Hoà, nay thuộc huyện Từ Liêm quy định: "Ngày mồng 8, mồng chín tháng giêng, lý dịch, Hội đồng cho mở rao đường ngang, ngõ tắt xứ nào khuyết liệt thời xóm ấy phải sửa sang cho rộng rãi. Đường công rộng 6 thước, đương tư rộng 4 thước. Ai xâm chiếm ra, lý dịch, Hội đồng xét thực, đất công phải giả, phạt 1\$00 để răn kẻ khác.

Hương ước làng Khương Thượng nay thuộc quận Đống Đa có những điều quy định: "Đường chung cả

làng, cứ cuối năm đường nào hư hỏng, Hội đồng cả làng bắt nhân đinh phải đắp. Còn đường riêng thuộc xóm nào, xóm ấy đắp" (điều 63) hoặc "Ai làm việc riêng mà để hại đến đường sá, cầu cống chung của làng, của xóm phải sửa đắp đền và phải phạt 0\$20 đến 1\$00 sung công" (điều 64) hoặc "Các bờ ruộng giáp đường công làng và đường quốc lộ, cấm những người làm ruộng không được phạt cuốc, xâm phạm làm hư hỏng đường sá. Chỉ được cắt cỏ bờ mà thôi. Nếu ai không tuân, tuần tráng bắt được ai làm phạm, phải đắp đền và phạt 0\$20 sung công" (điều 68) hoặc "Nhà nào ở gần đường đi hay ruộng công không được để tre mọc lan ra ngoài đường hay ngoài ruộng. Nếu không tuân thời Hội đồng phạt từ 0\$20 đến 0\$50 và phải chặt cây, đào gốc ngay lập tức (điều 85 hương ước làng Quảng Bá, nay thuộc Quận Tây Hồ).

Trong các Hương ước, việc giữ gìn, tu bổ, sửa sang đường bộ đều giao trách nhiệm rõ ràng cho cả tuần phiên và thủ lộ. Các tuần phiên thường được giao giám sát và bắt giải ngay đến Hội đồng xét những người vi phạm các quy phạm về giữ gìn đường lộ. Thủ lộ thì được giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát thực trạng của các đường lộ, thấy chỗ nào hư hỏng là phải có kế hoạch trình Hội đồng sửa sang ngay.

Điều 129. Hương ước xã Khương Hạ, nay thuộc huyện Thanh Trì quy định: "Đường sá công dân đã có giới mốc, hễ ai để cây cối, tre pheo mọc lấn ra đất công thì Hội đồng cho tuần chặt lấy để dùng vào việc công dân".

Việc thực hiện nghiêm các quy phạm của hương ước về giữ gìn đường lộ có những tác dụng rất thiết thực:

1. Đảm bảo đi lại, giao lưu thuận tiện;

2. Giữ gìn trật tự vệ sinh;

3. Giáo dục tinh thần tôn trọng lợi ích công cộng, làm cho người dân hiểu rõ và có thói quen không vì lợi ích nhỏ, lợi ích riêng của gia đình mà xâm phạm đến lợi chung. Nếu người nào cố tình vi phạm thì sẽ bị phát hiện và xử phạt ngay vì trách nhiệm giám sát, giữ gìn đã có sự phân công rõ ràng và có người chuyên trách.

Trật tự, an toàn, thuận tiện của giao thông đi lại ; sự trong sạch, thoáng đãng, lành mạnh của môi trường sống hiện đang là những nhu cầu nóng bỏng của xã hội hiện đại. Các đòi hỏi này chỉ có thể thoả mãn được khi chính từng người dân ý thức được rõ ràng điều đó ; khi có cơ chế, chính sách khuyến khích được sự tự nguyện, tự giác tuân thủ của người dân. Chính các quy phạm của hương ước cổ đã tạo ra những bảo đảm đó . Nói một cách khác, tình trạng hỗn độn, mất an toàn trong giao thông, sự suy thoái ngày càng nghiêm trọng môi trường sống đang diễn ra chính là do thiếu những quy ước của dân. Không có sự tham gia tích cực của dân thì đều không có sự tiến bộ bền vững trong giữ gìn trật tự an toàn giao thông và bảo vệ sự trong sạch của môi trường sống.

II. HƯƠNG ƯỚC, LỆ LÀNG VỚI SỰ NGHIỆP GIỮ LÀNG, GIỮ NƯỚC

Việt Nam, từ buổi dựng nước đến nay, luôn luôn được coi là miếng mồi béo mà các thế lực xâm lược bên ngoài thường ao ước chiếm lấy. Trong các cuộc chiến tranh nhằm mục đích thôn tính và mở thông con đường bành trướng xuống các nước phía Nam, các thế lực xâm lược thường sử dụng những đội quân đông đảo với mưu đồ đè bẹp sự kháng cự của nhân dân Việt Nam ngay từ ngày đầu tiên, trong trận đánh đầu tiên.

Sử sách đã ghi lại những sự kiện đó.

“ Trong cuộc chiến tranh xâm lược Bách Việt hồi cuối thế kỷ thứ III trước công nguyên, nhà Tần đã huy động tới 50 vạn quân. Đại bộ phận đội quân viễn chinh đó được tung vào đánh chiếm Âu lạc. Số dân nước ta hồi đó chưa đầy một triệu người.

Trong cuộc xâm lược Đại Việt hồi nửa thế kỷ XI, nhà Tống huy động cả thủy hơn 30 vạn quân, gồm 10 vạn quân chiến đấu và 20 vạn quân phu. Số dân Đại Việt hồi đó có khoảng 4 - 5 triệu người. Quân thường trực cả nước lúc đó có khoảng 5 - 7 vạn người.

Trong các cuộc xâm lược Đại Việt hồi nửa thế kỷ XIII, nhà Nguyên huy động tới trên dưới một triệu quân, riêng cuộc xâm lược lần thứ hai trên nửa triệu quân. Dân số Đại Việt lúc đó có khoảng 5 - 6 triệu người.

Trong hơn hai mươi năm đầu thế kỷ XV, trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, nhà Minh cũng huy động một lực lượng quân đội rất lớn. Riêng lần xuất quân đầu tiên tiến đánh Hồ Quý Ly, triều Minh đã tung sang hơn hai mươi vạn quân chiến đấu và hàng chục vạn quân phụ. Dân số Đại Việt lúc đó có khoảng 6 - 7 triệu người. Tổng số quân thường trực cũng chỉ có trên dưới 10 vạn người. Trong mười năm tiến đánh quân của Lê Lợi, ngoài lực lượng đàn áp sẵn có tại chỗ gồm hàng chục vạn quân binh đóng ở hàng chục thành trì lớn nhỏ trên khắp nước, nhà Minh còn tăng viện thêm hơn hai chục vạn quân từ Trung quốc sang. Cộng cả thấy hơn nửa triệu quân.

Trong cuộc xâm lược nước Việt Nam hồi cuối thế kỷ XVIII, nhà Thanh huy động tới gần ba chục vạn quân. Lực lượng nghĩa quân Tây sơn, dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Huệ buổi đầu có không đầy một chục vạn người. Sau lần tuyển binh ở Thanh Hoá, Nghệ An, Nguyễn Huệ có thêm mấy vạn người nữa¹.

Mỗi lần giặc ngoại xâm đến, như sử liệu còn ghi lại, như các hình ảnh còn đọng lại trong tâm trí người Việt Nam, là chúng đông như kiến cỏ, tàn bạo hơn ác thú. Nhân dân Việt Nam trong các cuộc chiến đấu giữ nước, giữ làng, đều ở vào cái thế một chọi lại mười.

1. Tư liệu do Văn Duyệt sưu tầm và đăng trong bài : Việt Nam - nơi chôn vùi tham vọng bành trướng của các Vương triều phong kiến Trung quốc . Xem tạp chí Quân đội nhân dân số 7 - 1979

Đã ở vào cái thế một chọi mười thì làm sao thắng được giặc ? Thế mà nhân dân Việt Nam đã làm nên được kỳ tích đó, đã sáng tạo ra cách đánh : “ lấy ít thắng nhiều ” “ lấy yếu đánh mạnh ”. Với sự sáng tạo trong cách dàn bày thế trận, ta đã dành được thắng lợi cuối cùng là bảo toàn được sự trường tồn và hưng thịnh của nòi giống, đất nước .

Để bày được thế trận và thực hiện được thành công thế trận lấy ít thắng nhiều, lấy yếu đánh mạnh, nhân dân Việt Nam đã kiên trì xây dựng được nếp sống, nếp sống “ động vi binh, tịnh vi dân ” nghĩa là khi có động thì mọi người dân đều là chiến sĩ đánh giặc. Khi đất nước, làng xóm trở lại bình yên thì mọi người chăm lo cày ruộng, lo toan mọi điều cho cuộc sống thường nhật của mình.

“ Động vi binh, tịnh vi dân ” là trạng thái thường trực của cả Nhà nước, của toàn dân và của mọi cộng đồng trong nông thôn. Có thể nói, mọi công đồng cư dân nông thôn của Việt Nam từ năm này sang năm khác, từ đời này sang đời khác đều luôn ở trạng thái “ động vi binh, tịnh vi dân ” .

Điều này được thể hiện khá rõ nét qua các điều quy định cụ thể của hương ước, để giữ làng, giữ nước, trong các hương ước đều có những quy định thuộc 3 nhóm :

1. Những quy định về việc giữ gìn trật tự, an ninh thôn xóm ;
2. Những quy định về đề phòng và đấu tranh chống thiên tai ;

3. Những quy định về việc thực hiện nghĩa vụ binh dịch với Nhà nước .

Ở mọi nơi, mọi lúc, trong mọi hoàn cảnh, dù làm bất cứ việc gì, mọi người phải sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống bất trắc. Động vi binh, tịnh vi dân là tư tưởng xuyên suốt trong các quy định của hương ước cổ của người Việt Nam.

1. Hương ước, lệ làng với việc giữ gìn trật tự - an ninh thôn xóm

Việc đảm bảo an ninh ở làng xã, theo quy định của tất cả hương ước là nghĩa vụ của tất cả các trai tráng trong làng. Trừ những người đang làm việc, đang đi lính, những người đang đi học, người có phẩm hàm, người tàn tật, tất cả đàn ông còn lại từ 18 tuổi đến 55 tuổi, có nơi quy định từ 20 tuổi đến 46 tuổi, đều lần lượt được luân phiên từng năm một làm nhiệm vụ tuần phiên của làng. Mỗi năm, làng cử 30 người, có nơi 20 người, chia làm hai phiên: phiên ngày và phiên đêm, đảm nhiệm canh gác, tuần tra trong làng, ngoài đồng.

Điều 19. Hương ước xã Lô Giang quy định : “ Canh phòng là để giữ tính mệnh, tài sản chung của làng. Trừ ra những người hiện đang làm việc các sở, các sắc binh, các chức sắc khoa mục, các học trò đang đi học ở các trường và người có bệnh tật, còn người làng từ 18 đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm canh phòng. Người nào đi vắng hoặc mắc việc không đi canh được thì có thể nhờ bà con hay gia hạ canh thay. Nếu xảy ra việc gì thì người mượn canh và người canh thay đều phải chịu

trách nhiệm. Cấm không ai được nộp tiền cho làng để thuê người canh thay như cách mua nhiều, tuần trước.”

Việc tổ chức canh gác cũng được các hương ước quy định rất cụ thể. Trong hương ước xã Lô Giang, cũng như hầu hết các hương ước đều có những điều quy định như sau :

“ Điều 20. Làng bắt một người trưởng tuần và 8 người tuần tráng kiêm tuần nội, ngoại. Phó lý làm đốc canh. Khi thường thì đem tuần tráng tuần canh trong làng. Khi có động hiệu thì tất cả ban tuần cùng đình tráng trong làng cũng phải ra ứng cứu ngay.

Điều 21. Những khí giới đi canh như câu liêm, gậy, giáo, mác, làng trích tiền công sắm cho. Hết hạn tuần phải giao trả làng. Nếu ai đánh mất hay làm hỏng cái gì thì phải chiếu giá làng đền ngay .

Điều 23. Người đứng đầu ban canh, cứ gần tối nổi hiệu trống, mõ gọi các người trong ban ra điểm. Ai có phương trở ngại phải mượn người đi canh thay. Nếu bỏ không canh thì hai lần đầu, mỗi lần hương hội phạt 0⁵10, lần thứ ba sẽ phải giải lên Toà án xét .

Điều 24. Ban canh nào đến lượt đi tuần thì phải đi tuần luân xung quanh làng để cho kẻ gian phi khó vào chứ không được chỉ nằm ở điểm ” .

Điều 21. Hương ước làng Cổ Nhuế, phủ Hoài Đức còn quy định việc tuần phòng thường xuyên hơn : “Hàng ngày bao giờ cũng phải có một người tuần phiên ở sở Hội đồng và một người nữa thay lượt nhau đi rảo trong làng

luôn (tác giả nhấn mạnh) để coi xét những sự gian lận, sự cờ bạc, sự đánh nhau, cãi nhau, những trộm vặt và xem những người hàng phân có đồ gánh ở chỗ nhất định không. Ban đêm thì phải có đủ mặt cả mười người tuần phiên tại điểm sở, để chia lượt nhau đi tuần trong làng và ngoài đồng .”

Cách tổ chức, phân công chỉ huy và thực hành việc canh gác, tuần phòng trong các ban tuần chẳng khác mấy cách tổ chức canh phòng của các lực lượng vũ trang chính quy, thường trực. Điều này đã có tác dụng là thường xuyên rèn luyện tinh thần cảnh giác và thói quen sẵn sàng hành động khi có biến trong những người nông dân .

Nhiệm vụ của tuần phiên là đề phòng và nếu có thì bắt giải ngay trình Hội đồng xét những người ăn cắp, ăn trộm - trộm ngày, trộm đêm từ những vật nhỏ mọn như mớ rau, buồng chuối, quả cau cho đến con gà, con lợn, con trâu... Việc bắt giải người ngăn ngại bắt cá, xẻ rãnh dẫn nước qua đường mà không xin phép, hoặc đã có phép rồi nhưng xong việc lại bỏ đấy, bắt giải những người gây huyên náo, đánh nhau và việc đánh trả, vây bắt bọn cướp bóc dân làng và xét hỏi những người lạ mặt vào làng đều thuộc trách nhiệm của tuần phiên. Những người được cất làm tuần phiên đều được làng trích tiền phụ cấp. Các gia chủ có lúa khoai ngoài đồng đều có nhiệm vụ hàng năm nộp tiền gọi là tiền sương túc cho làng để chi cho tuần phiên. Tuần phiên nào bắt được kẻ trộm, cướp, đều được làng thưởng tiền.

Người nào vì bắt trộm cướp mà bị thương hoặc bị chết đều được làng ghi công. Có nơi ghi tên vào bia đá của làng dựng ở đình làng. Khi tổ chức chôn cất cả làng đều đi đưa đám. Vợ con người ấy cũng được làng ury lạo về vật chất. Ngược lại nếu tuần phiên không bắt được kẻ trộm thì phải đền cho chủ bị mất.

Cùng với tổ chức canh gác, tuần phòng các hương ước cổ đều có những điều quy định việc xây dựng các lũy, rào bảo vệ làng, đặc biệt là các lũy tre làng.

Điều 29. Khoán ước làng Thanh Sơn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An quy định : “ Tre pheo trồng ở lũy là lợi ích cho dân, cấm không ai được chặt và không được thả trâu, bò vào lũy, phá hoại trong lũy. Nếu không tuân, bắt được phạt nặng .

Điều 6. Hương ước làng Yên Lĩnh, Anh Sơn viết : “ Cây cối trên bãi phù sa ven sông cùng tre pheo các nơi cần được bảo vệ tử tế để dùng vào việc che rào. Cuối năm tuần nhận được tiền thưởng nếu làm tốt việc trông coi. Nếu không làm tốt thì không những không được thưởng mà còn bị phạt.”

Ở làng Mộ Trạch, mỗi năm các chức dịch đi kiểm tra hào lũy của các xã vào thượng tuần tháng 2, đến hạ tuần thì khám lại. Làng Đồng Lư quy định nếu tre ở lũy tốt phủ xuống ruộng lúa nhà ai, chủ ruộng phải trình các cụ trong xóm để sai phiên tuần đến tra xét, nếu đúng mới cho dẫn hay phạt cảnh ngay chỗ đó, nếu tự ý dẫn số cây đó sẽ bị xử như tội ăn trộm.

Có hương ước lại quy định các nhà trong xóm; các xóm, các giáp trong làng đều chăm lo rào dậu dựng vách, tường ngăn cách chu đáo. Nếu nhà nào, xóm nào để cho kẻ xấu chui luồn lủi tre, phá dậu, đục tường lọt vào trộm cắp thì nhà ấy, xóm ấy phải đền cho người bị mất trộm tài sản.

Có hương ước quy định trách nhiệm cha mẹ là phải dạy bảo con cái tôn trọng trật tự an ninh xã hội. Điều 14 hương ước làng An Hoà, huyện Từ Liêm quy định: "Trong làng hễ ai có con trai phải dạy bảo làm ăn tử tế không được dung túng chè rượu, chơi bời sinh ra trộm cướp hay là hiềm thù ai mà đón đường cố hại người ta, cùng là phá hoại mồ mả hay là ăn trộm của đình, của miếu cùng làm ô uế mọi nơi...". Cùng với việc phòng ngừa trộm cắp, có hương ước lại quy định nhiệm vụ của tuần phiên là phải phát hiện và bắt giải trình hội đồng xét những kẻ có những hành vi mà Nhà nước nghiêm cấm như gá bạc, thu hồi, đánh bạc, nấu rượu lậu, hút thuốc phiện và bất kỳ hành vi nào làm trái hương ước của làng. Các tuần phiên còn có nhiệm vụ phát hiện giúp đỡ những kẻ bị tai nạn, cơ nhỡ, ốm đau, không nơi nương nhờ, không người cứu chữa phải nằm lại dọc đường, xó chợ hoặc những người chết đường chết chợ để làng cứu chữa hoặc chôn cất họ.

Để đảm bảo công bằng trong gánh vác nghĩa vụ chung ở làng, các hương ước đều cho phép những trai tráng đến lượt đi làm tuần phiên nhưng vì cơ thể ốm yếu không trực tiếp đảm đương được việc tuần tra, canh

gác thì có thể nộp tiền vào công quỹ gọi là tiền "thế tuần" để làng thay người khác. Những người được cất làm tuần phiên vì bận việc hoặc đi làm ăn nơi xa đều có thể nhờ người thay thế.

Những quy phạm của hương ước về đảm bảo an ninh xã hội được dân làng tuân thủ nghiêm ngặt. Lúa khoai ngoài đồng không sợ bị đào cắp, gặt trộm. Đêm nằm ngủ nhà nhà không phải cài then, phụ nữ ra đường không sợ những kẻ càn quấy trêu ghẹo. Người có việc cần kíp phải đi lúc đêm hôm, khuya khoắt không sợ kẻ cướp đón đường. Những kẻ lưu manh hoặc có thói trộm cắp không dám đem ra thi thố trong làng. Những người vì lợi chung mà bị thương hoặc bị chết không sợ bị thiệt thòi. Vợ con, anh em, cha mẹ họ đều cảm thấy vinh dự vì có người hy sinh xương máu cho làng.

Các quy định về bảo đảm an ninh xã hội ở làng xã trong các hương ước cổ đã cung cấp cho xã hội ngày nay những bài học vô cùng quý báu. Việc bảo đảm an ninh của cộng đồng trước hết là nhiệm vụ của mọi gia đình, của mọi cư dân của cộng đồng. Nếu không được như vậy thì bộ máy chuyên nghiệp có đông đến mấy cũng không thể tạo ra được "trăm tai nghìn mất" để giữ gìn được an ninh và an toàn cho xã hội. Các quy phạm của hương ước đã mách bảo cho chúng ta bí quyết để tạo ra được tính nhân dân rộng rãi trong vấn đề này là phải làm được hai điều: trách nhiệm gánh vác phải rõ ràng, không ai được thoái thác và khi làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh lỡ bị thương, bị chết thì được toàn thể dân làng

cư mang cả vật chất lẫn tinh thần. Gia đình có người thân bị thương, bị chết vì nhiệm vụ không còn cảm thấy bị thiệt thòi, trái lại niềm tôn kính và niềm vinh dự đã được cả làng dành cho họ.

Việc bảo đảm an ninh, an toàn xã hội của cộng đồng ở nông thôn như đã thể hiện rõ trong các quy phạm của hương ước không phải là sự bị động đối phó mà là một sự phòng ngừa tích cực với các quy phạm rất rõ ràng như: "Trong làng hễ ai có con trai phải dạy bảo làm ăn tử tế, không được dung túng chè rượu, chơi bời sinh ra trộm cướp hay là hiểm thù..." đối với những hành vi như nấu rượu, hút thuốc phiện, gá bạc v.v.. phải được phát hiện và xử lý kịp thời.

An ninh, an toàn xã hội trong nông thôn được đảm bảo nghiêm chính là do các quy phạm như vậy và có cơ chế đảm bảo, có sự tham gia với tinh thần tự giác, tự nguyện, sự tuân thủ nghiêm của mọi người trong cộng đồng làng xã.

2. Hương ước, lệ làng với việc phòng chống thiên tai, dịch họa

Hầu hết các hương ước cổ đều có những điều quy định khá tỷ mỉ về việc phòng chống thiên tai, trộm cướp, giặc giã.

Tất cả các hương ước cổ đều xác định một cách dứt khoát rằng việc phòng chống thiên tai, dịch họa là trách nhiệm của toàn dân làng. Chỉ trừ những người già, người yếu đuối mới được miễn. Trong việc phòng chống thiên tai, dịch họa, các hương ước đều không có lệ miễn

trừ cho các chức sắc như việc miễn trừ gánh vác tạp dịch của làng. Quan viên cấp trên về làng, gặp lúc có biến cũng đều phải có mặt. Nếu vắng mặt khi có báo động họ cũng bị xử phạt như những người dân thường có lỗi.

Điều 38. hương ước làng Mạch Tràng, quy định: “Gặp lúc cần kíp như là hoả tai, cướp bóc hay dè sạt, trừ những người 60 tuổi trở lên và những người yếu đuối, còn người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu. Nếu ai trễ biếng không đến cứu, hương hội xét thực phải phạt từ 0^h20 đến 0^h50.”

Trong hương doan xã Phú Xá Đoài có những điều quy định như sau :

Khoản thứ 52 : Ban ngày hay ban đêm mà thấy người trong làng hô hoán hay là thấy lân bang có hiệu trống mõ, thời lý dịch, thủ phiên phải xuất tuần phu ra địa đầu ứng tiếp. Nếu là cướp bóc thời phải nổi hiệu trống mõ của làng, dân đình đều phải ra cứu .

Khoản thứ 53 : Trong làng nhà nào cũng phải trữ một bó đuốc nhỏ. Ban đêm hễ nghe có hiệu trống mõ thì phải đem đuốc cùng sào, giáo ra đứng ở đầu hạng mình cho lý dịch và thủ phiên điểm soát. Nếu thiếu thời phải phạt .

Điều thứ hai, mục thứ ba Tục lệ của thôn Đông Xá, Đại Đồng đông, tổng Mỹ Lâm, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Đông quy định : “ Việc ứng cứu trong làng đã có hiệu ốc. Như có việc quan hay việc gì cần thì lý dịch thổi 3 hồi 3 tiếng thì ai là người đương chức nghe thấy hiệu ấy

phải ra ngay. Ai không ra thì phạt 0⁵30 sung vào công quỹ. Còn như các xóm có việc cấp mà hô hoán thời đến hiệu ốc ấy, hoặc có trộm cướp, có động hiệu thì liền anh trong làng phải ra tất cả mà đốc xuất tuần tráng, dân đình đến tận nơi cứu ứng .”

Điều 41. Hương ước làng Phú Mỹ, tổng Mỹ Lâm, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Đông còn quy định : “ Gặp lúc cần cấp như trộm cướp hay tai nạn gì thì lý dịch, tuần tráng phải lên hiệu ốc, hiệu trống liên thanh để dân làng đến cứu, còn tuần tráng phải có đủ đồ đến ứng cứu. Nếu người nào từ 50 tuổi trở xuống, khoẻ mạnh, ở nhà không đến cứu thì phạt 0⁵50 (đàn anh) , 0⁵30 (đàn em). Còn lý dịch, tuần tráng thì bị phạt gấp đôi. Như thế là để trên dưới đồng lòng hết nghĩa vụ tương báo, tương thủ lấy nhau (tác giả nhấn mạnh).

Có Hương ước lại có những quy định về cách ứng cứu thủy tai, hỏa tai và trộm cướp, giặc giã riêng .

Hương ước làng Mạch Tràng quy định :

“ Sự cứu thủy tai : Khi nước sông to, đe điều nguy cấp cần phải canh hộ ; hễ tiếp lịch sức (tức mệnh lệnh của trên - chú thích của tác giả), Hương hội phải đốc đình tráng đến cứu hộ ngay. Vật liệu giữ đê và lương thực đình tráng sẽ xin phép quan trên trích tiền công để chi, chứ không bỏ cho dân định.

Sự cứu hỏa tai : cần phải sẵn có đồ chứa mới được, nếu cứ tay không chạy đến, mất dương mà trông, dẫu trăm nghìn người cũng là vô ích. Vậy làng trích tiền

công sắm lấy các câu liêm thật tốt và sắc, để ở điểm canh. Nhà nào bất hạnh bị hoả tai thì tuần đem ngay đến cứu. Nếu cần phải dỡ tắt khúc thì các câu liêm ấy dỡ ngay đi và mỗi nhà phải sắm một cái ống vẩy nước (trừ nhà gái goá, con cô) làm bằng tre bương dài một thước tây, đầu để vẩy nước vót nhọn móng lợn. Hễ nghe hiệu cháy nhà nào, thì mỗi nhà cần phải có một người đem cái ống ấy đến lấy nước chữa cháy. Sự chữa sắp xong, Hương hội, Lý, phó và Trương tuần phải điếm ngay xem số ống có đủ không, nếu thiếu ống nào hoặc ống nào không có dấu nước ướt, thì gia chủ có ống ấy phải phạt 0³50. Còn các nhà bị cháy, hương hội phải đến xét xem khởi tự đâu ? vì duyên cớ gì ? Nếu thực là bất ý thì tha không phạt ; hoặc xét ra người nào cố ý đốt nhà để làm hại người ta, hay đốt nhà để hôi của nhà khác thì Hương hội bắt giao Lý trưởng giải trình quan Toà án xét nghĩ."

Việc các làng, xã chống giặc ngoại xâm như thế nào ít thấy đề cập trong các hương ước. Sử sách ghi lại rằng mỗi khi có giặc ngoại xâm ập đến, nhân dân các làng thường thi hành chính sách "vườn không nhà trống", tạm thời tránh vào nơi an toàn. Nhân dân làm như vậy là cốt tránh mũi nhọn, cái thế hung hăng ban đầu của giặc. Khi giặc đã mệt mỏi đã lâm vào thế tiến thoái lưỡng nan, thì các đội "Hương binh" tức là quân của các làng xã sẽ liên tục quấy rối, đánh phá địch làm cho chúng chóng mệt mỏi rồi suy kiệt dần. Trong các cuộc kháng chiến chống giặc Ân, giặc Tống, giặc Nguyên,

giặc Minh, giặc Thanh, như sử liệu đã ghi lại, là các đội Hương binh đã lập công lớn bằng cách tạo đà, tạo thế cho quân Triều đình giáng những đòn chí tử vào đầu giặc làm cho chúng phải thất bại thảm hại.

Trong hương ước ít có những điều quy định về chống giặc ngoại xâm, có lẽ là nhân dân các làng xã xử sự theo các quy định về phòng chống trộm cướp. Về tính chất của hành vi là giống nhau ; chỉ khác nhau về mức độ và phạm vi thôi .

Trong hương ước làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An được biên soạn từ năm 1636 có điều ghi : “ Điều 78. Sau khi gặp nạn binh hoả rồi, hễ là người làng thì phải cùng xuất tài, lực ra để cùng chịu khổ với làng mà kinh dinh. Nếu ai trốn tránh quan dịch, không đồng chịu với làng, một mai đã khôi phục, về làng thì phải nộp cho làng 20 quan, mới cho ghi tên vào hương bạ, mới được làm nhà cửa lên mà ở, nếu không thì không cho vào hương xỉ .”

Nội dung của điều này quy định trách nhiệm của từng người dân cùng với cộng đồng hàn gắn vết thương chiến tranh ở làng xã. Điều này gián tiếp nói lên rằng trong thời có binh hoả (chiến tranh), và hoà bình lập lại thì toàn dân làng là một khối đồng lòng, đồng sức .

Cùng với việc quy định trách nhiệm, nghĩa vụ của người dân trong phòng chống thiên tai, dịch hoạ, các hương ước cổ đều có những điều quy định khen thưởng, uỷ lạo những người có công và xử phạt nghiêm khắc những người thoái thác nghĩa vụ .”

Hầu hết các hương ước đều có quy định rằng nếu trong lúc phòng chống thiên tai, dịch họa không may bị thương thì làng trích tiền công chữa chạy cho đến khi vết thương lành hẳn. Trong thời gian cứu chữa thì Hội đồng đến thăm và bà con xóm làng đều đến giúp đỡ tận tình, chu đáo.

Nếu người nào, không may bị chết, thì làng trích tiền công để lo mai táng. Cả làng đều đi đưa tiễn đến nơi an nghỉ cuối cùng. Nếu người chết có con thì làng cho một người con chức “nhiêu” và được miễn công sai tạp dịch suốt đời. Nếu không có con thì cho anh hoặc em. Nếu không có anh em thì cho một cháu được hưởng chức “nhiêu” ấy.

Nếu trong lúc vây bắt trộm, cướp, người bắt được trộm, cướp, được làng thưởng tiền. Trong tất cả các hình thức khen thưởng thì hình thức có ý nghĩa nhất là tên họ người có công được ghi lên bia đá dựng ở đình. Đến khi có lễ hội, công đức của họ lại được tuyên đọc để cho mọi người trong làng cùng nghe. Gương tốt của họ được lưu truyền sâu rộng và lắng đọng sâu kín trong tâm trí của dân làng mãi mãi.

3. Hương ước, lệ làng với việc thi hành nghĩa vụ binh dịch của Nhà nước

Ngoài việc thực hiện nghĩa vụ giữ làng, giữ xã, trai tráng trong các cộng đồng cư dân, đều phải làm nghĩa vụ binh dịch với Nhà nước.

Hương ước không quy định nghĩa vụ binh dịch của trai tráng trong làng. Điều này đã có pháp luật Nhà

nước quy định. hương ước chỉ quy định những điều nhằm làm cho quy định của Nhà nước về về nghĩa vụ binh dịch được thực hiện nghiêm ở làng xã mà thôi.

Chỉ riêng khía cạnh này chúng ta thấy vai trò của hương ước đối với sự nghiệp giữ nước đã có nhiều tác dụng to lớn và thiết thực.

Có thể phân các quy định của hương ước về việc thi hành nghĩa vụ binh dịch với Nhà nước làm thành bốn loại như sau :

3.1- Cách phân bố, chọn người đi làm nghĩa vụ binh dịch :

Điều 114 làng Khương Hạ quy định : “ Nếu có giấy sức bắt lính thời Lý trưởng phải trình Hội đồng hợp, xem trong làng các họ nhà nào có hai, ba anh em và trúng cách thức Nhà nước thì gọi đi ứng tuyển “.

Điều 36 hương ước làng Kim Thiều, tổng Nghĩa Lập, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh quy định : “Lê dân ai có 3 con trai thì sung một khoá lính... ”.

Trong Hương ước làng Quỳnh Đôi, có những điều quy định :

“ Điều 4. Hễ người nào thuộc hạng người phải đi lính mà dứt tiền để cầu khỏi phải đi thì nên sổ tính danh.

Điều 19: “ Mỗi khi bắt lính phải hội họp tại đình mà kén chọn, ai là người nên đi lính thì đã có phép làng, không được họp thăm vụng ở nhà rồi thay trắng, đổi đen, tệ ấy nên thôi ” .

Trong hương ước làng Phú Văn, huyện Yên Thành,

Nghệ An có đoạn quy định : “ Lính tráng phân bủa vào những gia đình có 3 con trai trở lên, chọn người khoẻ mạnh”.

Trong hương ước làng An Trạch huyện Yên Thành, Nghệ An, có đoạn quy định : “ Chọn người tông quan phải dùng nhà nhiều con trai, khoẻ mạnh, giàu có, nếu nhà có 3 con trai thì phải đi 12 năm là mãn khoá, nếu nhà có 4 con trai thì phải đi 14 năm là mãn khoá .

Qua các hương ước cổ cho thấy việc chọn người đi làm nghĩa vụ binh dịch là công khai. Việc phân bổ nghĩa vụ là chọn những nhà có 3 con trai trở lên. Cách làm này vừa đảm bảo được tính công bằng và dân chủ.

3.2. Cách giúp đỡ về mặt vật chất cho gia đình những người đi làm nghĩa vụ binh dịch.

Qua các hương ước cổ thì nhiều nơi đã dành một phần ruộng công của làng để cho gia đình những người đi làm nghĩa vụ binh dịch cày cấy. Ruộng này được gọi dưới cái tên là binh điền, ruộng lính (!)

Điều thứ 11. Tục lệ của thôn Đông, xã Đại Đồng quy định : “Trong dân có một mẫu công điền và một giải giang đạo. Hễ ai đi lính mà có đơn dân thế cấp thì mới cấy ruộng ấy”.

Hương ước làng Nhạn Tháp, huyện Yên Thành, Nghệ An quy định : “ Trong thôn phụ cấp cho người đi lính, có để riêng ra các xứ ruộng mùa hạ, mùa thu cộng 2 mẫu, 1 sào và một khoảnh cây trên núi ”.

Hương ước làng Phú Văn huyện Yên Thành quy

định : “ ... Trừ ruộng kỹ phân ra, mỗi lính được cấp một mẫu năm sào. Lương tiền cấp mỗi tháng 2 quan, tiền quần áo cấp 2 lần, mỗi lần 3 quan 5 tiền... Tổng ngũ nhiều năm được cấp thêm 6 quan tiền để khuyến khích... ”.

Có nơi tuy có dành phần ruộng binh điền nhưng không phân cấp mà đem đấu giá để lấy tiền chu cấp cho gia đình người đi làm nghĩa vụ binh dịch.

Tục lệ làng Kim Lỗ, tổng Hải Bối, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên đã dành "2 mẫu, bốn sào, 2 thước, ba tấc" làm ruộng lính. Từng năm một sẽ bán đấu giá lấy tiền sung quỹ để chi.

3.3- Cách đối xử với những người hoàn thành nghĩa vụ binh dịch trở về.

Qua các điều quy định của hương ước cổ cho thấy khi cư dân trong các làng xã đã hoàn thành nghĩa vụ binh dịch trở về làng hoặc không may bị thương hoặc bị chết đều được dân làng trân trọng và đãi ngộ thích đáng.

Những người còn sống thì được ban cho vị thứ ở chốn đình trung. Khi dự hội họp ở làng thì họ được ngồi ngang hàng với các vị cựu chức của làng.

Điều 18. Hương ước làng Y La quy định : “ ... những người uỷ viên mãn khoá không can khoán gì và đi lính mãn khoá thời dự vào làng văn hội vọng hàng viên sắc... ”

Khoản thứ 50. Hương đoàn xá Phú Xá Đoàn quy

định : “ Khi mãn khoá về được thanh thoả thời làng tặng cho một ngôi hương xã ”.

Đối với những người đi làm nghĩa vụ binh dịch không may bị thương hoặc bị chết, trong các hương ước cũng có điều quy định có sự đãi ngộ đặc biệt.

Điều thứ 117. Hương tục xã Khương Hạ, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông quy định : “ Người lính nào không may tử trận minh sức thì dân cho con cháu một tên nhiều trừ tạp dịch mãi mãi. Người nào đi trận bị thương thành đạt cũng vậy.

3.4- Hình thức xử phạt đối với những người trốn tránh nghĩa vụ binh dịch

Qua các quy định của các hương ước cổ, cộng đồng cư dân ở các làng xã có thái độ rất nghiêm khắc đối với những người trốn tránh nghĩa vụ binh dịch.

Hương tục làng Khương Hạ có những điều quy định: Điều 118 "người nào đang ở lính làm điều phi pháp hoặc bỏ trốn đi, có minh sức thì cứ thân nhân người ấy chịu lỗi. Đến khi trở về, cấm 5 năm không được đi ăn uống với làng".

Điều thứ 119. Người nào phải đi lính mà lẩn trốn thì dân truất 5 ngôi hương ẩm, nghĩa là sụt xuống 5 ngôi, phạt bạc 1\$00 sung công. Cấm 3 năm không được đi ăn uống và đến khoá sau vẫn phải ra ứng tuyển.

Điều 59. Hương ước làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An có đoạn viết : “ Bảo hưng năm đầu (1801), ngày 3 tháng 6 làng bàn : làng ta đất xấu, dân

nghèo, ông cha ta gây dựng nên làng này, người làng ăn ở cùng nhau lấy sự hoà mục, có vui cùng vui, đến nay đã hơn 500 năm rồi, nay làng gặp năm buổi nhiều việc quan, phải đăng lính rất nhiều, kẻ độc đinh cũng phải đi lính, may khỏi liều xiêu, bảo tồn được bờ cõi, gắng gỏi được như thế thật là khó khăn. Nay có người lại không nghĩ, sinh tình trốn tránh, bỏ nhà mà đi, không cùng làng đồng chịu thì những người như thế sau có đưa ma, lợp nhà, giỗ chạp, người làng không được đến dự ... Những người thấy việc quan thì trốn tránh đi nơi khác, đến khi việc quan đã định rồi mới về, làng đình tên không cho vào sổ hương tịch ”.

Vào đầu những năm 60 của thế kỷ này, khi bắt đầu cảm thấy bị sa lầy trong chiến tranh đàn áp phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở Miền nam Việt Nam, chính quyền Mỹ đương thời chủ trương phát động và tiến hành cuộc chiến tranh gián điệp biệt kích với mưu đồ làm rối loạn xã hội, tiến tới lật đổ chính quyền, xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc Việt Nam.

Gọi là chiến tranh gián điệp - biệt kích, bởi vì chính quyền Mỹ - Ngụy không đơn thuần tiến hành chiến tranh gián điệp bằng những điệp viên đội lốt thường dân để đánh cắp thông tin. Họ huấn luyện những toán biệt kích vũ trang với nhiệm vụ tổ chức, móc nối với bọn phản động địa phương để thu thập tin tức và tiến hành những hoạt động phá hoại như đặt bom, mìn phá các công trình quốc phòng, quân sự, kinh tế, bắt cóc, ám sát đảng viên, cán bộ chính

quyền miền Bắc, thậm chí bắt cả ngư dân miền Bắc.

Người Mỹ rất hăm hở và khá tin tưởng vào kế hoạch của họ. Không những họ huy động những chuyên gia tình báo sừng sỏ nhất của Lầu năm góc, của cơ quan tình báo trung ương Mỹ(CIA) mà còn tập hợp xung quanh họ những chuyên gia khét tiếng người Anh trong đàn áp phong trào cách mạng ở Malaixia, ở Nam phi, ở Châu Mỹ là tình giúp sức với cương vị cố vấn. Người Mỹ tin tưởng ở sức mạnh và sự dày dặn trong nghề tình báo của Mỹ. Hễ CIA đã nhúng tay vào nước nào thì nội bộ nước đó sẽ trở nên mất ổn định. Chính phủ nào, chính khách nào không vừa lòng Mỹ đều bị CIA trừ bỏ được. Các cơ quan tình báo, gián điệp Mỹ đã thành công trong tổ chức đảo chính lật đổ Thủ tướng Môxađếch ở I rãng năm 1953, trong vụ lật đổ chính phủ Goatêmala năm 1954 v.v...

Nhưng trái với dự đoán của Mỹ, họ gặp ngay thất bại trong lần ra tay đầu tiên ở Việt Nam . Đó là vụ chiếc máy bay C 47 chở toán gián điệp biệt kích do tên Đinh Như Khoa cầm đầu đã được thả xuống vùng Duyên hải tỉnh Thái Bình vào giữa năm 1961. Máy bay bị bắn rơi. Tên trưởng phi cơ trung úy Phan Thanh Vân, tên Đinh Như Khoa cùng đồng bọn bị nhân dân vùng ven biển Thái Bình tóm gọn, không sót một tên. Liên tục trong các năm tiếp theo : 1962,1963,1964,1965, Mỹ vẫn tiếp tục tung thêm nhiều toán gián điệp biệt kích nữa với những mục đích cụ thể khi thì âm mưu phá cầu Lý Hoà ở Quảng Bình , khi thì nhằm đánh đắm các tàu tuần tra

của Hải quân miền Bắc Việt Nam ở cảng sông Gianh, Quảng Bình. Khi thì thả xuống các vùng miền núi hẻo lánh ở miền tây Hà Tĩnh, ở miền rừng núi Nghệ An, ở vùng địa bàn các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc, vùng Đông Bắc miền Bắc Việt Nam để tổ chức, lôi kéo đồng bào đứng dậy chống chính quyền Cách mạng v.v...

Trong thời gian chưa đầy 5 năm, Mỹ và Ngụy quyền Sài gòn đã tung ra miền Bắc 30 toán gián điệp biệt kích với hy vọng làm sao cố gây cho được " một tiếng nổ tượng trưng " để rêu rao với thế giới rằng ở miền Bắc có dân chúng nổi dậy chống chính quyền và động viên tinh thần quân đội ngụy đang trên đà suy sụp mạnh.

Nhưng không một tên gián điệp biệt kích nào sống sót để trở về miền Nam. Qua những tin điện nhận được của bọn gián điệp biệt kích đánh về khi mới đặt chân xuống lãnh thổ miền Bắc hoặc trong những ngày bị nhân dân địa phương săn lùng, đuổi bắt, đặc biệt qua những lời khai rõ ràng, đầy đủ của những tên bị bắt trước Toà, trong các phiên toà xét xử gián điệp biệt kích Mỹ ngụy của các Toà án quân sự của chính quyền miền Bắc Việt Nam được truyền đi công khai trên các làn sóng điện của các phương tiện truyền thanh, Mỹ và Ngụy quyền Sài gòn mới hiểu được rằng các toán gián điệp biệt kích dù được huấn luyện công phu, chọn lựa kỹ càng đến đâu chẳng nữa đều bị các thiên la, địa võng của nhân dân trong các làng xã miền Bắc tóm gọn. Các tên gián điệp biệt kích đều khai rằng ngay từ khi còn lơ lửng với chiếc dù ở không trung, chúng đã nhìn thấy

nhiều tốp người với đuốc thấp sáng hướng về chỗ chúng sẽ rơi xuống. Chân chưa chạm tới đất, chúng đã bị trói gô cả lại rồi. Tên nào trốn thoát được khi vừa mới nhảy xuống đất thì trong những ngày tiếp theo vẫn bị dân làng đuổi bắt ráo riết.

Khi được biết những tin này, những tên gián điệp biệt kích đang còn học tập trong các trại huấn luyện rất hoang mang khiếp sợ. Chúng tìm mọi cách để trốn tránh việc bị đưa ra Bắc để thiêu thân. Các cơ quan phản gián Mỹ nguy điên đầu vì không tìm ra nguyên nhân thất bại. Chúng cho rằng miền Bắc đã cài được người của họ vào bộ máy tổ chức, huấn luyện gián điệp, biệt kích của miền Nam. Hoặc giả miền Bắc đã được cung cấp một hệ thống radar cực nhạy nào đó của Liên Xô nên mới biết trước một cách chính xác ngày giờ và địa điểm rải thả biệt kích để đón bắt ngay từ phút đầu tiên như vậy được. Các cơ quan tình báo Mỹ đã tốn khá nhiều tiền của và sức lực để kiểm tra lại hai giả thuyết này. Mỹ nguy nghi ngờ lẫn nhau.

Người Mỹ càng điên đầu hơn khi cùng với chương trình đó, kế hoạch đó nhưng nếu đem áp dụng ở nước khác thì lại thành công. Kế hoạch đảo chính lật đổ Tổng thống Sukácno ở Indônêxia năm 1965, vụ lật đổ Nhà vua Sihanúc ở Campuchia vào năm 1970, vụ đảo chính lật đổ Tổng thống Agien đê ở Chi Lê vào năm 1973 và v.v...đều diễn ra theo ý muốn của họ, nhưng ở Việt Nam chỉ cần gây ra một tiếng nổ thôi, để gieo rắc hoang mang cho dân chúng Việt Nam thì họ vẫn không làm được.

Người Mỹ công khai thừa nhận nguyên nhân thất bại của họ là do không hiểu lịch sử và nền văn hoá Việt Nam. Quả đúng như vậy, vì không phải là người Việt Nam nên họ không biết được rằng qua các quy định của hương ước từ xa xưa, các cộng đồng làng xã người Việt đã được rèn luyện và quen với nếp sống, nếp sống là luôn luôn cảnh giác, luôn luôn sẵn sàng đối phó với mọi hoạt động đe dọa cuộc sống an cư, lạc nghiệp của họ. Chỉ cần một hiện tượng lạ thoáng qua như vết chân người lạ xuất hiện trên bãi cát, một bếp tro tàn tồn tại ở một chỗ khác thường, một mẫu vật lạ còn nằm lại trên các nẻo đường, một nương, rẫy bị đào trộm, lấy trộm hoa màu .v.v... Nghĩa là tất cả mọi hiện tượng khác thường đều không lọt qua tầm tai, nghìn mắt cảnh giác của nhân dân . Sau khi đã xác định rõ ràng là có kẻ lạ xâm nhập, chỉ cần những tiếng tù và, tiếng ốc thổi lên thì chỉ trong giây phút là toàn thể cư dân trong làng đều đã sẵn sàng vây bắt kẻ đến quấy phá cuộc sống yên lành của họ. Bởi vì họ luôn ở trong thế trận đã bày sẵn, các hành động của họ đã được chuẩn bị, tập duyệt, thực hành từ thế hệ này sang thế hệ khác, với độ thuần thục để phát triển đến trình độ chiến lược, chiến thuật trong chiến đấu để giữ làng, giữ nước. Qua trực tiếp đụng độ trên các chiến trường, các tướng lĩnh quân đội Pháp, Mỹ đều thừa nhận rằng người Việt Nam là những bậc thầy trong tiến hành chiến tranh nhân dân. Các vũ khí, phương tiện chiến đấu hiện đại cũng không thể thắng nổi những người lính, những người du kích thiện chiến của Việt Nam.

Được rèn luyện theo các quy định của hương ước, tinh thần xả thân vì làng, vì nước trong các cộng đồng dân cư làng xã Việt Nam rất cao. Người dân Việt Nam không hề dấn đo trước mọi nguy hiểm để bảo vệ lợi ích của làng xóm. Tinh thần, truyền thống đó đã được phát huy trong các cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản và chính quyền cách mạng Việt Nam . Trong lịch sử các cuộc chiến tranh giữ nước của Việt Nam, thì các cuộc chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ là những cuộc chiến tranh gay go, ác liệt và dài ngày hơn bất kỳ cuộc chiến tranh nào trước đó tại Việt Nam.

Sự hy sinh của các tầng lớp nhân dân Việt Nam nói chung, của giai cấp nông dân Việt Nam nói riêng là vô cùng to lớn, có thể nói là vượt ra khỏi sự hình dung và trí tưởng tượng của nhân dân nhiều nước trên thế giới.

Một vài tài liệu dưới đây đã nói lên điều đó :

“ - Cụ Nguyễn Thị Ràng, (quận Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh) có 8 con trai và 2 cháu nội là liệt sĩ ;

Bà Văn Thị Thừa, (Quảng Nam - Đà Nẵng) , có chồng và 6 con là liệt sĩ ;

Cụ Nguyễn Thị Minh, (Long An) , có chồng và 6 con là liệt sĩ ;

Bà Trần Thị Mít , (Bình Trị Thiên), có 7 con là liệt sĩ;

Cụ Phạm Thị Ngự ,(Thuận Hải), có 7 con là liệt sĩ ;

Cụ Phạm Thị Khanh, (Kiên Giang), có 7 con là liệt sĩ ;

Chị Đỗ Thị Thiêm, (Bình Trị Thiên), là con, là vợ, là chị, là em, là cháu của 15 liệt sĩ trong số 19 thành viên của gia đình ;

Bà Nguyễn Thị Đàn, (Hải Hưng), có chồng và 3 con là liệt sĩ ;

Bà Lò Thị Ân, (Sơn La), có 5 con là liệt sĩ ;

Ông Phạm Văn Cống, (Hà Nam Ninh), có 4 con là liệt sĩ và 2 con là thương binh .”

Những số liệu trên đây là do báo Quân đội nhân dân Việt Nam số ra ngày 14-12-1977 đăng tin . Hiển nhiên là số lượng này chưa được thu thập đầy đủ. Các gia đình Việt Nam, thế hệ nối tiếp thế hệ, từ đời ông, cha, con, đến đời các cháu, chắt, đều có người đi chiến đấu làm nhiệm vụ giữ làng, giữ nước không phải là hiện tượng cá biệt. Hai cha con, hoặc các anh em ruột đều cùng chiến đấu trên một mặt trận là chuyện thường có trong các gia đình Việt Nam.

Vậy do đâu mà nhân dân Việt Nam có được truyền thống chịu đựng hy sinh vô bờ bến đối với sự nghiệp giữ nước, giữ làng như vậy. Lần lại các điều quy định của hương ước cổ thì chúng ta tìm ngay được lời giải đáp. Các hương ước đều long trọng tuyên bố : “ Việc phòng chống thiên tai, giặc giã trộm cướp là nhiệm vụ của toàn dân làng ! ” Cùng với việc xác định trách nhiệm thiêng liêng, cao cả của mọi người là những điều quy định rất rõ ràng, dứt khoát, kèm theo là những điều khuyến khích, khen thưởng của hương ước đối với những người

có công trong thực hiện nhiệm vụ giữ làng, giữ nước. Bên cạnh đó, hình thức chế tài của hương ước đối với những người trốn tránh nghĩa vụ giữ làng, giữ nước, những hình thức tuy không gây ra những sự tổn kém về tiền của, không đau đớn về thể xác nhưng có ảnh hưởng rất sâu đậm về mặt tinh thần khiến cho mọi người luôn luôn tâm niệm làm đúng mà không dám liều lĩnh vi phạm.

Đặt giả thiết, nếu trong việc động viên sức người, sức của để phục vụ cho sự nghiệp giữ làng, giữ nước, nếu chỉ đơn thuần dựa vào quy định của luật pháp Nhà nước để thi hành thì chắc chắn là không thể làm được như chính quyền cách mạng Việt Nam đã làm và đã đạt được thành tựu như đã có.

Các biện pháp hành chính, hình sự của Nhà nước dù có nghiêm khắc đến đâu chăng nữa cũng không thể đem lại kết quả, sự tự giác, động viên của gia đình, làng xóm, là những nhân tố quyết định. Trong các cuộc chiến tranh giữ nước, giữ làng, lúc ban đầu nhân dân Việt Nam đều ở vào tình trạng kém lực, yếu thế hơn kẻ định xâm lược rất nhiều lần, nhưng càng đánh lực lượng kháng chiến của nhân dân Việt Nam càng mạnh, và giành được thắng lợi cuối cùng.

Do vậy có thể kết luận được rằng một trong những ý nghĩa lớn lao của các hương ước cổ đã tác dụng đối với sự nghiệp giữ làng, giữ nước. hương ước cổ đã góp phần rèn luyện nên những truyền thống tốt đẹp về tinh thần của dân tộc là bất khuất, kiên cường, sự chịu đựng, lòng

dũng cảm hy sinh cùng những đức tính bình tĩnh, khéo léo, khôn ngoan, nhiều sáng kiến của người dân trong đấu tranh để bảo vệ sự trường tồn và phát triển mạnh mẽ của đất nước.

Xét riêng về khía cạnh này, thì không có gì tạo nên được những ảnh hưởng to lớn, những tác dụng sâu đậm và lâu dài trong lòng người dân bằng hương ước, lệ làng cổ.

III. HƯƠNG ƯỚC, LỆ LÀNG - NHỮNG TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC, NHỮNG ẢNH HƯỞNG TIÊU CỰC ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VIỆT NAM

Theo quy luật tiến hoá của muôn loài thì mọi vận động phù hợp với quy luật, mang tính tiến bộ, có lợi thì sẽ tồn tại và phát triển. Ngược lại, bất kỳ hiện tượng nào nảy sinh trái quy luật, mang trong mình sự lạc hậu, sự bất lợi thì trước sau, nhanh hay chậm, nó phải bị diệt vong và phải nhường môi trường sống cho sự đổi mới, tiến bộ hơn để thực hiện những nhiệm vụ mà lịch sử sẽ giao phó cho nó.

Sự xuất hiện, tồn tại, phát triển hoặc tạm thời bị lãng quên của hương ước cổ Việt Nam, cũng đã diễn ra theo quy luật chung của thiên nhiên và của xã hội mà ý thức chung của dân tộc Việt Nam đã nắm bắt được.

Hương ước cổ của Việt Nam đã có quá trình tồn tại,

phát triển ít ra cũng đã trên sáu trăm năm . hương ước có quá trình tồn tại và phát triển dài lâu như vậy bởi vì trong nó có chứa đựng nhiều mặt tích cực, có lợi cho sự tồn tại và phát triển đi lên của các dân tộc Việt Nam .

Trong quá trình phát triển, hương ước cổ của Việt Nam đã có lúc bị gạt ra bên lề của cuộc sống, bị thành kiến là bởi vì trong nó đã xuất hiện và đã từng tồn tại những yếu tố tiêu cực, gây nên những tha hoá đối với con người trong xã hội Việt Nam. Sự lãng quên hương ước là có lý do cụ thể .

Hương ước cổ của Việt Nam đã có những tác động tích cực, đồng thời có cả những ảnh hưởng tiêu cực đối với đời sống xã hội Việt Nam. Đây cũng là một biểu hiện bình thường đối với mọi hiện tượng. Chỉ có sự khác nhau trong mỗi một hiện tượng là mặt nào trội hơn mặt nào mà thôi .

Hương ước cổ của Việt Nam tồn tại, phát triển trong một thời gian dài như vậy bởi vì mặt tích cực của nó rất trội . Hương ước bị lãng quên gần năm mươi năm, nhưng so với khoảng thời gian trên sáu trăm năm thì thời gian bị lãng quên là ngắn. Hiện nay Đảng và Nhà nước ta có chủ trương khôi phục và kế thừa tác dụng của hương ước, quy ước mới vào việc phục vụ cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới. Điều này chứng tỏ mặt tích cực của hương ước cổ chỉ là phần thứ yếu .

A. NHỮNG TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC CỦA HƯƠNG ƯỚC CỔ ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Mỗi điều, mỗi mục của hương ước đều nhằm những mục đích cụ thể. Chẳng hạn điều quy định về hôn lễ là phục vụ cho việc cưới xin tiến bộ ; điều quy định về tang lễ là phục vụ cho việc thể hiện tình làng nghĩa xóm, sống chết có nhau, vui buồn cùng nhau, cho việc giáo dục lòng hiếu thảo của con người ; điều quy định về khuyến học là nhằm cho dân trí được mở mang ; con người ngày càng văn minh ; điều quy định về việc giữ gìn hoà khí trong cộng đồng là nhằm đảm bảo cho cuộc sống ở làng xóm luôn luôn yên vui ; điều quy định việc đãi ngộ vật chất, tinh thần cho những người có công, người hoàn thành nghĩa vụ binh dịch với Nhà nước là để khuyến khích mọi người luôn luôn chăm lo việc thực hiện nghĩa vụ thiêng liêng nhất của người công dân là bảo vệ giống nòi, bảo vệ Tổ quốc .v.v... Các điều quy định ấy đều xuất phát từ nhu cầu cuộc sống hàng ngày của từng người dân, từng gia đình, từ lợi ích của cộng đồng làng xóm.

Nhưng giá trị của mỗi điều quy định trong hương ước không tự hạn chế trong những mục đích hạn hẹp và lợi ích trước mắt mà thôi .

Giống như các bộ phận trong một cơ thể sống, như : thân, cành, lá, rễ, gốc của loài thảo mộc, hoặc tay chân, mũi miệng, tai mắt, các bộ phận nội tạng của con

người... mỗi bộ phận đều có nhiệm vụ cụ thể của nó. Nhưng tất cả các bộ phận đó đều hướng tới những kết quả chung, mục đích chung là làm cho cây cối xanh tươi để làm nên gỗ tốt hoặc tạo ra hoa thơm, trái ngọt cho đời; nhằm tạo nên những con người khoẻ mạnh, minh mẫn, những con người có ích cho xã hội .

Nhìn nhận một cách tổng quát nhất thì các hương ước cổ đã góp phần tạo nên khá nhiều truyền thống cao đẹp, nhiều nếp sống, nét sống tốt đẹp cho xã hội và con người Việt Nam. Trong số đó nổi lên những truyền thống, nếp sống, nét sống sau đây :

- Nuôi dưỡng tinh thần bất khuất, dũng cảm trong đấu tranh, tinh thần độc lập, tự chủ, tự quyết của cộng đồng người nông dân Việt Nam mà không có thói quen ỷ lại, dựa dẫm vào bất cứ ai .

- Xây dựng nên nếp sống, nét sống dân chủ trong bàn bạc và quyết định mọi công việc của làng xã .

- Vun đắp cho sự đoàn kết, keo sơn trong nội bộ gia đình, trong nội bộ làng xóm và cho sự nghiệp đại đoàn kết của dân tộc.

- Động viên mọi người luôn vươn tới sự hoàn thiện, hoàn mỹ, cái đẹp của nhân cách, biết ăn ở, xử sự một cách thanh lịch, cố gắng xa lánh, loại trừ dần những điều thô kệch, hủ lậu trong phong cách sống, rèn luyện nếp sống, nét sống thật thà, đôn hậu của người nông dân Việt Nam.

1. Về tinh thần tự giác, tự quản, tự chủ của nhân dân Việt Nam

Đọc và nghiên cứu kỹ các hương ước cổ của Việt Nam, chúng ta đều thấy toát lên những nét rất đặc sắc là tập thể các cộng đồng cư dân trong các làng xã Việt Nam, có tinh thần tự giác, tự quản, tự chủ rất cao.

Tinh thần tự giác, tự quản, tự chủ của cộng đồng người nông dân Việt Nam được thể hiện một cách rõ ràng, minh bạch và không hề úp mở bởi lời "Tuyên ngôn" của hương ước rằng: "... Trong làng có khoán ước cũng như Nhà nước có luật lệ" (hương ước làng An Hoà nay thuộc Quận Cầu Giấy). Đây là sự so sánh hoàn toàn hợp lôgic, không có gì có thể bác bỏ được tính luận cứ vững chắc của nó. Hơn nữa, lời tuyên ngôn này không phải là một sự "ly khai" bởi rằng cũng chính lời tuyên ngôn ấy lại có sự khẳng định về mối liên quan hữu cơ giữa làng với nước rằng: "Làng là gốc của nước, làng có hay thì nước mới thịnh vậy" (hương ước làng Tây Mỗ nay thuộc huyện Từ Liêm).

Tinh thần tự giác, tự quản, tự chủ của cộng đồng nông thôn được thể hiện bằng phạm vi đa dạng các quan hệ xã hội do hương ước điều chỉnh. Tính "tổng luật" của hương ước thể hiện tinh thần xuyên suốt rằng mọi công việc trong làng đều căn cứ vào quy định của hương ước mà tuân theo. Vận mệnh của làng là do toàn dân làng quyết định. Không có vấn đề gì của cộng đồng nông thôn mà những quy tắc hương ước không nói đến.

Mọi quyền lực ở trong làng xã, mặc dù đã có luật

pháp Nhà nước quy định, đều do dân làng quyết định. Hội đồng tộc biểu, Thư ký, Thủ quỹ, Trưởng tuần, Lý trưởng, Phó lý trưởng, Thủ lộ, Cai bạ v.v. mọi chức sắc trong bộ máy quản lý làng xã đều do dân làng thông qua các đại diện của mình là các Tộc biểu bầu ra. Lý trưởng và Phó lý trưởng là những người trực tiếp điều hành công việc hành chính ở làng xã cũng không được tự mình quyết định mà phải thông qua Hội đồng tộc biểu. Xét về mặt cơ cấu tổ chức và phạm vi quyền lực, Hội đồng tộc biểu mang nhiều đặc trưng của "Nghị viện làng xã" hoặc "Hội đồng nhân dân" ngày nay. Làng xã không phủ định quyền lực của Nhà nước. Làng vẫn nộp sưu thuế và thi hành mọi nghĩa vụ khác do Nhà nước quy định như nghĩa vụ binh dịch, nghĩa vụ tuân theo pháp luật và các nghĩa vụ khác. Nhưng khi bàn đến những vấn đề thuộc nội bộ làng xã, thì dân làng căn cứ vào hương ước- Bộ tổng luật của làng mình là chính để điều chỉnh mọi quan hệ xã hội của các thành viên trong cộng đồng.

Nhiều làng hợp lại thành huyện, phủ, châu. Nhiều huyện, phủ, châu hợp lại thành các tỉnh. Nhiều tỉnh hợp lại thành một nước. Làng, xã là những tế bào của một quốc gia. Các tế bào hồng hào sẽ làm cho cơ thể khoẻ mạnh. Quốc gia hùng mạnh là do các làng xã hùng mạnh. Quốc gia không ngăn cấm, cản trở làng xã, làng xã không ly khai với quốc gia. Các quy định của các hương ước đã tạo nên các mối quan hệ đúng đắn, hài hoà giữa các làng xã với quốc gia.

Ở nông thôn Việt Nam từ việc giữ gìn của công của làng xã, đến việc phân cấp quyền lợi như phân cấp công điền, công thổ, phân bổ sưu thuế, từ việc khuyến khích bảo vệ sản xuất đến việc bảo vệ an ninh, an toàn xã hội trong thôn xóm, chống thiên tai địch họa, từ việc nuôi dưỡng thuần phong mỹ tục, nâng cao dân trí, dân chí cho làng đến việc bài trừ thói hư tật xấu v.v. nhân dân trong thôn xóm, làng xã không ỷ lại vào chính quyền trung ương, chính quyền cấp trên hỗ trợ, ban ơn cho mà tự mình xoay sở lấy, tự mình tìm nguồn thu cho mình mà không hề trông mong ở ngân sách của trên trợ cấp cho. Dưới chế độ phong kiến thực dân, nông thôn chính là bầu sữa để nuôi sống bộ máy chính quyền cấp trên và là nguồn cung cấp cho mọi chi phí khác của bộ máy cai trị. Đắp đê phòng lụt, mở đường, bắc cầu, xây cung điện, xây lũy, xây thành, tài lực, nhân lực, vật lực v.v. tất cả đều trút lên hai vai người nông dân.

Tự lực về kinh tế, tự bảo đảm về an ninh, an toàn cho làng, đó là thói quen, là nếp nghĩ của người dân nông thôn xưa kia. Họ ít trông mong đến sự hỗ trợ, cứu viện của chính quyền trung ương, của quan trên. Nói chung họ không có tinh thần ỷ lại. Tinh thần này, truyền thống này đã được nhân dân Việt Nam trân trọng giữ gìn và phát triển trong suốt cả quá trình dựng nước và giữ nước. Nếu như ở một số nước khi quân ngoại xâm chiếm được thủ đô hoặc cầm giữ được người cầm đầu thì cuộc kháng chiến bị dập tắt. ở Việt Nam thì trái lại. Thủ đô Hà Nội đã nhiều lần bị ngoại xâm chiếm giữ.

Vua quan ươn hèn đầu hàng nhưng nhân dân các địa phương vẫn tiếp tục cuộc kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng. Trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, nhiều địa phương có những thời kỳ bị địch bao vây, chia cắt, bị đứt liên lạc và xa sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, nhưng nhờ có sẵn tinh thần tự chủ, tự lực cánh sinh nên đã làm cho kẻ thù thảm bại trong mưu toan cô lập, bao vây để đàn áp sức đấu tranh chống trả của nhân dân Việt Nam.

Tinh thần tự giác, tự quản, tự chủ cao của cư dân các làng xã khi tổng hợp lại trong phạm vi cả nước đã chuyển hoá thành tinh thần kiên quyết bảo vệ nền độc lập của dân tộc, quyền tự quyết của dân tộc.

Ở đây đã có sự chuyển hoá “lượng” biến thành “chất”. Không những bạn bè của Việt Nam mà cả những kẻ thù trước đây của Việt Nam đều khâm phục đức tính hy sinh vô bờ bến, sự kiên trì và lòng dũng cảm vô song của người Việt Nam trong đấu tranh để bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc, quyền tự quyết của dân tộc mình. Họ cho đó là một trong những lý do khiến cho các dân tộc Việt Nam tuy phải hứng chịu họa ngoại xâm một cách dai dẳng và khốc liệt nhưng không bao giờ chịu đầu hàng, chịu để bị tiêu diệt hoặc bị đồng hoá.

Nhưng do đâu các dân tộc Việt Nam có được sức mạnh kỳ diệu trong đấu tranh chống lại kẻ thù mà người nước ngoài không thể giải đáp nổi.

Nhưng đối với người Việt Nam, qua nghiên cứu kỹ các hương ước cổ chúng ta ý thức được cội nguồn sức

manh đấu tranh của dân tộc .

Rõ ràng là giữa nếp sống, nếp sống; tự giác, tự quản, tự chủ hàng ngày trong cộng đồng cư dân làng xã với tinh thần dám xả thân vì sự nghiệp đấu tranh bảo vệ nền độc lập tự do của Tổ quốc có mối quan hệ khăng khít, rõ ràng và hữu cơ với nhau .

Có yêu quý nền độc lập, tự do của Tổ quốc thì mới có tinh thần tự giác, tự nguyện, tự quản, tự chủ, trong hành động hàng ngày để làm cho làng xã ngày càng trở nên thuần hậu, giàu mạnh, đúng như lời nói đầu trong các hương ước cổ : “ Làng là gốc của nước, làng có mạnh thì nước mới giàu ”.

2. Về nếp sống dân chủ trong sinh hoạt của cộng đồng làng xã

Khác với nhiều dân tộc trên thế giới, các làng xã Việt Nam xưa kia không nơi nào mà không có Đình Trung. Ở các dân tộc miền núi thì có Nhà làng hoặc Nhà rông. Đền, chùa thì dân tộc nước nào cũng có. Đền, chùa là nơi dân chúng tập trung làm lễ hội mà thôi. Nhưng Đình trung hoặc Nhà làng, Nhà rông với tác dụng là nơi gặp mặt chung của dân làng, khi có hội họp chung cả làng thì chỉ riêng ở Việt Nam mới có. Các dân tộc của nhiều nước trên thế giới ở dưới thời đại "dân chủ nô lệ", khi cần bàn đến việc chung thì họ thường kéo nhau ra các quảng trường, tức là những khoảnh đất trống rộng lớn để hội họp.

Ở Việt Nam làng có nhiều ruộng, làng có ít ruộng, làng đông dân hay ít dân, làng giàu hay làng nghèo. Tất

cả các làng đều dành ra những khoảnh đất rộng rãi, nơi có cây cao, bóng mát, có phong cảnh đẹp nhất làng và đồn sức, đồn của cả làng để xây dựng nên những ngôi đình khang trang, to lớn của làng. Đình làng là bộ mặt của làng. Đình làng to đẹp thì già trẻ, trai gái trong làng đều lấy làm hãnh diện. Khi cần xây dựng, tôn tạo đình làng thì mọi nhà trong làng đều nhiệt tình đóng góp. Đình làng là nơi thờ cúng Thành hoàng - người khai phá, lập nên làng xã và các người có công trong xây dựng bảo vệ làng sau này. Họ là những người thật, là tổ tiên, con em đã từng sống, chết với làng và được dân làng tôn vinh thành thần thánh của làng. Cho đến nay nhiều ngôi đình được xếp hạng di tích lịch sử của Nhà nước là do vậy.

Đình làng là nơi tụ họp của cả làng để bàn việc làng; là nơi hội họp của Hội đồng tộc biểu, là nơi làm việc của lý dịch trong làng, là nơi mà người dân trong làng đến để hỏi han công việc, hoặc khiếu nại, kiện cáo, là nơi để dân làng đến nghe Hội đồng tộc biểu bàn bạc và quyết định, là nơi để dân làng tụ họp vui chơi, nghe hò hát, xem chèo, xem tuồng, là nơi mà mọi người trong làng đến để nhận quyền lợi như nhận phần ruộng hoặc tham dự phần khao vọng hoặc ăn uống khi có tế lễ.

Đình làng hoặc Nhà dài, Nhà rông là nơi người nông dân nhận được thông tin hai chiều, là nơi để họ đối thoại với nhau. Đình làng là nơi dân làng được đào luyện về nếp sống dân chủ trực tiếp, dân chủ thực sự. Chỉ riêng sự có mặt của các ngôi đình làng với tác dụng

là nơi tập trung hội họp, bàn bạc công việc cũng đã là một minh chứng lịch sử rằng trong cộng đồng làng xã Việt Nam mọi việc đều được bàn bạc dân chủ chứ không phải là sự áp đặt một chiều.

Nếp sống dân chủ, người dân làm chủ, như đã khẳng định trong các hương ước thường dùng các cụm từ như: làng cấp cho, làng ghi công, làng miễn cho, làng phạt, làng cấm v.v.. chứ không nói Chánh, Phó Hương hội cho phép hoặc Lý trưởng quyết định. Rõ ràng chủ thể trong mọi công việc ở làng là "làng", là tập thể dân làng chứ không phải một cá nhân nào. Cái "tôi" ở trong làng xã thường ít được dùng đến. Thay cho tôi, người nông dân Việt Nam thường dùng danh từ "làng ta" để diễn đạt vị trí người đối thoại. Tinh thần dân chủ ở làng xã còn được thể hiện ở một khía cạnh nổi bật là mọi chức vụ đều có kỳ hạn. Không hề có những chức vụ suốt đời. Nhiệm kỳ từng chức vụ thường được quy định là 3 năm, tối đa là 6 năm mà thôi. Việc "chọn mặt gửi vàng" là do dân làng quyết định, căn cứ vào tư cách đạo đức, gia sản của người được đề cử chứ không phải do quan trên giới thiệu hoặc áp đặt. Do vậy, những người được dân làng đặt vào vị trí là những người được dân cư trong làng tuyệt đối tin tưởng. Mặt khác trong nhiệm kỳ đó hề ai vi phạm hương ước thì lập tức bị dân làng họp lại để quyết định bãi miễn mà không cần phải có sự thông qua hoặc duyệt ý của một cấp trên nào cả. Đảm nhiệm công việc liên trong hai nhiệm kỳ mà không hề có một tỳ vết gì là một điều không dễ. Ai làm được như vậy

thì làng ghi công. Nếp sống dân chủ cùng nhau bàn bạc công việc đã ăn sâu vào trong máu thịt và khối óc của người nông dân Việt Nam. Chính vì đó mà người Việt Nam rất ghét cái thói áp đặt một chiều, cái tệ quan liêu mệnh lệnh. Các vua quan sáng suốt của các triều đại phong kiến Việt Nam đã biết khai thác sự đồng lòng, đồng sức này, nhất là trong những lúc vận mệnh đất nước bị đe dọa nên họ đã đưa đất nước ra khỏi hiểm nguy. Hội nghị Diên Hồng ở thế kỷ 13 là một ví dụ. Và cũng chỉ ở Việt Nam mới có những hội nghị như Hội nghị Diên Hồng, một sản phẩm của tinh thần dân chủ thực sự, dân chủ trực tiếp mà tổ tiên người Việt Nam đã xây dựng được.

3. Về tinh thần đoàn kết của người Việt Nam

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác có nhận xét rằng với nền kinh tế tự cấp, tự túc do trình độ lạc hậu, kém phát triển về thông tin, về giao thông đi lại, người nông dân không có mối quan hệ chặt chẽ với giai cấp của mình như giai cấp công nhân, giai cấp tư sản. Nông dân thực ra không hình thành một giai cấp có kết cấu vững chắc. Các Mác có nói rằng: gộp chung những nông dân lại thành một giai cấp cũng giống như bỏ nhiều củ khoai tây vào trong một bao tải và gọi nó là bao khoai tây vậy. Giữa các củ khoai tây không có mối liên hệ hữu cơ mà chúng tồn tại một cách độc lập với nhau.

Sự đánh giá nhận xét trên đây chỉ đúng với tình hình nông dân nhiều nước ở châu Âu hoặc ở các châu lục khác mà thôi. Do hoàn cảnh lịch sử, kinh tế, chính trị xã

hội chi phối nên các mối quan hệ giữa từng người nông dân, gia đình nông dân với làng xã Việt Nam với cộng đồng hương thôn có nhiều điều khác hẳn so với nông thôn nhiều nước trên thế giới.

Việt Nam là nước luôn có nhiều thiên tai và luôn luôn bị giặc ngoại xâm đe dọa. Để đấu tranh chống lụt, bão, chống giặc ngoại xâm, chống kẻ cướp đến làng, người nông dân Việt Nam đã sớm biết đoàn kết nhau lại. Người nông dân Việt Nam đều tâm niệm câu nói: "Sống nhờ làng, chết giữa làng". Trong sản xuất, trong đắp đê phòng lụt, trong chống cướp, chống giặc ngoại xâm, từng người nông dân, từng gia đình nông dân đều tìm thấy sức mạnh của cả làng. Bị đuổi ra khỏi làng không cho tham dự đình trung khi có tế lễ, không được mời dự khi có việc vui là những hình phạt đau đớn, nhục nhã nhất đối với người nông dân Việt Nam.

Từ lúc sinh ra cho đến lúc trưởng thành, lúc làm nhà, lấy vợ, lấy chồng, khi trồng khoai, cấy lúa ngoài đồng, khi xem hát ở đình làng, lúc gặt hái và cả những lúc có hỷ, hiếu, mừng, lo... người nông dân Việt Nam vốn có truyền thống là sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau, chia sẻ cực nhọc, gánh nặng cho nhau mà không hề có sự "ngã giá" trước với nhau, không có vấn đề "tiền trao cháo múc". Giúp đỡ nhau là vì tình làng, nghĩa xóm. Mời nhau một miếng trầu không, uống với nhau một bát nước chè xanh, chung nhau một điệu thuốc Lào... là đủ và lấy làm quý hơn trả giá cho nhau bằng tiền bạc. Cả dân làng là một khối đoàn kết keo sơn. Ai ai cũng tôn

trọng những quy định của hương ước về giữ gìn và bảo vệ lợi ích của cộng đồng. Bất kỳ một hành vi nào xâm phạm đến lợi ích của cộng đồng như làm nhà mà xâm lấn đất công, trồng cây mà để mọc lan ra đường lộ, ngăn ngòi bắt cá mà làm khô, hổng ruộng đất của người khác, chăn trâu, thả vịt mà làm hư hại đến hoa màu của dân làng, hoặc thực hiện những hành vi xâm phạm đến sự an toàn của đề điều đều bị làng phạt nặng và bị cộng đồng lên án gay gắt.

Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ nhiều tướng lĩnh quân đội thực dân đã ngạc nhiên đến mức sững sờ trước sức mạnh của những "làng kháng chiến" của nông dân Việt Nam. Dựa vào lũy tre xanh bao bọc, với những vũ khí thô sơ, với tinh thần "sống nhờ làng, chết giữa làng" người nông dân đã đoàn kết nhau lại và biến nơi chôn rau cắt rốn của mình thành những pháo đài bất khả xâm phạm đối với giặc xâm lược. Sức mạnh vô địch của người nông dân ở làng xã chính là sức mạnh đoàn kết mà các hương ước của làng đã đề ra và được mọi người trong làng tuân thủ triệt để.

Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết. Đoàn kết là chất sinh tố xã hội đặc biệt quý giá. Nhờ có đoàn kết mà óc sáng kiến, lòng hăng say của mỗi thành viên trong tổ chức, trong cộng đồng được khai thác và phát huy sức mạnh của từng người, của tập thể được nhân lên gấp bội. Nhờ có sức mạnh đoàn kết mà các lực lượng nhỏ yếu có thể lập nên những kỳ tích. Vì mất đoàn kết nội bộ, có những đội quân vốn thiện chiến bị đánh bại bởi những

đội quân ít hơn và yếu hơn về trang bị vũ khí. Có những quốc gia vốn hùng mạnh trở nên suy yếu vì bị lâm vào cảnh nổi da, xáo thịt.

Bài học về sức mạnh đoàn kết đã được lịch sử của nhiều dân tộc, quốc gia trên thế giới chứng minh. Song để làm được điều đó không phải ai cũng làm được và lúc nào cũng làm được. Các quy phạm của các hương ước cổ cung cấp một bài học nóng hổi về sự kiến tạo và duy trì tình đoàn kết. Đoàn kết trước hết là đoàn kết trong từng gia đình, đoàn kết trong thôn xóm, làng xã. Muốn vậy phải có tinh thần hoà giải, có cách giải quyết tốt các bất đồng trong nội bộ. Sự đoàn kết của cả nước bắt nguồn từ sự đoàn kết vững chắc trong từng gia đình, làng xóm. Nhờ có tinh thần đoàn kết, mà nhân dân Việt Nam đã dành được những chiến thắng vang dội trong các cuộc kháng chiến bảo vệ nền độc lập tự do của dân tộc mình. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, phát xít Nhật, đế quốc Mỹ xâm lược cũng chính là do Chủ tịch Hồ Chí Minh đã biết khai thác truyền thống đoàn kết của toàn dân, của tổ tiên để lại.

4. Về tính hướng thiện của người dân Việt Nam

Trong lời tựa của hầu hết các hương ước của các làng xã xưa kia đều có nhấn mạnh rằng "Cần cải lương, suy xét hiện tình thời nay, so sánh tục lệ thời trước, điều nào hại thì bỏ, điều nào lợi thì theo, cốt làm cho dân làng được thịnh giàu, phong tục được thuần mỹ". Đó là mục đích của việc biên soạn hương ước và cũng là

mục đích của cuộc sống. Hướng tới cái hay cái đẹp, cái hoàn thiện, hoàn mỹ, xa lánh cái hủ lậu, kệch cỡm là nếp sống, nét sống của người nông dân Việt Nam.

Có hương ước trước khi quy định các điều cụ thể, nhà làm luật, những người soạn thảo hương ước, có trình bày rõ các luận thuyết, quan điểm của làng trước khi đề ra những quy tắc xử sự cụ thể. Như trước khi đề ra những quy tắc giữ gìn vệ sinh công cộng, hương ước một số nơi nêu rõ: "có giữ được vệ sinh sạch sẽ mới sống lâu; việc giữ gìn vệ sinh trong Hương thôn bao gồm cả việc phòng bệnh và chữa bệnh". Hoặc trước khi đề ra các quy tắc về ma chay, có hương ước nêu lên một cách rạch ròi, dứt khoát rằng: "Tang là sự buồn rầu, đau đớn nhà người ta, cứ theo thói quen mà mời khách ăn uống thật là không tiện, nay dân bỏ lệ ấy đi". (hương ước làng Đông Ngạc, điều 120). Hoặc trước khi đề ra các quy tắc về hôn lễ, có hương ước cố ý nhấn mạnh: "... Phương ngôn dân ta thường nói lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống mà không nói gì đến tiền bạc... lại nói vợ chồng như dưa có đôi, bằng đôi phải lứa mà không nói gì đến gán ép... Hiện tục của dân ta ngày nay thì sao có điều nhằm hại không sao kể xiết, phần thì trái mất lễ nghĩa của thánh hiền, phần thì mất sự thân vui của gia tộc. Chúng ta nên kịp sửa đổi các tệ tục ấy cho dễ tuân theo. Vậy các lệ hôn định như sau này:..." (hương ước làng Lương Quy, điều 73).

Các hương ước lại có những điều quy định rất rõ ràng về việc khen thưởng người tốt, việc tốt và xử phạt

ngghiêm khắc người xấu, việc xấu.

Hương ước các làng đều có nói đến việc dựng bia ở đình làng để ghi tên những người có công với làng như: Đem tài sản cống hiến cho làng để xây dựng trường học, nhà thương, mở chợ, làm đường hoặc đem thóc gạo cứu giúp dân làng khi bị mất mùa đói kém, hoặc có phát minh sáng chế hoặc hiến kế làm cho đời sống kinh tế của dân làng thêm thịnh giàu hoặc làm bất cứ việc gì mà đem lại danh dự cho làng xóm.

Có nơi còn quy định những người đàn bà nghèo khó nhưng cố làm ăn, biết dành dụm để nuôi chồng, nuôi con học hành đỗ đạt, giúp ích cho nước cho làng thì làng mời ra chốn đình trung cho ngồi chiếu riêng để xem chèo, nghe hát.

Còn đối với những người có lòng dũng cảm trong đấu tranh không may bị thương bị chết thì tên tuổi họ cũng được ghi vào sổ sách. Gia đình họ được cứu giúp về vật chất. Khi đưa ma thì cả làng đến phúng viếng và tiễn đưa ra tận nơi an táng. Con họ, nếu không có con, thì cháu, được miễn tạp dịch miễn đại túc suốt đời. Hàng năm vào các dịp tế lễ, tên tuổi những người có công đều được đọc xướng để cho cả làng cùng nghe để tưởng nhớ!

Với những biện pháp khuyến khích cụ thể và thiết thực như vậy, già trẻ, trai gái trong làng ai cũng nô nức cố gắng làm những điều tốt để trở thành người tốt. Lòng hướng về chữ nhân, chữ nhượng, chữ tâm, chữ đức, chữ thiện, chữ mỹ trở thành xu thế, khuynh hướng phát triển đi lên trong lối sống của dân làng.

Hương ước cũng đề ra những hình thức xử phạt đối với bất cứ ai vi phạm hương ước hoặc trong lối sống có những điều không ngay thẳng. Khi phải xử phạt thì hương ước không miễn trừ ai. Từ những người Tộc biểu, Chánh hương hội, Phó hương hội, Lý trưởng, Phó lý trưởng, nếu lợi dụng công việc mà tham ô của làng thì bị làng bãi chức, bắt đền bù và truất ngôi thứ. Khi đến đình trung họ chỉ tham dự với tư cách là dân bình thường mà thôi. Trong cuộc sống nếu người nào có những hành vi lấn chiếm của công, trộm cắp của người khác hoặc sống bất hoà với người trong làng, hoặc có thói vu oan giá hoạ, hay đi kiện cáo người khác thì chẳng những họ bị phạt tiền mà còn bị những hình phạt rất nặng về tinh thần như lúc làm nhà không ai đến giúp, lúc có giỗ chạp không ai đến dự chia vui, bị cấm đến dự đình trung trong một thời gian nhất định, thông thường thì bị cấm từ 1 năm đến 3 năm, khi chết thì không ai đến đưa ma và cao nhất là bị đuổi ra khỏi làng.

Điều 204. Hương ước làng Khương Thượng nay thuộc quận Đống Đa quy định: "Trong làng con giai đã đến kỳ khôn lớn nên tìm công bói việc, cấm không được ngày đêm tụ tập làm sự bất hảo quen thói du thủ, du thực đông dài. Con gái đã đến tuổi cập kê phải nên làm ruộng, phải học buôn bán, cấm không được ngày tháng nhõn nhơ theo tuồng trên bậc trong dâu dơ dáng. Nếu những con giai, con gái nào mà bất tuân, chức dịch xét ra quả có tang chứng, xã lập Hội đồng niêm yết tên

người ấy ra các công sở để răn kẻ khác".

Nếp sống và nét sống tốt đẹp, thanh lịch của con người một phần là do biết tuân thủ các quy tắc xử sự tốt về mặt phong tục, về mặt đạo đức và cả về mặt pháp lý. Trong ba loại quy tắc xử sự ấy, quy tắc về mặt pháp lý giữ một vai trò quyết định. Bởi vì sự tuân thủ quy tắc phong tục, quy tắc về mặt đạo đức là dựa vào sự giác ngộ cao thấp, sự tự nguyện ít nhiều của từng người. Nhưng mỗi khi nếp sống, nét sống chung của mọi người đã trở thành quy tắc pháp lý thì mọi người đều phải tuân theo, nếu ai đó vi phạm thì lập tức bị xử phạt.

Các quy tắc xử sự mang tính hướng thiện đã có trong các hương ước là những quy tắc pháp lý. Vì vậy, các quy tắc xử sự đã nêu ra trong các hương ước có tác dụng to lớn đối với việc hình thành và duy trì các nếp sống, nét sống tốt đẹp của con người Việt Nam ở nông thôn.

Nhìn chung lại, các hương ước cổ đã có nhiều tác dụng trong việc giáo dục, rèn luyện những con người nông dân thường ít được học hành, trở thành những con người có nếp sống và nét sống văn minh, những con người chân chất thật thà, giàu lòng vị tha, luôn hướng thiện và cũng giàu tinh thần chiến đấu trong đấu tranh chống lại bất công, áp bức và những thói xấu của con người chỉ biết có lợi ích riêng, vì lợi ích riêng mà xâm phạm đến lợi ích chung. Nếp sống, nét sống thanh lịch hàng ngày, lễ dĩ nhiên là kết quả của sự hấp thụ những thói quen tốt, thói quen hướng thiện một phần là do việc

triệt để tuân thủ các điều tương ứng của hương ước. nếp sống và nét sống thanh lịch của người Việt Nam ngày nay cũng là do thừa hưởng các di sản tốt đẹp đó.

B. NHỮNG ẢNH HƯỞNG TIÊU CỰC CỦA HƯƠNG ƯỚC CỔ ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Trải qua thời gian, theo quy luật phát triển đi lên của sự tiến hoá không ngừng của muôn loài trong hương ước không thể không có những điều, những quy định trở nên không hợp thời thế.

Hơn nữa trong vận dụng, thực thi tránh sao khỏi những điều thiên lệch, lạm dụng. Trong thời đại ngày nay vẫn còn có hiện tượng: quy định của pháp luật đúng, nhưng người vận dụng nó thì sai. Trong trường hợp này không thể chê trách bản thân đạo luật. Đối với hương ước cũng vậy, xét về xuất xứ, hoàn cảnh ra đời cùng mục đích áp dụng và nội dung chứa đựng thì sự hình thành, tồn tại và phát triển của hương ước là phù hợp với quy luật phát triển. Hương ước không mâu thuẫn lại với luật pháp chung cả nước. Có người vin vào câu nói: Phép vua thua lệ làng - một hiện tượng có thật trong đời sống nông thôn để phủ nhận tính tích cực của hương ước là định kiến sai lệch.

Việc chính quyền thực dân Pháp tiến hành cải lương lại các hương ước không phải không có lý do. Trong hương ước cổ, theo quan điểm và sự đánh giá của

bọn thực dân cai trị, có quá nhiều đe dọa đến sự tồn tại của chính quyền cướp nước. Vì vậy, chính quyền đô hộ đã có mưu đồ xoá bỏ, nhưng chúng không xoá bỏ được. Hương ước là một sản phẩm lịch sử của sự nghiệp đấu tranh để tồn tại và phát triển của các dân tộc Việt Nam. Nó đã xâm nhập sâu vào trong khối óc và biến thành máu thịt của người nông dân Việt Nam. Người xưa có nói rằng: "Cấm đoán những điều có lợi thì thần thánh cũng không làm được".

Xoá bỏ hương ước là việc không thể làm được. Vì vậy, chính quyền Pháp chọn con đường cải lương để mưu toan thủ tiêu, hạn chế những nhân tố tích cực và lồng vào đấy những nhân tố có lợi cho chính quyền đô hộ.

Vì vậy, trong các hương ước của các địa phương được ban hành trong thời kỳ cải lương có chứa đựng khá nhiều nhân tố tiêu cực.

1. Tệ mua quan, bán tước

Hương ước làng Lương Quy nay thuộc huyện Đông Anh cho phép dân làng ai chưa có vị thứ, nếu bỏ ra 15\$00 thì có thể mua ngôi "nhiêu" có thứ vị như Trương tuần, được ngôi ở chiếu dành cho chức sắc trong làng và được miễn mọi tạp dịch.

Điều 153. Hương ước làng Đông Ngạc nay thuộc huyện Từ Liêm quy định: "Người nào không có phẩm hàm mà muốn vọng hương viên, thì khi nào dân có giấy quan cho phép bán vị thứ mới được vọng hương viên.

Chánh tòng nhất vọng nộp quỹ 40\$00, Chánh tòng nhị vọng nộp quỹ 50\$00, Chánh tòng tam vọng nộp quỹ 60\$00". Điều 155 cũng cho phép bỏ tiền mua chức Thôn trưởng: "Chánh tòng nhất vọng 20\$00, Chánh vọng nhị vọng 30\$00, Chánh tòng tam vọng 40\$00".

Điều thứ 97. Hương ước làng Hào Nam nay thuộc quận Đống Đa quy định: "Những người đã đến 16 tuổi trở lên thì bậc trung nam phải bắt gánh tạp dịch. Nếu khi nào làng có việc bất thường cần phải tiêu đến tiền mà gọi cho vọng lên bậc Thôn trưởng thì phải nộp số tiền là 14\$50".

Điều 75 thể lệ làng Xuân Trạch nay thuộc huyện Đông Anh quy định: "Bán ngôi Hương mục là người quý ở trong làng thì Hương lão, Trùm trưởng, Lý dịch có thoả thuận ký kết mới được theo Chánh, Phó lý, mà phải khao mà nộp tiền vào công dân là 120\$00 bạc".

Điều 126. Hương ước làng Vĩnh Phúc quy định rằng: "...Khi nào làng có việc bất thường cần phải tiêu đến tiền gọi mà cho mua nhiều hương nộp lệ sáu đồng bạc (6\$00) sung quỹ, trừ tạp dịch".

Điều 112. Hương ước xã Yên Thái nay thuộc quận Ba Đình quy định: "Trong làng ai muốn vọng vị thứ kỳ mục tiền vọng 30\$00, vọng vị thứ dịch mục 15\$00".

Việc mua quan, bán tước ở hương thôn dù chỉ xảy ra đối với các chức vị nhỏ mọn trong làng xã như: Nhiêu, Hương mục, Thôn trưởng nhưng đã gây ra một tâm lý trong người nông dân chất phác rằng "có tiền mua tiên

cũng được". Nó gây ra cho con người tính xấu là làm nô lệ đồng tiền với biết bao nhiêu hậu họa, tiền bạc trở thành phương tiện để đoạt danh vọng, địa vị hão, trở thành công cụ giúp cho người ta trốn tránh nghĩa vụ, trách nhiệm phải gánh vác trước cộng đồng.

Về lâu về dài nó làm phân rã xã hội nông thôn vốn được gắn bó mật thiết với nhau bằng một chất kết dính đặc biệt. Đó là tình đoàn kết trong đấu tranh với thiên nhiên, đấu tranh xã hội dựa trên giòng máu huyết tộc và tình làng, nghĩa xóm giữa người đồng bào, đồng tộc, đồng hương, đồng họ với nhau.

2. Tệ đặt lệ khao vọng

Hầu hết các hương ước đều dành ra nhiều điều quy định đối với các trường hợp phải khao vọng. Việc quy định thủ tục, hình thức khao vọng khá tỷ mỷ đến mức chi ly. Nó làm cho nhiều người phải bán sạch cơ nghiệp cũng chỉ vì muốn có chỗ ngồi giữa chiếu làng cao hơn người khác.

Riêng về hình thức khao vọng thì đã có nhiều loại. Trong làng có bao nhiêu chức vụ thì có bấy nhiêu loại khao vọng: vọng Tộc biểu; vọng Chánh, Phó hương hội; vọng Lý trưởng và Phó lý trưởng; vọng Trương tuần; vọng lão. Trong vọng lão lại chia thành nhiều lượt, nhiều hạng: lão 50 tuổi, lão 60 tuổi. Có nơi lão 70 tuổi, 80 tuổi cũng có lệ khao vọng bằng tiền. Vọng khoa hoạn như khi thi đỗ Tiến sĩ, Tú tài, Thành chung hoặc được phong quan Tổng đốc, Án sát, Tri phủ, Tri huyện, được ban Cửu phẩm, Bát phẩm đều phải khao vọng bằng tiền

thì làng mới tổ chức đi đón rước vinh quy và sắp xếp vào ngôi thứ ở đình làng.

Điều 75. Tục lệ làng Xuân Trạch nay thuộc huyện Đông Anh quy định: "Văn tứ phẩm.. Võ tam phẩm trở lên khao rồi vọng 60\$00, văn ngũ, Lục phẩm, võ tứ, Ngũ phẩm; pháp học các khoa mục Tiến sĩ, Cử nhân khao rồi vọng 50\$00; văn thất phẩm, võ lục phẩm; pháp học tú tài khao rồi vọng 30\$00. Văn Bát phẩm, võ Thất phẩm, chánh phó tổng khao rồi vọng 3\$00. Văn cửu phẩm, võ bát cửu phẩm, chánh, phó lý khao rồi vọng 2\$00. Chánh, phó Hội cùng ban Hương hội ai có phẩm hàm, chưa có chân chánh, phó lý khao rồi vọng 30\$00 hoặc có chân Chánh, Phó lý khao rồi vọng 10\$00. Trong ban Hương hội mới bầu thì phải khao Hương lão, Trùm trưởng, huynh thứ và vọng viên mỗi người 5\$00, mới được theo huynh thứ lúc đương thứ và quản xã khao rồi vọng 30\$00 mới được như người Hương trưởng. Những người trên này cứ theo những lời trên này mà tuân hành".

Điều 7. Hương ước làng Tây Mỗ nay là huyện Từ Liêm quy định:

- Quan viên hạng nhất (từ Nhất phẩm đến Tứ phẩm) phải nộp 30\$00

- Quan viên hạng nhì (từ Ngũ phẩm đến Thất phẩm) phải nộp 25\$00

- Quan viên hạng ba (Bát, Cửu phẩm) phải nộp 15\$00

- Quan viên hạng tư (chức dịch không có phẩm hàm) phải nộp 10\$00

- Mua Tổng hào vào thứ vị quan viên hạng tư phải nộp 100\$00

- Mua Lý hào vào thứ vị quan viên hạng năm phải nộp 60\$00

- Mua nhiều nam vào thứ vị quan viên hạng sáu phải nộp 30\$00

Điều 8. Hương ước làng Lương Yên nay thuộc quận Đống Đa quy định: "Ngôi thứ Phó lý, Hương trưởng, Lý trưởng xưa nay có lệ khao vọng nay chiết nộp vào tiền công quỹ như sau này và xôi gà tế thần:

Lý trưởng 30\$00

Phó lý 20\$00

Hương trưởng 10\$00

Hương hội 10\$00"

Khao mời làng ăn thì phải mổ trâu, bò, lợn. Khao xong còn phải có tiền nộp vọng cho làng. Để khao rồi vọng với làng có những người phải bán cả điền sản, cơ nghiệp. Thói quen khao vọng mỗi khi được lên cấp, lên lương còn để lại nhiều dấu vết khá rõ trong đời sống ngày nay của xã hội, không cơ quan nào, không ngành nào, không địa phương nào mà không xảy ra.

3. Đặt ra nhiều ngôi thứ ở chốn đình chung và đặt lệ biếu xén xôi thịt

Các hương ước đều nêu lý do: "Ngôi thứ trên dưới là

đặt ra lễ nghi, khiến cho trong làng có trật tự. Những chức quan chế thì phải theo quan chế, không có quan chế thì phải theo thủ tục làng. Vọng trước ngai trên, Vọng sau ngai dưới, không được trái lễ (Vị việt) " (điều 100 Hương ước thôn Hào Nam nay thuộc quận Đống Đa).

Mục đích của việc đặt ra ngai thứ như đã nêu trong một số hương ước là duy trì trật tự. Nhưng trong thực tiễn, chính đây là nguyên nhân tạo ra sự hiềm khích chỉ vì tranh giành nhau ngai chiếu trên hoặc bị đẩy xuống ngai chiếu dưới, tranh giành ngai thứ, tranh giành nhau miếng thịt, đĩa xôi biếu của làng. Người không muốn khao vọng thì bị chê trách là keo kiệt. Khao vọng không có mâm to, cỗ đầy thì cho là bủn xỉn. Khao vọng trở thành cách khoe danh, khoe của và chọc tức lẫn nhau, gây mất đoàn kết, phát sinh nhiều kiện cáo trong thôn.

Hương ước làng Đồng Nhân nay thuộc quận Hai Bà Trưng quy định:

"Vị thứ trong đình chia làm hai dòng:

- Dòng thứ nhất - chiếu quan văn võ phẩm hàm dĩ hạ đến Chánh tổng, Hội nghị viên, Lý trưởng dĩ thượng ngai chiếu cặp đỏ, đến như Phó lý, Chánh Phó hương hội, Thủ quỹ, Trường bạ, Thủ bạ, Thư ký, Quản xã, Quản lộ, Trương tuần, cụm Tộc biểu được ngai chiếu cặp xanh. Các chức dịch bầu cử hơn các chức dịch mua cử...

- Dòng thứ hai - Hương lão từ 57 tuổi trở lên được ngai chiếu cặp đỏ, thứ đến ban Hương dịch được ngai

chiếu cạp xanh còn dân đình cú chiếu niên sĩ mà ngồi chiếu trắng..."

Hương ước làng Tương Mai nay thuộc quận Hai Bà Trưng còn quy định tỷ mỉ hơn:

"Ngôi thứ tại đình chia ra làm bốn dòng như sau:

1. Dòng khoa sắc miễn sai và các chức dịch trong làng;
2. Dòng lão nhiêu, giáp trưởng và hàng nhiêu;
3. Dòng lão hạng giáp, toạ tại mái Đông đình;
4. Dòng dân đình giáp, toạ tại mái Tây đình (điều 152).

"Dòng khoa sắc và các chức chia ra ba bậc như sau này:

1. Bậc chức sắc: Các viên có khoa bảng từ Tú tài dĩ thượng, có phẩm tước từ Cửu phẩm dĩ thượng;
2. Bậc miễn sai... Chánh, Phó, Tổng, Giáo học, Thư ký, Lục sự, thừa phái và các người mới đỗ bảng Thành chung;
3. Bậc Hương chức tân cựu, Chánh Phó Hương hội, Lý trưởng, Phó lý, Thư ký, Thủ quỹ hộ lại, Trưởng bạ... (điều 153)".

Cũng tại điều 157. Hương ước làng Tương Mai quy định rằng ai có chức vị đã khao, vọng rồi thì được ngồi vĩnh viễn ở chiếu dành cho giòng khoa sắc, hễ ai không vọng thì chỉ được ngồi khi tại chức mà thôi (!).

Kèm theo việc định ngôi thứ tại đình trung là lệ biểu xén xôi thịt.

Điều thứ 16. Hương ước xã Yên Lãng nay thuộc quận Đống Đa quy định: "Việc kính biếu là việc tôn trọng người trên phải có kính cần. Thể lệ kính biếu như sau:

- Nhất, nhị, tam phẩm biếu cả cái thủ;
- Tứ, ngũ, lục, thất phẩm biếu nửa cái thủ;
- Bát, cửu phẩm biếu một phần chi...

Điều 188. Hương ước làng Khương Thượng quy định: "Đệ niên xuân thu, tứ quý và các kỳ tế tự biếu viên thư chỉ một cái thủ lợn, biếu viên tiên thứ chỉ một cái thủ lợn. Kỳ nào làm trâu hay làm bò thì biếu cái cẳng. Biếu viên nhiếp tế một miếng thịt lụa và biếu các chức sắc một cái cẳng".

Việc đặt ra ngôi thứ, phân biệt chỗ ngồi, đặt lệ biếu xén và phân biệt thịt thủ, thịt noong như những con vi rút đã đục nát cơ thể vốn yên lành, hoà mục trong cộng đồng nông thôn. Nó gây ra những sự tranh giành, tỵ nạnh hết sức nhỏ mọn - "một miếng giữa làng bằng một sàng trong bếp". Chính cái thói tham ăn, tục uống ở chốn đình trung sau khi có hương ước cải lương đã làm cho xã hội nông thôn bị đẩy vào cuộc sống hiểm khích, tỵ nạnh liên miên, sinh ra cái cảnh "đi việc làng thì bênh việc của họ, đi việc họ thì bênh việc của phái, đi việc phái thì bênh việc của chi, đi việc của chi thì bênh việc anh em ruột, khi bàn việc giữa các anh em ruột thì bênh người nhà v.v..".

Đã bênh nhau thì cái sai rõ mười mươi vẫn cứ cố cãi.

Nạn kéo bè, kéo cánh vì vậy sinh ra. Nó phá vỡ sự đoàn kết, gây chia rẽ sâu sắc giữa những người trong cùng xóm, cùng làng, dẫn đến chia rẽ giữa các dân tộc, các miền, các địa phương vốn là chính sách chia để trị của thực dân Pháp.

4. Đặt ra việc tế tự quanh năm ngày tháng

Mục tiêu quy định các việc tế tự cùng trình tự tiến hoá tế lễ và chi tiền cho các cuộc cúng bái cũng đã chiếm khá nhiều điều của các hương ước.

Việc tế lễ ở nông thôn có thể nói là quanh năm, ngày tháng.

Điều 75. Hương ước làng Lương Quán nay thuộc huyện Đông Anh quy định như sau: "Đồng niên tế tự các tiết hết bao nhiêu tiền kê như sau này:

- Ngày 12 tháng Giêng, lễ tai tịch, lễ vật - 6\$00.
- Ngày 21 tháng Giêng, lễ hoá nhật, lễ vật - 5\$00.
- Tháng Hai, lễ kỳ an, lễ vật - 4\$00.
- Tháng Ba, lễ xuân tế, lễ vật - 3\$00.
- Tháng Năm, lễ hạ điền, lễ vật - 2\$00.
- Tháng Bảy, lễ thượng điền và cúng
các hậu, lễ vật - 4\$00.
- Tháng Tám, lễ thu tế, lễ vật - 3\$00.
- Tháng Chín lễ xôi mới, lễ vật - 2\$00.
- Ngày 12 tháng Mười, lễ sinh nhật, lễ vật - 5\$00.
- Ngày 11 tháng Mười, lễ xuất quân - 3\$00.

- Tháng Mười hai, lễ tất niên, lễ vật - 2\$00.
- Đồng niên sóc vọng 24 tuần, mỗi tuần 1\$00 -24\$00.
- Tháng Hai, tháng Tám phong
áo châu, lễ vật - 2\$00.
- Tổng cộng: 65\$00"

Hương ước làng Nhật Tân nay thuộc Quận Tây Hồ đã dành ra 6 điều trong hương ước để quy định về việc tế tự: (124, 125, 126, 127, 128 và 129).

Điều 124. Đại tế về ngày mồng Mười, ngày 12 tháng Hai, chiếu nhân xuất mỗi người 0\$15, ước được 100\$00 (!) để mua một con bò, một com lợn, chín bàn xôi, năm nôi gạo nếp, 10\$00 vàng mã, 20 chai rượu và giầu cau và ngũ quả.

Điều 125. Tháng Ba lễ kỳ yên, dân đình sửa lễ ấy một con lợn, một nôi gạo nếp, một nôi gạo tẻ, 2 chai rượu, 5\$00 đồ vàng mã và giầu cau ước 30\$00...

Điều 126. Tháng Tám là lễ thượng tân dân đình sửa lễ ấy, một con lợn, một nôi gạo nếp, một nôi gạo tẻ, 2 chai rượu, 1\$00 cốm và chuối, giầu cau ước 30\$00.

Điều 129. Sáu mẫu ruộng công tại xứ Đình lần trước kia để vào việc các lễ này, bây giờ dân đình để 6 mẫu công ấy, cứ đến đầu năm thời đầu giá lấy tiền xung vào công quỹ...

Các hương ước cải lương do chính quyền thực dân Pháp đã tiến hành trong các năm 1930, 1931, 1932... đã đặt ra và khuyến khích các tục lệ xấu như dùng tiền mua quan, bán tước; khao vọng linh đình; đặt ra những

ngôi thứ và đặt lệ biếu xén xôi thịt, khuyến khích việc tế lễ quanh năm.

Những tục lệ xấu này đã gây ra trong làng xóm tệ nạn chè chén say sưa. Không những nó làm cho nhiều gia đình khuynh gia bại sản vì chạy theo cái danh hảo, chúc hảo để tranh nhau một miếng thịt của làng biếu, một chỗ ngồi cao hơn tại chốn đình trung. Người dân bị thu hút tâm trí vào những việc này mà trễ nải công việc đồng áng. Cái xấu xa, độc hại nhất là nó làm cho làng xóm đang yên lành, đoàn kết trở nên rối rắm, hiểm khích nhau. Có người sẵn sàng làm hại, đem điều dữ về cho xóm làng, sẵn sàng bán mình cho bọn thống trị nước ngoài và Vua quan phản động, họ coi những người vốn có quan hệ bà con, làng xóm như những người xa lạ để rồi quên đi kẻ thù chính của dân tộc, của Tổ quốc là bọn thực dân cướp nước.

C. MỘT SỐ BÀI HỌC RÚT RA TỪ SỰ NGHIÊN CỨU CÁC HƯƠNG ƯỚC CỔ CỦA VIỆT NAM

Hương ước cổ của Việt Nam được hình thành, tồn tại và phát triển ở một xã hội thuần nông.

Mặc dầu vậy, một số bài học bổ ích, nóng hổi mang đậm tính thời sự của hương ước cổ vẫn có thể ứng dụng rộng rãi vào xã hội Việt Nam ngày nay, một xã hội đã có những thay đổi hàng ngày trên con đường công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

Bài học thứ nhất của người Việt Nam là sớm phát hiện và kiên trì thực hiện quy tắc của xã hội văn minh là xã hội có kỷ cương. Xã hội có kỷ cương là xã hội được xây dựng theo nguyên tắc bao trùm là: "sống có pháp luật và hành động theo pháp luật".

Biết sống theo những quy tắc xử sự nhất định là một trong những nhân tố giúp con người thoát thai khỏi cuộc sống dã man của muôn loài, là sống theo quy tắc "mạnh được yếu thua", nói một cách hình ảnh là "luật rừng". Biết sống theo những quy tắc phong tục, đạo đức đã làm cho con người vốn thoát thai từ một động vật, trở thành con vật có nhân tính tức là đã biết thế nào là thiện, là ác, thế nào là kẻ biết ơn và kẻ vô ơn, thế nào là trung thành, chung thủy, thế nào là phản bội, bạc tình, thế nào là đẹp là xấu, thế nào là trọng là khinh. Con người, nếu không biết hoặc biết mà vẫn làm điều bất nhân, bất nghĩa, bất chấp điều xấu... thì đó là những con người mang thú tính.

Biết sống theo những nguyên tắc của phong tục và đạo đức là con người đã đặt được đôi chân của mình vào ngưỡng cửa của thời đại văn minh. Khi biết sống theo những quy tắc pháp lý, đặc biệt là với những quy tắc pháp lý thành văn thì loài người đã làm được một bước nhảy vọt trong lịch sử tiến hoá của mình.

Quy tắc pháp lý, đặc biệt là những quy tắc của luật pháp thành văn là sự đúc kết kinh nghiệm đấu tranh, là sự phản ánh thành quả và bước tiến bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên. Phải trải qua hàng nghìn năm, các

bộ luật mới đề ra được những quy tắc cấm những người có cùng dòng máu trực hệ kết hôn với nhau, hoặc cấm chặt phá rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, cấm săn bắt thú, chim trong thời kỳ thú, chim sinh đẻ. Không phải bỗng chốc trong các hương ước đề ra được quy tắc: "Muốn sống lâu phải biết giữ gìn vệ sinh bao gồm cả phòng bệnh lẫn chữa bệnh" v.v...

Hơn nữa pháp luật còn là công cụ tổ chức, lãnh đạo, chỉ đạo con người hành động thống nhất bằng cách tôn trọng và thi hành đúng những quy định của pháp luật, con người nâng cao được sức mạnh tổ chức của mình trong đấu tranh.

Việt Nam là đất nước có nền văn hiến lâu đời. Một trong những minh chứng cho lời nhận xét đó là Việt Nam là một trong những quốc gia sớm có pháp luật thành văn. Hơn nữa ở Việt Nam như đã nhận xét ở những dòng đầu của công trình nghiên cứu này rằng, có đến hai loại luật pháp song song cùng tồn tại. Luật pháp của Nhà nước ban hành, dùng để điều chỉnh những quan hệ xã hội trong phạm vi cả nước. Luật pháp cộng đồng nông thôn do cộng đồng nông thôn tự ban hành, dùng để điều chỉnh những quan hệ xã hội trong phạm vi Hương thôn. Hai loại pháp luật này không phủ định lẫn nhau, trái lại có mối liên quan chặt chẽ với nhau như gốc, thân, cành, lá của cây, là mối quan hệ tương hỗ cùng tồn tại và phát triển. Pháp luật của Nhà nước dù đầy đủ đến đâu cũng không thể dự kiến được mọi trường hợp phải giải quyết. Hương ước nông thôn

đã bù đắp được một phần lỗ hổng đó của luật pháp chung của Nhà nước để thực hiện quy tắc "sống có pháp luật". Muốn mọi người hành động theo pháp luật thì trước hết phải có pháp luật để tuân theo. Với tính chất là một bộ tổng luật của Hương thôn đều có những quy tắc của hương ước làm căn cứ điều chỉnh, làm khuôn mẫu để phân biệt phải trái, làm thước đo, chuẩn mực để phân biệt được hành vi nào được làm, được khuyến khích và hành vi nào nên tránh làm và bị cấm làm.

Xã hội văn minh không chỉ dựa vào quy tắc phong tục, đạo đức mà còn cần phải dựa vào những quy tắc pháp lý. Quy tắc pháp lý là cơ sở để điều tiết mọi quan hệ của một xã hội văn minh và thống nhất. Vì vậy, không những cả quốc gia phải có pháp luật chung của quốc gia mà tất cả các đơn vị hợp thành quốc gia, tất cả các lĩnh vực hoạt động của quốc gia đều phải có những quy tắc pháp lý tương ứng, dùng để điều chỉnh hoạt động của lĩnh vực ấy, hoạt động của tổ chức ấy. Thiếu pháp luật hoặc không hoàn thiện là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng vô tổ chức.

Xã hội nông thôn có kỷ cương, phép nước nghiêm minh, đời sống ổn định, đoàn kết và trở thành nền móng vững chắc của đất nước, một phần cũng do có hương ước góp phần tạo nên.

Sự hiện diện của hương ước trong xã hội Việt Nam và lịch sử tồn tại, phát triển lâu dài, trải qua thời gian không ít hơn 600 năm của hương ước là một trong

những niềm tự hào của các dân tộc Việt Nam .

Bài học thứ hai là nội dung pháp luật phải xuất phát từ yêu cầu của cuộc sống, đáp ứng được nguyện vọng, lợi ích của người chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Văn phong pháp luật phải là một văn phong dễ hiểu, rõ ràng, rành mạch.

Các cụ già, các bà bảy mươi, tám mươi tuổi kể lại rằng, ngày xưa chúng tôi thuộc lòng lệ làng và mọi người đều triệt để tuân theo quy định của lệ làng. Không một ai dám cả gan vi phạm. Hương ước đã thâm nhập sâu vào cuộc sống. Nó đã trở thành điều ngày nay chúng ta thường nói, là luật pháp của dân, do dân và vì dân.

Sở dĩ có điều đó, trước hết và trên hết là do nội dung của hương ước có những điều rất gần gũi và xuất phát từ lợi ích mọi mặt của người nông dân ở Hương thôn. Thông qua trình tự, thể thức lựa chọn, cư dân trong làng hiểu và thừa nhận rằng Hội đồng tộc biểu, Lý trưởng và Phó lý, Trương tuần, Thư ký, Thủ lộ, Ca vạ đều là những người do dân chọn và làm việc cho dân. Nếu những người này không vì dân mà hành động, không đem lại lợi ích cho dân thì dân có quyền bãi miễn giống như người chủ trang trại, xí nghiệp nhà máy ngày nay có quyền thay thế người làm công cho họ bất cứ lúc nào. Sự vệ nông, việc bảo vệ của công, nhất là công điền, công thổ, việc canh gác tuần phòng trong làng, ngoài đồng, việc gìn giữ vệ sinh, ma chay, cưới hỏi, v. v... đều là những vấn đề thiết thực đối với đời sống mọi mặt của

người dân nông thôn. Qua việc thi hành hương ước người nông dân hiểu rằng đó chính là sự bảo vệ quyền lợi của bản thân mình, của gia đình mình.

Vi phạm hương ước tức là xâm phạm đến quyền lợi của bản thân mình và gia đình mình. ở đây, quyền là rõ ràng, lợi ích là thiết thực, thiệt hại là cụ thể.

Đọc hương ước, chúng ta thấy rằng các "nhà làm luật" đã dùng văn phong dễ hiểu, khúc chiết và đặc biệt là thứ văn phong pháp lý chặt chẽ làm cho người đọc không thể hiểu khác đi được.

Ví dụ:

Điều 75. Hương ước làng Tương Mai nay thuộc quận Hai Bà Trưng quy định: "Lúa má, hoa màu ở ngoài đồng, tuần phiên phải canh giữ cẩn thận, nếu có sơ suất thời lý dịch và tuần phiên phải đền cho chủ ruộng theo thời giá".

Điều 76 tiếp theo quy định: "Mỗi năm mỗi mẫu ruộng phải nộp tiền sương tấc nội canh 0\$30, ngoại canh 0\$60, phải nộp vào kỳ sưu thuế. Lý trưởng phải thu rồi nộp cho Thủ quỹ lấy biên lai. Khi gặt lúa phải trình Phó, Lý trưởng xin phép gặt thì mới được gặt. Nếu không xin phép mà cứ gặt thời tuần phiên phải tường Hội đồng lý dịch xét phạt người chủ ruộng 0\$20 sung công".

Thật là dễ hiểu, dễ tuân theo, dễ kiểm tra đối với mọi người dân trong làng. Già trẻ, trai gái đều hiểu thống nhất. Giả định, quy định, chế tài của điều luật là

rất rõ ràng. Nghệ thuật làm luật trong các hương ước đã đạt đến trình độ cao chính là ở chỗ nó đã tìm được con đường ngắn nhất để đi vào cuộc sống rất nhanh.

Gắn bó bằng những lợi ích cụ thể là sự gắn bó vững bền. Xâm phạm đến lợi ích của người khác hoặc vì lợi ích cá nhân mà xâm phạm đến lợi ích của tập thể, của cả nước, hoặc ngược lại nhân danh lợi ích tập thể mà xâm phạm đến lợi ích chính đáng của cá nhân là nguyên nhân của mọi sự chống đối, bất ổn định xã hội.

Dùng lợi ích để củng cố phát triển tổ chức thì tổ chức càng mạnh, càng bền, điều hoà được lợi ích thì giữ được sự ổn định. Xâm phạm đến lợi ích của người khác tức là xâm phạm đến lợi ích chính mình.

Hương ước của nông thôn được đặt ra là xuất phát từ lợi ích của người nông dân và hương ước được mọi người bảo vệ là do điều hoà được những lợi ích: Lợi ích của từng người nông dân với lợi ích của làng xóm, lợi ích của làng xóm với lợi ích của cả nước.

Bài học thứ ba là phải thường xuyên tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho dân. Việc tuân thủ nghiêm pháp luật tùy thuộc một phần rất lớn ở trình độ nhớ luật, hiểu luật của dân.

Trong các hương ước đã sưu tầm được, thường ở điều cuối đều có nội dung quy định là phải thường xuyên phổ biến hương ước cho dân nghe để biết và dân làm cho đúng.

Điều 205. Điều cuối của hương ước làng Khương Thượng nay thuộc quận Đống Đa có nội dung như sau: "... đệ niên tháng hai ngày nhập tịch xong rồi, người thư ký đem hương ước này tuyên đọc một lần cho cả làng đều nghe, sao ra cho 4 xóm, mỗi xóm một quyển. Hương ước này giao cho người huynh thứ các xóm nhận giữ, đệ niên ngày mồng năm, mồng sáu tháng sau, riêng các xóm hội họp làm lễ. Người thư ký hàng xóm tuyên đọc một lần để nam, phụ, lão ấu trong xóm đều nghe cho được mỹ thuận phong hoá".

Như vậy mỗi xóm đều có quyển luật của xóm. Và hàng năm mọi người dân đều được nghe đọc hai lần. Cho đến nay các cụ già nói rằng ngày xưa họ thuộc lòng lệ làng là do vậy. Điều đáng tiếc là bài học này ít được đề cập đến trong một thời gian dài ở nước ta. Hiện nay cũng có những người vì những mưu toan không lành mạnh, có những nơi không đảm bảo phổ biến rộng rãi cho dân biết rõ các quy định của pháp luật, vì họ sợ rằng dân biết thì dân sẽ đấu tranh lại những việc làm sai trái của họ.

Các hương ước đã chọn con đường đúng và cách làm đúng đắn để thâm nhập sâu vào cuộc sống và phát huy tác dụng với cuộc sống.

Về nghệ thuật làm luật, về cách thức đưa pháp luật vào cuộc sống, các nhà làm luật, các nhà quản lý hiện đại có thể rút ra được những bài học quý giá từ quá trình hình thành, tồn tại, phát triển của các hương ước.

Phải trải qua hàng triệu năm, thiên nhiên mới tạo

ra được mẫu người cân đối có đầu óc biết tư duy, có tú chi khéo léo, thuần thực và có cách phát âm, tạo ra ngôn ngữ chữ viết, một phương tiện giao tiếp rất hoàn hảo như con người ngày nay.

Cũng phải trải qua hàng mấy ngàn năm mới hình thành những đặc điểm riêng về tính cách của dân tộc. Các dân tộc khác nhau thì có những đặc điểm dân tộc khác nhau.

Cũng phải trải qua hàng mấy chục năm trời mới hình thành tư chất, phẩm chất, tính cách riêng của từng người. Các cá thể khác nhau thì có những phẩm chất, tính cách khác nhau. Các dân tộc Việt Nam cũng đã hình thành những đặc điểm riêng của dân tộc Việt Nam.

Ông Đờpu Vuốcvin - một người Pháp thời thực dân đặt ách cai trị lên các nước Đông dương, đã viết về nhân dân Việt Nam như sau: "Chúng ta thấy ở đây cả một nền văn minh, mọi thứ đều xây dựng từ lâu. Nghệ thuật, khoa học, kể cả khoa học quản lý Nhà nước đều đã phát triển mạnh mẽ. Luật pháp, cổ phong, tôn giáo, văn học, tất cả đều đã hoàn chỉnh và hoà hợp với nhau, trải qua bao nhiêu thế kỷ, đã được điều hoá và ngày càng hoàn hảo thêm. Những vết tích man rợ đã mất đi từ lâu, dân tộc này đã sống trong một xã hội thuần thực, có tổ chức trong khi những người phương Tây còn ở tình trạng bán khai. Yêu mến quê hương, quyến luyến gia đình, tôn kính tổ tiên, yêu chuộng công lý, tôn trọng chính nghĩa, ham

thích khoa học, coi trọng lời nói thánh hiền, thương yêu nòi giống, tôn kính lễ phải; ghét xa hoa, không háms tiền tài, khinh ghét vũ lực, không sợ gian khổ, hy sinh; đó là những đức tính răn dạy trong sách thánh hiền, lưu lại trong cổ phong và ghi lại thành luật pháp; hiện nay đó cũng là những đặc điểm về bản tính của người An Nam hình thành từ bao thế hệ, những thế hệ luôn luôn cố gắng thực hiện đạo đức ấy một cách thành kính; người An Nam bình thường mà người ta gặp bất cứ ở đâu cũng đều như vậy cả..."¹.

Trong đoạn văn trên đây, Ông Đờpu Vuốcvin không những mô tả chính xác đặc điểm tâm lý dân tộc Việt Nam, con người Việt Nam mà còn nói rõ những đặc điểm tâm lý ấy đã được hình thành như thế nào và trong thời gian bao lâu.

Đúng như Ông Đờpu Vuốcvin nói đó là những đức tính răn dạy trong sách thánh hiền, lưu lại trong cổ phong và ghi lại thành luật pháp...

Sau Ông Đờpu Vuốcvin gần 100 năm, Bà Bơghitta Dan - Chủ tịch nghị viện Vương quốc Thụy Điển, trong lời phát biểu chào mừng ngày 18-10-1995 tại kỳ họp thứ hai Quốc hội khoá 9 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nói rằng: "Việt Nam là một nền văn minh vĩ đại với cội rễ lịch sử lâu đời và một ý thức sâu sắc về công lý và công bằng. Nền văn hoá nào cũng độc đáo và nền văn hoá Việt Nam thực

1. Hồ Chí Minh toàn tập, sđd, t.1, tr.425 - 426.

sự là một biểu hiện sinh động của điều đó".

Có nề nếp tốt tất nhiên sẽ tạo ra nét tốt. Mất nếp, về lâu về dài tất yếu sẽ dẫn đến sự hư nát. Vai trò to lớn của pháp luật nói chung, của hương ước nói riêng thể hiện ở chỗ nó làm cho cuộc sống của người nông dân đi vào những khuôn phép nề nếp nhất định. Trải qua nhiều thế hệ, nó trở thành nét tốt của người nông dân Việt Nam . Sống mà không biết tuân theo pháp luật chính là cuộc sống man rợ.

Xét về mọi phương diện hương ước cổ là tài sản vô giá của các dân tộc Việt Nam.

Người Việt Nam hoàn toàn có quyền tự hào về các hương ước cổ của mình.

PHẦN BA

**KẾ THỪA VÀ PHÁT HUY NHỮNG
MẶT TÍCH CỰC CỦA HƯƠNG ƯỚC CỔ
ĐỂ PHỤC VỤ CHO SỰ NGHIỆP GIỮ NƯỚC
VÀ DUNG NƯỚC VÀO THIÊN NIÊN KỶ TỚI**

**I. QUÁN TRIỆT TƯ TƯỞNG VÀ QUAN ĐIỂM
XUYẾN SUỐT CỦA ĐẢNG TRONG VẤN ĐỀ
BIÊN SOẠN, BAN HÀNH VÀ ÁP DỤNG
HƯƠNG ƯỚC, QUY ƯỚC ĐỂ PHỤC VỤ CHO
SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ
ĐẤT NƯỚC**

Sau khi có chủ trương của Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, ngày 10-6-1993 về khuyến khích xây dựng và thực hiện các hương ước, phong trào soạn thảo và ban hành hương ước đã được tiến hành ở nhiều tỉnh trong phạm vi cả nước. Các tỉnh Hà Bắc, Thái Bình, Hải Hưng, Hà Tây, Vĩnh Phú, Nam Hà, Quảng Ninh, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh,

Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Bình Định, Ninh Thuận, An Giang, Cần Thơ .v.v...đã được biên soạn và ban hành hương ước mới. Vào cuối năm 1994, toàn tỉnh Hải Hưng có 300 làng thì trong cả 300 làng đều có phong trào xây dựng hương ước. Huyện Nam Thanh của tỉnh Hải Hưng có 36 làng, vào thời điểm đó, cả 36 làng đều xây dựng xong hương ước.

Việc xây dựng hương ước được tiến hành rộng rãi trong tất cả các tỉnh thuộc vùng đồng bằng và trung du của đất nước. Ở các tỉnh miền núi như Tuyên Quang, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái và các tỉnh vùng Tây Nguyên cũng đã bắt tay vào việc xây dựng và thi hành hương ước, quy ước.

Cùng với các tỉnh đồng bằng, trung du, miền núi, trên địa bàn đô thị, ở các thành phố, thị xã, thị trấn, cũng có phong trào soạn thảo các quy ước của các đường phố, khối phố, tổ dân phố, khu chung cư, khu tập thể.

Thông qua việc xây dựng và ban hành hương ước, quy ước, ở các tỉnh đồng bằng, trung du, miền núi, các đô thị đã thấy được tác dụng rõ rệt của các văn bản ấy đối với nhiều mặt hoạt động của Nhà nước, xã hội và đời sống của nhân dân.

Nét nổi bật nhất về tác dụng của hương ước, quy ước là khơi dậy và khẳng định được vai trò chủ động, tính tự giác, tự quản của nhân dân trong phát triển sản xuất, bảo vệ an ninh xã hội ở nông thôn. Ngành nghề phát triển, số hộ nghèo đói giảm. Ở vùng rừng núi, tệ nạn phá

rừng được ngăn chặn có hiệu quả.

Trong bài báo “ Trăn trở vùng biên ải ” báo Nhân dân ngày 26-11-1995, mô tả sự thay đổi ở xã Xuất Lễ vùng biên giới Lạng Sơn như sau : “ Sở dĩ khu rừng đầu nguồn, rừng tự nhiên và cây công nghiệp phát triển, không bị phá bừa bãi là nhờ có kế hoạch phát triển vườn rừng của huyện và tỉnh. Xã có quy ước xã. Thôn, bản có quy ước thôn, bản quy định không được đốt nương, chặt cây làm rẫy. Ai vi phạm sẽ bị xử lý. Vi phạm nhiều lần, hoặc vi phạm nặng sẽ bị ra khỏi Hội hiếu ”.

Ở đô thị, trật tự giao thông đường phố được duy trì tốt hơn. Nhiều tệ nạn khác cũng giảm bớt.

Nhưng nhìn chung, cho tới nay các điển hình tốt còn ít.

Bên cạnh những mặt tích cực của hương ước đã ban hành cũng bộc lộ một số mặt hạn chế. Trong lời giới thiệu của tập Kỷ yếu Hội thảo khoa học về hương ước tiến hành tại Hải hưng từ 26 đến 27-12-1995 do Bộ Tư pháp tổ chức có nêu : “ Điều đáng quan tâm nhất là hương ước chứa đựng cả những quy định trái với pháp luật hiện hành. Hơn nữa, mặc dù Nghị quyết Trung ương 5 khoá VII có chủ trương khuyến khích xây dựng hương ước trong xây dựng nông thôn mới, nhưng việc xây dựng hương ước vẫn nằm trong tình trạng tự phát, thiếu sự chỉ đạo từ Trung ương đến cơ sở ”¹.

1. Xem “ Chuyên đề về Hương ước ” do Viện nghiên cứu khoa học pháp lý Bộ Tư pháp XB năm 1996

Qua nghiên cứu một số văn bản hương ước mới của các địa phương ban hành, thấy nổi cộm lên một số nét sau đây :

Khác với hương ước cổ, trong nội dung của nhiều quy ước mới chỉ nói đến trách nhiệm, nghĩa vụ và hầu như không nói gì đến quyền, quyền lợi của người dân cả. Người dân có nhiều điều phải tuân theo như : phải tuân theo Hiến pháp, tuân theo Luật, tuân theo quy định của chính quyền, tuân theo các điều quy định đã nêu trong quy ước ... tiếp theo các nghĩa vụ, trách nhiệm phải tuân theo ấy là quá nhiều những điều cấm kỵ như : cấm họp chợ, cấm thả rông súc vật, cấm không cho các phương tiện cơ giới đi vào đường làng, cấm soi bắt ếch nhái v.v...

Ví dụ trong hương ước mới xã Ninh Hiệp đã có những điều quy định như sau :

“ Điều 8 . Hộ kinh doanh tại chợ phải có giấy phép kinh doanh. Hợp chợ phải đúng địa điểm và thời gian quy định của Ủy ban nhân dân xã . Cấm họp chợ nơi công cộng và trên trục đường làng ...

Điều 9 . Cấm ô tô tải đi vào đường gạch trong làng. Các ô tô tải vào xã phải nộp lệ phí theo quy định chung (?). Phương tiện vận chuyển (ô tô, xe công nông, xe bò, xe trâu) của cá nhân, gia đình và tập thể trong địa phương phải nộp lệ phí theo quy định của Ủy ban nhân dân xã (?)

Điều 14 . Nghiêm cấm đốt gạch, tôi vôi ở trục đường

làng và nơi công cộng ... việc chăn nuôi gia cầm, gia súc phải tuân thủ “ Pháp lệnh thú y ” chỉ được chăn thả ở những nơi quy định (?) Cấm thả rông chó ra đường. Nghiêm cấm việc chăn thả vịt ở ngoài đồng ruộng (?) ... Không được phóng uế, đổ rác, vứt xác súc vật ra đường làng, ngõ xóm. Không được ủ phân gần nơi công cộng và đường làng, ngõ xóm. Không được thả phân tro và các chất độc hại hoá học xuống ao hồ ...”

Với những điều quy định đầy dẫy sự cấm đoán và bắt buộc phải nộp lệ phí như vậy, người dân không khỏi cảm thấy bối rối và ngột ngạt.

Tệ hơn là có những hương ước đưa ra những quy định “ giới nghiêm ” và những hình phạt một cách tùy tiện .

Ví dụ tại thôn Phù Liễn xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh, ngoại thành Hà nội đã có những điều quy định :

“ 11. Bảo vệ và nhân dân ai bắt được kẻ gian ăn cắp dây điện, loa đài truyền thanh thuộc địa phương đều bị phạt 100.000đ đến 500.000đ (!). Nếu không có tiền nộp phạt thì đưa vào phương án trừ hộ đó. Số tiền thóc đó nếu tổ bảo vệ bắt được thì được hưởng 100%, còn dân phát hiện được hưởng 70% và anh em được hưởng 30% (!)

14. Khi đã đến giờ giới nghiêm (?) nghiêm cấm các trường hợp soi ếch, nhái, chim (!) kể cả ngoài đồng và trong làng . Nếu ai vi phạm, tổ bảo vệ phạt 20 đến 30 Kg thóc một lần . Nếu vi phạm từ lần thứ ba trở lên tịch

thu toàn bộ phương tiện sử dụng . Nếu tổ bảo vệ không phát hiện được, lãnh đạo, nhân dân báo phạt tổ bảo vệ từ 30 đến 50 Kg thóc một lần (!)

15. Khi trong làng đã có sự hoạt động của bọn lưu manh, trộm cắp tài sản của nhân dân, nếu ai bắt được kẻ gian, phạt từ 1 triệu đến 3 triệu đồng (!) trong đó người bắt được được hưởng chế độ như điều 11 đã quy định... ”.

Việc một thôn tự cho mình các quyền ban bố lệnh giới nghiêm vốn thuộc thẩm quyền của cơ quan quyền lực tối cao và tự đặt ra các hình phạt một cách tùy tiện, một phần là do thiếu sự lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn chặt chẽ và kịp thời. Thật là đáng tiếc, hậu quả xấu đã xảy ra.

Cũng tại xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội, vào 1 giờ 30 phút ngày 20-5-1996, có hai thanh niên của thôn Bến Trung sang thôn Phù Liễn để trộm cắp thì bị bắt. Dựa vào những quy định trái Hiến pháp, trái Luật đã nêu, một số người dân trong thôn đánh đập tàn bạo và bắt gia đình những người bị bắt phải nộp phạt 3 triệu đồng. Gia đình những người bị bắt đã chạy nộp được một triệu đồng. Xã có lệnh giải những người bị bắt lên trụ sở xã giải quyết. Nhưng nhân dân và những người có trách nhiệm ở thôn không tuân lệnh. Họ đòi gia đình người bị bắt phải nộp đủ 3 triệu mới thả người. Do bị đánh đập, bị cùm trói suốt đêm, một trong hai người bị bắt đã chết. Mãi đến 1-4-1997, sau gần một năm, Toà án nhân dân Hà Nội mới có thể đưa ra

xét xử 4 người trong đó : Một người là Trưởng thôn, một người là Đội trưởng sản xuất, một người là tổ trưởng bảo vệ, một người là công an viên thôn, về tội cố ý giữ người trái pháp luật, với mức án : Trưởng thôn 36 tháng tù; các người khác từ 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho được hưởng án treo.

Đối với tội đánh chết người, công tác điều tra, xét xử còn dễ ngộ.

Các hương ước, quy ước mà nội dung có chứa đựng nhiều sự cấm đoán và các hình phạt về tiền, về thóc đã làm nảy sinh tâm lý đòi nộp phạt một cách vô lý trong một số phần tử bất lương, quen thói ngổ ngáo ở nông thôn.

Có trường hợp có xe ô tô đi vào đường làng bị nhiều thanh niên mặt mày đầy sát khí đứng chặn trước, chặn sau bắt lái xe phải nộp phạt. =

Nếu không, lái xe bị hành hung, ô tô bị ném gạch, ném đá.

Khi hậu quả đáng tiếc xảy ra thì công việc điều tra, xét xử, như vụ việc diễn ra ở thôn Phù Liễn xã Bắc Hồng, khó làm được đầy đủ và chính xác. Bởi vì việc tìm ra được thủ phạm chính trong những trường hợp lộn xộn do nhiều người bị kích động là rất khó.

Bên cạnh việc xây dựng quy ước, hương ước mới, có nơi còn có sáng kiến xây dựng và áp dụng các quy ước giòng họ. Nếu quy ước dòng họ được lập ra với mục đích kế thừa và phát huy các truyền thống tốt đẹp về nhân

văn hoặc giúp nhau phát triển về kinh tế thì đó cũng là một biện pháp tốt để phát triển tính tự quản, tự giác, gây ra được không khí cách mạng sôi nổi trong nhân dân.

Nhưng trong thực tế như đã xảy ra ở một số nơi, cùng với sự xuất hiện của quy ước giòng họ là nhiều khoản đóng góp nặng nề kèm theo.

Đối với người Việt Nam, thật khó mà từ chối các khoản đóng góp cho việc Họ. Theo lời kêu gọi, đóng góp là để xây lại mồ mả của ông, bà, cha, mẹ; để xây dựng tôn tạo các nơi thờ cúng tổ tiên. Có ai dám từ chối hoặc đóng góp ít cho các việc của Họ nêu ra nếu không muốn bị coi là người mất gốc !

Những người cùng Họ, dù ở cùng trời cuối đất, dù chưa biết rõ thân thế sự nghiệp đều được mời tham gia đóng góp việc Họ. Những người cùng Họ đang giữ những chức vụ cao của Nhà nước, của Đảng thì càng được chèo kéo mời về dự các lễ hội của Họ để gây thanh thế.

Tìm về cội nguồn xuất xứ là nguyện vọng chính đáng của mọi cá nhân trong xã hội. Nhưng nếu thiếu một sự lãnh đạo, hướng dẫn chặt chẽ thì không tránh khỏi có hiện tượng lợi dụng việc làm này để lãng phí sức người, sức của. Có vụ kiện cáo, tranh chấp nhà thờ, từ đường mà thực chất là những vụ tranh chấp về thừa kế sở hữu đất đai, nhà cửa trên những mảnh đất đã trải qua nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử hàng trăm năm đã bị thay ngôi, đổi chủ nhiều lần, nay được khơi

ngồi lại mà không có cách gì giải quyết nổi.

Những hậu quả, ảnh hưởng xấu của việc làm thiếu điều tra, nghiên cứu kỹ đến cội nguồn, thiếu sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ trong sự ban hành và áp dụng các hương ước, quy ước, đã làm nảy sinh những quan niệm, thái độ phân vân trong một số người.

Trong các cuộc hội thảo ở cấp cơ sở, cấp tỉnh và cấp trung ương có ý kiến thẳng thừng bác bỏ việc xây dựng hương ước. ý kiến này cho rằng việc tái lập hương ước đem lại nhiều mối hại hơn là điều có lợi. Họ cho rằng việc hồi sinh trở lại hương ước là một sự cố tình tạo ra một vòng " Kim cô " để tiếp tục giam hãm dân chúng sau lũy tre làng chật hẹp, là sự dung túng cho tệ nạn địa phương, cục bộ, là sự phá vỡ nền pháp chế thống nhất quốc gia.

Có quan điểm không thẳng thừng bác bỏ nhưng lại không nhiệt tình hưởng ứng. Quan điểm này cho rằng theo quy luật tiến lên của xã hội, làng xã ngày nay đã có những thay đổi nhanh chóng và sâu sắc, không gì có thể cưỡng nổi. Đó là xu thế đô thị hoá nông thôn ngày một nhanh chóng. Làng xã không phải là những đơn vị thuần nông như ngày trước.

Người dân gốc của làng không còn mấy. hương ước, lệ làng cổ được mọi người trong làng tuân thủ, có hiệu lực thi hành cao là vì nó dựa vào quan hệ dòng họ, huyết thống nên dễ bảo nhau .

Với phạm vi và tốc độ đô thị hoá rộng và nhanh như

hiện nay người trong một làng đã phải bươn chải sinh sống bằng nhiều ngành nghề khác nhau. Dân số trong một làng nay đã tăng nhiều lần so với trước. Làng, xã ven đô ở các đầu mối giao thông là nơi tụ hội, quần cư dân chúng khắp bốn phương của đất nước. Giọng nói, phong tục cũng rất khác nhau.

Trước những đổi thay như vậy, có ý kiến cho rằng khó mà lập lại hoặc duy trì được lối sống tối lửa tắt đèn có nhau, cùng uống chung bát nước chè xanh, cùng với nhau một miếng trâu không như xưa kia. Tình làng, nghĩa xóm nay không còn đậm đà như trước. Thay vào đó là các quan hệ thị trường, có đi có lại theo nguyên tắc thuận mua vừa bán.

Trong hoàn cảnh như vậy, quy phạm của hương ước, theo những người có quan điểm này, là không còn đủ mạnh để điều chỉnh các quan hệ xã hội ngày càng trở nên lạnh lùng theo kiểu trả tiền ngay ở vùng nông thôn đã được đô thị hoá. Biện pháp duy nhất, theo quan điểm này là phải dùng pháp luật thống nhất do Nhà nước ban hành để điều chỉnh mọi quan hệ xã hội ở nông thôn. Theo quan điểm này, đó cũng là biện pháp hữu hiệu để bài trừ tận gốc thói quen suy nghĩ và hành động theo kiểu phép vua thua lệ làng vốn là một căn bệnh xã hội mãn tính, khó chữa trị ở nông thôn và ở những con người có nguồn gốc xuất xứ từ giai cấp tiểu nông của thời kỳ kinh tế tự cung, tự cấp.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình tiêu cực trong xã hội ngày càng tăng, nảy sinh một khuynh

hương thứ ba là nhiều người nhìn thấy hương ước, quy ước mới như là một công cụ hữu hiệu có thể sử dụng để xác lập sự kiểm tra chặt chẽ và xử phạt của chính quyền đối với các hiện tượng tiêu cực. Quan niệm này cho rằng hương ước, quy ước là một công cụ tốt cho việc đấu tranh chống lại các hiện tượng dân chủ cực đoan, dân chủ thiếu tổ chức, để dẫn dắt một xã hội đã một thời bị buông lỏng quản lý đi vào quỹ đạo của một xã hội có kỷ cương, pháp chế chặt chẽ. Có thể nói quan điểm thứ ba này xảy ra tương đối phổ biến hơn hai quan điểm trước. Những biểu hiện minh chứng cho nhận định này là đa số các hương ước, quy ước mới được xây dựng và ban hành có nhiều nội dung cấm kỵ, kèm theo nhiều chế tài xử phạt vượt quá thẩm quyền như xử phạt trốn thuế, xử phạt kinh doanh không có giấy phép, xử phạt buôn bán hàng cấm, xử phạt vi phạm luật lệ giao thông, xử phạt về việc thả rông súc vật nuôi .v.v....

Về mặt kỹ thuật lập pháp, lập quy, có nhiều bản hương ước, quy ước mới chép lại nguyên văn các điều đã được ghi trong Hiến pháp hay trong các đạo luật. Những người đứng tên soạn thảo các hương ước, quy ước mới thường gồm có : Bí thư chi bộ đảng, Chủ tịch mặt trận Tổ quốc, Chủ nhiệm Hợp tác xã, Trưởng thôn, Trưởng ban văn hoá xã, Trưởng công an thôn, xã, đại diện các cụ cao tuổi. Có nơi Chủ tịch xã cùng ký tên soạn thảo hoặc thay mặt chính quyền ký xét duyệt và ban hành. Việc đưa ra thảo luận trong toàn thể nhân dân chưa thật sự được chú ý thực hiện hoặc

có làm cũng chỉ là hình thức chiếu lệ.

Những bản hương ước, quy ước được ban hành theo quan điểm này và với trình tự soạn thảo, công bố đã gây nên trong nhân dân một cảm giác xa lạ. Họ cho đó là văn bản do chính quyền quy định. Nó đã gây ra trong nhân dân một tâm lý bị gán ghép, bị trói buộc và dẫn đến hậu quả là mọi người tìm cách đề phòng, lẩn tránh, xa lánh.

Để thực hiện đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước trong vấn đề soạn thảo, ban hành hương ước mới, quy ước mới nhằm phục vụ đắc lực cho sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới, cần có sự uốn nắn kịp thời những quan điểm và cách làm không đúng như đã xảy ra.

Trước hết cần quán triệt và thống nhất quan điểm của Đảng đã được trình bày trong báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội Đảng lần thứ VIII về mục đích, ý nghĩa của việc ban hành và áp dụng hương ước, quy ước mới. Đó là để thực hiện cơ chế “làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản, bằng các quy ước, hương ước tại cơ sở phù hợp với luật pháp của Nhà nước”¹

Có thể nói, sự thành công trong lãnh đạo của Đảng từ ngày Đảng được thành lập cho đến nay là Đảng đã làm cho phương hướng mục tiêu đấu tranh của Đảng biến thành phương hướng, mục tiêu đấu tranh của bản

1. Xem Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần VIII, sđd, tr.27.

thân quần chúng nhân dân. Không những trong thời kỳ cách mạng còn trong trũng nước, thời kỳ còn hoạt động bí mật, khi mà Đảng cần phải có sự che chở đùm bọc của nhân dân, mà kể cả khi Đảng đã lãnh đạo nhân dân giành được chính quyền, khi đã xác định được sự lãnh đạo của Đảng là sự lãnh đạo duy nhất đối với sự nghiệp cách mạng, Đảng vẫn luôn luôn dựa vào dân. Đảng luôn luôn lấy sự động viên, phát huy tính tự giác cách mạng, tính tự quản, tự chủ của nhân dân trong mọi hành động làm động lực chính để thúc đẩy các cao trào cách mạng. “Dễ trăm lần không dân cũng chịu. Khó vạn lần dân liệu cũng xong” là câu ca dao mang tính chất là kim chỉ nam cho mọi suy nghĩ, hành động của cán bộ lãnh đạo, quản lý được hình thành và áp dụng trong thời kỳ nhân dân toàn quốc gặp phải khó khăn ác liệt nhất trong thời kỳ đánh Mỹ.

Tiết thay trong hoàn cảnh và những điều kiện mới của cách mạng, một số cán bộ, đảng viên một phần do nôn nóng, một phần do chưa được trải qua và rèn luyện thử thách trong đấu tranh cách mạng của thời kỳ nguy hiểm nhất, ác liệt nhất nên đã nảy sinh và tiêm nhiễm thói quen chỉ biết ra mệnh lệnh, áp đặt ý muốn chủ quan cho quần chúng.

Có không ít người nghĩ rằng ngày nay trong nhân dân có quá nhiều thói xấu vô tổ chức, vô chính phủ. Theo họ cần phải có những bàn tay sắt, phải áp dụng những thiết chế tức là một loại kỷ luật sắt để lập lại kỷ cương. Trước những sự bất bình chính đáng của quần

chúng nhân dân đối với tệ nạn tham nhũng, có người mưu toan dùng sự cưỡng chế mạnh mẽ của các lực lượng đặc nhiệm để giải quyết .

Thật là hạnh phúc cho nhân dân, Đảng đã kịp thời uốn nắn những biểu hiện lệch lạc đó. Tính áp đặt trong các hương ước, quy ước mới cũng là một biểu hiện cụ thể của những quan điểm lệch lạc trong việc coi thường vai trò của nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng đối với cách mạng .

Cốt lõi của việc ban hành hương ước, quy ước mới, như văn kiện của Đảng đã xác định một cách rõ ràng là nhằm phát huy tính tự quản, tự chủ, tự giác, tính chủ động của nhân dân đối với toàn bộ sự nghiệp giữ nước và dựng nước. Việc lập lại kỷ cương xã hội, mà một thời kỳ bị buông lỏng cũng là một vấn đề lớn. Nhưng chủ yếu không phải bằng biện pháp cưỡng chế. Hơn nữa lập lại kỷ cương không phải chỉ đối với nhân dân. Để lập lại được kỷ cương trong toàn xã hội, như Đảng đã chỉ rõ, trước hết phải lập lại kỷ cương trong Đảng và trong các cơ quan Nhà nước .

Xét cho đến cùng, tính tự quản, tự giác cao, tính chủ động, hăng say của quần chúng đối với sự nghiệp cách mạng mới là điều kiện cơ bản đảm bảo cho mọi thắng lợi. Cho nên mọi sự áp đặt, gán ghép trong soạn thảo ban hành áp dụng hương ước, quy ước mới đều là những điều tối kỵ áp đặt, gán ghép là nguyên nhân làm nảy sinh các hậu quả xấu, đem lại những phản tác dụng đối với chủ trương của Đảng đã đề ra .

Đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá do Đảng chủ trương hiện nay là con đường đúng để dẫn dắt đất nước ta nhanh chóng thoát khỏi đói nghèo và tiến kịp với đà tiến bộ của các nước trên thế giới .

Để thực hiện được công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đất nước ta cần có rất nhiều thứ nhưng lại đang ở trong tình trạng rất thiếu thốn. Thiếu thốn đủ mọi bề: Kiến thức, kinh nghiệm quản lý ; cán bộ khoa học, vốn đầu tư ... tất cả đều thiếu một cách trầm trọng. Đứng trước tình hình đó, Đảng ta thực hiện một đường lối đối ngoại rộng mở để tranh thủ sự đầu tư, hợp tác của nước ngoài đồng thời phát huy đến mức cao nhất khả năng và sức lực vốn có của đất nước .

Kinh nghiệm của cách mạng ở nước ta là coi trọng, tranh thủ sự hợp tác giúp đỡ của Quốc tế. Nhưng không bao giờ ỷ lại vào sự chi viện, sự giúp đỡ của nước ngoài. Xuất phát điểm, chỗ dựa của mọi chủ trương, kế hoạch hành động là phải lấy sức mạnh bên trong làm chính. Phát huy đầy đủ sức mạnh của nội lực là biện pháp đảm bảo một cách chắc chắn nhất quyền độc lập, tự chủ và quyền tự quyết của dân tộc .

Có thể nói, việc soạn thảo và ban hành áp dụng hương ước, quy ước mới là một trong những biện pháp được tiến hành nhằm mục đích phát huy sức mạnh nội lực của chính bản thân nhân dân trong nước, trong thực hiện các nhiệm vụ cách mạng, trước mắt là thực hiện tốt nhất đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước mà Hội nghị lần thứ tư của Ban

chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII đề ra.

Rõ ràng mục đích của việc soạn thảo, ban hành áp dụng hương ước không chỉ bó hẹp lại ở mục tiêu “lập lại kỷ cương” như một số người quan niệm. Mục tiêu của nó rộng lớn hơn và có ý nghĩa lâu dài hơn là nhằm tạo ra một động lực mới, một sức mạnh mới cho sự nghiệp cách mạng là khai thác, nuôi dưỡng và phát huy tác dụng tối đa của sức mạnh nội lực, một sức mạnh mang đậm tính chiến lược lâu dài và cơ bản của cách mạng.

Từ đó nội dung của hương ước, quy ước mới không phải chỉ có những điều quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ phải tuân theo và các chế tài kèm theo để bảo đảm sự thực hiện các trách nhiệm, nghĩa vụ như một số người quan niệm.

Nội dung của hương ước, quy ước mới phải bao gồm tất cả những vấn đề nhằm phát huy đầy đủ sức mạnh của nội lực của cộng đồng dân cư nơi lập ra hương ước, quy ước mới, trên cơ sở quy định của Pháp luật Nhà nước và sự tự nguyện, tự giác chấp hành của nhân dân.

Nội dung của hương ước, quy ước mới chủ yếu là những vấn đề bảo vệ và sử dụng một cách tốt nhất, tiết kiệm nhất tài nguyên, cơ sở vật chất của cộng đồng dân cư, là vấn đề duy trì và phát huy các ngành nghề truyền thống của làng xã, là tạo ra các điều kiện thuận lợi mới cho việc phát triển các ngành nghề mới. Như đồng chí Tổng bí thư Lê Khả Phiêu đã khẳng định rằng: “chính nhân dân là người đã chủ động khắc phục khó khăn, tìm

tòi ra những cách làm ăn mới, sáng tạo ra những mô hình mới trong nông nghiệp, trong công nghiệp, trong phân phối lưu thông để giúp Đảng ta nghiên cứu, tổng kết xây dựng thành đường lối đổi mới toàn diện"¹.

Nhiều làng xã Việt Nam ngày nay còn giữ được nhiều ngành nghề thủ công cổ truyền: nghề mộc, chạm ; nghề làm vàng bạc ; nghề dệt ; nghề đúc .v.v... Nếu nội dung các hương ước mới, quy ước mới đưa ra được những quy định hướng dẫn nhân dân duy trì, phát triển được nghề cổ truyền hoặc chăn nuôi như nuôi hươu sao, nuôi rắn, nuôi trăn, nuôi ba ba hoặc nuôi trồng các cây, con đặc sản khác sao cho có lợi nhất, sử dụng được các thành tựu của khoa học - kỹ thuật hiện đại thì chắc chắn sẽ được nhân dân hoan nghênh và hưởng ứng rộng rãi.

Nhiều làng xã Việt Nam còn là những cái nôi về truyền thống văn hoá dân tộc. Nội dung hương ước, quy ước mới nên hướng vào việc khôi phục, duy trì các truyền thống văn hoá của dân tộc như hát chèo, hát quan họ, hát bội, rối nước .v.v...

Nội dung của hương ước, quy ước mới phải là những quy định nhằm khuyến khích, tạo điều kiện cho nhân dân bằng sức lực của chính mình bảo vệ, duy trì và tôn tạo những danh lam, thắng cảnh của quê hương mình. Trong các cuộc vận động xây dựng nếp sống mới ở một

1. Lê Khả Phiêu - *Phát huy quyền làm chủ của nhân dân* ...Tạp chí cộng sản, số 3, tháng 2-1998.

số làng xã đã có sáng kiến là nhân dân làng xã tự thành lập những đoàn vận động viên của mình như các lò vật, các đội bóng chuyền, các đội bóng đá cho thiếu niên và thanh niên. Làng cấp đất sân bãi để tập luyện. Nhân dân ủng hộ tiền bạc làm các phần thưởng trong thi đấu. Thanh thiếu niên trong làng xã tham gia luyện tập và thi đấu sôi nổi. Nhờ đó không chỉ sản xuất, tình hình trị an được cải thiện rõ rệt. Nạn cờ bạc, nghiện ngập và tệ mua, bán dâm giảm hẳn. Nếu có xảy ra thì bị nhân dân phát hiện ngay và xử lý được kịp thời.

Ở những nơi này, trong hương ước, quy ước không có những điều quy định : “ Cấm đánh bạc, cấm hút thuốc phiện, cấm mại dâm ”. Những điều này đã có luật pháp Nhà nước quy định rồi. Thay vào những điều cấm kỵ như vậy, nhân dân ở đây đã đưa ra những quy định như: Chính quyền xã giành chỗ đất nào để cho thanh, thiếu niên làm bãi luyện tập, cách thức thu hút các thanh, thiếu niên vào các đội thể dục, thể thao, các đội sản xuất, các nhà hảo tâm giúp đỡ vật chất cho phong trào thể dục, thể thao của xã nhà .v.v...

Có không biết bao nhiêu vấn đề đặt ra trước các làng xã, trước các cộng đồng dân cư đối với việc thực hiện đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá của đất nước.

Mỗi làng xã, mỗi cộng đồng dân cư, hơn ai hết, họ hiểu được sức mạnh và truyền thống của địa phương họ. Chính những người dân ở đây mới xác định được cái gì cần cho họ nhất, cái gì mà họ có thể làm được tốt nhất

để thực hiện đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở địa phương họ .

Chính những người dân ở địa phương mới hiểu rõ được những gì mà luật pháp chung chưa nói đến hoặc có nói đến nhưng chưa cụ thể .

Hương ước, quy ước được lập ra là để thi hành pháp luật chung của Nhà nước. Luật pháp chung của Nhà nước dù nhiều bao nhiêu cũng không thể đủ để điều chỉnh những quan hệ mới nảy sinh từ cuộc sống, hoạt động sinh động của nhân dân tại cơ sở. hương ước, quy ước mới chính là để lấp những khoảng trống, những điều chưa thật cụ thể của pháp luật .

Trong quá trình soạn thảo hương ước, quy ước cần để cho toàn dân ai cũng có điều kiện bàn bạc thấu đáo, căn kẽ hết mọi khía cạnh. Đó chính là cách làm tốt nhất để huy động trí tuệ tập thể của nhân dân vào vấn đề khai thác, sử dụng nội lực thực hiện đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trong quá trình soạn thảo ban hành hương ước, quy ước, phải đảm bảo tính dân chủ thật sự. Nội dung của hương ước, quy ước mới càng được nhân dân trực tiếp bàn bạc kỹ càng, rộng rãi bao nhiêu càng làm tăng sự hiểu biết và tính tự giác tuân thủ của các thành viên trong cộng đồng bấy nhiêu. Cách tốt nhất là nêu vấn đề cho nhân dân thảo luận. Soạn thảo hương ước là cả một quá trình vận động, không nên nôn nóng. Lễ dĩ nhiên khi lập hương ước, quy ước còn phải chọn những người có trình độ tổng hợp và thể hiện được một cách đầy đủ, chính xác những điều

cam kết chung của tập thể. Nhưng trước sau họ vẫn là những người chấp bút. Không nên biến những người này thành “nhà làm luật”. Người làm luật chính là tập thể cộng đồng.

Nếu việc xây dựng, ban hành hương ước, quy ước được tiến hành theo đúng quan điểm của Đảng, thì ngoài những tác dụng đã nêu, nó còn có ý nghĩa góp phần làm cho bộ máy Nhà nước không sa vào tình trạng ô m đ m. Biên chế bộ máy Nhà nước do vậy sẽ gọn nhẹ hơn. Chi phí đài thọ cho bộ máy Nhà nước cũng sẽ đỡ tốn kém hơn.

II. TÊN GỌI, NỘI DUNG PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA HƯƠNG ƯỚC, QUY ƯỚC MỚI

1. Về tên gọi

Hiện nay ở các địa phương khác nhau đã dùng các cụm từ khác nhau để đặt tên cho các văn bản được đề cập đến. Đã có các tên như : hương ước mới, quy ước mới, quy ước làng văn hoá, quy ước làng, quy định .v.v...

Ở một số nơi có bộ đội đóng quân thì có quy ước quân dân để quy định về những quan hệ quân dân trên các lĩnh vực bảo đảm an ninh quốc phòng, bảo vệ phát triển sản xuất .v.v... tại địa phương.

Trong số các tên đã nêu thì quy ước làng văn hoá được sử dụng nhiều hơn cả. Tên “quy ước làng văn hoá” được chọn đặt trong thời kỳ tiến hành cuộc vận động

xây dựng “ Nếp sống văn minh - gia đình văn hoá ” và tiếp đến là phong trào xây dựng “ làng văn hoá ” trong phạm vi toàn quốc từ năm 1991 đến nay .

Việc dùng cụm từ “ quy ước làng văn hoá ” để đặt tên cho các văn bản đã nêu không thể hiện được đầy đủ nội dung, mục đích chủ trương của Đảng trong xây dựng các hương ước, quy ước là để thực hiện chế độ dân chủ trực tiếp, để phát huy tính tự quản, tự chủ, tự lực của nhân dân ở cơ sở như đã được nêu trong các văn kiện của Đảng .

Nội dung cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh như đã tiến hành là hướng vào việc xây dựng nếp sống, nếp sống có văn hoá tức là những nếp sống thanh lịch, loại bỏ dần lối sống buông thả, đồi trụy. Nội dung cuộc vận động xây dựng gia đình văn hoá là hướng vào việc xây dựng các gia đình hoà thuận, sống đoàn kết và chan hoà với hàng xóm, thực hiện kế hoạch hoá gia đình và thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ của công dân đối với Nhà nước.

Nội dung cuộc vận động làng văn hoá là hướng vào việc nâng cao đời sống văn hoá của cộng đồng dân cư như nuôi dưỡng thuần phong, mỹ tục, ăn ở sạch đẹp, có đường làng, ngõ xóm thoáng mát, có nguồn nước trong lành, có các cơ sở vui chơi, giải trí, nói chung là nhằm cải thiện và nâng cao mức hưởng thụ văn hoá cho người dân .

Những nội dung của các cuộc vận động nói trên là rất thiết thực. Nó đã góp phần cải thiện đời sống văn hoá cho các làng xã.

Cuộc vận động xây dựng hương ước, quy ước mới do Đảng chủ trương không chỉ hạn chế ở mức nâng cao đời sống văn hoá, hoặc chỉ để lập lại kỷ cương, phép nước.

Về mặt tinh thần, việc xây dựng hương ước, quy ước mới là nhằm mục đích phát huy tính tự quản, tự chủ, tự lực, nhằm động viên khuyến khích lòng nhiệt tình hăng say, tính sáng tạo, phát huy sáng kiến của nhân dân đối với sự nghiệp dựng nước và giữ nước hiện nay của tổ quốc.

Về mặt nội dung, hương ước, quy ước mới không chỉ là những văn bản được dùng để điều chỉnh các quan hệ xã hội thuộc lĩnh vực đời sống văn hoá mà thôi. hương ước, quy ước mới phải là văn bản được dùng để điều chỉnh các quan hệ thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, nghĩa là nó phải có dáng dấp một bộ tổng luật của làng xã như trước đây.

Trong thực tế nội dung một số quy ước làng văn hoá hiện nay đã vượt khỏi nội dung của cuộc vận động xây dựng làng văn hoá rồi.

Vì vậy thay cho cụm từ “ quy ước làng văn hoá ” nên hống nhất dùng các cụm từ như đã nêu trong các văn kiện của Đảng là “Hương ước” hoặc “Quy ước” để đặt tên cho các văn bản đã nêu.

Hương ước là tên đặt cho các quy ước của các địa phương không thuộc địa bàn đô thị. Như hương ước xã A, hương ước thôn B, hương ước ấp C, hương ước xã D, hương ước buôn E .v.v... Việt Nam hiện đang

trên đường đô thị hoá nông thôn. Đó là một xu thế tất yếu đối với mọi quốc gia. Nhưng với Việt Nam, do những hoàn cảnh về lịch sử của mình, nông thôn không dễ dàng biến mất như đã xảy ra ở một số nước phương Tây đã tiến hành tư bản hoá, công nghiệp hoá trên 300 năm nay rồi . Ở Việt Nam Làng, Xã, Thôn, Xóm, Ấp, Bản, Buôn, còn giữ vai trò quan trọng và có nhiều tác dụng to lớn đối với sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Giữ cái tên "Hương ước" chẳng những đúng với nội dung chứa đựng của nó cả về mặt khoa học còn nói lên rằng chúng ta rất trân trọng, biết kế thừa truyền thống tốt đẹp và ứng dụng, phát triển kinh nghiệm hay của tổ tiên .

Việc thực hiện chế độ dân chủ trực tiếp để phát huy đầy đủ tính tự quản, tự chủ, tự lực không phải chỉ ở địa bàn nông thôn mà cả ở các địa bàn đô thị nữa . Hương có nghĩa là Hương thôn . Vì vậy đối với các địa bàn dân cư đô thị không dùng từ hương ước mà nên dùng từ "Quy ước điểm tự cư" để đặt tên như đã nêu trong văn kiện của Đảng là hợp lý hơn cả . Ví dụ : quy ước khối phố, quy ước tổ dân phố, quy ước khu chung cư .v.v...

Đặt tên gọi là một cách làm theo ước lệ, không thể cầu toàn. Nhưng với tên gọi mà thể hiện đầy đủ nội dung, tính chất của nó thì sẽ tạo ra nhiều ấn tượng đẹp, nhưng suy nghĩ và hành động đúng đắn cho người thực hiện hơn là đặt những cái tên dễ gây ra những sự hiểu lầm .

Hương ước, quy ước là những tên gọi mà văn kiện

Đảng đã sử dụng là đúng và hợp lý hơn cả .

2. Nội dung của hương ước, quy ước

Trong quá trình soạn thảo hương ước, quy ước có ý kiến cho rằng nội dung của nó không nên có quá nhiều điều và phạm vi điều chỉnh cũng chỉ nên khoanh lại ở một vài lĩnh vực nhất định . Một bản hương ước, quy ước nên có chừng 10 điều, 20 điều trở lại. Cách viết phải hết sức ngắn gọn, dễ hiểu và dễ nhớ .

Trong thực tiễn, cách làm này dẫn đến kết quả là sẽ có những văn bản giống như những Nội quy như : Nội quy phòng cháy chữa cháy, Nội quy phòng bệnh chữa bệnh, Nội quy phòng gian bảo mật. v.v...

Ở các nơi công cộng như vườn hoa, danh lam thắng cảnh, khu tập thể .v.v... nhất thiết phải có Nội quy. Nhưng dùng nội quy để thay hương ước, quy ước hoặc biến hương ước, quy ước thành những bản Nội quy ngắn gọn là chưa thể hiện đầy đủ tính chất, mục đích yêu cầu về chủ trương khuyến khích xây dựng hương ước quy ước đã đề ra trong các văn kiện Đại hội Đảng.

Không nên đơn giản hoá việc xây dựng các hương ước, quy ước.

Lập ra một điều quy ước hay soạn thảo một điều luật, trước hết không đơn thuần là một điều cấm kỵ. Một quy ước, một điều luật có sức sống mãnh liệt và tồn tại lâu dài chính là do ở chỗ nó có tác dụng, ý nghĩa trong hướng dẫn xử sự đúng, hành động đúng và đưa lại những lợi ích rõ rệt cho tất cả những ai biết tuân thủ và

làm đúng quy định của quy ước và điều luật.

Hoàn toàn có lý khi nói rằng lập pháp, lập quy là sự tổng kết kinh nghiệm của quá khứ để đưa ra được mô hình và cách xử sự đúng nhất, có lợi nhất cho hiện tại và tương lai.

Trước khi xây dựng hương ước, quy ước mới cần điều tra, khảo sát kỹ những vấn đề sau đây của địa bàn nơi lập hương ước, quy ước :

2.1. Lịch sử hình thành, những truyền thống vốn có

Một số quy ước làng văn hoá đã làm được điều này.

Lời nói đầu của quy ước làng Triều Khúc viết như sau :

“Làng Triều Khúc có từ lâu đời. Lúc đầu làng có tên là làng Đơ Đồng vì chỉ chuyên làm ruộng. Đến thế kỷ thứ XVIII, cụ Vũ Uy (tức Vũ sứ thần) đi sứ sang Trung Quốc, khi về cụ dạy dân làng làm quai thao, dệt dạy móc, tóc độn, chổi lông gà, hoa lông vịt. Nên các nơi trong vùng gọi là làng Đơ Thao.

Làng Triều Khúc đầu thế kỷ XX có 12 dòng họ : Triệu, Nguyễn, Giang, Cao, Bùi, Dương, Vũ, Đỗ, Hoàng, Đào... Nay có 23 dòng họ cùng chung sống. Đến những năm 1930, nghề thủ công làng Triều Khúc phát triển thành làng nghề truyền thống. Hàng đã được gửi đi trưng bày ở hội chợ trong và ngoài nước.

Làng có cụm đình, đền, chùa khang trang cổ kính đã được xếp hạng di tích lịch sử. Ngôi đại đình thờ đức Thành hoàng Phùng Hưng, nơi đây xưa Người lập đại

bản doanh, đem quân đi đánh giặc, giải phóng được thành Tống Bình (tức Hà nội ngày nay). Ngôi đại đình có tên là Đại cổ miếu, được xây dựng mùa xuân năm Tân mùi (791). Trải qua hơn 1000 năm thăng trầm của đất nước, qua nhiều đời cha ông tôn tạo và tu bổ, ngày nay ngôi đình khang trang to đẹp để cho con cháu đời đời tưởng niệm. Hàng năm lễ hội được mở từ ngày 10 đến ngày 12 tháng giêng âm lịch - ngày đức Phùng Hưng lên ngôi vua.

Tổng kết hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, làng có 31 liệt sĩ, 19 thương binh, hai bà mẹ Việt Nam anh hùng, có 718 người đi bộ đội, 42 người đi thanh niên xung phong, 51 gia đình cơ sở cách mạng.

Tháng 4-1946, Chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên của làng Triều Khúc thành lập đã là hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương.

Để phát huy những truyền thống tốt đẹp của làng Triều Khúc, bản quy ước này tiếp thu hương ước các Cụ để lại, đồng thời đáp ứng yêu cầu của thời kỳ phát triển mới, nhằm xây dựng một làng văn hoá, phát triển thuần phong mỹ tục, bài trừ mê tín dị đoan, hủ tục lạc hậu và các tệ nạn xã hội, gắn bó tình làng nghĩa xóm, tôn trọng kỷ cương pháp luật.

Mặt trận tổ quốc cùng các ban ngành đoàn thể trong làng đã họp nhất trí thông qua bản quy ước làng với nội dung sau ”

Lời nói đầu của quy ước làng Đại Từ viết như sau :

“ Đại Từ là một thôn nhỏ hợp cùng với xã Linh Đường, sau đó khoảng gần 700 năm, nay tách ra thành một thôn riêng biệt ...

Đại Từ là một làng văn học, đất thượng võ, có truyền thống yêu nước từ xa xưa ; Đại Từ có hai Tiến sĩ làm quan trong các triều đại phong kiến, có bia ghi ở Quốc tử giám. Đại từ có truyền thống đoàn kết toàn dân, đấu tranh chống ngoại xâm, kiên cường được nhà vua ban sắc phong “Đại Từ nghĩa dân” .

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Đại Từ đã có gần 300 thanh niên đi đánh giặc, gần 40 chiến sĩ đã anh dũng hy sinh .

Trong chiến tranh phá hoại miền Bắc, máy bay Mỹ đã nhiều lần bắn phá, ném bom vào làng. Trong hai đêm 22-12-1972 và 26-12-1972 Mỹ đã ném bom rải thảm vào Đại Từ. Mỹ đã ném vào Đại Từ 148 quả bom, làm chết 32 người, làm bị thương 4 người, huỷ diệt 109 nóc nhà của dân.

Đại Từ là Hợp tác xã đầu tiên của Hà Nội, mở đầu phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở Thủ đô.

Ngày 10-10-1958, Bác hồ đã về thăm Hợp tác xã và đã có lời căn dặn “ Khi nào Hợp tác xã đạt 60 kg thóc một sào vụ thì mời Bác về thăm”.

Với truyền thống đáng trân trọng, tự hào của quê hương “Đại Từ nghĩa dân”nhằm xây dựng Đại Từ thành làng văn hoá, giữ gìn thuần phong, mỹ tục, chống mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội, giữ gìn tình làng, nghĩa

xóm, giữ vững an ninh trật tự, tôn trọng kỷ cương phép nước, xây dựng cuộc sống bình yên, văn minh, giàu đẹp...

Toàn dân thôn Đại Từ nhất trí thông qua và quyết tâm thực hiện các điều cam kết trong bản quy ước với các điều sau đây. ”

Lời nói đầu của quy ước làng Yên Mỹ viết như sau :

“ Làng Yên Mỹ huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội ngày nay, xưa kia có tên gọi là làng Tiểu Lan. Trong làng có các dòng họ : Nguyễn, Trần, Khúc, An, Đặng, Đàm, Đỗ, Trương, Phạm, Ngô, Vũ ... Yên Mỹ là làng cổ xưa, nhất xã - nhất thôn. Làng có 4005 nhân khẩu, 1010 hộ. Làng có 10 xóm, 6 đội sản xuất nông nghiệp.

Làng Yên Mỹ nổi tiếng về trồng dâu, nuôi tằm và chăn nuôi giỏi. Nhân dân quanh vùng ca ngợi “Lúa đồng ngâu, trâu Yên Mỹ” . Đất Yên mỹ có đặc sản cà chua và chuối tiêu, ăn rất thơm ngon, mát bổ. Đình chùa Yên mỹ được xếp hạng di tích lịch sử văn hoá. Hàng năm làng có bốn ngày lễ hội : 17/3 ; 28/6 ; 28/11 ; và 21/12. Trong các Lễ hội có các trò chơi như : đấu vật, đấu gậy, roi, chọi gà, cùng nhiều trò chơi ca hát. Xưa kia làng có cụ Phạm Quốc Trinh (1418 - 1491) đỗ Tiến sĩ khoa Mậu thìn (năm 1448) mà tên tuổi, học vấn còn khắc ghi trên bia đá hiện có lưu giữ tại Quốc tử giám.

Về võ có lò vật cụ Ba Siêu là nhà quán quân vô địch miền Bắc vào những năm 1950 - 1960.

Trong kháng chiến làng có 86 nóc nhà bị giặc Pháp

đốt phá, 170 người dân bị giặc Pháp giết.

Qua hai cuộc kháng chiến Yên Mỹ có 101 liệt sĩ, 22 thương binh, 11 bệnh binh, có một bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Yên Mỹ đã được Nhà nước tặng thưởng 7 huân chương, nhiều huy chương, nhiều cờ thưởng, bằng khen . Trên 200 công dân Yên Mỹ được Nhà nước thưởng huân, huy chương các loại .

Đảng bộ xã Yên Mỹ trong nhiều năm được công nhận là Đảng bộ vững mạnh. Lực lượng dân quân trong 20 năm từ 1976 đến 1996 liên tục được công nhận là đơn vị quyết thắng.

Làng Yên Mỹ đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu “ đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ”.

Trước yêu cầu của thời kỳ đổi mới, để có một nếp sống văn minh, tiến bộ và hạnh phúc, nhằm kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang, có thuần phong mỹ tục, bài trừ mê tín, dị đoan, tệ nạn xã hội, gắn thêm tình làng nghĩa xóm, tôn trọng kỷ cương giữ gìn an ninh trật tự, xây dựng làng có cuộc sống bình đẳng, yên vui, văn minh và giàu đẹp.

Nhân dân làng Yên Mỹ họp ngày ... tháng năm nhất trí thông qua quy ước làng gồm những nội dung sau ”

Qua ba đoạn mở đầu của ba bản quy ước được nêu, đã làm nổi rõ nhiều điều. Các làng xã Việt Nam phần lớn là những điểm tụ cư lâu đời, có một bề dày lịch sử,

truyền thống vẻ vang, sống động. Nhân dân trong các làng xã đã có nhiều đóng góp to lớn về người, về của cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Mỗi làng xã đều có những ngành nghề truyền thống, đặc sản nổi tiếng. Nhân dân mong muốn có một đời sống mới tốt đẹp hơn và biểu lộ lòng quyết tâm sẽ làm được điều đó .

Có thể châm chước về cách hành văn chưa thật gọn ghẽ, súc tích. Nhưng những sự kiện, nhân vật được nêu ra là vô cùng sống động. Nó khơi dậy lòng tự hào về quê hương, bản quán và động viên được ý chí vươn lên của mọi người trong đấu tranh để xây dựng quê hương ngày càng tiến bộ hơn, giàu mạnh hơn.

Đây là một cách làm tốt để tạo ra niềm tự tin, ý chí quyết tâm trong hành động nhằm phát huy cao nhất nội lực trong mỗi con người, trong mỗi gia đình, trong mỗi làng xóm, trong mỗi điểm tụ cư.

Các hương ước, quy ước nên có lời nói đầu. Nó giống như lời hịch động viên, khích lệ mọi người trước khi bước vào các cuộc đấu tranh .

2.2. Tiến hành điều tra đầy đủ cơ cấu dân số, ngành nghề, cơ sở vật chất của làng xã, kể cả các tệ nạn xã hội hiện có tại địa bàn

Để xác định được một hướng đi đúng đắn trong phát triển của cộng đồng dân cư, qua đó mà định ra được những nội dung chủ yếu của hương ước, quy ước, thì điều cần thiết nên tiến hành là điều tra, thống kê đầy đủ về cơ cấu dân số, về ngành nghề, về cơ sở vật chất

của làng xã kể cả việc tìm hiểu, đánh giá đúng thực trạng tệ nạn xã hội hiện có trong địa bàn.

- Về mặt nhân lực, dân số : Cần có số liệu thống kê về : nam, nữ, người trong độ tuổi lao động, người đang đi học, số người đã có việc làm, có thu nhập ổn định, số người chưa có việc làm, chưa có thu nhập, số phụ nữ đang trong độ tuổi sinh đẻ, số người được hưởng chế độ chính sách trợ cấp của Nhà nước , v.v..

- Về mặt nghề nghiệp sinh sống : Nghề nghiệp cổ truyền, ngành nghề mới, số hộ làm nghề chăn nuôi, trồng trọt, số hộ làm nghề kinh doanh, dịch vụ ... Trong các ngành nghề thì ngành nghề nào đem lại nhiều thu nhập, các khó khăn trong phát triển ngành nghề là gì : do thiếu vốn, thiếu nhân lực, thiếu kỹ thuật, thiếu thị trường v.v...Các sản phẩm được giải trong nước và quốc tế của địa phương.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật của làng xã : danh lam thắng cảnh của xã, đồng ruộng, rừng rú nằm trong địa bàn của làng xã, đặc sản cây, con, công trình công cộng v.v...

- Những nhân vật nổi tiếng, có công với xã : anh hùng, nghệ sĩ, giáo sư, vận động viên xuất sắc, người đạt giải thưởng trong xã, huyện, tỉnh, trong nước và ngoài nước.

- Các tệ nạn xã hội hiện có trong xã : cờ bạc, hút thuốc phiện, mại dâm, số người đã can án, số người đã qua cải tạo nay trở về xã sinh sống v.v...

Việc điều tra khảo sát về tất cả số liệu trên đây trong phạm vi một xã, làng, một thôn, xóm, một khối phố, một khu chung cư sẽ không đòi hỏi nhiều sức lực như điều tra khảo sát trong những phạm vi lớn hơn. Mặc dầu vậy trong phạm vi thực hiện cần có sự phân công, có sự giúp đỡ của chính quyền mới làm được.

Phải đưa tất cả những tình hình số liệu thu thập được cho tất cả thành viên cộng đồng biết, trên cơ sở đó mà lên phương hướng hành động cụ thể bằng cách thảo luận định ra những điều quy ước mà phát triển hoặc khắc phục.

Ví dụ: để phát triển ngành nghề truyền thống mà có những quy định về giữ gìn và phát triển chất lượng, mẫu mã, giữ gìn chữ tín đối với khách hàng, bảo vệ đấu tranh chống việc làm kém chất lượng để ảnh hưởng đến uy tín mặt hàng của địa phương, những quy định về truyền nghề, dạy nghề cho con cháu, những quy định về giúp nhau khai thác thị trường, không tranh mua, tranh bán v.v..

Đối với danh lam thắng cảnh cần đưa ra những quy định nhằm tôn tạo, bảo vệ cảnh quan, những quy định về cách tiếp đón khách đến thăm quan vãng cảnh v.v..

Đối với các tệ nạn xã hội hiện có, thì dân làng sẽ thảo luận để tìm ra nguyên nhân và cùng nhau bàn bạc đưa ra những quy ước nhằm ngăn ngừa, đề phòng việc lây lan và giúp đỡ những người trót mắc phải hoàn lương trở lại v.v...

2.3. Nội dung cụ thể của hương ước, quy ước

Để phát huy đầy đủ tính tự quản, tự chủ, tự giác, nhằm động viên mọi thành viên của cộng đồng khai thác và phát huy tối đa nội lực của bản thân địa phương vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nội dung của hương ước, quy ước nên có các vấn đề sau đây :

Lời nói đầu - phần này dành cho việc kể lại lịch sử, công lao, thành tích cùng những truyền thống vẻ vang của địa phương nhằm mục đích khơi dậy lòng tự hào và biểu lộ sự quyết tâm của cộng đồng trong thời gian tới.

Chương I. Xây dựng và bảo vệ chính quyền.
Phần này dành cho những điều quy ước của cộng đồng tham gia xây dựng chính quyền như tạo điều kiện thuận lợi và giúp đỡ cán bộ chính quyền thi hành công vụ, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân với Nhà nước : nghĩa vụ lao động công ích, nghĩa vụ nộp thuế, nghĩa vụ quân sự..., góp ý, đấu tranh phòng chống những hành vi lợi dụng, lạm dụng chức quyền của cán bộ nhân viên Nhà nước ở xã hoặc của cấp trên, nghĩa là thái độ xử sự cần có khi thực hiện chức năng giám sát hoạt động của chính quyền.

Một số điều quy định về cách thức bầu chọn, trách nhiệm, nghĩa vụ các chức danh tự quản như Trưởng thôn, Trưởng bản, Tổ trưởng dân phố, Ban quản trị khu chung cư. Các chức danh này hiện chưa được pháp luật quy định. Nếu sau này có pháp luật quy định thì sẽ làm theo những quy định của pháp luật.

Chương II. Phát triển sản xuất. Chương này nên có những điều quy ước về phát triển, bảo vệ sản xuất, các ngành nghề của địa phương. Như giúp vốn cho nhau, truyền đạt, phổ biến kinh nghiệm cho nhau, dạy nghề, bảo vệ uy tín về chất lượng cây, con giống, về hàng hoá sản phẩm, các phần thưởng cho những cây, con, mặt hàng được giải tức là những điều về khuyến nông, khuyến nghề...

Chương III. Bảo vệ môi trường, cảnh quan của địa phương. Chương này dành cho các điều quy ước sử dụng, bảo vệ tôn tạo các di tích, các cảnh quan môi trường. Nên có các điều quy ước khuyến khích, khen thưởng cho những ai góp tiền, góp sức cho việc tôn tạo, bảo vệ di tích cảnh quan, môi trường và các điều hướng dẫn không thực hiện các hành vi làm hại đến môi trường, cảnh quan .v.v... Những quy định về phòng bệnh, chữa bệnh và phòng dịch .v.v...

Chương IV. Bảo vệ an ninh, an toàn xã hội. Chương này dành cho các điều quy ước về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ dê, kẻ chống lút, bão, về bảo vệ sự yên lành trong cuộc sống, phòng chống những hành vi làm rối trật tự, an toàn trong các ngày lễ hội, trong giao thông đi lại, phòng chống các tệ nạn xã hội như cờ bạc, ma tuý, mua bán hàng cấm v.v... những quy ước về chống trộm cắp, về bảo vệ của công, chống lấn chiếm đất đai, đường phố v.v...

Chương V. Bảo vệ, nuôi dưỡng thuần phong mỹ tục. Chương này dành cho các điều quy ước cho việc

khuyến khích lối sống lành mạnh như tôn trọng người già, tôn trọng người có công với làng, với nước, tôn trọng những người có đức, có tài, khuyến khích lối sống hoà thuận, sẵn sàng giúp đỡ những người cần sự giúp đỡ, khuyến khích xây dựng những người tốt, việc tốt, khuyến học, khuyến khích sáng kiến, sáng tạo trong lao động, sản xuất, nghiên cứu v.v... khuyến khích việc hoà giải khi có tranh chấp, duy trì sự đoàn kết hàng xóm láng giềng, đoàn kết lương giáo, đoàn kết dân tộc .v.v... Khuyến khích làm việc thiện, việc nghĩa ... Khuyến khích việc duy trì và phát triển truyền thống tốt đẹp của địa phương, về ma chay, cưới hỏi ...

Chương VI. Thực hiện, bổ sung, sửa đổi hương ước, quy ước. Chương này dành cho các điều quy ước xác định việc thành lập các tổ chức tự quản để thi hành hương ước như : Tổ hoà giải, Tổ khuyến nông, Tổ khuyến học, Tổ khuyến nghề v.v... Cần tìm chọn những người có uy tín, có kiến thức để theo dõi, hướng dẫn truyền đạt kinh nghiệm và đề nghị cộng đồng đặt và trao các giải thưởng để động viên. Cần có những điều quy định trách nhiệm và nghĩa vụ của những người trong độ tuổi tham gia các đội dân phòng. Về nguyên tắc là mọi người, trừ những người đã hết tuổi lao động, những người đau ốm, những người đang đi làm nghĩa vụ quân sự, còn lại đều lần lượt tham gia làm nhiệm vụ dân phòng. Cần có những điều quy định định kỳ phổ biến hương ước, quy ước cho toàn thể cộng đồng nghe, về sử dụng phương tiện thông tin đại chúng loan báo về

những người tốt, việc tốt của địa phương cho toàn thể thành viên cộng đồng nghe ; những điều về thể thức sửa đổi, bổ sung hương ước, quy ước .

Yêu cầu cơ bản nhất trong soạn thảo, ban hành hương ước, quy ước của làng xã, khối phố, điểm tụ cư nào cũng phải thể hiện cho được những đặc thù của địa phương và tâm tư, nguyện vọng của toàn thể thành viên của cộng đồng ấy. Đó cũng là điều kiện hàng đầu làm cho hương ước, quy ước thâm nhập nhanh, sâu và phát huy tác dụng đối với mọi mặt của cộng đồng. Bản hương ước nào, quy ước nào đưa ra những điều quy ước phù hợp với việc phát triển các mặt hoạt động và đời sống của cộng đồng nơi nó được soạn ra thì nhất định được các thành viên của cộng đồng quan tâm và ra sức bảo vệ và thực hiện nó .

III. MỘT SỐ GỢI Ý VỀ KỸ THUẬT VÀ TRÌNH TỰ SOẠN THẢO

1. Về văn phong

Công bằng mà nói, kỹ thuật soạn thảo các hương ước cổ có phần nào khó hơn kỹ thuật soạn thảo các quy ước hiện nay . Một số cụ già 80, 90 tuổi còn nhớ thuộc lòng các điều của hương ước cổ. Hiện tượng này không phải là ngẫu nhiên .

Bên cạnh nội dung là những vấn đề thiết thực về cuộc sống của dân làng, nên lời văn của hương ước cổ rất

để hiểu, lại có văn, có điệu rõ ràng mỗi khi xướng đọc lên.

Ví dụ : “ Hễ người đàn bà nào chịu thương, chịu khó, nuôi chồng con ăn học làm nên danh phận thì làng dành cho chiếu ngồi riêng ở đình để xem chèo, nghe hát ”.

hoặc

“Ở chốn đình trung, nơi có hội hè, giỗ đám thì phải khăn áo chỉnh tề, đứng ngồi đúng nơi, đúng hướng, ăn nói từ tốn, ý nhị, thượng mực, hạ hoà, tôn kính người trên, bằng hữu với đồng đẳng, nhường nhịn kẻ dưới, không được mượn chén say sưa, cãi xằng, nói hỗn ”

hoặc

“Chọn vợ xem tông, lấy chồng kén giống, trai gái vừa đôi phải lứa thì gả nghĩa trăm năm, không nên đòi hỏi nạp thái, văn danh, cheo, cưới nặng nề...”

hoặc

“Nghĩa tử là nghĩa tận, trong làng, trong giáp, trong phe có người mệnh một thì ai cũng phải đi đưa đám, đó là nghĩa đồng lân mấy nhau, không nên vắng mặt ...”

Đặc điểm của văn phong pháp lý là cô đọng về ngôn từ, rộng rãi về mặt ứng dụng, chặt chẽ về mặt cấu trúc. Nhưng không phải vì thế mà dùng lời văn khô khan, gò bó, cứng nhắc để gây nên tâm lý bị áp đặt như đã gặp phải trong khi xây dựng các hương ước, quy ước mới.

2. Về chế tài

Một vấn đề gợn lên gây nhiều bàn cãi là trong

hương ước, quy ước là nên hay không nên có phần chế tài. Nếu có thì dưới hình thức nào và mức độ nào cho vừa phải.

Với tính chất là một quy phạm pháp luật thì bắt buộc phải có chế tài. Nếu không thì quy phạm chỉ là một lời khuyên, không có hiệu lực bắt buộc phải tuân thủ.

Chế tài theo nội dung chứa đựng về ngữ nghĩa của nó không hoàn toàn đồng nhất với xử phạt hoặc chỉ có xử phạt mà thôi. Chế tài tức là các hình thức xử lý đối với trường hợp không tuân thủ quy định. Chế tài được đặt ra với mục đích ngăn ngừa vi phạm. Hình thức của chế tài bao gồm các hình phạt về tiền, về hạn chế tự do, hạ giáng hoặc tước bỏ chức cấp, phạt về tinh thần, về xoá bỏ các sự việc làm trái đã xảy ra như phá dỡ việc xây dựng trái phép, bắt khôi phục lại nguyên trạng như đổ nước thải xuống nguồn nước thì phải làm sạch nguồn nước trở lại, làm hư hỏng công trình thì phải sửa chữa lại, buộc phải xin lỗi công khai và hứa không tiếp diễn hành vi vi phạm, hoặc không công nhận tính hợp pháp của hành vi mua bán bất hợp pháp, chiếm giữ tài sản nhất được .v.v...

Một trong những khía cạnh tiêu cực của hương ước cổ là có quá nhiều hình phạt về tiền. Các quy ước hiện có cũng mắc phải lỗi này vì hay dùng cách xử phạt về tiền, về thóc. Không nên tạo ra tâm lý phạt để có nguồn thu .

Điều hợp lý hơn cả là trong các hương ước, quy ước chỉ nên dùng các hình thức chế tài buộc người vi phạm

phải bỏ tiền của, sức lực ra mà khôi phục lại nguyên trạng, phải đền bù đầy đủ các thiệt hại về vật chất đã gây ra, phải xin lỗi công khai người bị xâm phạm về danh dự.

Người có các hành vi vi phạm hương ước, quy ước đến mức độ phải xử lý theo pháp luật thì do chính quyền xử lý.

Trong các hương ước, quy ước không nên đề ra các quy định cụ thể về mức độ xử phạt về tiền vì rất dễ có nguy cơ vượt quá thẩm quyền và giới hạn mức xử phạt do pháp luật quy định. Đặc biệt là các hương ước, quy ước không nên dùng các hình thức chế tài mang tính phân biệt người chính cư, ngụ cư, đuổi ra khỏi làng, không cho tham dự các cuộc vui chung của cộng đồng, từ bỏ, cấm người của cộng đồng đến thăm viếng giúp đỡ lúc có việc vui hay việc buồn, các hình thức xử phạt mang tính nhục hình như : trói, giam người vi phạm .v.v...

Người xưa có nói xử phạt là vạn bất đắc dĩ. Trong hương ước, quy ước không thể không có chế tài. Nhưng không nên lạm dụng việc đặt ra quá nhiều chế tài. Trong hương ước, quy ước nên có nhiều điều hướng dẫn cách xử sự đúng hơn là nêu ra những điều cấm kỵ.

3. Nên đặt ra nhiều giải thưởng và hình thức khuyến khích

Một trong những ưu điểm của các hương ước cổ là bản thân cộng đồng đã đặt ra các hình thức khuyến khích khen thưởng của địa phương mình như ghi tên ở đình làng, tuyên đọc công đức người có công trong mỗi dịp lễ hội.

Trong hương ước, quy ước nên có những điều khoản động viên cá nhân có điều kiện đạt giải thưởng, ủng hộ tiền, vật chất để lập các quỹ khen thưởng về các lĩnh vực sản xuất, học tập, bảo vệ thuần phong mỹ tục, bảo vệ cảnh quan môi trường .v.v..

Mỗi địa phương nên có bia lưu niệm ghi tên những anh hùng, liệt sĩ, những người có công, những người lập được thành tích đem lại danh dự cho cộng đồng. Trong hương ước, quy ước cũng nên có những điều quy định là mỗi khi địa phương được Nhà nước tặng thưởng huân chương, bằng khen, hoặc các thành viên của cộng đồng đạt được giải trong các kỳ thi của huyện, tỉnh, quốc gia, quốc tế thì tổ chức đón tiếp, họp mặt chúc mừng. Người được giải kể lại quá khứ rèn luyện của mình để cho mọi người học tập noi gương.v.v...

4. Trình tự soạn thảo hương ước, quy ước

Sử liệu ghi lại cho thấy các hương ước cổ được xây dựng khá công phu và thường xuyên được bổ sung, sửa đổi để hoàn thiện dần qua nhiều năm tháng.

Việc xây dựng hương ước, quy ước mới cũng không nên nóng vội mà phải là cả một quá trình chọn lọc, nghiền ngẫm mới đưa ra được những quy định phù hợp với tình hình. Kinh nghiệm cho thấy những quy ước được đặt ra theo lối bốc đồng, áp đặt, duy ý chí thì không được quần chúng công nhận.

Địa phương nên thu hút những người có kinh nghiệm về các mặt, có điều kiện về thời gian chuẩn bị tư

liệu, nêu vấn đề cho các cuộc họp có sự tham gia đông đảo quần chúng để bàn bạc . Mỗi một quy định đưa ra nên để cho mọi người thảo luận lật đi lật lại vấn đề sao cho có sự nhất trí hoặc có sự đồng ý của đại đa số thành viên. Làm được như vậy, thì tính tự giác, tự nguyện trong tuân thủ quy ước sẽ trở thành hiện tượng phổ biến trong quá trình ban hành và áp dụng.

Cũng không nên hy vọng là hương ước, quy ước sẽ có đầy đủ các quy định và hoàn thiện ngay một lúc . Có thể lúc ban đầu là những điều quy định cần thiết nhất, nóng bỏng nhất đối với cuộc sống . Qua những năm tháng về sau sẽ bổ sung, sửa đổi dần vẫn còn kịp .

5. Về phạm vi điều chỉnh của hương ước, quy ước

Các hương ước cổ thường lấy đơn vị làng, xã làm phạm vi điều chỉnh. Nếu thôn thì đó là những trường hợp nhất xã, nhất thôn . Việc lấy làng, xã làm phạm vi điều chỉnh là vì làng, xã thường được phân biệt rạch ròi về địa giới cư trú và khu vực canh tác . Ruộng đất, ao hồ, sông ngòi thuộc địa phận làng nào thì thuộc quyền quản lý của làng ấy. Lại có những làng xã có nghề truyền thống - làng nghề. Người trong làng đều sinh sống bằng những nghề nghiệp thống nhất như làng mộc, làng rèn, làng dệt .v.v... Dân số các làng ngày trước cũng ít hơn nhiều so với ngày nay. Dân số một thôn ngày nay cũng nhiều hơn một xã đông dân ngày trước. Vì vậy điều hợp lý hơn cả vẫn lấy địa giới, kết hợp với dân số, kết hợp với nghề nghiệp làm phạm vi điều chỉnh của hương ước. Nếu trong một xã có số dân quá đông,

các Thôn, Ấp, Bản có địa giới tương đối cách biệt thì cũng có thể xây dựng hương ước Thôn, Ấp, Bản. Ở đô thị thì nên xây dựng quy ước của tổ dân phố là hợp lý.

6. Về thẩm quyền xét duyệt ban hành

Để bảo đảm tính hợp hiến, hợp luật, các dự thảo hương ước, quy ước nên được các phòng tư pháp quận, huyện rà xét và được các Chủ tịch quận, huyện ký duyệt cho ban hành.

Việc rà xét nên tập trung phát hiện để loại bỏ những điều quy định, trái luật, trái Hiến pháp không nên bắt buộc các quy ước, hương ước của các địa phương phải theo một khuôn mẫu nhất định.

KẾT LUẬN

Việc hương ước hồi sinh trở lại sau một quá trình gần 50 năm bị lãng quên không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên. Đúng như những nhà kinh điển chủ nghĩa Mác đã khẳng định là mọi sự kiện pháp lý, trước khi chào đời dưới dạng là các đạo luật, đã có thời gian ấp ủ, mang thai khá lâu dưới dạng là các động cơ, mục đích kinh tế rồi.

Sự kiện tái lập hương ước, hiện đang được tiến hành rộng khắp trong phạm vi cả nước cũng là do sự tác động của các động cơ, mục đích kinh tế xã hội của Việt Nam.

Nền kinh tế bao cấp được thực thi ở nước ta trong suốt một thời gian dài đã đảm bảo cho nhân dân ta vượt qua được mọi khó khăn, thiếu thốn của thời chiến. Đó là một trong những điều kiện giúp cho nhân dân giành được thắng lợi trong đấu tranh để giành lại được độc lập hoàn toàn cho tổ quốc. Nhưng vào những năm cuối của cuộc chiến tranh chống Mỹ, chế độ bao cấp đã bộc lộ ra những nhược điểm của nó.

Vào những năm cuối của thập niên 70 và những

năm đầu của thập niên 80 đã rộ lên những cuộc thảo luận, tranh luận về sự cần thiết phải chuyển đổi nền kinh tế bao cấp sang cách quản lý kinh tế có hoạch toán từng phần hay toàn phần. Những kiến nghị về sự chuyển đổi từ nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế thị trường cũng đã được đề cập đến một cách dè dặt trong các cuộc hội thảo và xuất hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Có thể coi đây là những dấu hiệu chuyển dạ của xã hội cho sự ra đời một chính sách kinh tế mới.

Và đúng như sự đòi hỏi có tính quy luật của vận động xã hội, đáp ứng với sự mong mỏi của toàn dân, sau hơn một thập niên ấp ủ, tìm tòi, chủ trương đổi mới toàn diện của Đảng mà phần cơ bản nhất là sự đổi mới về kinh tế đã ra đời vào năm 1986.

Chủ trương đổi mới toàn diện của Đảng chẳng những đem lại nhiều kết quả to lớn về mặt kinh tế, chính trị, ngoại giao mà còn có những tác động sâu sắc về mặt tâm lý xã hội và sinh hoạt đời sống của làng xã nữa.

Đời sống kinh tế khấm khá hơn thì đời sống văn hoá cũng sôi nổi hơn. Chính vào thời gian này, việc tu bổ lại đình chùa, việc khôi phục lại các lễ hội truyền thống của làng xã đã trở thành phong trào.

Hình ảnh làng xã cũ đã trở lại. Người làng ta, đồng ruộng làng ta, đình làng ta, nghề làng ta, lễ hội làng ta, v.v. đã làm cho các thành viên trong cộng đồng dù đi

đâu, ở đâu, mãi tận chân trời góc biển cũng tìm về cội nguồn, nơi chôn rau cắt rốn.

Cũng vào thời gian này, để hướng dẫn phong trào khôi phục lễ hội truyền thống phát triển một cách lành mạnh mà không bị lợi dụng, Bộ Văn hoá thông tin đã có những sáng kiến bổ ích và kịp thời.

Phong trào xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá và làng văn hoá phát động từ năm 1991 được tiến hành khắp các địa phương trong cả nước.

Do nắm bắt được xu thế phát triển của tình hình, tháng 6-1993 tại Hội nghị Trung ương 5 khoá VII, Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đã chủ trương khuyến khích xây dựng và thực hiện các hương ước, các quy chế về nếp sống văn minh ở nông thôn.

Có thể nói rằng, chính sự khởi sắc trong nông nghiệp bắt đầu từ khoán 10, là một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng tái lập hương ước. Việc tái lập hương ước ở Việt Nam được khuyến khích và chính thức thừa nhận trong những bối cảnh đã nêu trên.

Cho tới cuối năm 1992, toàn tỉnh Hà Bắc có 1348 làng thì đã có gần 500 làng soạn thảo xong quy ước làng văn hoá. Toàn tỉnh Hải Hưng có 2000 làng, vào cuối 1994 đã có 300 làng xây dựng xong quy ước làng văn hoá. ở tỉnh Thái Bình đã có 163 xã, 85 làng xây dựng quy ước làng văn hoá¹. Ở các địa bàn đô thị, một số

1. Số liệu trích từ báo cáo của các tỉnh trong cuộc hội thảo về chuyên đề Hương ước, do Bộ tư pháp tổ chức tại tỉnh Hải Hưng từ 26 đến 27/12 năm 1995.

phường, khu chung cư, tổ dân phố cũng đã xây dựng các quy ước.

Về tên gọi, đại đa số trường hợp đều dùng tên quy ước làng văn hoá, có nơi gọi là quy ước làng. Có nơi gọi là hương ước mới. Dù được gọi bằng các tên mới nhưng nhiều người đều ý thức rằng đó là một sự tái sinh của hương ước.

Cũng từ sự nhận định đó nên có sự so sánh giữa hương ước cổ với các quy ước mới trên một số khía cạnh .

Điều đầu tiên khi đọc các quy ước mới nhiều người đều nhận thấy tính khô khan, tính cứng nhắc của nó so với tính mềm dẻo của các hương ước cổ. Đọc quy ước mới, người nông dân chỉ thấy toàn là những nhiệm vụ, trách nhiệm phải tuân theo, những điều nghiêm cấm ngặt nghèo và cả những chế tài nữa .

Với hương ước cổ, mặc dầu không phải mọi cái đều tốt cả, những người nông dân trực diện cảm thụ được là họ có nhiều quyền lợi : quyền ăn phân ruộng của làng ; quyền được tham dự, bàn bạc công việc của làng ; quyền được giám sát những người mà dân làng đã bầu ra để gánh vác việc làng ; quyền được làng xóm giúp đỡ trong sản xuất, trong đời sống ; quyền được cứu giúp khi có thiên tai, lũ lụt ; quyền được bảo vệ, cứu mang khi có trộm, cướp đến làng .v.v...

Các quy ước mới đã không đề cập đến các mục đích, động cơ kinh tế dẫn đến sự tái lập của nó. Đó là nguyên nhân chính làm cho quy ước mới chưa thâm nhập được sâu vào đời sống quần chúng. Bởi lẽ nó chưa phản ánh

đầy đủ các đặc điểm về kinh tế, về tâm tư nguyện vọng của người dân ở địa phương. Do vậy các quy ước mới đều na ná giống nhau. Có thể đem quy ước của làng này áp dụng cho làng khác cũng không có vấn đề gì.

Phong trào tái lập hương ước, có thể nói như vậy để phản ánh đúng quy luật diễn biến của vận động xã hội, được khởi xướng từ năm 1991 đến nay đã cho chúng ta nhiều kinh nghiệm.

Trước hết là phải làm cho nội dung các quy ước mới hướng vào việc nuôi dưỡng, tạo điều tốt cho các nguyên nhân, điều kiện thúc đẩy sự phát triển, tăng trưởng kinh tế của xã hội.

Hương ước vốn là sản phẩm của xã hội nông nghiệp. Nay đã có phong trào xây dựng hương ước để thực hiện ở đô thị. Như vậy những tác dụng to lớn của hương ước sẽ được nhân lên bằng cách đem áp dụng vào các cộng đồng dân cư ở đô thị.

Việc xây dựng hương ước ở nông thôn và quy ước trong các địa bàn đô thị sẽ góp phần thúc đẩy mạnh mẽ phát triển nội lực của nhân dân, nông thôn và thành thị, để hoàn thành những nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới do Đảng đề xướng.

Về mặt kỹ thuật lập pháp, tuyệt đối tránh việc lặp lại các điều quy định đã có của pháp luật mà chỉ trên cơ sở pháp luật để đưa ra những quy ước nhằm cụ thể hoá việc thi hành pháp luật cho phù hợp với tình hình địa phương. Đặc biệt là nên làm cho hương ước, quy ước trở

thành những văn bản hướng dẫn xử sự đúng, với lời lẽ mang tính động viên, khuyến khích mọi người tuân theo những điều đã quy ước với nhau . Đó là những nguyên nhân chính, những động cơ, mục đích thật sự của việc tái lập hương ước .

Việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy ước mới, hương ước mới đòi hỏi phải có sự đầu tư, nghiên cứu, tham gia bàn bạc trực tiếp của toàn thể thành viên cộng đồng và không phải chỉ trong một lần là xong. Do vậy không thể nóng vội .

Mỗi khi nội dung hương ước, quy ước chứa đựng đầy đủ các nội dung bắt buộc phải có của nó và phản ánh đúng tâm tư, đặc điểm, nguyện vọng của cộng đồng dân cư nơi nó được sinh ra thì nhất định nó sẽ tạo ra được nhiều chuyển biến tích cực trong việc tạo ra những nội lực vô cùng mạnh mẽ để làm cho đất nước Việt Nam phát triển đến những đỉnh cao mới trong thế kỷ tới.

PHỤ LỤC

(TÀI LIỆU THAM KHẢO)

1. HƯƠNG ƯỚC LÀNG QUỲNH ĐÔI (QUỲNH LƯU)

Loại hình : hương ước

Làng (thôn) : Quỳnh Đôi

Xã : Hoàn Hậu

Tổng : Phú Hậu

Huyện : Quỳnh Lưu

Tỉnh : Nghệ An

Năm bắt đầu biên soạn : Dương Hoà năm thứ 4 (1636)

Xuất xứ : Theo Quỳnh Đôi cổ kim sự tích hương biên

Nguyên văn chữ Hán, hiện lưu giữ tại xã Quỳnh Đôi, thư viện Nghệ An .

Người dịch : Hồ Đức Lĩnh

Năm thứ tư hiệu Dương Hoà (1636), ngày 20 tháng 8, quan Công bộ viên ngoại hợp đồng với làng thượng hạ để làm thêm khoán ước (vì làng đã có hương lệ đã công bố trên - VNG), gồm những điều như sau¹:

1. Khoán ước làng Quỳnh Đôi, năm Dương Hoà nói là làm thêm. Chữ làm thêm này có hai ý nghĩa : 1) Trước đó là làng đã có khoán ước ; 2) Làng đã có hương lệ như đã nêu trên. Hỏi ra thì Quỳnh Đôi

Điều 1. Cả làng thượng hạ lớn nhỏ phải theo, sau khi ăn thề để làm thêm khoán ước, như người nào trong làng có người nào có việc gì bị người thù mượn việc công để trả thù riêng của nó thì đồng cả làng theo lời thề hết lòng hết sức xét xử, bằng viên nào có ý riêng mà nói khác để trái lời thề của cả làng và viên nào cậy mình có quyền thế làm trái mệnh lệnh, cậy thế lực quan trên để bắt người làng thời bị trói ở đình làng để xét xử. Tốn hết bao nhiêu, làng thu của người ấy để trả cho người bị thù và phải sổ cả tính danh.

Điều 2. Hễ viên nào không có giấy quan trên làm bằng, cậy quyền hiếp tróc con em, kẻ nhiều phu trong làng thời làng không cho ra quy hàm và sưu sai, đến khi chết cấm xin các việc để nghiêm phép làng.

Điều 3. Lệ nộp quy hàm và quy tiền hàng năm miễn cho các ông sinh đồ và các người khác có bằng quan trên phê; còn như không có bằng phê thì đều phải ra quy hàm và quy tiền để cùng chịu công việc và thỏa lòng mọi người. Nếu người nào cậy quyền thế ăn hiếp lấy quy tiền bao nhiêu, nên biên tường tấu đưa cho người thôn trưởng, đề phòng khi khác xét ra có sự thiệt thòi để làm sự cấm trấp.

Điều 4. Hễ người nào thuộc hạng người phải đi lính mà dứt tiền để cầu khởi phải đi thì nên sổ tính danh.

Điều 5. Con gái lấy chồng làng khác mà có quan

trước đó chưa có khoán ước nào. Cần kẻ cứu thêm. Chúng tôi nghĩ rằng trước đó là hương lệ.

chức thì phải nộp cheo cho làng 3 quan, không có quan chức thì nộp 1,5 quan, nộp tại đình trung để uống rượu cho mọi người thoả thuận, nếu người thu riêng tiền cheo thì sổ tính danh.

Điều 6. Hễ người làng khác đến ở ngụ cư trong làng thì đến mùng 7 tháng giêng hàng năm phải nộp cho làng 7 tiền, nộp cho 4 xóm mỗi ông 1,2 quan tiền để cả làng cùng uống rượu. Nếu ông nào cưỡng không nộp thì bị đuổi về quê cũ. Nếu có ông nào đó cậy quyền thế ăn hiếp làng tiền quỹ và bắt đài đệ mọi việc đến khi chết, đều cấm xin các việc. Mấy điều trên hàng năm vào đầu năm, người làng nên uống máu ăn thề tỏ rằng cả làng đều đồng một lòng để nghiêm phép làng.

Điều 7. Năm thứ 4 Canh Trĩ (1666) ngày 15 tháng 7 cả làng bàn, hàng năm cứ đến trung tuần tháng giêng, làng đến những nơi cồn gò trong đồng điền làng và những nơi đã thất tích rồi, nay tra xét lại đều phải đáp lại cả ; cho đến đường dê, lòng dâm, đường xá cũng đều phải bồi bổ lại cho được như khi trước, để làm cho đẹp mặt đất, đông đúc người làng lên, nếu có ai cày xấn lấn vào thì phải phạt.

Điều 8. Làng ta có bờ cống đập Bản làm cống cho chảy về phương Mão ở nơi cồn Sốt, không được cho nước chảy về phương Cấn, để làng được giàu thọ. Bằng ai cho nước chảy về phương khác, phạt tiền 5 quan.

Điều 9. Xét các nơi trong đồng điền, nơi nào nơi ấy trồng hoa quả gì thì phải trồng cho hết, không được bỏ không, để cho ai nấy đều được thêm sự nhu dùng.

Ruộng vườn không được rào gai để tiện việc cày bừa, không cày bừa ruộng vườn mình mà bỏ hoang thì phải phạt. Mọi vật hoa quả, nếu có kẻ nào hay là trẻ chăn trâu, bò ăn trộm, người khác bắt được quả tang không kể nhiều hay ít, bắt được ban đêm phạt tiền 5 quan, bắt được ban ngày phạt tiền 3 quan. Chưa đến 5 tháng còn theo mẹ mà đập lúa má thì tha bắt cho. Quá 5 tháng rồi thì phạt tiền 5 quan. Tiền phạt nộp cho ông thủ khoán để đến lễ khai hạ mua rượu cả làng cùng uống.

Điều 10. Bất kể người nào cũng không được để trâu bò đập hư lúa má và hoa quả, không tuân thì chiếu tiền phạt trong khoán đã định mà bắt. Trâu con chưa đến 5 tháng còn theo mẹ mà đập lúa má thì tha bắt cho. Quá 5 tháng rồi thì phạt tiền 5 quan. Tiền phạt nộp cho ông thủ khoán để đến lễ khai hạ mua rượu cả làng cùng uống.

Điều 11. Trong làng người nào có sức khoẻ bắt được kẻ gian thời làng thưởng biếu phần và tha việc quan ; người nào có quan tước không phải việc quan, làng tha việc quan cho một người con hoặc một người cháu, người rể, để tỏ ra người ấy đã có công với dân làng. Đêm hôm ngộ xảy ra việc gì có mõ có trống đánh liên thanh thì cả làng ai cũng phải đến cứu, kẻ nào không đến phạt trâu một con, để cho phép làng được nghiêm.

Điều 12. Chính Hoà năm thứ 4 (1683) ngày 5 tháng 2, quan Phó chế yên đẳng Hồ Sĩ Tân hợp đồng với làng cùng bàn rằng, nay các dê còn lại đã đập xong rồi và đã làm khoán ước rồi, thì hàng năm cứ đến ngày 20 tháng giêng, các hiệu nghe tiếng trống đánh đều phải tề tựu

trên bờ đê, để bồi đắp cho kiên cố, bằng hiệu nào đến chậm thì phải phạt không tha.

Điều 13. Trong đầm nay về sau, nếu ai đánh cá thì chỉ được dùng lưới thưa, cấm dùng lưới dày, nếu không tuân thì làng xé lưới và đem lưới về giữa đình đốt.

Điều 14. Người nào đánh trộm cá trong đầm làng bắt được ban đêm phạt tiền 10 quan, ban ngày phạt 5 quan. Kẻ đồng tình với người đánh cá cũng bị phạt như thế. Người nào bắt được thì làng thưởng một nửa tiền phạt.

Điều 15. Mỗi hiệu phải đặt một ông xeo trưởng để coi việc phân đê trong đầm, như thấy nước mặn tràn vào làng ngập lụt thì phải đem phu hiệu mình đến chỗ khuyết liệt mà bồi đắp lại, nếu có đặt lừ được bao nhiêu cá phải đem về đình chia ra làm 10 phần, các ông xeo trưởng mỗi người một phần, còn tục cũ thời bỏ.

Điều 16. Hễ đến ngày đắp bờ đê thì mỗi hiệu cứ chiếu theo phần mà đắp cho xong y như kỳ hạn đã định, làng khám có hiệu nào đắp có chỗ còn thấp kém thì làng hiệu đó phải đắp lại. Không đắp thì phải phạt. Làng làm thế để cho hiệu nào cũng gắng sức.

Điều 17. Chính Hoà năm thứ 22 (1701) ngày 25 tháng 10, cả làng bàn tổ tông ta xưa ra sức đắp đầm và đập để nước mặn khỏi tràn vào, thành điền chia ra từng phần, đã lập khoán ước và giao tờ cho kẻ có quyền hưởng đời đời phân minh. Còn các ông lực tốt ai có sức đắp được nhiều hơn thì làng biếu ruộng nhiều hơn; và 5 ông đặc điền, làng biếu mỗi ông 1 sào làm của riêng để

cho con cháu đời này qua đời khác biết làng đãi kẻ có công. Từ nay về sau, làng không được sai lời ước này. Còn mấy mẫu lưu dung thì để biếu quan viên, quan võ. Các ông thủ hiệu được biếu mỗi ông 1 mẫu 2 sào, khi giữ chức ấy thì được ăn, khi thôi phải trả cho làng, không được chiếm làm của tư. Cái đầm đập Bản là nơi lấy lời để chống nước mặn ở ngoài tràn vào, không đắp đập ấy để nước mặn tràn vào ruộng lúa thì lấy gì mà cấp cho phu. Từ nay về sau đến kỳ bồi đắp, người làng ta những kẻ nổi gót sau này đều phải hết sức phụ đắp vào để phòng hoạ nước mặn. Ai bỏ thiếu, bắt tiền thiếu mỗi ngày một tiền, ai cưỡng lại lấy tội bất thuận, làng trị.

Điều 18. Chính Hoà năm thứ 25 (1704) ngày 11 tháng 12, quan Quỳnh quận công¹ và các quan viên, viên đội ở Kinh có lời trình với quan viên, giám sinh, hương lão cả làng rằng : “ Người trong một hương đảng cốt ăn ở với nhau cho hoà thuận làm đầu cho hợp lẽ là hơn, xử đoán một việc gì cốt lấy sự công bằng, đối đãi cùng nhau cốt lấy lẽ nhường nhịn thì mới là một làng tốt . Làng ta lắm đấng quan tước, văn vật từ xưa đã thành đến giờ, khi nào cũng lấy điều lẽ nghĩa làm trọng hậu, đã có tiếng tốt trong thiên hạ. Nhưng vài năm nay, sinh nhiều việc lỗi thời, không hay giữ gìn theo nền nếp xưa, sự gì cũng coi là thường, quan viên chúng tôi ở kinh khó biết sự tình ở làng ra sao, chỉ quan viên ở nhà xử

1. Tức Hồ Phi Tích (1675 - 1744) đỗ Hoàng Giáp năm 1700, làm quan đến chức Hình bộ Thượng Thư, tước Quỳnh quận công

trí. Nay chúng tôi tiếp được tờ của các quan viên ở làng gửi ra, nói hết mọi tệ đoan và nay các ngài muốn chỉnh đốn lại, bỏ thói xấu theo thói tốt, chúng tôi lấy làm phải xin thuận theo ngay. Vậy xin có lời về trình làng, nên theo như thế mà làm. Nếu không theo thì quan viên chúng tôi ở kinh không bàn lại nữa ¹.

Điều 19. Mỗi khi bắt lính phải hội họp tại đình mà kén chọn, ai là người nên đi lính thì đã có phép làng, không được họp thăm vụng ở nhà rồi thay trắng đổi đen, tệ ấy nên thôi.

Điều 20. Lệ hương ẩm là lệ chung cho cả làng, kẻ trên người dưới, người lớn người nhỏ, đã có lệ đặt thứ tự rồi, quan viên nên vui lòng thủ lễ phép để làm tiêu biểu cho cả làng. Nếu quan còn cứ họp riêng một mình, còn các ông già và người trẻ không được dự vào thì cách ấy không phải là lệ hương ẩm. Cái tệ ấy nên thôi. Quan viên nên nghĩ lại điều đó.

Điều 21. Hương ẩm là của chung cả làng, nhưng thủ lợn là cái phần để biếu người có danh phận, một là để trọng người có danh phận có chốn triều đình, một là để trọng người có danh phận ở nơi hương đảng. lệ biếu xưa nay đã đặt ra là vậy, thời còn thay đổi làm gì.

Điều 22. Khi trong làng có việc gì thì phải họp cả làng rồi mới thi hành. Quan viên chúng tôi ở kinh mới

1. Điều 18 còn có mấy dòng : “ Người nào phải đăng lính thì cứ kẻ ấy mà bắt, bắt không được người ấy thì thôi, không có lệ bắt sang người nội thân. Nếu bắt sang người nội thân còn để tang cho người ấy 5 tháng, xưa nay không có lệ. Cái điều bậy ấy nên thôi ”.

nghe làng bán 10 mẫu ruộng, nay lại nghe bán hơn 10 mẫu ruộng và bán thêm một đám hói nữa quan viên chúng tôi ở kinh rất là không bằng lòng .

Điều 23. Các quan viên ở nhà như có sức đắp đê để thành ruộng rồi mới chia cùng nhau thì cũng nên gửi tờ tường cho quan viên ở kinh biết. Chúng tôi có tâm nghi gì đâu. Thế mà các ngài ở nhà chia ruộng cho nhau, nhận làm của riêng cho con cháu các ngài, e không khỏi có điều tư luận được. Các ngài lại bán ruộng làng sắp hết mà nợ của làng vẫn còn, thế nào rồi cũng bán nữa, thế là không nên. Lại còn số ruộng biếu quan viên văn võ, phải nên tùy theo thứ bậc mà biếu, cốt lấy sự công bằng thoả thuận làm gốc thì ruộng mới truyền được lâu dài. Sau này nên đợi cho thành ruộng rồi hãy nhận phân thì mới phải .

Điều 24. Trong làng có người nào có lỗi phải nên tùy lỗi nặng nhẹ mà luận phạt cho đích đáng, hoặc có người thiếu tiền hương ẩm nhiều ít bao nhiêu, cũng nên bắt thiếu 1 thành 2, còn như phần ruộng của người ta thì nên để cả làng ai cũng được hưởng, không nên tự đoạt của người ta. Có người nào cố tình không chịu phạt và không chịu nộp tiền thiếu hương ẩm một gấp đôi, thì làng hãy y lệ cũ của làng .

Điều 25. Việc lập địa phận của làng là việc lưu truyền vạn đại, làng nên lo liệu cho xong, không nên bằng cứ vào tên Suy mà cứ để thế mãi. Tờ cam cung của tên Suy, nói rằng địa bạ làng có hai bản sổ, nay làng nói địa bạ có bốn bản, thì không biết bên nào đúng bên nào không. Nếu như quan Thừa tư đã ban cho làng địa phận

thì quan Thừa tư nên đưa sổ cũ cho làng, bằng ngài không cho làng địa phận thì làng đem sổ ra viết lại, nói chuyện cất địa phận làm gì. Quan viên làng và tên Suy nên đến quan Thừa tư hỏi ngài xem bốn bản hay hai bản cho rõ ràng. Nếu ngài nói bốn bản thì tên Suy phải chịu tội. Còn làng cứ một mạch quy trách vào tên Suy thì chẳng biết thế nào là phải. Làng nên mời quan Thừa tư về lập tiêu địa phận cho làng thời việc mới xong.

Điều 26. Cái đầm Bản là lưu truyền từ đời tổ tiên lại giờ nên bán thì đã bán đi rồi, còn đợi đâu đến giờ nữa mà mấy mẫu để làm ruộng biếu, mấy mẫu để làm ruộng quân phân. Vậy kẻ có quyền thế không được bán, kẻ giàu có không được mua, hãy để làm lợi cho cả công dân, lưu truyền lại làm công lợi đời đời.

Điều 27. Lệ làng ta hễ ai đậu giám sinh thì làng biếu, xưa nay vẫn theo thế mà làm để trọng người thi đậu, mà cũng là noi theo cái tục tốt nữa. Các điều mà quan viên ở làng gửi cho chúng tôi quan viên ở kinh cho là phải lắm, nên lập tức hiểu cho cả làng đều biết để theo lệ ấy mãi. Khi nào làm rồi xin gửi cho quan viên ở kinh chúng tôi biết để làm bằng.

Điều 28. Chính Hoà năm thứ 24 (1703) ngày 20 tháng 7, làng bàn hể ông nào được bổ làm chức quan gì và đỗ tú trường chưa có lễ vọng thì phải nộp tiền vọng cho làng là 1 quan để rõ là được vào bậc quan danh.

Điều 29. Năm đầu hiệu Vĩnh Thịnh (1705) ngày 21 tháng 11, làng bàn lại sự xóc đĩa, đánh bài nên răn cấm. Từ nay về sau người nào đứng gá thổ xóc đĩa cùng đánh

bài phạt 3 quan, những người đánh thì phạt 2 quan.

Điều 30. Vĩnh Thịnh năm thứ 5 (1709) ngày 5 tháng 7, quan Quỳnh quận công ban rằng từ nay về sau làng làm lễ thời nho sinh, hiệu sinh phải đội mũ mặc áo chỉnh tề theo quan viên và giám sinh làm lễ để tỏ lòng trọng đãi.

Điều 31. Bảo Thái năm thứ 3 (1722) ngày 13 tháng 1, làng bàn nguyên có giấy nhà vua sức về làm sổ điền, sổ đinh là việc rất hệ trọng, ngày nào cũng họp làng bỏ cả việc cày bừa, vậy nên đặt 6 ông hương sắc¹ viết sổ cho làng, viết và làm xong sổ làng, làng biểu mỗi ông một nhiều phu để thưởng công khó nhọc. Kẻ nào bàn bạc lồi thối, làng phạt những người ấy là bất thuận.

Điều 32. Bảo Thái năm thứ 9 (1728) ngày 8 tháng 8, quan Giám sát Ngự sử Quỳnh quận công gửi giấy về cho làng nói hói² Ông Hành là cánh tay trái long mạch của làng, làng nên đắp thêm cho vững bền, nếu có người nào vì lợi nhỏ mà đào xén, làng bắt phạt một con trâu.

Điều 33. Hói Nồi là cuống họng thủy đạo làng ta, nên hàng năm cứ đến tuần tháng 5, thì mở ra cho nước chảy, đến tuần tháng 10 thì lấp lại. Trước khi chưa lấp, ai đắp theo đê để lấy tôm cá thì làng không cấm. Còn khi đã lấp lại rồi, hễ ai còn đào tháo đê làm

1. Sau ông hương sắc : giám sinh Nguyễn Đắc Bảo, Dương Công Thị ; quan viên tử Nguyễn Trí ; sinh đồ Nguyễn Công Thư, Hồ Viết Đình, Hoàng Ích Vinh.

2. Hói : nhánh sông nhỏ để dẫn nước, tiêu nước.

cá thì làng chiếu khoán bắt phạt.

Điều 34. Cảnh Hưng năm thứ 10 (1749), ngày 2 tháng 6, làng bàn, làng ta đất ít dân nghèo, việc quan luôn luôn, thiếu túng gấp mãi, dân tình khó chịu.

Nay họp bàn hể có hạn miễn thuế, sái phu, học trò thi phải đóng tiền để phòng khi có việc quan mà tiêu dùng. Phân làm đẳng hơn kém mà thu. Để tiện sự đóng góp từ nay về sau, chỉ khi nào có việc khẩn cấp thời mới được lấy tiền ấy, không được lấy tiền ấy dùng vào việc khác. Người nào hay dị nghị cho là bất thuận.

- Hạng miễn thuế, người giàu đóng mỗi người 50 quan, người hơi giàu đóng 45 quan, người đủ ăn đóng 35 quan.

- Hạng sái phu, người giàu mỗi người đóng 35 quan, người hơi giàu đóng 30 quan, người đủ ăn đóng 25 quan.

- Học trò thi mỗi khoa thi, người giàu mỗi người đóng 20 quan, người đủ ăn đóng 8 quan.

- Hạng tráng đinh, người giàu mỗi người đóng 40 quan, người hơi giàu đóng 25 quan, người đủ ăn đóng 15 quan.

Điều 35. Cảnh Hưng năm thứ 12 (1751) ngày 9 tháng 6, làng bàn đập Bản là nơi nước mặn ra vào, là nơi xung yếu, ngày xưa việc đắp đê như thế nào đã có điều ước. Gần đây việc coi giữ đã chẳng được chu đáo cho nên nước mặn tràn vào đồng, mùa màng mất luôn, vì thế mà làng túng đói. Nay gặp lúc đê điều tàn mà không sửa tiếp cho vững chãi để nước mặn tràn vào thì

ăn ở vào đâu được. Từ nay làng theo khoán cũ để ra sức đắp giữ đê cho cẩn thận.

Điều 36. Các ông thủ nậu¹ coi giữ đê cống phải chia ra từng phiên theo tháng mà đổi nhau để coi giữ gia súc, bồi đắp đê cống cho kiên cố. Nếu có chỗ lở khuyết phải bồi đắp lại một mình, ông thủ nậu không thể làm được, phải đốc xuất ngay các trai trong nậu mình, đồng sức đắp lại. Cả nậu không làm nổi báo cho cả làng đắp cho kịp, không được để cho phá lở to ra. Nếu ông thủ nậu nào không cẩn, lại không chăm bồi trúc, chiếu khoán cũ, làng bắt phạt 3 quan.

Điều 37. Nơi cửa Ông Tri là chính phương mảo, trước có cái cống tháo nước cho tiêu, về sau cống hư chưa kịp sửa lại, giờ cứ theo chỗ cũ mà khai cho nước chảy, không được tùy ý riêng muốn khai ở đâu thì khai để bờ lở nước tràn vào làm phá hại mùa màng.

Ai không theo phạt 5 quan.

Điều 38. Nơi hói Ông Hành là chính chỗ phương dậu, sự bồi đắp lại càng phải chắc chắn hơn, tháo nước càng phải chắc chắn hơn, càng cẩn thận hơn. Ai không tuân cứ phạt 10 quan.

Điều 39. Đập Bờ Re là nơi để trữ nước chỗ nên tháo kiệt đi, nơi cao làm ruộng mùa tháng 10, nơi thấp làm ruộng mùa tháng 5, bờ thôi để ngăn nước mặn không

1. Thủ nậu : những người làng cử ra trông nom công việc đồng ruộng cho toàn thôn như tháo nước, cày nước, diệt chuột, đuổi chim, canh giữ lúa má.v.v...

nên cày xâm phá mất, cây cối để giữ cho bờ khỏi lở không nên chặt. Bồi trức cho vũng, có nước hãy tháo, như có nước ngập lụt vào thì thủ nậu phải lập tức báo cho làng đốc suất trai tráng, tùy liệu nên tháo 1 hay 2 ngày rồi đắp lại, không được để lâu, lở tháo kiệt, chiếu theo khoán cũ, kẻ nào làm sai phạt 5 quan.

Điều 40. Trước kia làng miễn cho các ông thủ nậu phải đóng góp việc làng, và những người coi giữ một đoạn đập thì làng cho thả lơ đơn cá lấy lời, đó là cách tương lệ người có công lao.

Điều 41. Cảnh Hưng năm thứ 16 (1755) ngày 16 tháng 4, làng bàn các cồn gò là địa mạch của làng, trước đến giờ vẫn còn dấu, vì trung gian nhân tình chẳng còn thiết gì đến, cày lấn mất nhiều, nay làng cứ dấu cũ đã trồng mố, đã đo đạc mà đắp lại. Các cồn gò ở địa phận 4 xóm cũng thế, để thông địa mạch yên dân cư. Từ nay về sau tra xét bồi trức, nếu ai cày lấn làm mất mố địa giới phạt 5 quan.

Điều 42. Cảnh Hưng năm thứ 16, ngày 11 tháng 12, làng bàn đồng điền của làng phải nghiêm mật thì mới tiện cho sự sinh nghiệp, nay xếp đặt mỗi xóm có một ông thủ khoán để xem xét việc đồng điền, nếu có trâu bò thả không có người chăn để ăn hại lúa, ban đêm cũng thả như vậy, bắt được trâu bò nhà ai thì sai người lấy tiền phạt, không được tạ sự hà lạm. Còn như mọi vật lợn, gà, vịt, ... cũng đều cấm thả rong. Ai thả, người nào thấy được quyền đánh chết đem nộp cho ông thủ khoán.

Điều 43. Cảnh Hưng năm thứ 19 (1758) ngày 14 tháng 10, quan Hiến sát phó sứ Hồ Sỹ Triển hợp đồng với làng, bàn làng ta thửa trước mùa chiêm mùa mười đều có cày cấy cả, gần đây chỉ chuyên làm mùa mười, còn mùa chiêm thì giải đại, cho nên việc tiêu pha trong làng không đầy đủ. Nay về sau làng cần làm cả mùa chiêm nữa, ruộng cao, ruộng thấp tùy nên gieo vãi thế nào thì gieo vãi để thêm sản dùng cho dân làng. Bốn xóm theo lệ cũ đặt 4 ông thủ khoán để săn sóc dân cư cày bừa trong xóm mình. Việc này vẫn có khoán trước để lại, nay chỉ tham chiếu ít nhiều cho thích hợp, từ nay về sau dùng khoán này mãi.

Điều 44. Đến mùa thu hay có nước lụt, các ông thủ khoán nên xem thế nước chảy ra thế nào, chỗ nào nên đào thì bắt trai đào cho nước chảy, nước chảy đã hơi ngót thì bắt trai lấp lại để phòng đến mùa hạ có nước làm ăn.

Điều 45. Các bờ đê cống đến ngày mở cống cho nước chảy, làng cho để lò đơm cá, nếu đã lấp rồi thì không được tự tiện phá ra, làm mất thủy trạch thời phải phạt.

Điều 46. Chiếu theo giới hạn cũ và các đường sá đi lại, mưa lụt đã làm lở, đến tiết xuân 4 xóm phải đắp lại cho cao ráo rộng rãi để đi lại được dễ dàng và chặn nước để tưới nhuần đồng ruộng.

Điều 47. Hễ nhà nào có ruộng làm mùa chiêm, sức làm không xuể, nếu có người xin làm rẽ thì nên cho người ta làm để thu hết mối lợi. Nếu có người đến xin làm rẽ mà không cho, làng không cho ông thủ khoán

được lĩnh cày, lại trình làng để làng phạt 6 tiền.

Điều 48. Hễ đồng' điền có hoa quả đã chín, nhà nào có đứa ở trẻ con thì phải đe răn, chớ để chúng nó lấy trộm. Bất được đứa nào lấy trộm làng phạt 3 quan. Các điều này cả làng đã hợp ý cùng nhau lập thành khoán rồi, từ giờ về sau phải tuân cứ để cho nhân dân thoả đáng. Viên nào trái ước, phạt là bất thuận hương đảng.

Điều 49. Cảnh Hưng năm thứ 20 (1759) ngày 20 tháng 11, ông Giám sinh Hồ Cự Loan hợp đồng với làng thượng hạ bản : nguyên trước làng ta lính tráng trốn tránh rất nhiều lại gặp lại năm nào cũng hoang khiếm chưa nộp tiền thuế. Nay quan Trấn thủ sai lính về lấy tiền, bây giờ biết lấy gì mà thu nộp, nên chiếu theo kẻ có nhiều người có ít, tuy lực mà đóng góp để nạp. Nếu có người nào thối thác không ra thì đình danh phạt trong làng.

Điều 50. Cảnh Hưng năm thứ 22 (1761) ngày 7 tháng 1, làng bản : làng ta vốn là làng văn nhã, gần đây các thầy dạy học mượn tiếng làm nhăng, lăm tiếng đồn chê, cái tệ ấy rất nên ngăn cấm. Sau này các thầy còn giữ thói nhăng, làng biết ra làng chiếu theo lệ công làng bắt. Ai đã thành danh, làng truất chỗ ngồi. Ai chưa thành danh làng không cho đi thi. Điều này rất quan hệ đến phong hoá, phải mau yết thị để chỉnh sĩ phong.

Điều 51. Cảnh Hưng năm thứ 23 (1762) ngày 4 tháng 2, làng bản khoán cũ hễ thi hương đậu được tứ

trường và văn võ quan viên mới chịu chức sắc gì thì phải nộp vọng cho làng một quan. Trung gian chẳng cứ như trước, bỏ nộp lễ vọng đã lâu. Thiết tưởng sự nộp lễ vọng là một sự thể hay nên làm. Từ nay về sau hễ nộp vọng năm nào đủ thì thôi, nếu viên nào không theo thì truất phần biết và chúc cả phu gánh đồ đi thi vào trường, làm thế để nghiêm hương ước.

Điều 52. Cảnh Hưng năm thứ 25 (1764) ngày 6 tháng 2, quan lại bộ viên ngoại lang Đốc quận công hợp đồng với làng thương hạ bàn rằng, nguyên thuở trước bồi trúc đê cống chia về 4 xóm, như thổ công không được đều, nay chia về 8 nậu, mỗi nậu đặt một ông thủ nậu. Tiền đóng góp các việc được trừ cả để biếu các ông ấy có công lao. Còn quan viên và hương lão thì nên đốc bắt các con em chịu tiền, ai bỏ thiếu thì phải nạp tiền thiếu.

Cũng trong năm ấy ngày 18 tháng 11, cả làng bàn, con trai trong làng đến 20 tuổi là thành đinh thì phải ghi tên vào sổ làng để cùng làm việc quan. Trung gian có nhiều kẻ lấy cớ du học, phạm các điều đóng góp tiền quĩ. Các việc quan đều bỏ thiếu không đóng nữa mà thân thuộc không nộp thuế, làng cũng làm lơ không hỏi. Hễ sau này đã vào sổ làng mà không ăn chịu các việc, đến khoa thi làng không ghi tên vào sổ thi để răn người lười nhác.

Cũng năm ấy ngày 2 tháng 12, làng bàn lính nội binh đến 60 tuổi, lính ngoại binh đến 55 tuổi đều thả về. Sự này đã có điều lệnh ngày trước. Từ khi có binh biến lại giờ, số dân ít, dân trốn tránh lại nhiều, cho nên

có kẻ quá kỳ dăng lính rồi mà chưa có người thế. Làm thế không được thoả đáng, phần thì chưa có lính vào thế, lại phải chịu một nấc tiền phí tổn - tiền thế lính. Từ nay về sau nội binh đến 59 tuổi, ngoại binh đến 54 tuổi thì phải gửi tờ vào trình ở kinh, ở trấn để biết mà gửi giấy về trình làng để làng bàn trước tìm kẻ khác đưa vào thế lính và chúc bớt phiền phí.

Điều 53. Cảnh Hưng năm thứ 27 (1766) ngày 3 tháng 2, làng bàn bắt thế lính. Thế lính làng ta rất khó mà làng rất khinh nhờn không chịu đóng tiền thế. Từ nay về sau nếu bắt lính bắt thế lính 1 cùng 2 tên mà không đi được thì chiếu theo gia sản họ mà phân thu cùng nhau. Nếu có kẻ nào ngang ngạch không chịu thì truất phần hương ẩm, đến kỳ thi làng không ghi tên vào sổ dự thi. Người ngang ngạch thì giải trối cử trình, ngày sau cũng không cho dự vào nữa. Việc này quan trọng lắm không ai được bàn gì nữa.

Điều 54. Cảnh Hưng năm thứ 29 (1768) ngày 7 tháng 1, quan tri phủ Đức Quang Hồ Phi Quỳnh hợp đồng với làng bàn rằng, làng ta là làng văn nhã, học trò rất nhiều, xưa nay nhà nào cũng tập tành học hành riêng ở nhà, chắc mình đã là hay là giỏi, chưa lấy vào đâu làm bằng cử. Từ nay hàng năm đến đầu xuân độ chừng trung tuần chọn ngày tốt, sáng mai đánh 3 hồi trống cho các thầy nho sinh, hiệu sinh, học sinh đều mang lều chiếu đến đình trung, làng ra bài cho làm. Ai đậu hạng ưu thì việc công dịch trừ suốt cả 3 năm, hạng bình trừ nửa năm, hạng thứ trừ 3 tháng. Còn những

người chưa đến tuổi việc quan mà đỗ thì làng tuy hạn mà thưởng giấy cho. Từ nay phải cứ theo lệ này mà làm vì cũng là thiên chức của Triều đình để khuyến khích kẻ học trò để chấn hưng văn phong của làng, khi nào cũng làm thế, không được bỏ quên.

Điều 55. Cảnh Hưng năm thứ 34 (1773) ngày 6 tháng 5, làng bàn lệ nội binh ngoại binh đến tuổi thái về đã có điều ước rõ ràng rồi, nhưng làng xét lại những kẻ đi lính phần nhiều giàu ít đói nhiều, ở lính lâu sợ có phần khó chịu. Nay bàn lại lấy từ năm giáp tý làm đầu, hễ ai đi lính, nội binh đến 55 tuổi là hạn về, ngoại binh đến 50 tuổi là hạn về. Làng chọn người khác đi thế để kẻ khó nhọc được nghỉ, kẻ già được yên. Đến tuổi mà về, tiền tổn làng chịu. Ai tình nguyện dâng làng không cứ lệ ấy.

Điều 56. Cảnh Hưng năm thứ 35 (1774) ngày 16 tháng 7, làng bàn, nay Trấn quan sức bổ đình tráng hạng, làng ta phải chịu 11 suất, việc nhung luật rất trọng, hễ đến kỳ làm tráng đình thì áo và lương làng cấp cho. Theo hạn mà làm, nếu ai trốn tránh, làng giỗ gia cư không được dự vào hương tịch...

Cảnh Hưng năm thứ 36 (1775) ngày 14 tháng 8, quan chế bình phiên hàn lâm viện hiệu lý Hồ Giốc quận công¹ hiệp đồng với quan phó sứ Hồ Phi Thống cùng với

1. Hồ Giốc quận công tức Hồ Sĩ Đống (1738-1785) đậu hội nguyên và đình nguyên khoa nhâm thìn niên hiệu Cảnh Hưng thứ 13 (1772). Giữ các chức Phó sứ sang nhà Thanh, Hộ bộ thị lang, quyền Đốc phủ sứ, đầy tham tụng, tước Giốc quận công.

cả làng thượng hạng, bàn quan viên nào được sắc mạng mà không có con thì cho nuôi một người con nuôi để thừa ấm, nhưng truyền căn chẳng có văn bằng làng không lấy gì làm đích xác, phải xin quan trên cho làm bằng. Nay theo tục làng, hễ viên nào có sắc mệnh có con nuôi thì người con gọi là quan viên tử hay nhiều nam, chiếu theo phẩm hạng nạp tiền vọng cho làng 5 quan thì được ngồi bên tả và bên tả biên, nếu không có tiền vọng thì đình.

Điều 57. Cảnh Hưng năm thứ 38 (1777) ngày 20 tháng 8, quan Phụng sai công bộ phó sứ hàn lâm viện hiệu lý Hồ Giốc quận công gửi giấy về nói trong làng có kẻ trộm cướp khi bình thời nên dùng phép nhà nước để răn, nhưng mấy năm nay đói khát, không ai sợ. Nếu cứ bó buộc vào hình phạt, chắc nhiều kẻ oán. Nay như có kẻ sửa tính phục tội thì cho nó cải quá. Tên họ ở sổ hương ấm thì nên loại ra để nghiêm cấm sự gian dối này nọ. Còn như dạy người ta, đến khi người ta đã cải ác tòng thiện được rồi thì nên thôi. án kẻ ăn cướp đã hơi nặng, nếu chưa được trong vòng 3 năm không nghe tai tiếng gì thì mới cho lại như cũ, biên tên vào sổ hương ấm cho họ, trong mười năm không có tai tiếng gì nữa, khi ấy mới tiêu huỷ án tử. Án kẻ ăn trộm thì nhẹ, trong một năm không có tai tiếng gì thì ghi tên vào sổ hương ước cho họ, trong 5 năm không có tai tiếng gì thì tiêu huỷ án tử đi để rộng đường cho họ để bề tòng thiện.

Còn những kẻ phạm tội mà dụng tâm bắt được kẻ

trộm cướp có thực trạng thì lập tức tha bổng không đợi đến hạn. Từ nay về sau những ai thuộc về uống rượu, đánh bạc đều chiếu trong tờ cung để phạt cho mất thói xấu. Trong làng nếu có nhà nào mất trộm thì cứ những người bị phạm rồi tra tìm. Trong những kẻ bị phạm có một tên nào không chữa còn làm thói xấu thì cho cả tội hợp lại mà bắt giải. Nếu cố ý dung túng cho nó trốn tránh mất thì tội cũng đồng như nó. Không thể tha thứ được. Việc trừng ác là việc lớn nên lập điều ước này để đe răn. Lại kẻ nào đã bị tước tính danh ở sổ hương ẩm thì mọi việc đóng góp như kỳ phúc, không bắt đóng góp nữa, còn các việc quan dịch trong làng thì phải đồng chịu không miễn.

Cảnh Hưng năm thứ 47 (1786), ngày 20 tháng 2, cả làng bàn lễ kỳ phúc sau này cứ nhằm vào ngày 13 tháng 2 làng tế.

Điều 58. Cảnh Thịnh năm thứ 4 (1795) ngày 18 tháng 5, làng bàn việc liên quan đến lính làng ta : khi có người ở lính hết hạn rồi, làng bắt người khác thế vào, cứ trong họ nhiều đình hay ít để bắt, nhưng nhiều người hay trốn tránh cho nên bắt không ra lính để cấp. Từ nay về sau đến thứ người nào làng bắt đi phải đi. Nếu người ấy trốn tránh thì bắt đến cha, mẹ, anh em thân thuộc, người chôn nếu lại chôn thì làng bán cả gia cư tài sản để nghiêm lệnh làng.

Điều 59. Bảo Hưng năm đầu (1801), ngày 3 tháng 6, làng bàn : làng ta đất xấu dân nghèo, ông cha gây dựng nên làng này, người làng ăn ở cùng

nhau lấy sự hoà mục, có vui cùng vui, đến nay đã hơn 500 năm rồi, nay làng gặp buổi nhiều việc quan, phải đăng lính rất nhiều, kẻ độc đinh cũng phải đi lính, may khỏi xiêu liêu, bảo tồn được bờ cõi, gắng gỏi được như thế thật là khó lắm. Nay có người lại không nghĩ, sinh tình trốn tránh, bỏ nhà mà đi, không cùng làng cùng chịu thì những người như thế sau có đưa ma, lợp nhà, giỗ chạp, người làng không được đến dự, chỉ trừ người để tang 5 tháng cho người ấy thì không kể. Còn ông nào vẫn tư tình đi lại với người ấy thì chẳng kể quan viên hay người già cả, làng bắt lợn một quan, lại cấm lính thay tín bài cho những người có liên quan. Những người thấy việc quan thì trốn tránh đi nơi khác, đến khi việc quan đã định rồi mới về, làng đình tên không cho vào sổ hương tịch.

Điều 60. Gia Long năm đầu (1802) ngày 19 tháng 9 làng bàn, làng ta phải chịu việc lính rất nặng. Từ nay về sau như có người nào phải đi lính mà anh em người ấy ở nhà thì làng tha cho một người không phải chịu việc quan và tiền lương chỉ phải cấp một nửa thôi. Các việc khác như đắp đê, bắc cầu cống, gặt lúa, thu thuế phải cùng làng chịu.

Điều 61. Gia long năm đầu (1802) ngày 10 tháng 12, quan Tri huyện Hồ Sĩ Thích, quan Huấn đạo Hồ Tất Tố,... hợp đồng với làng thượng hạ bàn rằng : làng ta từ khi lập nên đến giờ cư xử theo lối nhân hậu; đời ông xây dựng, đời cha vun bồi, lấy sự học làm đầu, không một nhà nào, không một người nào là không đi học, người ta

cho là một nơi vọng ấp, chuyên lấy lễ nghĩa làm đầu . Nhưng gần đây gặp cảnh tang thương, nhân tình gai ngách, dần dần thói quen không giống phong hoá thuở xưa. Nếu không có một kỳ ra công chỉnh đốn thì rồi sẽ làm sai lạc mất phong hoá, do đó phải họp làng lại, bàn lập khoán ước, cốt ngăn ngừa điều bậy, khuyến khích làm điều hay.

Làng có 4 xóm, mỗi xóm chọn một ông có đức tính công bằng làm xét biểu để xét đức tính con trai con gái trong xóm, nếu người nào không theo khoán ước cho là việc khinh tình, tiểu tiết làm trở ngại cho phong hoá thì các ông giáp biểu muốn làm hết phận sự của mình phải tùy nghi giáo giới, gặp kẻ phạm tội nặng thì phải trình làng để cứ lệ xét hỏi. Nếu ông giáp biểu nào không làm hết bổn phận của mình, có người phát giác thì tội cũng như kẻ phạm chính. Điều ước làng viết làm 5 bản, một bản giao làng giữ, còn bốn ông giáp biểu mỗi ông giữ một bản, hàng năm đến ngày làng và 4 xóm làm lễ khai hạ thì đều đem khoán ra giữa đình đọc để cho cả làng đều biết để kẻ có điều dở thì phải cố mà trừ đi, làng dạy điều hay thì cố mà bắt chước thì phong hoá mới mong hay được.

Điều 62. Hễ đến những ngày tế yết thánh đường và thần thì các quan viên phải tắm rửa sạch sẽ và chay tịnh sắm sửa áo mũ chỉnh tề để làm lễ, nếu có viên nào bỏ thiếu không đi cho là bất kính.

Điều 63. Nhà thánh, đền thần và chùa Quỳnh Thiên phải luôn dọn dẹp sạch sẽ, nếu có ai thả trâu bò

vào và phóng uế ở đó cùng ăn trộm tre pheo, làng bắt được phải trị tội nặng.

Điều 64. Người ta lấy luân lý làm trọng , nghĩa là làm cha thì tính nết hiền lành, làm con thờ cha mẹ cho có hiếu, làm anh thì ở với em cho thuận hoà, làm em thì ở với anh cho cung kính, chồng nói thì vợ nghe, làm người thì cư xử là thế. Nếu mà không được thế thì chẳng khác gì loài cầm thú. Ai có điều lỗi không đợi người nhà trình đạt, chỉ cần có người giác với làng là làng chiếu theo tội nặng hay nhẹ mà bắt phạt.

Điều 65. Con trai có địa vị con trai, con gái có địa vị con gái, lấy vợ lấy chồng phải cho đoan chính, không được lấy nhau một cách cẩu thả, làm thói dâm phong, nếu có kẻ không ngăn được lòng dục vọng của mình mà thâm vụng với nhau đến nỗi chữa hoang thì làng bắt tội nặng. Còn như trai gái ve vãn nhau, tiếng xấu đồn khắp thì chẳng cần có hình tích rõ rệt, chỉ cần người phát giác là bắt phạt một con trâu đáng giá 10 quan, lại đem ra đập cho xấu, làm tờ trừng tội để về sau cho chừa. Còn như ông nào là người khoa hoạn có tên trong sổ hội thì gạch tên đi .

Điều 66. Kẻ trộm cướp gian phi đã có điều ước của nhà nước ngăn cản thì phải tránh xa. Phải biết thân mà lo sửa tội, nếu kẻ nào làm bậy bạ sinh tình ăn trộm cắp, làng bắt được, tội nhẹ thì phạt 1 con trâu đáng giá 5 quan và đập 50 roi. Tội nặng thì bắt giải quan và gạch tên trong sổ làng. Ngoài ra còn làm án lưu về sau, nếu biết hối cải, trong 6 năm không còn tiếng tăm gì thì mới

cho phục hương tịch, đốt án cũ để khuyến làm điều lành.

Điều 67. Cờ bạc làng y như lệ nhà nước phải cấm chỉ, còn đánh bài phỏm thì chỉ được chơi về mùa xuân từ 25 tháng 12 cho đến 16 tháng giêng mà thôi. Ai còn đánh thì từ 10 tuổi đến 16 tuổi, làng đánh đòn 20 roi và bắt cả cha mẹ tên ấy, kể cả đúng tuổi, phạt lợn 1 quan tiền. Còn kẻ nào đi làng khác đánh bạc có người giác với làng, làng xét thực có thì phạt trâu 1 con đáng giá 3 quan. Người giác với làng được thưởng.

Điều 68. Làng có lệ đầu năm khao phục, con ai đậu thì được nhiều trừ để khuyến khích con em trong làng. Quan viên nào được làng cử làm sơ khảo, phúc khảo thì phải cốt lấy sự công bằng tuy văn thể mà được đưa vào hạng ưu bình là do ý kiến của tôn trưởng, không được lấy ý kiến riêng của mình tranh biện phải trái, nếu ai không nghe thì về sau không cử làm các chức giám khảo, các chức đăng tả và các chức sắc số hiệu ; không được thiên tiện đến các rới sơ phúc khảo quan để chỉ tính danh của người được dự khảo. Ai trái điều đó, có người phát giác, phải phạt. Người nào đậu hạch được, bất kỳ hạng người nào đều được chức miễn việc lính tráng, việc đài đệ lúa thóc, kể cả việc bắc cầu, đắp đường, làm nhà cửa quan tư, đào sông xây cống, gặt lúa thu thuế trừ cả (hết hạn lại phải cùng làng đồng thụ dịch). Còn ai không dự hạch thì không được trừ gì.

Điều 69. Làng ta nhiều kẻ văn nhân, chuyên làm

nghề dạy học trò, đã là người dạy học thì nên biết giữ gìn mình mà tự trọng, khi ăn nói lúc đứng ngồi không nên cẩu thả lại còn ra dáng này nọ, yêu sách tiền cho nhiều không được như ý, mắng nhà chủ, đóng cổng ràn trâu¹ hoặc có tư tình, tiếng tăm đồn rầy, làm dơ dáng đạo mình, ... những người có chức trong sổ hội mà có sự ấy thì phải sổ tên, còn những người thuộc hạng ngoại, đánh đòn 30 roi, làng gửi giấy đến nơi dạy học cho quan địa phương nơi ấy đuổi đi.

Điều 70. Học trò cốt có nét na làm đầu, gần đây học trò chỉ chuyên tập văn bài, về mặt tu luyện tính nét cho hay thời còn thiếu, cho nên làng có bàn bạc thi thố việc gì thì tụ họp đêm pha phỉ báng này nọ, lấy lời bậy bạ viết vào giấy. Cái tệ ấy nên bỏ. Từ nay về sau ai còn giữ thói ấy, có người phát giác, phạt một con lợn đáng giá 3 quan.

Điều 71. Người đứng bậc nào thì ăn mặc áo quần về bậc ấy cho xứng đáng, không nên trái phép. Từ nay về sau người nào có thể diện chức sắc và người ngoài 50 tuổi mới được mặc áo lụa. Còn không có chức sắc và tuổi trẻ thì bắt câu đàn bà, đàn ông đều cấm mặc áo lụa. Ai trái lệ ấy, làng bắt cởi lấy áo và bị nọc đập 10 roi. Còn như tiết xuân ăn chơi hội hè đi xem thì không theo lệ ấy.

Điều 72. Hàng năm đến tết Nguyên Đán đầu năm, nhằm vào ngày mồng 2, các quan viên hương lão và

1. Ràn trâu : chuồng trâu.

những người có biểu phần thì phải ăn mặc áo mũ chỉnh tề đến bái yết các từ đường của các trưởng quan. Xưa đã có lệ như thế, nhưng gần đây gặp nhiều sự ngăn trở, nên sự đi kính bái có hơi sưa (thưa). Từ nay về sau đến ngày ấy, hễ nghe một hồi trống, chiếu theo khoản ấy, là người phải đi kính bái thì phải đến đình để cùng đi kính bái người trên để tỏ lòng kính bái. Ai bỏ thiếu thì phải phạt.

Điều 73. Ai uống rượu phải có điều độ, không nên uống nhiều, nếu ai uống quá say, nói âm ỹ huyền não, nói cạnh khoé nhân vật, khen chê chính pháp trong làng, chửi bóng gió đàn bà con gái, đều vì rượu mà đến nổi bậy bạ, phạt 1 con lợn đáng giá 1,5 quan tiền.

Điều 74. Trong làng cốt lấy sự không nên kiện cáo nhau là quý, phòng ai có sự gì uất ức phải trình với làng xử đoán cho, không nên siph sự kéo nhau đi kiện ở quan. Nếu không được xét bình tình thì mới được lên kêu ở quan huyện, quan phủ. Quan phủ, quan huyện xử lý cho cũng y như tình lý làng xử, thời làng phạt kẻ ấy 1 con lợn đáng giá 3 quan. Còn những kẻ không trình làng xử trước, lên quan huyện, quan phủ để kiện, làng cũng phạt đồng như vậy.

Điều 75. Người nào lại không có việc lợp nhà và tống chung (đưa ma). Từ nay hễ ai có việc làm nhà thì phải làm dùm ngay, không cần đợi đến mời mượn. Người nào có việc tống chung thời tùy lòng người ta kính biểu, không được đòi, ai trái lệ này thì phải phạt.

Điều 76. Giếng Bà Cả là giếng từ xưa nước vẫn trong và thơm. Cả làng đều ăn uống. Người làng ăn uống nước ấy phải nên để dành, phòng khi đại hạn còn đủ nước mà dùng. Hễ ai múc nước ra ngoài giếng để rửa rau, vo gạo, cho trâu bò uống và tắm giặt thì không được. Ai trái phải phạt .

Điều 77. Các rãnh cống là nơi để cho nước chảy. Khi có nước mưa lụt ngập, cống Hói Nồi, cống Ông Bành đã mở rồi thì ở trên các cống khác cũng đều phải mở cho nước chảy, không được ngăn lấp để thả đó làm hại lúa má. Ai làm trái điều này phạt 1 con lợn giá 1,5 quan.

Điều 78. Sau khi gặp nạn binh hoả rồi, hễ là người làng thì phải cùng xuất tài, lực ra để cùng chịu khổ với làng và kinh dinh. Nếu ai trốn tránh quan dịch, không đồng chịu với làng, một mai đã khôi phục, về làng thì phải nộp cho làng 20 quan, mới cho ghi tên vào hương bạ, mới được làm nhà cửa lên mà ở, nếu không thì không cho vào hương xỉ.

Điều 79. Đầm Đập Bản, đầm Bà Re, đầm Quý Đôi, cả làng đắp để lấy lợi tôm cá. Đó là của chung, không lẽ để lợi riêng cho một người. Đường đê Bà Re là ông tổ họ Hồ, họ Hoàng, họ Nguyễn đắp ngày xưa rồi trồng cây cốt cho sâm uất. Ai khai phá, phạt một lợn giá 1,5 quan.

Điều 80. Những nơi Hói Nồi, hói Ông Bành, cây cối rậm rạp là cốt để giữ đê phòng nước, sự quan hệ lắm. Xưa nay có điều lệ cấm phá phách. Nhưng vì nhân tình

coi thường, nhiều kẻ hay chặt trộm. Nay về sau cấm chỉ sự ấy.

Điều 81. Con đường từ trên Cổng Đá xuống mãi đập Bát, có bị ký nói, hàng năm phải đắp. Từ nay về sau nơi nào khuyết liệt thì phải đổ sức ra đồng đắp, để tiện sự thông hành.

Điều 82. Con đường thông hành 4 xóm, xóm nào cứ thuộc địa phận xóm ấy mà đắp cho cao ráo vững bền. Nếu ai làm khuyết liệt làng bát. Trẻ con cứ phóng uế lên trên đường và đào phá thì bị đánh mười roi, bắt cả cha mẹ nó nữa.

Điều 83. Đồng điền làng về vụ mùa, đồng nhiều chỗ trồng khoai trồng đỗ, làng đã cấm nên cấm trâu bò ăn hại. Nhà ai có ruộng thì phải tùy nghi mà trồng trọt, lười biếng không làm thì bị đánh đòn 30 roi.

Điều 84. Hễ ở đình hay ở nhà ai gặp có đáng tôn trưởng đến, mình là kẻ trẻ tuổi và vị thứ thấp, thì nên đứng dậy chào. Nếu cứ ngồi điềm nhiên, không chào hỏi thì phải phạt.

Điều 85. Khi đi chợ gặp người già cả có mang xách gì mà mình là người trẻ tuổi sức bạo, nên mang xách hộ. Nếu ai dương dương, cứ làm lơ đi như không biết thì phải phạt.

Điều 86. Làng hội họp ở đình đã có thứ vị tả hữu trên dưới. Bàn một việc gì đã có quan viên tôn trưởng bàn định. Nếu có kẻ nào cho việc ấy chưa được thoả đáng thì nên trình lại với quan viên để bàn cho được

hay hơn, không được cao thanh đại ngữ ra dáng không có lẽ nhường, ai làm trái điều ấy, phải phạt.

Điều 87. Làng họp ở đình bàn việc gì, bất cứ người nào bàn là công việc công cộng cả dân. Nếu khi về nhà bàn đảo quy oán cho ai, làng biết thời truất người ấy, sau này không được đi họp làng nữa.

Điều 88. Hễ làng có hội bàn việc gì, phải hay không phải thì phải bàn lại ngay tại đình khi đương đông đủ cả làng. Nếu khi ở đình thì diềm nhiên không bàn gì, đến khi về nhà hay ăn cỗ bàn tại nhà ai mới đem chuyện ra để phỉ báng người đương sự thì phải phạt.

Điều 89. Người nào một lân lý¹ với nhau nên lấy sự hoà mục mà xử trí với nhau. Nếu người nào lấy sức mạnh mà lăng mạ người yếu, lấy thế giàu ức kẻ nghèo, người đê tiện lấn lướt người quý đến nỗi chửi nhau, đánh xé nhau làm hại mất thể thống, phong hóa làng, thì phải trọng phạt.

Điều 90. Hễ có giỗ gia tiên thì tùy gia phong kiệm mà làm cỗ bàn, cốt tinh sạch là được, không so sánh cỗ nhiều cỗ ít, tranh giành đập mâm đập bát, vang động làng xóm, ai như thế thì xử là lỗi bất hiếu.

Điều 91. Người cùng một làng cùng đi ra phương xa, hoặc có một người ngộ bệnh hay mắc một việc gì thì nên lưu lại nơi ấy để tùy nghi điều hộ, nếu ích kỷ đi nơi khác bỏ bạn lại, coi như người đi đường thì phải phạt.

1. Lân lý (từ cổ) : cùng trong một làng, xóm.

Điều 92. Hễ đi ra ngoài phương xa gặp người đồng làng có điều bày thì phải dấu cho người ta, người ta có điều hay thì phải tỏ cho người ngoài biết. Còn dèm pha người ta để khoe mình và mưu lợi cho mình, có người phát giác, làng xét ra xác thực thì phải vả miệng.

Điều 93. Phần mộ người ta thì nên kính trọng không nên cày lấn vào hay phóng uế xung quanh và dắt trâu bò lên trên. Ai trái thì phạt. Ai tham tâm cất mả trộm vào mả người thì làng trọng phạt.

Điều 94. Hễ trâu bò chấn dất mà phạm các điều ước trên, bắt cần ai bắt được theo khoán mà thưởng. Còn như người nào dùng dao hay là vật gì nhọn đâm trộm súc vật làm cho nó bị thương thì phạt.

Điều 95. Hễ nhà đàn bà goá chồng là nơi hiềm nghi nên tránh trước. Nếu nhà ấy không phải là nơi thân thích mình mà lại vào nói năng giễu cợt ra dáng nọ kia, có kẻ phát giác thì phải phạt. Còn người quả phụ mà không từ chối người ấy ra thì cũng bị phạt đồng như người ấy.

Điều 96. Người ta ở cùng, thương nhau giúp đỡ nhau là nhẽ thường, các nhà giàu làng ta thường có lúa gạo bán ở chợ, tháng 7 tháng 8 gặp mưa gió, kẻ thiếu thốn đến nhà mua thì bảo rằng hết rồi, hoặc có đưa tiền đến mua thì lại bán kém. Như thế thực là đáng ghét. Từ nay về sau các nhà ấy phải nên cải quá¹, nếu nhà

1. Cải quá (từ cổ) : sửa chữa lỗi lầm.

nào cứ làm điều bất nhân, có người giác ra, làng không cho những kẻ làm thuê đến nhà làm cho nữa.

Điều 97. Chợ Quỳnh Thiên là nơi ai cũng đều họp, mua bán cốt lấy thuận tình là hơn để trao đổi nơi có vật này cho nơi khác. Nếu có kẻ nào cậy thế mua ức hiếp người ta, có tiếng đồn giác ra là có tội.

Điều 98. Đàn bà con gái cốt chăm việc dệt canh cửi và cày bừa cho siêng năng, nếu nhơn nhơn cứ chum ba chum bốn bàn việc người này người nọ lãng nhăng, người ta đến đôi chối van la, làm vang động láng giềng, làng nghe được bắt ra đình làng và miệng, đồng thời bắt kẻ gia trưởng người ấy không biết dạy bảo.

Điều 99. Lúa bán ở chợ là tùy theo vật tốt hay xấu và tùy theo tâm mục người ta trông thấy mà định giá cao hay hạ, nếu có ai dèm pha để tư ý rồi sinh ra mắng nhau tàn tệ, có kẻ giác ra thì người quý giả phải phạt, người tiện giả đập 30 roi. Lại còn việc mua tơ dệt lụa là việc của phụ nữ làng ta, như có ai đưa tơ đến bán, trọ ở nhà ai, thì không được trả giá cao lên để cho người ta không mua được, mình mua, có kẻ giác ra, làng cũng phạt theo lệ ấy.

Điều 100. Nhà cửa làng ta ở liền nhau nên giữ gìn lửa củi, đến kỳ nắng to hay có gió lớn, nhà nào cũng nên trữ nước để cứu hoả, từ đầu giờ Tý đến cuối giờ Mùi, không được nhóm lửa. Ông xeo trưởng bốn xóm phải đến từng nhà trong xóm mình mà khám xét lửa củi cho cẩn thận. Không cẩn thận để phát hoả thì nhà ấy phạt

Điều 103. Gia Long năm thứ 19 (1820) ngày 7 tháng 1, quan Huấn đạo Hồ Tất Tố hợp đồng bàn với làng, tuổi già là rất quý trọng thiên hạ. Xưa nay lệ cũ làng ta ai lên hưởng lão thì phải làm hai bàn, nay vâng luật nhà nước ai hơn 70 tuổi thì cho một người hầu nuôi, nên sau này người làng ai được 70 tuổi thì biên vào sổ hưởng lão, không phải làm lễ hai bàn mà cũng được kính biểu để tỏ lòng quý người có tuổi tác.

Điều 104. Minh Mệnh năm thứ 7 (1826) ngày 18 tháng 5, làng bàn lệ cũ làng ta, ai thi đậu đại khoa, khi khâm phụng vinh quy, về nhà làng mới sắm sửa nghi trượng đi đón rước, còn đi thi hương đỗ tú trường (cử nhân) thì thôi. Nhưng từ nay về sau, hễ ai đi thi hương đậu tú trường về đến chợ Bèo, làng cũng sắm sửa nghi trượng đón rước về đến nhà để tỏ lòng trọng đạo.

Điều 105. Minh Mệnh năm thứ 17 (1836) ngày 15 tháng 2, quan án sát Hồ Sĩ Lâm hợp đồng với làng thượng hạ cùng bàn, làng ta về trước khi nào cũng có khoa danh, phàm có tế lễ gì thì kính biểu Trưởng quan thủ lợn, kính biểu quan viên bộ tứ vẫn có lệ đặt như thế. Trưởng quan là những người đậu đại khoa. Từ năm Bính Ngọ (1786) gặp đời loạn Tây Sơn¹, ồn ào lộn xộn, chưa kịp sửa sang lại, nay gặp vận làng phục hồi nguyên xưa, hễ ai có đậu đại khoa, cử nhân, tú tài thì

1. Vì là hương ước được viết dưới triều Nguyễn nên khi nói về cuộc khởi nghĩa của anh em Nguyễn Huệ "buộc" phải gọi loạn Tây Sơn.

đều là nhờ có phong thổ tốt mới được thế. Nay nếu theo khoán trưởng quan, cái móng lợn chia đôi, một nửa để biếu bộ tứ, cử nhân hương lão, những người đang đi lính đã có sắc mệnh, một nửa biếu tân cựu tú tài và cựu biên binh có sắc mạng cùng những người đang ở lính, lý trưởng đương ứng vụ, phân thân huệ biếu những người đang hành lễ để tỏ tục hậu.

Điều 106. Minh Mệnh năm thứ 20 (1839) ngày 12 tháng 2, làng bàn, nhà thánh là nơi văn hội họp, về trước mỗi khi tu bổ thì chuyên quy về văn hội cả, thiết nghĩ như thế chưa được thoả đáng. Từ nay về sau như văn từ có hư hỏng, thì chiếu nhân số cả làng bổ tranh mà lợp để tỏ lòng trọng đạo.

Điều 107. Minh Mệnh năm thứ 21 (1840) ngày 12 tháng 3, làng bàn, lệ làng trước kia đi lính đến 45 tuổi là hết hạn thì nặng quá, nay bàn lại, từ nay về sau ai phải tòng nhung thì đến 40 tuổi là hết hạn, hễ ai được chức sắc thì toạ thứ và biếu phần theo lệ làng. Ai chưa được chức sắc mà hết hạn được về thì làng cho ngồi về bên tả, những việc sơ sai thì đều được tha cả. Những kẻ chưa có chức sắc mà đăng quá hạn 10 năm, thì cho biếu phần. Còn những kẻ chưa mãn hạn mà trốn về thì những việc phí tổn gì đều phải chịu cả, làng không bận đến.

Điều 108. Thiệu Trị năm thứ 3 (1843) ngày 22 tháng giêng, quan đốc học Phan Phạm Trọng hợp đồng với làng thượng hạ bàn, nguyên quan Cấp sự trung Hồ Trọng Toàn xuất cúng cho làng 400 quan tiền và 4 mẫu

ruộng để sửa sang việc làng, nên làng muốn làm 2 lễ giỗ cha và mẹ ngài. Tiền 400 quan, ruộng 4 mẫu chia cho 4 giáp. Từ nay về sau làm lễ giỗ và lợp từ đường thì chiếu bổ về 4 xóm làm, không kể số người nhiều hay ít của các xóm.

Điều 109. Thiệu Trị năm thứ 4 (1844), ngày 17 tháng giêng, làng bàn : Nguyên khoán trước định hễ đầu năm khảo hạch học trò, nay lại bàn hàng năm đầu năm cũng mở cuộc khảo hạch học trò để khuyến khích kẻ hậu học. Vậy đến ngày thời quan viên, hương lão, tú tài các chức, đều phải tới đình để làm giám khảo. Học trò ngoài 40 tuổi thì không phải làm. Còn ngoài ra, chưa đến 40 tuổi đều phải sấm sửa lều chiếu để ra đình hành văn. Nếu ai bỏ thiếu thì phải bắt thiếu 6 tiền. Việc khuyến khích học trò là việc hệ trọng, bao giờ cũng phải giữ lệ làng.

Điều 110. Thiệu Trị năm thứ 4 (1844) ngày 7 tháng giêng, làng bàn việc thế binh lính. Theo khoán cũ, chiếu theo niên xỉ, trưởng ấu không kể, lấy 40 tuổi làm hết hạn đăng lính. Thiết nghĩ như thế, kẻ thì quá lão, kẻ thì quá đất¹, không được công bằng. Nay làng định lại, kể từ năm thứ 21 (1840) thời vua Minh Mạng về sau hễ ai đi lính thì cũng lấy 15 năm làm hạn. Những điều khác thì theo khoán cũ.

Điều 111. Cùng năm ấy ngày 8 tháng 8, làng bàn, về trước, văn tế các lễ, cách thức tả văn, tên ai nêu trên,

1. Đất (từ cũ) : được chấp nhận, đạt yêu cầu.

ai nêu dưới chưa có định chế. Nay về sau hễ gặp kỳ tế thì viết văn phải viết tên các ngài đại khoa trước, rồi đến quan viên, hương lão, rồi đến cử nhân tú tài, quyền sai, đội trưởng, rồi đến lý trưởng ứng vụ, các chức trên đây hễ đồng tước với nhau, ai nhiều tuổi hơn, thì viết trên.

Điều 112. Thiệu Trị năm thứ 6 (1846) ngày 7 tháng giêng, làng bàn các ông có sắc mệnh, khoa tràng, các ông hương lão ăn mặc áo mũ dày hia phải theo phẩm trật mà dùng, không được làm trái phép. Các ông lão tuổi 60 thì đi giày da trắng, có ai mới làm lễ thì được mặc khăn áo ấy, còn ngoài ra là cấm. Lại làng ta vốn làm nghề dệt tơ lụa, mặc áo lụa nhuộm màu nâu hoặc màu khác thì được, còn như nhuộm màu đỏ, màu lam và màu gì rợ quá thì cấm, trừ các ngài có sắc mạng, khoa trường, hương lão và các người thường dân gặp khi trong nhà có sự yến ẩm ăn mừng thì không cấm. Ai trái phải phạt.

Điều 113. Thiệu Trị năm thứ 7 (1847) ngày 8 tháng 8, làng lại bàn thủ lợn để kính biếu các ngài hoàng bang, nòng lớn để kính biếu các quan viên như văn thì cử nhân trở lên, võ thì từ đội trưởng ứng vụ trở lên. Còn như các ông hương lão và lý trưởng đương ứng vụ thì được biếu 1 miếng thịt.

Điều 114. Thiệu Trị năm thứ 7 (1847) ngày 7 tháng 10, quan Tiến sĩ Hồ Sĩ Tuấn hợp đồng với làng bàn : Nguyên làng ta đầu năm hàng năm có mở cuộc xuân khoá để thi tiến ích cho các học trò thì quan

chia ra cho các nhà lĩnh canh. Trong đầm và 4 bờ làng sửa sang xây đắp thế nào, làng giao cho các lĩnh canh, hàng năm phải ra sức bồi trúc, chớ không được tháo nước đơm cá đến nổi vỡ lở, thì làng phạt nặng những kẻ ấy.

Điều 117. Một dải đập Nai, phía bắc dân cư làng, bên này là đường cái, nam giáp bờ đê hói Ông Bành, ruộng công điền làng Phú Lương, đông giáp Cồn Sai, tây giáp ruộng cao, lâu nay nước mặn tràn vào vẫn để hoang, bờ đê vỡ lở, nay ai có sức đắp được để trồng trọt, hạn trong 10 năm làng cho ăn không, làng không thu thuế, ngoài 10 năm làng chiếu số lúa ở trên ruộng được bao nhiêu thì chia ba phần, làng lấy một phần, làng cho quản nghiệp được hưởng quyền lợi như vậy trong 50 năm. Hết hạn phải giao ruộng lại cho làng để làng phân canh. Hễ người nào nhận phần ruộng xin quản nghiệp thì ruộng ấy chia ra làm 4 phần, làng cho một phần giữ lại để cho con cháu làm của riêng mình, còn nạp thuế ruộng lĩnh canh của làng cũng y như ruộng tư gia trong làng.

Điều 118. Tự Đức năm thứ 8 (1855), ngày 27 tháng giêng, làng bàn, nguyên làng ta có đặt một khoản tiền lương phụ đương cho lính, từ trước vẫn theo vật lực chiếu bổ, kẻ nhiều người ít đều theo gia lực, đến đời vua Minh Mệnh, có lệ tha cho khỏi làm tiền phụ cấp. Nhưng làng ta nhiều kẻ đi lính, phần nhiều là từng đôi cả, nếu mà cứ câu nệ theo lệ thì những kẻ đi lính khó lòng kham nổi được. Nay nên chiếu bổ thượng hạ phải quân

cấp, nhưng còn e rằng phần cấp đương do tay các người đóng, cũng có kẻ đóng được, có kẻ không đóng được, do đó tiền phụ cấp hàng năm không đầy đủ cho các kẻ đi lính. Làng phải gặt lấy lúa phần thu ở 4 xóm để cung cấp, còn thừa bao nhiêu thì trả lại, không được lấy số thừa ấy để tiêu vào việc khác. Hoặc có năm nào số tiền cấp đương không đủ, làng sẽ tùy nghi lấy số tiền khác để cấp thêm cho lính, tránh cái phiền cho dân phải đóng góp luôn, mà lại giúp cho những kẻ đi lính có phần trông cậy, lệ này vẫn theo thế mãi.

Theo QUỲNH ĐÔI CỔ KIM SỰ TÍCH HƯƠNG BIÊN

Hiện lưu giữ ở nhà truyền thống xã Quỳnh Đôi

2. MỘ TRẠCH XÃ CỤU KHOÁN

- Loại hình : hương ước
- Tên gọi : Mộ trạch xã Cựu Khoán
- Tên làng : Làng, đồng thời là xã, Mộ trạch thuộc xứ Hải Dương, nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Dương.
- Năm : 1665
- Đã qua 16 lần bổ sung, vào các năm 1679, 1685, 1688, 1690, 1697, 1709, 1717, 1722, 1728, 1731, 1746, 1771, 1772 (hai lần) và 1797 (hai lần)
- Nơi lưu giữ : Bản gốc hiện lưu tại Thư viện Nghiên cứu Hán nôm, ký hiệu VHV 1215 - 1220 . Bản dịch của nhà dân tộc học Trần Từ .

“Chúng tôi , tất cả những người thuộc hàng quan viên văn thuộc trên dưới của xã Mộ trạch, huyện Đường An, phủ Thượng Hồng, cùng nhau xét bàn để làm sáng tỏ khoán ước. Từng nghe, quốc gia nói cái đạo trị bình, phải cất đặt hết mọi kỷ cương ; làng mạc hun cái thói thuần hậu, cần làm sáng mọi điều ước thúc. Thể thức sao cho hợp nhất, điều khoản cốt được rõ ràng. Có những điều khoản gì, xin kể rõ sau đây :

Kê : Gồm ba mươi điều khoản

Điều 1 : Hễ vị nào :

- Đỗ khoa tiến sĩ ,
- Trúng tuyển vào Đông Các,
- Thăng tước Quận công,
- Thăng chức Thượng thư,
- Đi sứ ở nước ngoài về,
- Là tri sĩ vinh quy,

thì các giáp nên chiếu theo nhân số trong giáp của mình mà thu tiền gạo như thường lệ, làm cỗ mừng gồm : 1 con lợn, 1 chỉnh rượu bằng 2 quan tiền sử, một mâm xôi lớn bằng 100 thăng nếp; rồi chuẩn bị chu tất các nghi trượng của đám rước, như hương án, dù (1 đôi), cờ, lọng (1 đôi), chiêng, trống, gậy đỏ... và độ 60 người đi theo để cầm, khiêng, vác các nghi trượng ấy ; cùng nhau đến chùa Vô Ngại, huyện Đường Hào, để rước mừng ... lễ đáp cần có : một con trâu, 10 chỉnh rượu bằng 20 quan tiền sử. Viên nào hàng năm được thăng chức, viên nào được thăng hoặc dự thăng vào hàng quan triều, thì cỗ bàn vẫn như trên, không giảm nhưng số nghi trượng đi đón rước có bớt đi một nửa và đi tới chợ huyện ở xã Hoa Đường (nay đổi là xã Lương Đường) để rước mừng như nghi lễ đã định. Lễ đáp phải có một con trâu sống, 6 chỉnh rượu bằng 10 quan tiền sử.

Điều 2 : (Tương tự như điều 1, quy định lễ mừng những người được bổ đi làm quan).

Điều 3 : Hàng năm xã ta có lệ vào tiệc lễ cầu phúc . Các khoản tiền dùng làm mâm xôi cúng và để thưởng thê trong châu hát ... sẽ xét bổ theo số người. Trong các giáp, cứ tuổi từ 18 trở lên, 60 trở xuống, đều được dự vào hương ẩm để thoả mãn tấm lòng cùng vui. Ngày vào đám và ngày ra đám, hễ là quan viên văn thuộc, hay là con cháu các quan viên, đều phải áo mũ chỉnh tề, theo y lệ mặc phẩm phục đi dự, còn những việc khiêng vác kiệu, hương án, gậy đỏ, quạt, dù, lọng ... nên chia bổ cho các hạng đám đương và coi giữ. Mọi việc đều phải nghiêm chỉnh để tỏ kính tâm và mỹ ý với quan chiêm.

Điều 4 : Phần đất các xứ đường đi trong xã ta nên chiếu theo nhân số mà phân bổ. Hàng năm, khi lễ kỳ phúc xong rồi, các ngõ đều xét nhận phần đất của ngõ mình, rồi chia cho người trong ngõ bồi đắp, sao cho vững chắc, gọn gàng, đẹp đẽ, tiện lợi cho sự đi lại. Đến thượng tuần tháng 2, các thôn trưởng và xã trưởng sẽ cùng nhau đi khám xét lại, hễ thấy ngõ nào đắp quá thấp, bị sũng nước, thấm lậu, hoặc bỏ không đắp, hoặc có đắp nhưng giả dối, qua loa, không thực; đều phải đem ra xét. Bỏ trống không đắp, phải chịu phạt một con lợn bằng hai quan tiền sử, một vò rượu bằng 5 tiền. Nếu làm dối, không thật, thì phạt một con lợn nhỏ bằng một quan tiền sử, một vò rượu nhỏ bằng 3 tiền. Ngoài ra, phần đất bỏ trống hay làm dối, phải làm lại cho thật vững chắc, gọn ghẽ, đẹp đẽ... Qua từng năm, mỗi ngõ đều có thêm, chỗ bớt, nhưng cũng phải đợi đến kỳ hạn 5

năm thì mới hội họp để tra xét, điều chỉnh và phân bổ lại, để cho số lực dịch giữa các ngõ được đồng đều không có chuyện nặng nhẹ chênh lệch nhau, và để thấy rõ sự nghiêm chỉnh của hương ước.

Điều 5 : Các giáp hiên nay trong xã cứ theo lệ trước đã định, không được thay đổi hoặc chia tách. Nếu giáp nào thấy số người quá đông, thì được phép trình bày lên xã để xem xét, bàn bạc , nếu thấy chia tách là hợp lý thì mới được chia. Còn như giáp nào, do chuyện hiểm khích cá nhân, mà tự tiện chia tách, thì phải phạt một con lợn bằng 3 quan tiền sử, một vò rượu bằng 5 tiền sử, còn số người đã tách ra lại phải trở về giáp cũ cho hợp lệ trước, nhằm bồi đắp tục hậu.

Điều 6 : (Cấm mọi người trong làng đi thưa kiện lên quan trên mà không trình bày trước với xã trưởng, ai làm ngược lại sẽ bị phạt trâu rượu).

Điều 7 : Người nào tự tập bè đảng, ngang nhiên trộm cướp, khi bị bắt quả tang, sẽ bị phạt 50 quan tiền. Ban đêm, ăn trộm đồ vật trong nhà người ta mà bị bắt quả tang, thì bị phạt 30 quan, trộm đồ vật hay cây cối ngoài sân vườn, thì bị phạt 5 quan. Người trông thấy hành vi trộm cắp mà cáo giác, thì tùy ở vụ trộm nặng hay nhẹ... mà lấy của can phạm một hay hai quan gì đó thưởng cho người cáo giác. Người nào trông thấy mà không cáo giác thì bị phạt như trên.

(Các điều 8 và 9 định phạt những ai vi phạm đến hào lũy bảo vệ các xóm trong làng, hay xâm phạm đến

cây và tre thuộc hàng rào từng nhà).

Điều 10 : Người nào vô cớ tự tiện chặt trộm cây, bẻ măng, lấy quả xanh, đánh trộm cá ao... ban đêm thì bị phạt 3 quan. Còn ban ngày thì bị phạt một quan 5 tiền, đồng thời phải bồi thường thiệt hại cho nguyên chủ. Ai trông thấy mà cáo giác, thì sẽ thu của can phạm 5 tiền mà thưởng cho. Ai trông thấy mà không cáo giác thì sẽ bị phạt cũng như thế.

Điều 11 : (Quy định phạt những ai tự tiện bẻ rào nhà người khác lấy củi).

Điều 12 : Các ngõ đều có lập điểm để tuần phòng ban đêm, thường cứ mỗi tháng lại thay đổi phiên... Nếu ai có trách nhiệm tuần đêm mà bỏ phiên, thì tùy thiếu nhiều hay thiếu ít mà trách phạt : cứ mỗi đêm bỏ thiếu bị phạt một con gà và một vò rượu; lại giả như xảy ra trộm cắp đúng vào hôm bỏ thiếu, thì phải gia tăng trách phạt.

Điều 13 : (Nêu rõ trách nhiệm của các ngõ trong việc giữ gìn và củng cố hào lũy bảo vệ các xóm ngõ).

Điều 14 : Hàng năm, cứ đến kỳ nông vụ, các xứ đồng đều phải giữ nước để tưới nhuần lúa má. Người nào tự tiện tháo nước để bắt cá sẽ bị phạt một con lợn bằng 1 quan tiền, một vò rượu và trâu cau nữa. Ai trông thấy mà cáo giác, thì thu 5 tiền của người sai trái để thưởng cho. Nếu trông thấy mà không cáo giác thì cũng bị phạt như vậy.

Điều 15 : (Qui định phạt những ai lấn ra mặt đường để mở rộng vườn nhà. Cùng với điều 16, quy định các khoản phạt nhẹ đối với những ngõ không làm tròn nhiệm vụ giữ gìn đường sá của làng).

Điều 17 : Cấm những người từ xa đến, cậy mình là con quan viên trong xã, tự tiện mang vũ khí đi lại viện cớ đi săn bắn.

Điều 18 : Hàng năm, trong tháng giêng, có lễ minh thệ. Nhân viên người xã ta đều phải về xã để điểm mục ứng thệ, bày tỏ sự đồng lòng nhất trí, ngăn ngừa bọn gian ác... Nhân viên nào có việc đi xa, không về được, cứ cho báo vắng mặt, nhưng phải có bằng chứng cụ thể xác thực. Còn nếu cố tình bỏ vắng, thì sẽ bị phạt 1 quan.

Điều 19 : Người phụ nữ nào mượn cớ đi ở trọ buôn bán để thông gian thoả lòng dâm dục, hoặc thấy sự đã lộ bèn mượn chuyện giá thú hồng che dấu tội lỗi, thì cứ theo luật tiền dâm hậu thú mà luận tội.

Điều 20 : Người trong xã đến tuổi 18 đều phải ghi tên vào tuyển bạ (sổ trai tráng), nếu không có tên trong sổ quân công hay sổ thi đậu. Người nào ngấm xin được các nha môn cấp giấy chứng nhận rằng đã giữ những chức vụ để được trở về làng dự vào hàng văn thuộc, lại được quan chức ở nha môn cấp bằng xin cho được miễn trừ tiền quỹ và các tạp dịch thì xã ta cũng tùy lượng mà châm trước và miễn trừ cho. Nếu không xin được miễn trừ, thì những người đó vẫn phải gánh vác công việc các hạng như thường lệ, để việc lực dịch được công bằng,

đồng đều. Ai không tự giác hay cưỡng lại, không chịu thì xã ta sẽ liên danh ký kết, tâu trình lên trên để xét và đuổi đi.

Điều 21 : Người nào đi theo hầu ở các dinh, các cơ hay ứng vụ ở các nha môn, hay do bản quán các nha môn sai khiến mà lập được công lao nào đó, được xếp loại ghi sổ khảo tấu được phong thưởng chức vụ nào đó thì là điều rất hay. Còn ai mà hành cấu, dùng của dút lót hay ký thác họ tên, cầu xin cho một chức, nếu xã ta biết được mà tra xét ra, thì sẽ khảo tấu mà tố cáo các vị quan đã ăn hối lộ, đã vì tiền mà nâng đỡ, xếp loại, dìm dất, đề bạt cho người khác. Còn chính người phạm sai trái thì sẽ phải chịu phạt nặng .

Điều 22 : Đàn bà con gái trong làng mà lấy chồng ở ngoài xã, thì phải tuân theo lệ nạp cheo như lệ định trước đây của xã.

Điều 23 : Theo nghiệp nho, những cha ông ngày trước từng bị can phạm, thì con cháu ngày nay không được dự vào sổ thi cử . Nếu cứ xin các nha môn cấp bằng chứng nhận gửi vào sổ huyện, thì sẽ bị phạt 1 con trâu, 1 chính rượu bằng 10 quan tiền.

Điều 24 : Ai mượn người khác đi thi thay mình may mà đỗ được tam trường, thì miễn cưỡng được làm dự vào hội tư văn, nhưng không được dự vào hàng chấp sự trong đình. Từ nay, nếu ai còn làm như thế nữa, thì cũng không được dự vào hội tư văn, mà phải hứng chịu mọi thứ quan dịch .

Điều 25 : Quan viên nào đã kính vâng chịu chức nhiệm mà can phạm, thì không được dự ngôi chiếu quan viên. Sau khi trăm tuổi cũng không được ghi tên vào hàng tự điển (danh sách những người được làng thờ). Làm thế để nêu gương răn dạy kẻ khác.

Điều 26 : (Quy định ai can phạm mà tự thú thì sẽ được giảm tội một bậc).

Điều 27 : Xã ta, mỗi khi có việc gì cần, chỉ nghe 3 hồi trống hoặc chuông là các quan viên, văn thuộc, xã trưởng, thôn trưởng, hương lão, trên dưới đều phải tới đình hội đủ mặt để họp bàn. Qua một lúc, lại đánh 3 hồi trống hoặc chuông nữa để điểm mục. Hễ ai vắng mặt là phải thu tiền phạt. Nhưng nặng nhẹ có khác nhau... hện trong một ngày ấy phải thu đủ, để thực hiện hương ước thật nghiêm chỉnh.

Điều 28 : (Quy định phạt nặng những người dùng cách quanh co mà xin được bằng chứng nhận để khỏi gánh vác việc quan).

(Các điều 29 và 30 : quy định thưởng những ai đã giúp sức bắt được kẻ gian đang bị truy lùng, đồng thời phạt người nào không chịu hưởng ứng giúp sức hoặc chứa chấp chúng).

“ Ba mươi điều khoản đã ghi trên hợp thành khoán ước. Hàng năm, cứ đến kỳ hội mình thệ vào tháng giêng phải đem khoán ước ra đọc lại cho mọi người nghe đủ, để sáng tỏ mọi việc khuyên răn, nghiêm giữ điều hương ước”.

Ngày 20 tháng giêng năm Cảnh Trị thứ ba (1665)
(Bên dưới ký tên 23 quan lại từ chức Tư vụ, Huấn đạo,
lên đến Bồi tụng và toàn là người họ Vũ, 65 nho sinh
trúng thức, sinh đồ, giám sinh ; 13 người xã chính , xã
sử, thôn trưởng).

3. HƯƠNG ĐOAN XÃ PHÙ XÁ ĐOÀI

Loại hình : hương ước

Tên gọi : hương đoan xã Phù Xá Đoài

Tên làng : xã Phù Xá Đoài, tổng Phù Xá, huyện Kim Anh,
tỉnh Phúc Yên

Năm : 1906

Nơi lưu giữ : Thư viện Hà Nội.

Tựa

Tỉnh Phúc Yên, huyện Kim Anh, tổng Phù Xá, xã Phù Xá Đoài, các chức sắc hương kỹ lý dịch cùng thượng hạ năm Giáp hội thuận lập hương đoan.

Thừa chiếu làng ta, từ việc sự thần, hương ẩm cho đến các việc hiếu hỷ, cùng các cách cư xử, phong tục, việc gì các cụ tiền nhân cũng đã nghĩ định đầy đủ cả. Duy chỉ phiền phức nhiều mà lại phí tổn lắm ; vả lại có điều chưa được hợp với trình độ hiện thời. Vì thế cần phải chỉnh đốn cải lương, điều gì nên giữ thì giữ, điều gì nên đổi thì đổi cho được thuận tiện và lại tăng định thêm các điều về việc duy trì xã hội, để cho ai ai cũng biết

rằng cùng ở một làng với nhau, đều là tộc đảng cả, dù có phân biệt nội, ngoại, thân, sơ, nhưng vẫn là cùng chung huyết mạch cả, vậy nên phải thương yêu nhau, phải giúp đỡ lẫn nhau, một làng cũng như một nhà, thời mới kể là thuần mỹ được.

Những điều nghĩ định ấy gọi là "hương đoan", có các khoản trực kê ở sau này :

HƯƠNG ĐOAN

KHOẢN THỨ NHẤT

Đền, Đình, Miếu, Chùa ; Cách giữ gìn và sửa chữa

Đền, Đình, Miếu, Chùa là gốc của các việc hương ẩm; ngôi thứ, lễ nghĩa ở đấy mà ra, phong tục hay dở cũng ở đấy mà nên, bởi vậy người trong làng ai ai cũng phải trân trọng mà giữ gìn.

Khi phải sửa chữa, thì trích lấy thóc ruộng thờ mà chi (khi ấy các lễ sẽ sái giảm để lấy tiền) ; nếu không đủ, người trong làng ai hảo tâm vui lòng cúng thì dân quyên, không được bắt bán (ai lạc cúng ba mươi đồng (30⁰⁰) trở lên, đồng dân tả đơn tặng ngôi hương viên ; mười lăm đồng (15⁰⁰) trở lên đồng dân tả đơn tặng ngôi hương xã ; khi trong làng có việc tế tự đều được dự cả ; còn như việc quan và việc sưu thuế, không được miễn trừ.

KHOẢN THỨ 2

Về ruộng Đình, Miếu, Chùa và ruộng ký-kỵ

Các cụ tiền nhân có để lại một số tiền gốc để buông lãi lấy lợi cung về các việc tế tự. Nay cũng thuận lấy số tiền ấy đem mua ruộng rồi cho phó canh lấy thóc.

Về chùa thì nguyên vẫn có một số ruộng của các vãi cung tiến, nay cũng giao số ruộng ấy về chủ-bà nhận cho cấy cấy để lấy tiền chi dùng các tiết quanh năm.

Còn như ruộng đình, miếu, và ruộng ký-kỵ, thời đồng dân phó canh thu thóc trừ tại công xưởng (ở mé tây tiền tê) cứ đến tiết nào thì bán thóc để lấy tiền sửa lễ, ngộ gặp năm nào mất mùa, thì sái giảm, chứ không có bổ bán.

Người nào nhận cấy cấy các ruộng ấy thì phải làm giấy lĩnh canh mà giao lý trưởng chấp chiếu.

Người làng ai muốn ký táng mộ ở các ruộng ấy thời phải tường người lĩnh canh ruộng ấy và trình lý trưởng mới được.

KHOẢN THỨ 3

Thế lệ ngày hội mồng 1 tháng 2 và 12 tháng 10

Mỗi năm ngày mồng một tháng 2 và ngày 12 tháng 10, là ngày đại hội trọng lễ của làng, cứ trước mười ngày

phải hội đồng, tùy theo năm mất mùa hay được mùa mà bàn định sửa lễ, lập thành nghị định cho bán thóc công xưởng lấy tiền giao tế chủ. Lý trưởng và lệnh ngũ giáp sửa lễ.

Hội chỉ có 3 ngày, kể cả ngày vào hội và ngày ra hội.

Các lễ phẩm, trừ kính biếu đi rồi, còn đồng dân thượng hạ cùng thừa huệ.

Đến ngày tiệc kỳ phúc đem hội tính xem kỹ đại tịch trước chi tiêu bao nhiêu lập thành sổ để lưu lại.

KHOẢN THỨ 4

Thế lệ ngày tế Văn chỉ

Ngày tế Văn chỉ, tục xưa đã định thành ngạch cử nhất định là ngày 14 tháng 2 và ngày 14 tháng 8. Viên sổ hội tư văn trình mấy ông hội trưởng trích thóc công, giao đương cai sửa lễ rồi thông báo cả hội mũ áo kính tế. Tế xong trừ kính biếu đi rồi, còn cả hội cũng thừa huệ.

KHOẢN THỨ 5

Thế lệ lễ ở Vũ miếu

Lễ ở Vũ miếu, thì cứ tháng giêng trong hai ngày mồng 7 và mồng 9, tế chủ thông báo Giáp Đương cai sửa lễ. Lễ xong hưởng các ngũ giáp cùng thừa huệ.

KHOẢN THỨ 6

Thế lễ các ngày lễ Sóc, vọng

Về các lễ Sóc, Vọng, thì ngày hôm trước các người chúc thủ phải sái tảo, và trần thiết các đồ thờ cho tinh sạch, còn lễ phẩm chỉ dùng trâu nước. Tế chủ trích ở tiền đồn hương của ngũ giáp mà chi.

KHOẢN THỨ 7

Thế lễ lễ Tiến tân (cơm mới)

Gạo mới thì do hội chủ ở giáp chính đương cai cây cấy ruộng tiến tân phải nộp. Ngày lễ cứ định vào ngày mồng một tháng tám.

Trích tiền hoa lợi của bốn phiên mà sắm sửa trái lễ và sinh lễ để tiến khắp các sở.

Lễ xong, cai phiên trình lý, phó trưởng kiểm soát, miếu ngạch kính biểu, còn chia đều bốn phiên.

KHOẢN THỨ 8

Thế lễ các lễ Trừ tịch, Nguyên đán, Đoan ngo và Trung thu ở Đình

Các tiết ở Đình (Trừ tịch, Nguyên đán, Đoan ngo và Trung thu), thì trích lấy thóc công mà sửa lễ.

KHOẢN THỨ 9

Lệ chi tiền cả sướng ở Đình

Ở Đình, những khi có tiệc mà có hát sướng, tiền chi chỉ hạn cho sáu đồng (6\$00) là cùng để bớt phù phí.

KHOẢN THỨ 10

Tiền hương dầu thờ quanh năm

Tục cổ bổ về đình ngũ giáp mà lưu trữ tại toà Lệnh, rồi tế chủ dùng đến đâu lĩnh dần, Lệnh ngũ giáp phải thu nộp để chi. Nếu còn thừa thì lưu trữ lại, mà thiếu thì lại bổ thêm.

KHOẢN THỨ 11

Về gạo thờ quanh năm

Ngũ giáp đều có ruộng gạo thờ, để chi dùng về ngày đại tịch. Còn về các tiết quanh năm thì phải bổ đóng. Trên từ Chúc sắc, hương viên, hương xã, mỗi người phải đóng sáu (6) đấu, dưới đến cai thôn, hương lão mỗi người phải đóng bốn (4) đấu. Tế chủ chiếu theo thứ tự mà gọi nộp để dùng. Ai lên bảy mươi tuổi (70) thì miễn trừ.

KHOẢN THỨ 12

Việc thờ các Cụ hậu ở Chùa

Ban thờ các Cụ Ký kỵ lập tại sau chùa Phúc Lâm. Chính ngày kỵ chỉ dùng vàng giấy, xôi gà, trầu rượu. Lý trưởng cho đánh mõ để thông báo. Hương trưởng cùng lão lĩnh ngũ giáp làm lễ rồi thừa huệ.

Năm nào cũng cứ về tháng 10, sau ngày đại hội ở Đình, dân trích lấy thóc công bán đi lấy tiền, giao lý, phó trưởng và Lĩnh ngũ giáp mua trâu bò sửa lễ, thông báo hương sắc làm lễ nghi tiết. Lễ xong, trừ kính biếu rồi, còn chiếu điểm đình ngũ giáp mà chia đều.

KHOẢN THỨ 13

Việc thờ ở Thọ từ

Tiền nhân có lưu để lại một số ruộng giao cho toà Lão phó canh lấy thóc. Năm nào cũng cứ ngày rằm tháng giêng làm lễ kỷ niệm.

Ngày ấy các sắc mục và tộc biếu, lĩnh bài chúc thọ, rượu hạ thọ và tiền mười đồng bạc (10\$00) để đến toà Lão mừng thọ các cụ.

KHOẢN THỨ 14

Việc thờ Miếu ở công nghĩa

Năm Giáp thân và Ất dậu (19,19) có giặc Thanh

Hán (giặc Tàu) đến đánh phá làng ta cho nên dân lập Miếu, Bia để ghi công các bậc có công chống giặc giữ làng.

Năm nào cũng có tế ở Miếu hai kỳ xuân, thu. Tiền sửa lễ thì trích lấy ở thóc công. Lý trưởng và tế chủ tế xong, thượng hạ cùng thừa huệ.

KHOẢN THỨ 15

Việc thờ Phật ở Chùa

Ruộng chùa giao cho chủ bà phó canh lấy thóc, sửa lễ các tiết quanh năm ở Chùa.

Duy ngày mồng 4 tháng giêng thì bốn giáp sửa một kỳ lễ trai đàn (mỗi giáp phỏng độ sáu đồng (6\$00), thông báo cả dân làm lễ. Lễ xong, trừ biểu đãi rồi, còn lại giao giả về các giáp thừa huệ.

KHOẢN THỨ 16

Thời hạn ngày tết Nguyên đán

Tết Nguyên đán ở Đình chỉ có một ngày, mà tư gia thờ cúng những ba bốn ngày, đi lại lễ bái, tưởng không được hợp ; nay thuận nghĩ lập một nhà từ đường ở mé đông đình để hợp thờ các gia tiên trong làng (hưởng tử các tiết đều theo ở đình) để cho mọi người ra lễ đình đều được hội lễ các gia tiên để biểu tình tôn thân.

Vậy từ nay các tư gia, tết Nguyên đán chỉ cho được thờ ngày trừ tịch và ngày Nguyên đán mà thôi. Ai không tuân phải phạt hai đồng bạc (2\$00).

KHOẢN THỨ 17

Ngày kỵ nhật (ngày giỗ) của tư gia

Ngày kỵ nhật là ngày tang suốt đời, thời không nên mời khách khứa ăn uống mà cũng không nên chia bố cho các con giai con gái.

Bằng nhân ngày kỵ mà yến tiệc khách khứa thì phải phạt.

KHOẢN THỨ 18

Việc giữ gìn các phần mộ

Phần mộ các tiền nhân, ta nên giữ gìn lẫn cho nhau. Đến tiết chạp thì họp con cháu mà thăm viếng ; lễ phẩm chỉ dùng trầu rượu, không được chia bố ăn uống, chỉ cốt đến mộ mà sửa đắp lại (đại quan thì được đắp dài 5 thước, ngang 2 thước rưỡi ; tiểu quan đắp tròn 6 thước (thước nam).

Ai thấy người chủ ruộng nào cây khoét vào mộ, thì trình Lý dịch, thủ phiên khám xét, quả thực thì bắt người chủ ruộng phải đắp đền lại như cũ và sửa một coi trầu (10 quả cau) lễ tạ mộ ấy.

Người nào muốn di mộ tang.sang xứ khác cũng nên trình Lý trưởng, thủ phiên chứng kiến, để khỏi sai lầm.

KHOẢN THỨ 19

Việc lễ kỳ-phúc và việc sắm và dùng, đồ tống - chung

Nhân đình làng ta chia thành 5 giáp :

- 1) Đông Nam giáp.
- 2) Đông Bắc giáp.
- 3) Tây Nam giáp.
- 4) Tây Bắc giáp.
- 5) Hậu giáp.

Quanh năm có 5 lần lễ kỳ phúc, đều lấy tiền công của các giáp mà sửa. Còn như việc tang, ở giáp nào thì nhận đình giáp ấy hộ táng.

Tục xưa, các đồ tống chung đều lạc thảo sơ sài. Nay cải lương, cả 5 giáp cùng sắm chung tang nghi, chia làm 3 hạng, ai theo hạng nào thì được lấy đồ hạng ấy mà dùng.

KHOẢN THỨ 20

Các hạng lệ về việc hiếu

Về việc hiếu, tục xưa dùng cỗ bàn bánh trái, tốn phí rất nhiều. Nay nghĩ cải thế bằng tiền :

- 1) Thượng hạng : tiềnmười đồng (10\$00)
trầu caunăm trăm khẩu (500)
- 2) Trung hạng : tiềnnăm đồng (5\$00)
trầu cauba trăm khẩu (300)
- 3) Hạ hạng : tiềnba hào (0\$30)
trầu caumột trăm khẩu (100)

Người nào nhà nghèo không nộp ngay được, thì số tiền lệ ấy có thể xin khất lại từ ngày sơ tang cho chí ngày mãn tang, ngày nào nộp cũng được.

Người nào muốn mời hội tư văn trợ tế (thành phục, thành phần, hậu thể, tế ngu) thời sửa một coi trầu tường mấy thủ bạ cho phiếu đi mời. Tế xong tang chủ tạ lễ :

Tiền :ba đồng (3\$00)

Cau trầubà trăm khẩu (300)

Tang chủ nào phong phú mà muốn mời bản giáp cùng quan viên hành lễ ăn uống, tất phải sau khi tống táng đã xong xuôi rồi thì hàng giáp và quan viên hành lễ mới nhận.

KHOẢN THỨ 21

Sửa chữa các đồ tống chung

Những đồ tống chung để ở công điểm, các tang chủ đều được lấy dùng.

Nếu có phải sửa chữa và sắm thêm thì lấy tiền của ngũ giáp và tập quyền các nhà vật lực ở trong làng. Cốt cho được đủ đồ và được thu tráng lệ.

KHOẢN THỨ 22

Về việc dùng nhạc giáp

Ban nhạc có 9 người (4 giáp mỗi giáp 2 người và giáp hầu 1 người). Tang chủ nào muốn dùng thì sửa coi trâu nói mấy người nhạc ở giáp mình. Người ấy nhận coi trâu đem thông báo với các người nhạc ở giáp khác đem đồ nhạc đến nhà tang chủ mà hộ tang.

Xong việc, tang chủ tạ lễ.

Tiền : một đồng (1⁰⁰)

Cau : mười quả (10)

KHOẢN THỨ 23

Việc dùng các người bả lệnh (kèn trống) và bát âm

Tang chủ muốn dùng các người bả lệnh và bát âm, thì chi cho mỗi người mỗi ngày hai hào (0²⁰) không được chi hơn, mà những các người ấy không được yêu sách ăn uống gì cả.

KHOẢN THỨ 24

Về thời hạn tống táng

Bất cần nhà giàu hay nhà nghèo, đám tang nào cũng phải tống táng ngay trong hạn ba ngày. Nếu trái lệnh để lâu hơn nữa sẽ phải phạt.

KHOẢN THỨ 25

Cách cử chỉ khi hộ tang

Việc tống táng là việc trọng, bất cần là giàu nghèo, những người hộ tang phải cho nghiêm chỉnh, tỏ vẻ ai thích, không được nói chuyện huyên náo, đùa bỡn. Nếu trái phép sẽ phải phạt.

KHOẢN THỨ 26

Việc điều phúng

Việc điều phúng là một việc vãng lai thường tình. Nếu là người làng khác đến phúng viếng, tang chủ muốn sửa cơm rau khoản tiếp cũng cho, còn như người ~~trong làng đến thăm viếng thì chỉ khoản tiếp bằng trầu~~ nước mà thôi, không được đãi cơm, rượu.

KHOẢN THỨ 27

Việc hôn giá

Con giai lấy vợ, con gái gả chồng, đều phải cập thì mới được, (giai gái đều phải từ 16 tuổi trở lên). Hai nhà cùng thuận mới được nộp cheo. Nếu chưa cập thì, thời không được nhận cheo mà cũng không được vào sổ giá thú của làng.

KHOẢN THỨ 28

Cách giữ sổ giá thú, sinh tử

Các sổ ấy Lý trưởng lĩnh về giao cho viên thủ bạ chuyển giữ. Đến ngày hội đồng (quanh năm cứ ngày rằm) các trưởng hạng đem sổ hạng mình ra trình xét. Hạng nào có sinh, tử, giá thú thì trưởng hạng đã biên rõ tính danh và niên canh vào sổ của hạng rồi. Viên thủ bạ cứ theo sổ các hạng mà biên sang sổ quan. Nếu ai ỷ lậ không khai trình thời phải phạt.

KHOẢN THỨ 29

Việc đóng góp ở Giáp và ở Làng

Tại Giáp, về việc thờ phải đóng góp (gà lư, gạo lư) từ lúc sơ sinh cho đến 53 tuổi, lên lão mới được miễn trừ.

Tại làng về cự dịch thì phải đóng góp từ 18 tuổi trở đi. Đến 53 tuổi các tạp dịch được trừ một nửa, còn cống sưu thì vẫn đóng cả. Đến 60 tuổi thì mới được miễn trừ hết mọi việc.

KHOẢN THỨ 30

Việc đóng góp của những người làng khác và những người có quê vợ hay quê mẹ ở làng đến nhập tịch làng.

Những người làng khác mà nhập tịch làng phải đóng góp với làng được ba mươi ba (33) năm thời coi mới được kể cũng như người làng.

Những người có quê vợ hay là quê mẹ ở làng mà xin nhập tịch làng cùng những người bản xã lý cư mới về, việc đóng góp với làng niên hạn cũng theo như người làng khác mới xin nhập tịch làng.

Duy người nào nhờ phận thành đạt được (như thi đỗ hay được phẩm hàm) nếu là người ngoài thì danh vị chỉ được ở đầu hạng các người tha hương nhập tịch làng ; còn như những người có quê vợ hay quê mẹ ở làng mà nhập tịch làng, thời danh vị kể cũng như người làng.

Như thế cốt để phân biệt nội, ngoại.

KHOẢN THỨ 31

Giải tặng các cụ thọ từ bảy mươi (70) tuổi trở lên

Người nào từ lúc sơ sinh cho đến lúc lên lão, các công

việc ở giáp, ở làng không hề bỏ thiếu việc gì, đến năm bảy mươi (70) tuổi, làng tặng một cái áo đơn (áo bằng vải cắt ba, ruộm nâu) thêu bốn chữ : "thất thập xuân y", giá tiền hai đồng (2⁰⁰) gỡ xuống. Đến năm bảy mươi sáu (76) tuổi, làng lại tặng một cái áo đơn nữa (áo bằng the đỏ) có thêu bốn chữ "Vọng bát xuân y" giá tiền năm đồng (5⁰⁰) gỡ xuống.

Đến năm tám mươi tuổi (80) lại tặng một cái áo (áo bằng lương hoa mùi huyền thêu bốn chữ "Bát thập xuân y"; một cái mũ (lượt ngoài bằng cấp hoa mùi huyền, trong lót bằng vải tây đỏ) và một cái quần (bằng lụa đỏ), giá tiền tất cả bộ mười đồng (10⁰⁰) gỡ xuống.

Đến năm tám mươi sáu tuổi (86), làng tặng một bộ mũ và áo quần kiểu và giá tiền cũng như bộ tặng lúc tám mươi. Duy mỗi tháng làng cấp thêm một đồng bạc (1⁰⁰) lương.

Đến năm chín mươi tuổi (90), làng tặng một cái mũ (bằng đoạn huyền), một cái áo (bằng sa huyền), và một cái quần (bằng chồi đỏ) tất cả giá tiền mười lăm đồng (15⁰⁰) gỡ xuống. Mỗi tháng cấp một đồng bạc (1⁰⁰) và một nôi gạo (15 đấu).

Đến năm chín mươi sáu tuổi (96) trở đi, thì các thứ : mũ, quần, áo và tiền, gạo đều tăng gấp đôi.

Hàng năm về kỳ hội đồng tháng chạp, lý trưởng phải kê trình hội đồng có những cụ nào được giải để làng trừ lấy tiền công sắm đồ mừng rồi lý phó trưởng

cùng kỹ dịch độ 3 hay 5 người thân đệ đến nhà các cụ kính tặng.

KHOẢN THỨ 32

Việc thăm viếng các cụ đã được giải thọ

Những cụ được làng tặng giải thọ, thời lý, kỳ mục năng phải thăm viếng, thấy cụ nào đau yếu thì phải trình dân cấp tiền phục thuốc.

Cụ nào thọ chung, thì lý, kỳ dịch đệ phúng một đồng bạc (1\$00) để trọng niên sĩ.

KHOẢN THỨ 33

Vị thứ của các cụ

Nếu các việc đóng góp không bao giờ khiếm khuyết lâu, khi thọ được đến lão bàn, thời không kể quy tiên, thứ vị cứ chiếu tuổi mà ngồi. Phàm các tiết sự thân đều được ẩm thực theo như hương sắc.

KHOẢN THỨ 34

Việc đón rước các ông đồ Tiến sĩ, Phó bảng cùng sắc phong tặng phụ mẫu của các đường quan ; các ông đồ cử nhân, tú tài và các tạp giai phẩm hàm được sắc văn.

Người trong làng ai đi thi được đỗ Tiến sĩ, Phó bảng

hay là làm đường quan được sắc “phong tặng” phụ mẫu, khi được thơ báo, thì lý trưởng trước hết phải đến hỏi xem ngày nào vinh hồi, thời bắt đình tráng lấy hết cờ, trống ở Đình đem đi đón cho trọng sự thể.

Ông nào thi đỗ cử nhân, tú tài, cùng các ông tạp giai phẩm hàm mà được Sắc văn, nếu muốn đón rước, thời nên tường với lý trưởng bắt dân phu lấy ở đình mười (10) lá cờ, một trống cái và một trống con đi đón, không được nhiều quá.

Còn như yến ẩm đãi dân thì tùy lòng quý gia, chứ không trước định.

KHOẢN THỨ 35

Lệ mừng khao vọng

1) Mừng các ông Tú tài và tạp giai phẩm hàm, lệ định một đồng bạc (1⁵00) Tế chủ cùng lý, phó trưởng đi mừng

2) Mừng các ông cử nhân và võ giai thực chức, lệ định hai đồng bạc (2⁵00) tế chủ ; lý, phó trưởng cùng kỳ dịch đi mừng ;

3) Các ông Tiến sĩ, Phó bảng, cùng đường quan được sắc phong tặng phụ mẫu mà yến hạ, lệ định mười đồng bạc (10⁵00) ; Tiên, thứ chỉ xuất các toà hương ẩm đi mừng.

KHOẢN THỨ 36

**Lệ mừng các ông tân học đã được bổ dụng
nhưng chưa có phẩm hàm**

Những người theo tân học đã được bổ dụng, tuy chưa có phẩm hàm, nhưng cũng là vinh quý, nếu có yến hạ mà mời đồng dân, thì việc mừng theo lệ mừng tú tài và tập giai phẩm hàm.

KHOẢN THỨ 37

Về hương ẩm toạ thứ (chỗ ngồi)

Trong hương ẩm chỗ ngồi chia làm hai hạng

Một hạng riêng về các ông khoa, hoạn quan, viên tú, cự xã và hương viên.

Còn một hạng nữa riêng về các ông quan viên phụ, các ông hương lão, cùng các cự binh và hương xã.

Hai hạng đều được nghị bàn việc làng.

KHOẢN THỨ 38

Việc bầu Đám, Hội

Việc bầu Đám, Hội để trông nom việc thờ, thời mỗi

năm cứ ngày mồng hai tháng giêng, hội họp tại đình, chiếu danh vị ở sổ tư văn, kế giao Lý trưởng vào làm lễ bói giao (bói bằng hai đồng tiền tung lên để cho rơi xuống cái mâm bông, bói đến tên người nào mà được một đồng tiền sấp và một đồng tiền ngửa thì người ấy được trúng bầu ; nếu hai đồng tiền cùng ngửa cả hay cùng sấp cả thì không được).

Người nào khát trúng tế chủ, thì lấy mũ áo ở công hàm, mặc vào lễ tạ và nhận việc ; nhận giữ tất cả các đồ thờ ở đình và các việc tế tự quanh năm.

Xong rồi lại khát viên tế chủ thứ hai, chức chuông cũng như viên chánh tế chủ.

Còn chúc hội chủ để giữ việc đèn hương thì cứ bốn giáp luân lưu cắt cử, không phải bói giao, mà mỗi năm chỉ cắt hai người thôi.

KHOẢN THỨ 39

Việc bầu cử tiên, thứ chỉ và Điển lễ văn, Điển tiên túc

Trong bầu tiên, thứ chỉ để trông coi việc làng và các viên Điển văn, Điển tiên túc thì phải chọn trong những người có học thức, thông đạt am luyện tục lệ làng mà bầu. Những người có thể được ứng bầu là những các ông Khoa, Hoạn quan, Viên phụ, quan viên tử cùng các cụ xã đã hiểu công việc làng, nhưng cũng phải đồng dân hợp thuận mới được.

KHOẢN THỨ 40

Việc bầu cử kỳ dịch và tộc biểu

Kỳ dịch bầu cử ra để ứng hành việc quan và xử đoán việc làng có hai hạng. Hạng nhất là tự hương viên trở lên, hạng nhì là tự hương xã giở xuống.

Mỗi họ lại suy nhượng một người ; các người ấy tuy danh vị ở chốn hương ẩm có hơn kém, nhưng đều là người đại biểu của một họ, việc gì cũng phải xuất diện thương nghị, ngộ gặp sự khó khăn cũng không được thoái từ.

Nếu có việc quan và phải lên Huyện hay lên Tỉnh thì mỗi viên mỗi ngày được cấp hai hào (0³20) mà lý trưởng phải sung chi, đến vụ làng bổ hoàn lại.

Còn như kỳ dịch hai hạng, trong năm đương làm việc, thì việc ẩm thực đều như nhau, không phân biệt.

KHOẢN THỨ 41

Việc bầu lý, phó trưởng ; chức vụ và quyền lợi các người ấy

Bầu lý, phó trưởng thì phải chọn những người cần cán lại biết chữ ở trong hạng đình nội tịch của làng.

Sáu (6) năm là một khoá.

Người nào tình nguyện ứng bầu lý, phó trưởng phải làm đơn tình nguyện nói với dân để trình quan bản hạt.

Nếu được nhiều phiếu thuận bầu cho, khi lĩnh bằng tống kém phải chịu lấy, làng không cấp cho ruộng tiền gì cả.

Trong sáu năm làm việc quan, việc dân đều được xong xuôi và có ứng tạm các khoản tiền gì, đến vụ thuế kê trình, làng sẽ bổ mà hoàn lại.

Mãn khoá không can cứu gì thì được ngôi xã cựu.

KHOẢN THỨ 42

Việc bầu khán thủ, chức vụ và quyền lợi

Khán thủ để hiệp cùng lý, phó trưởng đốc sức thủ phiên, tùy phiên tuần phòng trong địa phận hàng xã và để hộ hành các tạp dịch thời phải chọn bầu những người cần cán mà lại có dũng cảm nữa.

Cũng kể sáu năm là một khoá.

Mãn khoá thì được ngôi cựu xã khán thủ mà vị thứ ở chốn hương ẩm thời phải ở dưới những cựu xã lý, phó trưởng.

KHOẢN THỨ 43

Việc bầu thủ phiên, tùy phiên và chức vụ của những người ấy

Làng ta chia địa phận thành bốn phiên. Mỗi phiên bầu một người làm thủ phiên và một người làm tùy

phiên; cứ chọn những người vật lực và đa đình mà bầu.

Đầu năm làng tả đơn bầu, trong làng ngoài đồng cứ án địa phận mà tuần phòng để được an dân.

Hết năm làng lại bầu người khác ra thay, để quân phân lao dật.

KHOẢN THỨ 44

Việc bầu trưởng hạng và chức vụ của trưởng hạng

Làng ta dân chia ra các hạng (ngõ). Mỗi hạng phải bầu một người trưởng hạng (trong hạng bầu lấy chữ Làng không can thiệp) để khán đốc các việc trong hạng. Tối đến phải kiểm soát các cổng hạng để phòng gian phi.

Trong năm đang làm trưởng hạng, phạm các công việc làng đều được dự nghị và phu dịch trong làng đều được miễn trừ, để bù công khó nhọc.

KHOẢN THỨ 45

Cách bầu cử tộc biểu, Chức vụ và quyền lợi

Vô luân là họ to họ nhỏ, kể đình từ tráng hạng trở lên, cứ hai mươi (20) người phải bầu một người làm tộc biểu. Lý trưởng thân đến các họ mà chọn bầu và bầu được người nào thì Lý trưởng phải biên đủ tên 20

người đã bầu người tộc biểu ấy để đến ngày hội đồng tả đơn bầu. Đơn tả làm hai bản, trong có đủ chữ ký của 20 người đã bầu người tộc biểu biên ở trong đơn và có cả chữ người tộc biểu ấy ký nhận là đại biểu cho họ mình.

Trong đơn có Lý trưởng áp triện thị thực. Một bản lưu tại công hàm, còn một bản giao người tộc biểu chấp chiếu.

Phàm các việc trong làng, việc gì tộc biểu cũng đều được hội nghị, còn việc ẩm thực thì cũng như các hương sắc.

KHOẢN THỨ 46

Việc trừ tạp dịch cho những người làm việc dân

Đã vì dân trông nom công việc thì vô luận là chức nhơn chức nhỏ, đều là có công lao cả. Vậy những tạp dịch trong làng cũng nên chuộc trừ, để cho người ta phần miễn.

KHOẢN THỨ 47

Lệ biểu

Khoa từ phó bảng trở lên, hoạn từ tứ phẩm ấn quan

trở lên sinh lễ thì biếu thủ, trai lễ, cau oản rượu tùy nghi, nhưng chuối thì biếu cả nải. Như đồng thời khoa hoạn cùng có, thời chia đôi mà biếu. Nếu khi khoa hoạn đều có bốn năm viên, thời một nửa biếu ông chương khoa, một nửa biếu ông ưu phẩm.

Tồn giữ sinh lễ chỉ biếu cảnh hay tức, trái lê cau, oản, rượu, tùy nghi, mà chuối thì chỉ biếu năm quả.

Như thế để phân biệt giải ngạch.

KHOẢN THỨ 48

Việc thu nộp sưu, thuế

Đệ niên về sưu, thuế, hễ lý trưởng tiếp được giấy súc, thời thông báo ngay kỳ dịch cùng các người nội ngoại tịch điền hộ, hội họp chiếu bài chỉ xem đình phải chịu bao nhiêu, mẫu phải chịu bao nhiêu, lập thành bài bố 3 bản có chữ đồng dân ký kết ; một bản trình huyện, một bản lưu tại đình, còn một bản giao lý trưởng phân phái cho các trưởng hạng thu nhận.

Đến ngày hội thu, lý trưởng thông báo kỳ dịch các họ hội đồng nhận thu và muốn phái người nào đi nộp thì tất phải lấy giấy chữ người ấy biên nhận để dân giữ làm bằng ...

Nộp xong xuôi đem phái về trình dân mới được lấy giấy chữ biên nhận ra.

KHOẢN THỨ 49

Việc thi hành các giấy sức và các sổ sinh, tử, giá, thú

Bài chỉ sưu thuế, các sổ sinh, tử, giá, thú, và các trát sức của huyện của tỉnh thời chuyển giao lý trưởng cùng các viên kỳ dịch chiếu khoản thi hành. Bằng sai thác bất cẩn để bị tránh phạt, thời lý, kỳ dịch phải chịu.

KHOẢN THỨ 50

Việc bắt lính

Khi tiếp giấy sức bắt lính, lý trưởng phải kê rõ những người nào có được từ hai đình trở lên thì chọn lấy một đình từ 20 đến 30 tuổi, biên rõ họ tên rồi hội họp kỳ dịch gọi các đình ấy ra đình gấp phiếu (số đình kê có bao nhiêu người thì cắt từng ấy phiếu giấy trắng ; nếu quan sức bắt một lính thì viết chữ binh vào một trong những phiếu ấy, còn thì để trắng). Đình nào gấp trúng cái phiếu có chữ binh thì phải ra lính. Đình nào gấp không trúng, lần sau có bắt lính lại phải gấp thăm lại, hai ba lần cùng không trúng mà bằng lòng xuất lương tiền để nuôi người ra lính, hết sáu năm thời dân cũng kể như đã mãn khoá lính.

Còn như người được trúng nhận là lính, niên hạn phải theo lệ Nhà nước. Khi mãn khoá về được thanh thoả thời làng tặng cho một ngôi hương xã. Bằng khi tại ngũ có sự bất cẩn, hoặc bỏ trốn để phải trách phạt, thời

phí tổn cứu vợ, con, thân thuộc người lính can cứu ấy phải chịu.

Lương điền thì làng lấy ba (3) mẫu ruộng ký kị cấp cho cấy cấy lấy, chỉ phải đóng thuế, nấu giỗ thôi, không phải nộp thóc.

KHOẢN THỨ 51

Việc đắp rào đường lũy quanh làng và việc canh cổng

Đường lũy quanh làng có khuyết liệt hay trống trải, Thủ phiên phải bảo chủ nhà sửa đắp và rào dậu lại như cũ.

Các cổng làng, cổng trước, cổng sau, đều chia lượt cho người trong làng canh giữ từ sáng đến tối. Nếu thấy quan, lính hay người đang đi vào đường cái làng, vào cổng nào thời người canh cổng ấy phải đánh năm ba hồi mõ con báo hiệu; lý, dịch, thủ phiên phải ra cổng ứng tiếp để phòng biệt ngại. Đến tối thủ phiên ra nhận khoá cổng làng thì người canh mới được về; bằng trễ biếng bất cẩn để có sự không lành xảy ra thời phải phạt.

Như xung quanh không được yên ổn thời thủ phiên phải bắt quân tuần ngày đêm phụ canh để cho việc phòng thủ được nghiêm ngặt.

Những người tuần phụ canh, làng cấp cho mỗi tháng ba mươi (30) đấu thóc (thóc ấy quyên ở các nhà điền hộ vật lực ở trong làng) để đền công phòng thủ.

KHOẢN THỨ 52

Việc ứng cứu khi có báo động

Ban ngày hay ban đêm mà nghe thấy người trong làng hô hoán hay là thấy lân bang có hiệu trống mõ, thời lý dịch, thủ phiên phải xuất tuần phu ra địa đầu ứng tiết, nếu là cướp bóc thời phải nổi hiệu trống mõ của làng, dân đình đều phải ra cứu trợ.

KHOẢN THỨ 53

Việc đánh cướp và thưởng những người có công

Trong làng người nào cũng phải trữ một bó đuốc khô. Ban đêm hễ nghe có hiệu trống mõ thời phải đem đuốc cùng sào giáo ra đứng ở đầu hạng mình, chờ lý dịch và thủ phiên điểm soát, nếu thiếu thời phạt.

Ngộ có cướp phát ở trong làng mà người nào cố sức đánh giữ, đương tiền bắt được một tên cướp, làng thưởng năm đồng (5⁰⁰); bắt được mấy tên thì tính số mà tăng tiền thưởng. Ai không may bị thương làng sẽ tùy theo nặng nhẹ cấp tiền phục thuốc và cấp lương ăn từ lúc đầu cho đến khi khỏi mà lý dịch phải thường thường thăm viếng. Như thương nặng mà chết thời trích tiền công mười lăm đồng (15⁰⁰), đồng dân tống táng, và khắc tên vào bia miếu công nghĩa, xuân thu tế lễ; lại còn nhiều miễn cho hoặc một người con giai, hay một người cháu đích tôn, hay một người em, hay một người

cháu gọi bằng chú, bác suốt đời không phải đóng góp tiền và tạp dịch trong làng, để tỏ lòng ưu tuất người đã vì dân mà bỏ mạng.

KHOẢN THỨ 54

Việc trình báo chức dịch khi đi vắng cách đêm hay khi đem vợ con đi ở chỗ khác để sinh nhai.

Người làng khi đi ra ngoài, đêm không về thì phải trình trưởng hạng hạng mình và tộc biểu họ mình. Ai có đem vợ con đi ở chỗ nào để sinh nhai thì cũng phải trình lý trưởng cùng trưởng hạng và tộc biểu để phòng khi có sự gì làng kiểm soát, có người làm chứng cho thì mới khỏi bị phạt.

KHOẢN THỨ 55

Việc kiểm sát và bảo hộ những người ngoài đến ở nhờ trong làng

Khi có một người ngoài muốn ở nhờ nhà ai ở trong làng để sinh nghiệp, thời người chủ nhà phải xét căn cước và giấy tùy thân của người ấy xác thực là người lương thiện, thời đưa người ta diễn trình Tiên, thứ chỉ, lý trưởng và thủ phiên phiên mình xét lại. Nếu xét người ấy quả thực là người có nghề nghiệp thì bảo hộ cho để ở mà sinh nhai, coi như người trong làng.

Nếu sau này người ấy có làm điều gì bậy bạ mà không tố giác thời làng cứ chủ nhà mà phạt nặng.

KHOẢN THỨ 56

Phải trình chức dịch khi có khách lạ ngủ đỗ.

Những hành khách qua lại nếu có ngủ đỗ ở nhà ai ở trong làng, thì chủ nhà phải trình thủ phiên phiên mình biết để tiện việc tuần phòng.

KHOẢN THỨ 57

Việc xem xét những thợ gặt trong mùa gặt lúa

Về mùa thu hoạch, trong làng cần phải muốn nhiều người ngoài để gặt lúa; các trưởng hạng phải xem xét kỹ những giấy má của thợ gặt trong hạng mình; có bao nhiêu thợ đàn ông, bao nhiêu thợ đàn bà, gặt muốn nhà ai, biên vào mảnh giấy đem trình lý trưởng ; và thủ phiên để phòng gian phi.

KHOẢN THỨ 58

**Việc khám xét các thuyền buôn ở sông
thuộc về địa phận làng.**

Những thuyền buôn bán đi lại ở sông, đêm có ngủ đỗ

ở địa phận làng, thời lý trưởng cùng thủ phiên phải thân hành đến khám xét giấy thuyền, hỏi rõ xem trong thuyền có bao nhiêu thủy thủ, có giấy tùy thân hay không, biên rõ tên họ chủ thuyền cùng số tiền vào một tờ giấy để phòng các sự trở ngại.

KHOẢN THỨ 59

Việc phòng hoả hoạn

Làng đã trích tiền công sắm các đồ chữa cháy giao cho các hạng cùng các điểm tuần giữ. Ngộ khi nhà nào không cẩn có phát hoả, thời nổi hiệu trống mõ, người trong làng phải đem đủ các đồ cứu hoả đến chỗ cháy mà cứu chữa, bằng trái lệnh chỉ đi tay không thời phải phạt nặng.

Nếu cháy lan sang các nhà cạnh, thời chiều điểm số nhà cháy mà bắt nhà bất cẩn để lửa bắt đầu bốc cháy mà phạt tiền.

KHOẢN THỨ 60

Việc giữ gìn các đường cái

Đường cái quanh làng giao các hạng trong coi ; còn đường cái trong các hạng thời của hạng nào, hạng ấy phải trông coi lấy.

Mỗi ngày, buổi sáng sớm phải quét một lần cho sạch sẽ.

KHOẢN THỨ 61

Về việc giữ gìn đình chùa, lũy quanh làng, ngòi rãnh gò, bãi cùng cầu quán đường xá.

Đình, chùa, lũy quanh làng, ngòi rãnh, gò bãi cùng cầu quán đường xá đều phải sửa chữa ; lý dịch phải thường thường kiểm soát. Thuộc về phiên nào hay hạng nào thì sức cho phiên ấy hay hạng ấy phải sửa chữa.

Nếu thuộc về công, thời trình tiên, thứ chỉ bắt dân phu sửa chữa.

KHOẢN THỨ 62

Việc gìn giữ các đường vào Đình vào Miếu và các đường cái vào các cổng làng.

Các đường vào Đình vào Miếu và các đường vào cổng làng đều giao bốn phiên sửa đắp cho được rộng rãi phẳng phỏn cho ngựa, xe dễ đi.

Lý dịch phải kiểm cố, nếu thấy gồ ghề khuyết liệt ở địa phận phiên nào, thời phải báo ngay cho phiên ấy sửa chữa, nếu bỏ khoáng khiếm thời phải phạt.

KHOẢN THỨ 63

Việc phu dịch

Dân đình mỗi người phải chịu 10 ngày phu dịch,

trong làng và 5 ngày ở chỗ việc quan. Nếu phải chịu quá số đã định ấy thì làng trích tiền công mà giả cho lương ăn.

Mỗi năm lý trưởng phải làm một cái sổ bắt phu, phải biên rõ những người nào ngày nào đi phu để khỏi thiên trọng, suy tị.

Làm phu ở làng, lương ăn cấp cho mỗi ngày một hào (1⁵00) ; ở khỏi làng mỗi ngày hai hào (2⁵00) là cùng ; không được quá đa.

KHOẢN THỨ 64

Việc nhiều trừ phu dịch

Trong làng kẻ trên người dưới đã có định phận, thì việc phu dịch cũng nên phân biệt.

Những người đã đến tuổi lão và những người nhờ phân được quý hiển đã có phiếu trừ, thì hẳn phải nhiều miễn ; còn những cựu xã, hương viên, cùng các đại biểu ở trong làng, tuy ở sổ Nhà nước chưa được trước trừ, nhưng ở trong làng cũng nên kính nhượng. Vậy phu dịch ở trong làng thì miễn hết, còn phu dịch mấy quan, thì cho được suất tiền thuê người trong làng đi thay, mỗi ngày giả hai hào (0⁵20).

Những người đàn em không được suy tị để cho biết phận.

KHOẢN THỨ 65

Phụ dịch về việc khuyến nông

Làng ta lấy nghề làm ruộng làm gốc, vậy những việc công ích như đắp bờ khuyến nông, cùng sẻ ngòi, đắp đê, để giữ nước làm ruộng, thời phụ dịch cứ bắt về điền hộ, không trước trừ ai (người sang, người hèn, đàn ông, đàn bà đều nên xuất của xuất công mà làm).

KHOẢN THỨ 66

Việc trồng cây ở đường cái quan

Trong địa phận làng ta, có một đoạn đường cái quan, đã giao cho các hạng trồng cây, vậy phải an phận mà trồng nom vun bón.

KHOẢN THỨ 67

Việc y tế

Về việc y tế, làng thuận nghĩ trích tiền công để giúp những người nghèo. Làng giao cho mỗi thầy lang một quyển sổ giấy trắng, có lý trưởng đóng triện giáp lai. Phàm người trong làng, không luận trai gái, có bệnh đều được lấy thuốc điều trị ngay. Thầy lang biên rõ tên tuổi người lấy thuốc, và lấy bao nhiêu thang, cứ mỗi tháng đến ngày hội đồng đem sổ ra đình lĩnh tiền cân thuốc.

Người uống thuốc bầu hàn đến kỳ tháng năm tháng mười cũng không hoàn lại dân được số tiền thuốc đã cấp cho, dân xét thực thi miễn cho, không đòi nữa.

Còn các người khác, đến kỳ (tháng năm và tháng mười) thì hội đồng phải giao các hạng thu đòi cho đủ số tiền đã cấp cho.

KHOẢN THỨ 68

Việc cấp giấy bút cho học trò

Trường công Pháp - Việt (nguyên là trường quốc ngữ của làng ta trước) sách vở giấy bút và lương thầy giáo, đã được nhà nước cấp cho cả ; vậy làng nên lấy tiền ở ruộng học (học điền) mua giấy bút cứ tháng tháng cấp phát cho học trò người làng, để cho con nhà nghèo cũng có thể đi học được.

KHOẢN THỨ 69

Việc lập thêm trường quốc ngữ

Hội đồng tính tiền thóc ruộng học điền còn thừa, lại nghĩ lập thêm một trường quốc ngữ nữa để dạy trẻ nhỏ ; Từ 6 tuổi trở lên không cứ con trai hay con gái đều được vào học cả, mà cứ tháng cấp giấy bút cho.

Thầy giáo thì chọn người trong làng ai biết chữ quốc

ngữ và chữ nho thì cho dạy. Khi học trò đã hơi biết lễ nghĩa và cách học thì đưa sang học trường Pháp-Việt.

Lương thầy giáo thì trích tiền công mà giả.

KHOẢN THỨ 70

Việc trừng phạt những đám cãi nhau, đánh nhau

Hàng xóm láng giềng ăn ở với nhau phải nên hoà mục ; ở chỗ việc làm , những khi ầm thực phải nên tĩnh túc.

Nếu ai có sự gì bất bình thì trình lý trưởng khu xử, không được thiên tiện cãi nhau, đánh nhau. Nếu xử không nghe thì đến ngày hội đồng đem ra xét xử, người có lỗi phải phạt nặng, người không lỗi phải phạt người kém lỗi hai phần. Phạt cả đôi bên để khuyến khích lấy sự hàm nhẫn hoà mục.

Lại xét xem hai người gây sự ấy là người họ nào, thời phạt người tộc biểu họ ấy một coi trâu (0⁵10) để mà răn bảo nhau.

KHOẢN THỨ 71

Về việc giữ lẫn cho nhau ở ngoài đồng

Ở ngoài đồng cũng có lân bang, nên gìn giữ lẫn cho nhau, cùng làm cùng ăn, bằng tự tâm ích kỷ làm thiệt hại công việc người ta, để dẫn sinh ra kiện cáo thì phải phạt nặng.

KHOẢN THỨ 72

Việc lập hộp bỏ thư cho dễ đường ngôn luận.

Ở chỗ hương đảng đều là tôn tộc cả tình nhiều hơn lý, tất có nhiều điều không dám nói thẳng ngay trước mặt.

Bởi thế nên cùng thuận đặt một cái hộp treo ở cửa đình, có niêm và khoá (niêm thì lấy chữ tiên thứ chỉ hay điền-văn ; Khoá thì giao lý trưởng giữ) trên có lỗ thủng để bỏ thư gọi là hộp “ nạp ngôn”.

Phàm các việc trong làng, sự lợi, sự hại, điều phải, điều trái, người nào muốn nói việc gì thì cho viết vào giấy hoặc bằng chữ nho hoặc bằng chữ quốc ngữ và không ký tên bỏ vào trong hộp; như thế không phải kiêng dè nhời nói mà không đạt được dân tình.

KHOẢN THỨ 73

Việc gáp thăm các nghị viên vào các kỳ hội đồng hàng tháng

Tháng nào kỳ hội đồng cũng ấn định vào ngày rằm (ở công hàm đã để sẵn 12 cái hộp, hộp nào thuộc về kỳ hội đồng tháng nào đã có đề chữ rõ ràng; trong mỗi hộp có 12 phiếu nghị viên).

Tháng nào cũng cứ chiều hôm 14, lý trưởng tường với tế chủ, mở công hàm, lấy ra một hộp phiếu nghị viên

về tháng ấy để trình ông tiên chỉ chiếu sổ đình mở xem phiếu ở trong hộp, sổ hiệu trong phiếu trùng tên người nào, thì kê giấy phái người đi mời đến đình hội đồng. Tháng hoặc có người vắng không đủ số 12 nghị viên cũng được.

Phiếu nghị viên ở trong hộp đủ ba hạng người của tam toà hương ẩm; người trúng phiếu nghị viên, ngày hội đồng vô luận nhân phẩm ưu luyện, đều có quyền tự do xử đoán các việc kiện cáo trong làng, soát tính sổ chi tiêu, trừ liệu các việc công ích, bàn nghị theo sổ kiến của mình, lập thành biên bản lưu lại, để cho công chúng đều nghe, cốt cho được công bình.

Ngày hội đồng, lý trưởng phái người khoản tiếp trâu nước. Một người khán thủ luôn luôn trực hậu. Ông nghị viên nào cũng muốn cần dùng gì, thì khán thủ phải tuân nhận.

KHOẢN THỨ 74

Về công việc trong các kỳ hội đồng

Tháng nào cũng vậy, cứ ngày rằm là kỳ hội đồng. Toà nghị viên ngồi ở bên tây đình. Còn tiên, thứ chỉ, lý ký mục cùng các trưởng hạng, các tộc biểu thì ngồi ở bên đông đình, hỏi xét sổ sinh tử giá thú xem mỗi khoản có mấy người; sổ thuốc của các thầy lang xem hết bao nhiêu tiền và mở hộp “ nạp ngôn ”; nếu trong hộp có thư thì lập tức giao cho lý trưởng để sang toà nghị viên xử đoán.

Nghị viên xử đoán thế nào phúc lai, thì biên vào sổ để khỏi sai lạc.

KHOẢN THỨ 75

Về việc sáng nghĩ các việc công ích

Trong làng người nào dự nghị việc công ích gì, nên lập thành biên bản. Nếu không muốn bỏ thơ dấu tên, thì đến kỳ hội đồng thân đem ra trình xét.

KHOẢN THỨ 76

Việc trừ tạp dịch cho học trò giỏi

Những học trò, học ở trường làng, trường tổng, trường huyện, hay trường tỉnh người nào có tiếng chăm chỉ, thì những việc tạp dịch ở trong làng đều miễn cho cả để khích lệ cố gắng mà học cho thành tài.

KHOẢN THỨ 77

Khuyến khích các nghề nông, tang, công, thương

Về các nghề nông, tang, công, thương, người nào học được tinh xảo muốn lập thành hội để dạy người làng, nếu có thiếu tiền mà muốn xin dân trợ cấp cho, thì đến kỳ hội đồng ra trình hội đồng nghị viên xét thực và tiền, thứ chỉ, lý kỳ mục xét lại, trích thóc công ra mà cấp đỡ.

Ngày nào cấp, ngày nào giả, phải làm vào giấy cho minh bạch .

Số tiền cấp có thể được từ ba mươi đồng (30⁰⁰) đến hai trăm đồng (200⁰⁰) ; hạn vay được từ một năm đến ba năm là cùng thì phải trả .

Người nào lập hội được lợi ích thực hiệu, thời làng lại biệt cách gia thưởng cho (hoặc thưởng tiền, hoặc thưởng một ngôi hương ẩm), cốt để cho mọi người đều cố gắng .

KHOẢN THỨ 78

Hội khuyến học

Hội khuyến học, Tiên hay thú chỉ làm chánh hội, còn hội viên thì chọn mỗi hạng lấy một người kỳ mục sung vào. Hội phải kiểm cố bút giấy phát cho học trò trường quốc ngữ và trường Pháp - Việt của làng, cùng lương bổng các giáo sư. Nếu tiền thóc của học điển mà không đủ thời lập sổ trích lấy thêm thóc công mà chi .

Trẻ con trong các hạng bất phân là con trai hay con gái, đứa nào từ sáu tuổi đến mười ba tuổi mà không đi học, thời người hội viên hội học ở hạng ấy, đến nhà cha anh đứa trẻ ấy khuyên bảo bắt đi học .

Nếu cha anh không tuân, không bảo con em đi học thời người hội viên tường với ông chánh hội phái lý dịch đến bắt mà trừng phạt .

KHOẢN THỨ 79

Việc giáo dục con trẻ

Những cha anh có con em, trước hết nên dạy lấy tôn nhượng ; lớn lên thì cho vào trường quốc ngữ học tập. Đến mười lăm (15) tuổi, nhà nghèo không thể theo học được nữa, thì cho về nhà học tập làm ruộng. Đối với phép làng, tục làng, điều gì cũng phải giữ gìn cẩn thận : ở trong làng không được cưỡi trâu, cưỡi ngựa, không được chạy đuổi nghịch giặc, gặp người tôn trưởng hay người gánh nặng, đều phải đứng lánh ra bên đường nhường người đi trước, không tuân sẽ phải phạt đòn mà làng lại còn đòi bố mẹ ra đình quả trách để cho biết lẽ .

Trẻ con chăn trâu bò để phá huỷ lũy công hoặc lũy tư, để dẫm nát lúa mạ mầu mỡ của người ta cùng thả câu thả lưới vào ao chuôm người ta mà đánh cá, bắt được quả tang thì cú cha mẹ mà bắt phạt bắt đền .

KHOẢN THỨ 80

Trừng phạt việc đánh bạc, việc nấu và buôn rượu lậu, thuốc phiện lậu.

Trong làng người nào chứa gá sóc đĩa, hoặc nấu rượu lậu, nấu thuốc phiện lậu hay là buôn bán các thứ cấm ấy, bắt được quả tang thì làm đơn giải nộp.

Quan trên án phạt bao nhiêu, cùng tiền phí tổn khai trình bao nhiêu, cứ bắt vợ con và thân thuộc người ấy phải chịu .

Người nào phạm đến hai ba lần thời đến kỳ hội đồng, đòi trưởng hạng hạng người ấy cùng người kỳ dịch ở học người ấy ra đình nghiêm gia trách phạt vì không biết kiểm soát dạy bảo nhau . Còn người phạm phép thì phải tạm đình ngôi hương ẩm trong sáu tháng. Nếu biết cải lỗi, sửa một coi trâu tường với trưởng hạng hạng mình và viên kỳ dịch ở họ mình ra đình tạ lỗi, thời dân lại giả lại danh vị cho như cũ, không bắt sút ngôi .

KHOẢN THỨ 81

Việc trừng phạt những người làm điều phi pháp để liên lụy đến làng.

Người nào làm điều phi pháp quan trên trách phạt, liên lụy đến dân làng, trừ tiền phí tổn mà vợ con thân thuộc người phạm pháp phải chịu, lại còn gia phạt người tộc biểu ở họ người phạm pháp ấy nữa.

Về sau người phạm pháp dẫu được quan trên khoan tha, những các công việc trong làng đều không được dự nghị và suốt đời không được bầu giữ một chức gì ở trong làng, như thế để cảnh giới mọi người .

KHOẢN THỨ 82

Những người gái goá không giữ được chính

Những người đàn bà goá phải đi làm ăn nơi xa, không giữ được chính đến thành thai dưng. Việc ấy là nết gian ô, xấu xa lắm. Nếu biết hối, xin nộp tiền lan giai mười lăm đồng (15\$00) thì làng cũng nhận cho được đoàn tụ với nhau thành vợ chồng mà biên vào sổ giá thú.

KHOẢN THỨ 83

Việc giữ các đồ vật công và tiền cùng thóc công

Phạm các đồ vật công và tiền cùng thóc công, đều có sổ sách giao các người chức việc giữ (người giữ thóc thì làng lương phụ cấp cho thóc thông hao, chứ không cho tiền).

Nếu có sửa chữa và chế tạo thêm, chi tiêu khoản gì thì đến ngày hội đồng lập thành sổ chi tiêu lấy đủ chữ tiên, thứ chỉ, lý kỳ dịch và các người giữ việc ấy ký vào làm bằng.

Nếu không cẩn thận để đến hụt thiếu hay một nát thì cứ người giữ mà phạt đền.

KHOẢN THỨ 84

Về các đồ đo lường

Các đồ phương đấu, cân, trượng, thước, của công làng (lập theo quan chế), không ai được thiệp tiếm, gia giảm ; người nào dụng tình làm cho sai khác sẽ phải phạt nặng .

KHOẢN THỨ 85

Việc thưởng phạt

Thưởng từ một hào (0^s10) đến mười lăm đồng (15^s00), phạt từ một hào (0^s10) đến mười đồng (10^s00) là cùng, không được thưởng phạt quá.

Hể thưởng phạt ai, phải cả hội đồng nghị định cho được công bằng.

KHOẢN THỨ 86

Ngôi vị của những người ngoại nhân mới nhập tịch làng

Người ngoại nhân nào mới nhập tịch làng thì không được bầu giữ chức việc, như tế chủ, lý phó trưởng, thủ phiên để phân biệt nội, ngoại .

Nếu người ấy nhờ phận được hiển đạt, thì danh vị ở chốn hương ẩm, cũng phải ở dưới người làng mà ở trên những người thủy nhập, để biết định phận .

KHOẢN THỨ 87

Tiền chi tiêu các việc công ích trong làng và việc bỏ cho đình, mẫu, gánh góp

Các tích ruộng thờ và ruộng giữ giỗ, cộng được hơn một trăm mẫu. Các tiết sái lễ còn thì thu thóc.

Mỗi năm thóc thu được hơn hai vạn đấu, lưu giữ ở lẫm công của làng, để chi tiêu các việc công ích trong làng.

Năm nào phải tiêu nhiều mà tiền thóc không đủ chi, thì cho chia bổ vào đình và mẫu (mỗi đình độ một đồng (1⁵00), mỗi mẫu cũng độ một đồng (1⁵00) làm hạn, không được quá đa).

Những năm thường, thì đình, mẫu, chỉ phải chịu thuế chính ngạch mà thôi ; không được hoạch bổ.

KHOẢN THỨ 88

Việc phụng sự miếu Tập Linh

Làng có một ngôi miếu Tập Linh tại bãi Gia quán ở mé ngoài lũy làng; thờ cúng ở đây là việc tập thiêm nên luân giao cho các hạng. Mỗi năm một hạng làm câu đương nấu cháo và sửa lễ cúng, hết lượt lại bắt đầu lại.

KHOẢN THỨ 89

Việc thi hành bản hương đoàn này

Bản hương đoàn này, theo thời nghi châm chúc mà lập ra, để mưu lấy mọi sự ích lợi chung. Mong các ông tộc biểu và các kỳ mục đều lưu tâm chỉnh đốn, nối tiếp thi hành, lâu dần chắc được tiến hoá .

Còn như tiền, thóc lưu chi cùng quanh năm các việc tế tự hương ẩm không nói tiết nào phải sửa lễ phẩm gì là vì mỗi tháng đã có một kỳ hội đồng, tiết nào nên dùng lễ phẩm bao nhiêu, hội đồng chiếu thời giá kê giao đương cai mua, sửa lễ, cho nên không cần nói ở trong quyển này .

KHOẢN THỨ 90

Việc giao giữ bản hương đoàn này

Quyển hương đoàn này viết thành ba bản : một bản giao cho viên điển văn, một bản giao tế chủ lưu giữ ở đình còn một bản giao cho các người chức sự để đốc sát các công việc trong làng .

Năm Thành Thái thứ 18 tháng giêng, ngày 15, (8-2-1906)

lập Hương đoàn Hồng lô tử khanh nguyên lĩnh

Ninh Giang phủ tri phủ

LÊ KHẮC HY

Phụng soạn

4. HƯƠNG ƯỚC LÀNG Ỡ LA

Loại hình : Hương ước.

Tên gọi : Hương ước làng Ỡ La.

Tên làng : Làng Ỡ La, tổng La Nội, phủ Hoài Đức,
tỉnh Hà Đông.

Năm : 1915

Nơi lưu giữ : Thư viện Hà nội.

*Ngày mồng ba tháng mười một năm Duy Tân thứ
Tám :*

Chúng tôi là Tiên thứ chỉ Lý dịch và các Huynh thứ
các họ ở làng Ỡ La, tổng La Nội, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà
Đông.

Kính trình Quan lớn làm ơn cho dân chúng tôi một
việc như sau. Trong làng có khoán lệ để tuân theo
cũng như Nhà nước có bộ luật để cai trị, thế mà trong
làng chúng tôi tục lệ chỉ nói bằng miệng, cũng có lệ
trước để lại bằng chữ, song đến nay đã lâu ngày thế
không thể theo được. Việc chi tiêu tiền công thời không
có sổ chi tiêu. Việc cai trị trong làng, thời để mặc lý

trưởng không có người chuyên trách và các lệ ăn uống nặng nề quá đến có người không gánh gộp được, nay nhờ có :

Quan công sứ , quan tổng đốc có lòng vì dân về tận đình mà dạy bảo cho dân chúng tôi các điều công ích thực lấy làm vui vẻ lắm. Tất cả dân đã thoả thuận nhau mà làm lại các điều khoán tục mới kê ra sau này. Xin quan trên phê cho dân chúng tôi cứ thế mà theo.

Khoán lệ mới thời cái khoán cũ xin bỏ đi. Nếu ai có sự trái trong khoán lệ ấy xin trình quan lớn để chiếu khoán mà bắt lỗi. Cái khoán mới xin lưu ở toà một bản, tỉnh một bản, phủ một bản, trong làng một bản. Nay kính trình.

Phụng kê

MỘT LÀ CHÍNH TRỊ, HAI LÀ PHONG TỤC

1) Trong làng đặt ra ba ban, một là ban lý dịch để làm việc làng, hai là ban nghị viên để bàn việc làng, ba là ban giám viên để soi xét việc làng cho được nghiêm chính, công bằng :

2) Trong làng Hội đồng mỗi tháng hai kỳ sóc vọng. Ban lý dịch, ban nghị viên, ban giám viên ra hội đủ cả ở đình sở, trừ người công xuất còn thiếu ai thời phải có lời tường với Hội đồng biết, nhược bằng thiếu đến hai lần liền, thời làng bắt năm hào để sung công.

3) Kể về việc lý, phó trưởng trong làng : Người nào biết chữ Quốc ngữ, chữ Hán, có gia tư điền sản, mạnh khoẻ, siêng năng, tính hạnh thuần cần, không can .khoản gì, thời được làm để thừa hành việc quan và coi sóc việc làng thời Hội đồng thoả thuận ra bầu bằng lòng tu đơn ký kết đem trình quan xét. Khi được phép lĩnh bằng triện rồi thời phải biện : bạc mười đồng, cau một buồng, lễ thân trình dân rồi nhận việc mà làm (bạc ấy để sung công mà tục lệ cũ thời miễn cả). Từ phó lý, quản tuần ,ban quản, tuần lộ, thư ký mọi người phần việc trong làng thời lý trưởng có quyền đốc trách cả. Nhưng phạm có việc quan, việc làng, không cú lớn nhỏ phải tường với nghị viên bàn soạn ấn định đã rồi mới được thi hành. Phó lý thời phải tui tòng lý trưởng làm việc. Khi nào lý trưởng có cơ gì đi vắng thời sẽ được thay mặt mà làm.

4) Kể về việc tuần phòng trong làng : Ngạch tuần đặt mười hai người, hạn đi một năm là mãn, từ bốn mươi tuổi trở xuống là phạm phải đi, nhưng trừ những người có chức sắc ,phó lý, quản tuần không can khoản gì được từ dịch. Khoá sinh tuyển sinh còn đang đi học và lính bị ban với nghị viên đang khoá còn bao nhiêu cú chiếu tuổi mà đi, cắt từ trên trở xuống chỉ chuyên nhật dạ tuần phòng kiểm xét hương ước ấp đồng điền hoặc cung ứng việc quan, việc công. Thời trong ban tuần mấy quản tuần tạp dịch thời làng lấy tiền công đỡ cho. Ai là người vốn xưa nay buôn bán đi vắng, mấy người vốn đau yếu, kém mất thời cho chiết nạp hai đồng bạc sung

công trong ban tuần. Đặt một người quản tuần : người nào có gia tư điền sản, mạnh khoẻ, siêng năng, tính hạnh thuần cần, không can khoản gì,thời được làm, có quyền đốc suất trong ban tuần giữ gìn hương ấp đồng điền các việc cho nghiêm mật khi bảo quản tuần Hội đồng thoả thuận ra bầu bằng lòng tu đơn ký kết xong rồi thời phải biện một buồng cau lễ, thân trình làng chiếu lệ xuất hành nhận việc mà làm, hạn ba năm là mãn (hoặc bầu riêng quản tuần hoặc giao cho phó lý kiêm hoặc phó lý với quản tuần cùng coi tuần thời làng sẽ tùy nghi làm giấy giao cho). Hễ trong làng ngoài đồng có thất thác sự gì thực tang trạng thời quản tuần, ban tuần phải chia nhau mà đến, như đến không xong người ta tường với Hội đồng, thời Hội đồng ra khám đích thực thời phải đến người ta cho phải hoặc có cướp trong ban tuần bắt sống thời làng thưởng 15\$,00 đánh chết thời làng thưởng 10\$,00 hoặc có trộm trong ban tuần bắt được thời làng thưởng 1\$,00 nhưng phải thực tang.

Được ai mà bắt hạnh phải trộm cướp đánh chết, thời làng cấp tiền tuất cho 20\$,00 trọng thương 6\$,00, kinh thương 1\$,00, người trong làng ra đánh thời tiền thưởng,tiền tuất cũng thế. Trong làng có sở để tuần đóng ở tả vu đình, ban ngày thời quản tuần với hai người tuần luân lưu ở sở coi sóc không được lúc nào vắng. Đến đêm thời phải đủ cả sở tuần, phải cho sạch sẽ nghiêm chỉnh, hễ ai đi đêm không có đèn đuốc thời cho tuần giữ lại đến sáng. Ai có khách lạ ngủ đêm thời phải

ba miếng cau ra trình tuần, không thời bắt nhà chủ ba hào để sung công. Tối đến thời lý, phó trưởng phải ra khám sở tuần, thiếu người nào thời biên tên tường sở Hội đồng cứ tên thiếu ấy bắt một hào để sung công.

5) Kể về việc nghị viên trong làng : Mỗi họ cử một người. Họ nào ít người không đầy mười người thời Hội xét cử hoặc hai ba họ chung nhau bầu một người để ra bàn định việc làng, hạn ba năm là mãn, nhược trong họ lại bầu ra khoá nữa cũng cho, nhưng cứ 25 tuổi trở lên mới được. Người nào siêng năng, cẩn thận không can khoản gì thời được làm, khi bầu thời họ nào cử trong họ ấy phải làm giấy có tôn trưởng trong họ ký vào thời Hội đồng mới nhận bầu, thời hạn trong bảy ngày phải bầu cho xong. Ngoài hạn thì cứ trưởng họ phạt một đồng bạc để sung công mà phải bầu ngay không được chậm trễ. Trong ban nghị viên mới, nhận bầu một người trưởng nghị, một người phó trưởng nghị. Người nào thông đạt, đúng mực thời được làm. Bầu một người thủ quỹ. Người nào giàu có phân minh, cẩn thận thời được làm. Bầu một người thư ký. Người nào biết chữ phân minh, cẩn thận thời được làm. Bầu hai người uỷ viên. Người nào am hiểu việc quan thời được làm trong năm. Người ấy không cứ nhiều tuổi, ít tuổi. Chúc phận người thủ quỹ thời giữ tiền công cho dân. Khi nhập phải có bút biên làm bằng, hễ sai thời phải đền y số. Chúc phận người thư ký phải giữ sổ đình điền một bản, sổ chi tiêu một bản và các sổ sách giấy má riêng trong làng. Hễ sai thời phải đền y số. Chúc phận người uỷ viên : khi quan trên

có giấy đòi hỏi công việc gì thời đi với lý trưởng. Trong ban nghị viên có quyền dựng việc công ích lên mà bàn việc. Nhỏ thời bàn miệng, nhớn thời dựng giấy và có quyền quyết định được. Nhưng phạm việc quan, việc làng không cứ nhớn nhỏ, nghị định xong rồi phải giao ban lý dịch để lý dịch thi hành.

6) Kể ban giám viên: Những người chức sắc, người lý, phó trưởng cụ, người chức dịch mãn khoá, người nghị viên mãn khoá không can khoản gì thời được dự vào ban ấy. Trong ban lại làm giấy công cử với nhau ba ngày tường với Hội đồng một người trưởng ban, hai người phó ban. Ba năm hạn mãn thời cử người khác hoặc cử lại người trước lần nữa cũng được. Khi Hội đồng thời ba người ấy phải ra còn người khác hoặc ra hoặc không được tùy tiện trong ban ấy có quyền giữ gìn nề thẳng, soi xét việc làng, làm việc gì khó dễ, hỏi việc gì trái được nói, nhưng mà thi hành đã có lý dịch. Bàn định đã có nghị viên, ban ấy chỉ chuyên về việc giám sát cho được nghiêm chỉnh công bằng.

7) Kể về việc sương túc: Cứ chiếu đầu mẫu mà thu tiền. Trong làng thời cả lúa, cả rạ, mỗi sào bảy xu. Cứ người có ruộng lúa cấy hay bán thuê cũng mặc, rạ bỏ hay cho ai cũng mặc, cứ sổ thuế mà nạp tiền một lần cho xong mới được gặt lúa. Đến khi gặt phải lấy cái phiếu bao nhiêu sào, tấc đem trình với ban tuần biết thời mới được gặt. Chín đầu thời gặt đầy, cũng cho tùy tiện. La Nội thời cũng coi như trong làng. Còn như phụ canh thời cũng chiếu sổ thuế mà thu tiền cả lúa, cả rạ,

mỗi sào một hào tám xu. Cứ người có ruộng mà thu, ruộng bán, thuê hay phát canh cũng mặc. Rạ bỏ hay cho ai cũng mặc. Cứ sổ thuê nạp một lần cho đủ rồi mới được gặt. Khi gặt thời tuần sẽ định kỳ cho. Hễ ai nộp tiền xong rồi thời lý trưởng biên cho cái phiếu nhận tiền sương thửa sổ ruộng ấy là xong. Đến khi gặt phải biện ba quả cau với cái phiếu gặt ra trình tuần. Ai mà có phiếu của mình gặt đoạn rồi lại cầm cái phiếu ấy sang gặt thửa khác và không có phiếu thời tuần bắt được lấy cả lúa mà người thời đem nộp quan, ngoại canh cũng thế. Thu tiền ấy cánh đồng chưa thời giao cho Lý trưởng để làm lương suốt năm không bỏ cho tiền lộ phí nữa. Cánh đồng ấy có thất thác sự gì thời lý trưởng phải chịu. Nhưng có động hiệu gì thời quản tuần, ban tuần cũng phải ra phải cứu mà thôi. Còn ngoại canh nữa thời giao cho lý trưởng với uỷ viên phải thu. Nội canh giao cho quản tuần, phó lý phải thu. Thu ngày nào phải đem thủ quỹ ngày ấy. Chậm thời thủ quỹ phải ra hỏi. Đến kỳ thu nội canh thời bắt đầu từ ngày lễ dự báo đến ngày thứ bảy phải nộp cho xong, quá hạn thời bội thu. Ngoại canh thời hạn đến rằm tháng chín phải đem nộp cho đủ. Quá hạn thời bội thu. Làng cứ chiếu sổ ruộng mà lấy tiền cho đủ, còn như tiền bội thu thời cho phần thu tất cả tiền ấy hạn trong một tháng phải giao Sở hội đồng. Thiếu đâu thời người phần thu phải đền y số. Bằng có thất thác thời tuần chiếu giá đền. Còn người đội đồng mót giắt thời tuần phải cấm. Còn như mùa tháng năm thời cho quản tuần với ban tuần tất cả. Nhưng hạn nội

canh thời lúa, mạ ,khoai, ngô một sào năm xu, bí đậu hai xu , ngoại canh thời gấp đôi.

8) Kể về việc công điền :Trừ ruộng cấp cho lính, ruộng cúng tế công nhu, xong rồi còn bao nhiêu đến rằm tháng ba cả dân hội lại bán thuê lấy tiền ngay, một phần sung công giao cho thủ quỹ hai phần, trợ sưu giao lý trưởng. Còn như thuế ruộng công ai thuê thời người ấy phải nộp.

9) Kể việc cấp lương cho lý trưởng tức là tiền đồng niên, phó lý đồng niên 40⁰,00, quản tuần đồng niên ba mươi đồng, ban tuần mỗi tháng 1⁰,00, thủ quỹ đồng niên 12⁰,00, thư ký đồng niên 12⁰,00, khi phụ lý trưởng làm sổ thời chi thêm cho 1⁰,50, uỷ viên công xuất khi công xuất mỗi ngày 0⁰,30, khi phụ lý trưởng thu sương tức thời chi riêng cho 6⁰,00. Kỳ hội đồng tiền phụ trả cho mỗi kỳ 0⁰,20 ,kỳ lĩnh lương chuẩn mỗi năm hai kỳ : tháng sáu, tháng 11, cứ kỳ hội đồng mà lĩnh.

10) Kể về việc sưu thuế : hễ lý trưởng lĩnh mắng đa về thời phải thông báo hội đồng, mấy giáp, trưởng gia đình chiếu bổ cho đúng số mà ngoại tiền bổ thêm mỗi đồng bạc hai xu để sung công. Giáp nào đình số bao nhiêu, giáp trưởng phải khai để đồng dân chiếu tính cho minh bạch. Kỳ hạn thế nào đã có sổ bổ đệ trình. Hễ người nào bỏ thiếu không đóng được thời lý trưởng mang cái thẻ người ấy tường với Hội đồng. Người ấy có nhà đất thời làng bán đi đóng cho đủ xuất sưu, thừa thời giả người ấy. Ai mà không có của nhà gì mà đi làm thuê vắng thời làng tạm lấy tiền công đóng cho một

năm, mà ngôi hương ẩm thời cất đi. Lúc nào về trả được thời lấy bội nhĩ mà hương ẩm như cũ. Đến như bỏ liền hai năm thời lý trưởng khi làm sổ đình lấy tên khác đền vào khỏi ai đóng đấy.

11) Kể về việc cấp lính: Hễ khi nào nhà nước lấy đến lính, thời lý trưởng tường với Hội đồng chiếu sổ đình người nào hợp thức gọi ra đủ số, người nào tình nguyện đi thời thôi, nhược bằng tị nạn nhau thời gấp phiếu, còn như lương điền thời theo lệ dân mỗi người, mỗi năm một mẫu năm sào, thuế ruộng ấy thời lính phải nộp, còn như người nào không có binh huynh, binh phụ thời làng cấp thêm cho mỗi năm 5³,00 nữa, như người nào ra lính quá mùa cấy rồi thời làng chiếu ngày tháng cấp cho mỗi tháng 2⁵,00, thời đến năm sau sẽ cấy.

12) Kể về việc đề điều : Hễ có việc đắp đê thời lý trưởng đem giấy tường với Hội đồng rồi lý, phó trưởng biên báo các giáp trưởng lên đề chiếu tính phần đề số người mà đắp cho kịp hạn, gặp khi sang hộ thời lý, phó trưởng đem giấy tường với Hội đồng thoả nghị hoặc lấy công mua vật liệu hoặc bổ đầu mâu trâu bò để cấp thêm cho tráng.

13) Kể về việc đạo lộ : Trong làng đường cái dưới Thần với đường cái khuyến nông thời các xóm đã có giới hạn phải đắp. Còn đường nhỏ, các xóm thời xóm nào đắp xóm ấy và phải sửa sang cho được rộng rãi, cao ráo, sạch sẽ. Việc ấy thời giao cho quản tuần phải kiêm đốc trách không được trễ biếng. Hễ người nào xẻ đường tát nước thời phải nói miệng với tuần, xong rồi phải đắp lại

ngay. Đường nhỏ các xóm hể khuyết đầu hay là bỏ lộ thời xóm ấy phải sửa lại ngay ,nếu không thế người xẻ đường cái làng bắt 0\$,30 còn nhu đường cái các xóm bỏ khuyết lộ thời cử trưởng xóm bắt 0\$,20 để sung công, đến như bờ đìa giữ nước cũng giao cho quản tuần, ban tuần phải cầm đắp cho tốt, hể bỏ chảy cạn nước thời làng bắt phạt năm đồng bạc sung công.

14) Kể về việc nghiêm cấm trong làng : Ai mà chứa người đánh bạc, lý dịch với ban tuần xét thực thời cử trưởng xóm ấy bắt một đồng bạc sung công. Còn như rượu lậu, thuốc phiện lậu thời lý dịch với ban tuần xét được làm giấy trình quan, có lỗi người ấy phải chịu mà làng cũng bắt 0\$,50 để sung công.

15) Kể về việc sổ sách : Đến kỳ làm sổ đình, điền, thời lý trưởng tường với Hội đồng rồi thời thư ký phải phụ với lý trưởng viết làm hai bản cho minh bạch. Một bản lý trưởng đệ trình, một bản thư ký giữ, còn tiền bút, chỉ tùy Hội đồng định. Sổ sinh tử giá thú thời lý trưởng phải giữ, nhưng trong làng ai có sinh tử giá thú phải biên vào giấy cho minh bạch. Đến kỳ Hội đồng phải đem ra trình để Hội đồng giao giấy cho lý trưởng trước bạ. Bằng ai quá hạn mà không tường thời bảo tuần đến nhà ấy bảo một lần. Nhược bằng lại không ra tường thời làng bắt 0\$,20, một hào cho tuần, một hào sung quỹ. Sổ chỉ cũng có hai bản. Một bản trưởng nghị giữ ,một bản thư ký giữ :

16) Kể về việc nhập tịch: Sự thần từ ngày mồng 6 tháng giêng, bắt đầu còn số ngày nhiều ít tùy quan trên

cho tiền lễ vật thời làng lấy tiền công giao cho người thủ lễ biện, mỗi thời tế gà một con, rượu một chai, cau một chục, xôi thời đã có người cấy ruộng phải biện, còn tiền chèo hát thời các hàng phải chịu.

17) Kể về việc tế tự : Làng phải bầu người thủ lễ, hạn ba năm là mãn. Đến kỳ biện, lớn nhỏ tùy Hội đồng định. Xong rồi thời người thủ lễ đến nhà thủ quỹ lấy tiền mà sửa. Khi mua bán sửa sang thời quản tuần cất hai người tuần để phụ mua bán. Trâu bò thời chỉ cho hai đồng bạc, lợn một đồng, gà một hào lộ phí. Nước không tinh khiết thời lễ vật trâu bò bắt 1⁵.00, lợn năm hào, gà một hào, còn như xôi cứ chiều số ruộng. Giáp nào cấy ruộng phải biện, khi nào phải biện đã có phiếu lý trưởng, bằng không tính khất thời bắt ba hào, còn lệ cũ các chạ phải ứng biện suốt năm xưa nay thời miễn cả. Việc chủ tế thời về hàng viên sắc. Việc viết văn thời trách cử sáu thầy câu trong hàng văn hội và phải cất cử việc hành lễ cho nghiêm chỉnh, nhược bằng chậm trễ sơ xuất thời cứ sáu thầy câu bắt 0⁵.60 mua cống mấy mươi quả cam tạ thần, hễ lỗi về ai thời thầy câu được truy đòi người ấy số tiền ấy, còn như tiền lễ quan thời đồng niên làng chỉ cho lý dịch 18⁵.00.

18) Kể về việc khao vọng ngôi thứ các hàng : Những người có khoa mục văn giải bằng cấp và người trưởng nghị, thư ký, thủ quỹ mãn khoá không can khoản gì thời được dự vào hàng viên sắc. Những người uỷ viên mãn khoá không can khoản gì và đi lính mãn khoá thời dự vào hàng văn hội vọng hàng viên sắc từ khoa mục phẩm

hàm trở xuống đến bên bình, cai, đội bên hộ lý trưởng
mãn khoá thời lệ vọng như cũ : lợn một con, xôi một
bàn, cau một buồng, rượu sáu chai, tiền thời thôi. Còn
như phó lý mãn khoá sinh thời tiền vọng 30⁰,00. Tuyên
sinh từ 25 tuổi trở lên thời tiền vọng 40⁰,00. Trưởng
nghị thư ký, thủ quỹ thời tiền vọng 50⁰,00. Tiền để sung
công lễ thần cũng tiền như trước vọng vào hàng văn hội
thời lính bi ban quản tuần, nghị viên mãn khoá tiền
vọng 10⁰,00 , từ bốn người trở lên biện lợn một con, xôi
một bàn, cau một buồng, rượu sáu chai, từ ba người trở
xuống thời gà một con, xôi một bàn, cau một buồng,
rượu hai chai, còn lệ cũ mua bán thời thôi. Những người
tuổi đến năm mươi, không can khoản gì thời dự vào
hàng hương lão, phải nộp 2⁰,00 để sung công và một
buồng cau lễ thần, kính dân thời làng chúc trừ tạm
dịch cho trong ba hàng ấy, người nào đã dự vào mà lại
can khoản thời cắt đi lệ vọng các hàng ấy. Ai không
vọng cũng thôi .

19) Kể về việc lan giai : Ai có con gái gả chồng nội
hương 1⁰,00, ngoại hương 2⁰,00. Cứ kỳ Hội đồng mà đem
nộp rồi mới được cưới . Nhược chưa kịp kỳ Hội đồng thời
phải giao lý trưởng quyền nhận, nếu cưới rồi mới nộp
thời bội nhĩ. Người xã La Nội cũng coi như người làng .

20) Kể về việc tống chung : Tang của xóm, giáp nào
thời cứ chiếu xóm , giáp ấy tống táng. Nhược bằng xóm,
giáp ấy ít người không đủ thời tang chủ nói với quản
tuần phụ thêm hộ táng. An táng rồi tang chủ báo lao
thời cứ đãi lao, thảo một lượt, không thời trâu nước cũng

quí. Còn như tang chủ muốn hoàn hương lệ tang đủ cả ba hàng thời nộp 20³,00, hai hàng thời 10³,00, tang không dự hàng nào thời nộp 6³,00. Tiền để sung công và một buồng cau, một chai rượu lễ thần, kính dân. Nhược bằng ai giàu có, quan sang thời nộp lệ 100³,00 hoặc trâu hoặc bò một con, xôi năm bàn, cau một buồng, rượu 10 chai, lễ thần kính dân, tiền để sung công, thời làng biện một buồng cau vào phúng. Nhược bằng ai không hoàn hương lệ cũng thôi, nhưng ai nộp được các lệ ấy thời trong một tháng quá ra làng không nhận, còn như lệ cũ thời bỏ đi.

21) Kể về việc cải táng : Ai có cải táng thời xin đơn quan rồi tường với lý dịch, quản tuần, rồi mới được làm ngoại hương, đem mả đến táng để ruộng tư thời làng lấy 3³,00, gò đồng tha ma với ruộng công thời làng lấy 6³,00 để sung công, lại phải biện bàn xôi, thủ lợn, một buồng cau, ba chai rượu, lễ Thần, kính làng rồi mới được làm. Người làng La Nội cũng coi như người làng.

22) Kể về việc giữ gìn lúa mạ : Ai dất trâu bò bờ lúa hay là để trâu ăn lúa, tuần bắt được, thời trâu năm hào, bò ba hào, để sung công. Ai mà chắn vệt, chắn ngồng ở đồng thời cấm. Nếu tuần xét được mà không đuổi đi, thời làng phạt tuần 10³,00 để sung công. Ai nuôi trâu bò và mua về phải tường với quản tuần, ban tuần biết. Khi nào bán cũng thế. Mỗi năm trâu nộp 0³,20, bò 0³,10 cứ chiếu địa phận người La Nội cũng thế. Tiền ấy cho tuần, còn như trâu bò các lải làng khác đi qua địa phận thời tuần phải cấm.

23) Kể về việc người thành tích bất hảo : Người nào can án ba năm trở lên, thời chung thân không được dự đình trung hương tính hương ẩm. Ba năm trở xuống thời cắt ngôi, trừ phần. Hai năm hết hạn thời lại được ra .

24) Kể về việc phân xử : Ai có sự gì thưa gửi đến làng thời làng xét cho, cứ nhẽ thẳng mà phân xử cho xong ngay, không được sách nhiễu gì cả. Ai mà không nghe lời làng xử, hai bên kêu quan mà quan đòi hỏi đến làng thời bên nào không nghe lời làng phải chịu phí tổn. Nếu quan lại xử như lời làng thời làng bắt người ấy năm hào (0⁵,50) để sung công.

25) Kể về việc tính sổ : Mỗi năm sổ sách trong làng cứ đến ngày rằm tháng mười hai, lý trưởng cho thông báo cả làng ra đình chiếu tính xong, rồi niêm yết ở đình cho cả làng biết.

26) Kể về việc khuyên răn: Người nào dự họp, đồng ra hương ẩm đều phải kính cẩn uy nghi, giữ gìn lễ phép cho được hoà mục, nghiêm trang, không được say sưa . Ai mà không theo thời làng bắt ba hào bạc sung công để ghi lỗi .

27) Kể về việc phương danh : Người nào chăm việc nghĩa, không cứ nhiều tuổi, ít tuổi, liền ông, liền bà có hảo tâm với làng những việc lớn như dựng cho làng cái nhà học, đỡ cho làng được cái nhà thương cho trang trọng hay là xuất tiền từ sáu trăm bạc trở lên, xuất ruộng từ ba mẫu trở lên, làng để sung công thời làng ghi

phương danh vào bảng gỗ treo trên sở Hội đồng để ghi kỷ niệm và cấp cho một cái khoán có Hội đồng ký kết, lý trưởng đóng triện để người ấy chấp chiếu mà con cháu phục thù. Khi người ấy còn mạnh khỏe, cứ đến tết đầu năm cả Hội đồng lấy tiền công hai đồng bạc mua hoa, rượu vào chào. Người ấy trăm tuổi thời Hội đồng cũng lấy tiền công 2⁵,00 mua hoa. Nếu đi đưa tang việc ấy Hội đồng không có phí nhà chủ sự gì cả mà đời đời con, cháu trưởng về sau cứ một người trưởng thời tiền công hai đồng bạc cấp cho để làm tiền giấy bút đi học .

Trở lên từ chính trị phong tục 27 điều xin kê ra như trước, còn về sau dân chúng tôi có muốn châm chước trong tục lệ mà cải lương điều gì công ích nữa thời lại xin làm giấy đem trình .

Quan trên phê phó cho phép viết thêm vào cho xã hội dân chúng tôi được dần dần tiến lên cõi văn minh thực lấy làm vui vẻ lắm .

Duy Tân bát niên thập nhật nguyệt, nguyệt nhị thập tứ nhật ,
Ỗ La xã

Lập phong tục khoán

Phụng sao hương ước

Lý trưởng

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
<i>Phần một: Hương ước, lệ làng - Bộ tổng luật của cộng đồng làng xã người Việt</i>	11
I. Sơ lược lịch sử hình thành, tồn tại và phát triển của hương ước, lệ làng	11
II. Hương ước, lệ làng với pháp luật quốc gia	43
III. Hương ước, lệ làng - Bộ tổng luật của cộng đồng làng xã người Việt	60
<i>Phần hai: Hương ước, lệ làng với sự nghiệp dựng nước và giữ nước</i>	69
I. Hương ước, lệ làng với sự nghiệp dựng nước	70
II. Hương ước, lệ làng với sự nghiệp giữ làng, giữ nước	144
III. Hương ước, lệ làng - những tác động tích cực, những ảnh hưởng tiêu cực đối với đời sống xã hội Việt Nam	171

A. Những tác động tích cực của hương ước cổ đối với đời sống xã hội	173
B. Những ảnh hưởng tiêu cực của hương ước cổ đối với đời sống xã hội	190
C. Một số bài học rút ra từ sự nghiên cứu các hương ước cổ của Việt Nam	201
<i>Phần ba: Kế thừa và phát huy những mặt tích cực của hương ước cổ để phục vụ cho sự nghiệp giữ nước và dựng nước vào thiên niên kỷ tới</i>	213
I. Quán triệt tư tưởng và quan điểm xuyên suốt của Đảng trong vấn đề biên soạn, ban hành và áp dụng hương ước, quy ước để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước	213
II. Tên gọi, nội dung, phạm vi điều chỉnh của hương ước, quy ước mới	232
III. Một số gợi ý về kỹ thuật và trình tự soạn thảo	248
Kết luận	255
Phụ lục: (Tài liệu tham khảo)	261
1. Hương ước làng Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu (1636)	263
2. Mộ Trạch xã Cự Khoán (1665)	303
3. Hương doan xã Phù Xá Đoài (1906)	313
4. Hương ước làng Ý La (1915)	359

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRẦN ĐÌNH NGHIÊM

Biên tập: **TRẦN QUỐC KHẢN**
TRẦN MỘNG LANG

Trình bày sách, vẽ bìa:

CAO QUÝ

Sửa bản in: **PHẠM NGỌC CẤP**
TRẦN QUỐC KHẢN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
24 Quang Trung - Hà Nội
ĐT : 8252008 FAX : 84-4-251881

TÌM ĐỌC

CÙNG TÁC GIẢ :

1- Tìm hiểu về Luật nghĩa vụ quân sự	NXB PHÁP LÝ	1982
2- Chiến sĩ với pháp luật	NXB QĐND	1987
3- Ý thức pháp luật	NXB QĐND	1994
4- Tội xâm phạm nghĩa vụ trách nhiệm quân nhân	NXB PHÁP LÝ	1987
5- Lê Thánh Tông- Vị vua anh minh, nhà cách tân vĩ đại	NXB QĐND	1997

Giá: 39.000^d